Lá Thư Mùa Thu

Khi LTAHCC Số 81 đến tay các Ái hữu, Thân hữu thì mùa Thu đã bắt đầu đến với chúng ta. Hình ảnh thơ mộng của mùa Thu đã được ghi nhận một cách tài tình qua ống kính của một Thân hữu gia đình Công Chánh trên hình bìa của Lá Thư kỳ này.

Như Ban Phụ Trách LTAHCC vùng nắng ấm San Diego đã hứa trong số Xuân 2003, chúng tôi rất vui mừng hoàn tất số mùa Thu này đúng thời hạn như lòng mong muốn. Đó là do sự thương mến của tất cả các Ái hữu, Thân hữu xa gần trong việc gửi bài vở, tiền bạc ủng hộ cho Lá Thư của chúng ta. Sự đóng góp hết lòng cuả các anh chị đã giúp cho Ban Phụ Trách LTAHCC vùng San Diego luôn vững tin trong nhiệm vụ săn sóc Lá Thư. Hy vọng các anh chị sẽ tiếp tục hăng say đóng góp cho Lá Thư khi Lá Thư lên đường đến vùng Hoa Thịnh Đốn sau mùa Thu này. Nhiều bài vở các anh chị gửi cho BPT mà chưa đăng kỳ này sẽ được chuyển đến BPT Vùng Hoa Thịnh Đốn cho kịp số 82, mùa Xuân 2004.

Chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu với các anh chị Ban Phụ Trách LTAHCC vùng Hoa Thịnh Đốn nhiệm kỳ 2003/2004 sau đây:
Ban Phụ Trách: AH Bửu Đôn, Ngô Nẫm, Nguyễn Văn Bảnh, Bùi Thanh Dương, Nguyễn Đức Chí, Hoàng Ngọc Ẩn, Nguyễn Sĩ Tín, Chu Bá Tường, Nguyễn Long Tiết, Mai Văn Mẹo, Nguyễn Hữu Thâu, Nguyễn Thạc Việt Toàn, Dư Thích.

Địa chỉ liên lạc:

AHCC/HTĐ
509 Eldrid Drive
Silver Spring, MD 20904, USA

Tel: 301-622-3972 (H)
703-518-8624 (W)
Fax:703-518-8577
Thư từ, bài vở: AH Nguyễn Đức Chí
Chi phiếu xin đề tên: AH Bùi Thanh Dương
Email: tuan2u@erols.com (H)
cnguyen@hdrinc.com (W)

Ban Phụ Trách LTAHCC Vùng San Diego chân thành cảm ơn tất cả các Ái hữu, Thân hữu đã sốt sắng đóng góp trong suốt năm vừa qua về cả tài chánh và bài vơ, cũng như không ngừng gửi thư, hay điện thoại khích lệ chúng tôi trong việc chăn sóc LTAHCC. Chúng tôi xin gửi lời chúc may mắn đến BPT LTAHCC vùng Hoa Thịnh Đốn, và một lần nữa ước mong tất cả anh chị tiếp tục ủng hộ BPT vùng Hoa Thịnh Đốn như đã từng ủng hộ chúng tôi trong năm qua.

BAN PHỤ TRÁCH AHCC VÙNG SAN DIEGO

MỤC LỤC
LÁ THƯ CÔNG CHÁNH SỐ 81- MÙA THU 2003

■ Lá Thư Mùa Thu	Tôn Thất Duy	01
■ Trả Lời Thư Tín	Nguyễn Tấn Thọ	03
■ Sinh Hoạt AHCC Khắp Nơi	Lê Trọng Bửu	17
■ Bảng Mừng Đại Thượng Thọ	Lê Khắc Thí	25
■ Lá Thư Quebec	Phạm Hữu Vĩnh	26
■ Kỷ Niệm Của Tôi Với Trường CĐCC	Trần Lê Quang	28
■ Đường vào Đồng Tháp	Nguyễn Đức Súy	30
■ Cực Mà Vui	Bùi Đức Hợp	33
■ Tuổi Già, Tuổi Thọ	Trần Sĩ Huân	35
■ Thầy Tạ Huyến	Bùi Hữu Lân	36
■ Hai Câu Chuyện Một Ý Nghĩa . . .	Nguyễn Xuân Mộng	37
■ Coi Chừng Cọp	Văn Minh Hồng	38
■ Bèo dạt mây trôi	U Tà	42
■ Lá Thư của AH Nguyễn Ánh Dương	Nguyễn Ánh Dương	44
■ Một Trà, Một Rượu, Một . . .	Ái Văn	47
■ Úc Châu Dưới Mắt Du Khách Canada	Thùy Hương	52
■ Hải Đảo Thần Tiên	Tràm Cà Mau	54
■ Costa Rica, Mưa Rừng Nhiệt Đới	Trần Đức Hợp	59
■ Hoa Lan	Green Thumb	63
■ Rượu Vang và Đời Sống	Nguyễn Đức Thụ	67
■ Trên Đỉnh Hải Vân	Trịnh Hảo Tâm	69
■ Greyhound Phiếm Luận	U Tà	74
■ Chuyện Tếu Cố Đô	Tâm Nguyên	75
■ Duyên Hay Nợ	Trần Đức Phong	80
■ Có Phải Là Quả Báo	Lê Trung Định	84
■ Đoạn Đời Nổi Trôi	NHT	86
■ Vua Gia Long Dưới Cái Nhìn Của Người Mác Xít	Tôn Thất An Cựu	92
■ Con Ngựa Thành Troy	Hoàng Như Ngọc	95
■ Tâm Lý và Hành Động	Huy Lực Bùi Tiên Khôi	101
■ Đạt Ma Dịch Cân Kinh	Huỳnh Bửu Khương	104
■ Nhận Định về Vấn Đề Du Lịch và Gia Cư tại VN	Hoàng Đống	107
■ Ba Lan Ngày Mới	Từ Minh Tâm	109
■ Chuyện Bên Khung Cửa	Nguyễn Trần Đạt	113
■ Giấy Bạc One Dollar	Hoàng Như Ngọc	116
■ Tưởng nhớ cố LM. Đỗ Minh Trí	Phạm Nguyên Hanh	119
■ Quê Nhà Nơi Ấy	Hướng Dương	124
■ Tổng Kết Tài Chánh	Tôn Thất Duy	129
■ Tin Buồn	BPT	131
■ Khóc Bạn	Tôn Thất Thiều	132
■ Danh Sách Ái Hữu Công Chánh và Thân Hữu	Lê Hữu Khâm	133

■ THƠ ÁI HỮU CÔNG CHÁNH

- Thơ Mừng AH Phạm Hữu Vĩnh	Phạm Ngọc Xuyên	27
- Chiều Mưa Nhớ Bạn	TMT	41
- Dường Như	Nguyên Khoa	43
- Bài Không Tên Số 1	Hướng Dương	46
- Nhớ Em	Nguyễn văn Thái	68
- Biển, Em, Niềm Nhớ	Phan Anh Dũng	83
- Nghe Mưa Xứ Người Nhớ Quê Nhà	Phan Anh Dũng	94
- Hồi Ký Tuổi 70	Nguyễn Quang Bá	100
- Dễ Thương	TCM	108
- Đem Ta Ra Biển	TCM	115
- Nuối Tiếc	Hoàng Như Ngọc	118
- Mùa Thu và Em	Hướng Dương	128

■

AH LÊ VĂN KÝ (OLSO, NA UY)

Lá Thư AHCC số 80 đã đến đúng vào dịp đón Xuân Quý Mùi. Gia đình tôi cư ngụ trên đất nước Na Uy này khá lâu; mỗi độ Xuân về không có rộn ràng không khí Tết, tổ chức Tết Nguyên Đán, đón Xuân vui vẻ như ở quê nhà. Song nhận được Lá Thư AHCC, biết được tin tức AH xa gần, trong nước đến ngoại quốc cũng là điều vui vẻ lắm!

Đọc Lá Thư nhiều lần, xem hình ảnh mới, biết được nhiều sinh hoạt của AHCC khắp nơi.

Xin chân thành cảm ơn Ban Phụ Trách Lá Thư. Tôi cũng xin đóng góp 20 đô để nuôi dưỡng Lá Thư. Đôi lời vắn tắt, xin kính chúc quý Ban cùng quý AHCC một năm mới: An Khang và Thịnh Vượng".

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Đọc thư AH, được biết AH nhận LT 80 đúng vào dịp đón Xuân Quý Mùi, BPTLT San Diego cảm thấy như được chia xẻ phần nào niềm hạnh phúc của AH. Xin cám ơn AH đã yểm trợ tài chánh cho LT.

■

AH ĐOÀN ĐÌNH MẠNH
(CAMBERWELL, VIC. AUSTRALIA)

Lần đầu tiên trong cả chục năm nay, anh chị em AHCC và thân hữu thành phố Melbourne nhận được Lá Thư AHCC số 80 đề tháng 2 năm 2003 vào cuối tháng 01 năm 2003, tức trước Tết Quý Mùi độ vài ngày. Tôi xin được gởi lời khích lệ và ngợi khen đến quý Ái Hữu trong Ban Phụ trách AHCC vùng San Diego. Thứ nhất, quý Ái Hữu đã xuất sắc hoàn tất Lá Thư số 80 "vượt chỉ tiêu". Thứ hai, quý AH đã đặc biệt quan tâm đến anh chị em AH và Thân Hữu "Miệt Dưới". Anh chị em chúng tôi, nhất là các AH lớn tuổi đã rất ngạc nhiên và xúc động khi nhận được món quà tinh thần quý báu này chỉ một vài ngày trước Tết.

Sau đây tôi xin có một vài nhận xét về Lá Thư 80. Về hình thức, Lá Thư này cũng như những Lá Thư trước đều được trình bày đẹp và trang nhã. Tuy nhiên về nội dung thì LT số 80 có nhiều truyện ngắn thuộc thể loại tiểu thuyết tình cảm và có nhiều bài thơ hơn các Lá Thư trước. Sự thay đổi này hay hay dở, nên tiếp tục hay không nên tiếp tục có lẽ tùy thuộc vào quan điểm và sự thưởng thức của từng AH và Thân hữu độc giả. Riêng đối với tôi, sự thay đổi này đã đem lại một bộ mặt mới lạ cho Lá Thư. Biết đâu nhờ sự thay đổi này đã đem lại cho Lá Thư AHCC của chúng ta sẽ tiếp tục được phát hành sau khi các AH thuộc hàng tiền bối lần lượt "phong kiếm quy ẩn".

Tiện đây tôi cũng xin được thông báo tôi đã thay đổi địa chỉ. Địa chỉ mới của tôi như sau:

Đoàn Đình Mạnh 24 Mabel Street
Camberwell, Vic 3124
Australia
Tel.: 61-3-98807369
Email: mdoan@austarmetro.com.au

Về việc đóng góp và nuôi dưỡng Lá Thư. Như quý AH đã biết từ hàng chục năm nay, anh chị em AH và TH Melbourne trong những buổi họp mặt "Xuân Thu nhị kỳ" để giảm thiểu chi phí chuyển đổi từ Úc kim qua Mỹ kim. Do đó tôi không gởi chi phiếu kèm theo thư, chứ không phải tôi quên một việc đáng làm, nên làm và phải làm này.

Trước khi dừng bút và nhân dịp đầu năm Quý Mùi, tôi xin kính chúc quý AH và quý thân quyến một năm mới bình an khỏe mạnh, có một cuộc sống thoải mái và hạnh phúc.-

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cảm ơn AH đã quá lời khen tặng. Các AH San Diego cũng chỉ làm công việc vác ngà voi như các BPTLT tiền bối. May mắn hoàn tất LT trước Tết một phần vì bài vở gởi đến kịp thời, tài chánh là một vấn đề quan trọng hàng đầu nhưng sau nhờ có lá thư thúc dục, chi phiếu ào ạt tới tấp gởi đến, các AH trẻ rất năng động và nhiều sáng kiến

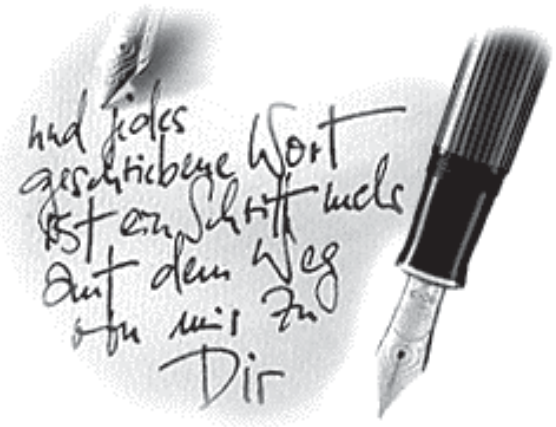

Trả Lời Thư Tín AHCC Năm Châu

A/H Nguyễn Tấn Thọ phụ trách

nên LT 80 mới có thuận duyên đến tay quý AH trong những ngày gần Tết và sau Tết không lâu.
Từ những năm qua, tinh thần AH Melbourne rất vững chắc và luôn nhớ đóng góp yểm trợ LT.

■

AH TRƯƠNG THỊ THÙY HƯƠNG VÀ VÕ VĂN HIẾU (SURREY BC, CANADA)

Thùy Hương nhận được LTAHCC số 80 đúng vào ngày đưa Ông Táo về Trời. Cũng như các LTAHCC lần trước, trình bày ấn loát thật là đẹp, nội dung thật là phong phú. Các AHCC đàn anh cho dù tuổi hạc đã cao nhưng ai cũng còn rất là tinh tế và sâu sắc. Thật là một món quà Xuân có giá trị. Cám ơn BPT LTAHCC vùng San Diego rất là nhiều. Đối với Thùy Hương. LTAHCC không những là thông tin khoa học kỹ thuật, thơ văn, du lịch, mà nó còn đưa tới cho Thùy Hương những thông tin về gia đình, Thầy, Cô và bằng hữu. Như là trong Lá Thư 80 này, Thùy Hương thấy AH Lê Sỹ Ngạc vẫn còn rất khỏe, dù là tóc đã bạc vì Cụ đã 91 tuổi rồi. Còn chuyện du lịch của Tràm Cà Mau và bài thơ "Hạnh Phúc". Nhìn thấy được anh chị vẫn trẻ trung và rất là hạnh phúc, với giọng văn dí dỏm và những kinh nghiệm đáng nhớ thật là hay. Cũng như Ramona, đường vào đất Thục của AH Trần Đức Hợp vẫn phong độ như xưa. Và làm cho Thùy Hương nhớ tới tô cháo gà nóng hổi mà AH Trần Đức Hợp đã không ngại dậy thật sớm nấu cho cả nhà Thùy Hương ăn cho kịp đi tới dự Đại Hội Công Chánh tổ chức tại Orange County vào ngày July 4, 1996 tại Hyatt Hotel. Đây là lần đầu tiên viếng thăm Cali và tá túc tại nhà AH Hợp, Lần thứ hai trở lại Cali vào December 2001 gặp lại AH Hợp tại San Diego và AH Thiệp và Hạnh ở Los Angeles, và Thùy Hương cũng biết mình vẫn còn nợ Lá Thư AHCC một bài viết về hai chuyến đi Cali. Lần này Thùy Hương xin trả lại bằng bài viết về "10 năm trở lại Úc Châu" bù lại, xin múa rìu qua mắt thợ vậy.
Luôn tiện đây Thùy Hương xin gởi kèm theo 20 US để nuôi dưỡng Lá Thư AHCC. Kính nhờ AH Hợp chuyển giùm cho AH Tôn Thất Duy. Cám ơn AH Hợp rất nhiều.
Một lần nữa Thùy Hương rất là cảm kích và cám ơn món quà Xuân tình nghĩa này và kính chúc tất cả các AHCC và gia đình một mùa Xuân An Lành và Hạnh Phúc.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn AH đã gởi cho Ban Phụ Trách Lá Thư San Diego một lá thư dạt dào tình cảm ái hữu nói lên sự quan tâm của thành phần kỹ thuật trẻ trong việc tiếp nối lâu dài chiếc nôi Công Chánh hải ngoại, làm chỗ "đi về" của tập thể Công Chánh chúng ta.
Bài viết của AH đã được chọn đăng trong số 81, cầu chúc AH nhiều sức khỏe và tiếp tục có mặt trong mọi sinh hoạt ái hữu.

■

AH TRỊNH HẢO TÂM (BREA, CALIFORNIA)

Lá Thư AHCC số 80 Xuân Quý Mùi khởi sắc thấy rõ từ hình thức cho tới nội dung. Về hình thức ngay hình bìa với hai cô gái áo dài thướt tha, mỹ miều khiến người xem đã thấy ngay vẻ tươi mát của mùa Xuân khác hẳn những gì khô khan của nghề Công Chánh. Lật vào bên trong, trang nào cũng có hình ảnh minh họa. Ngoài những hình chụp do người viết bài cung cấp như những bài du lịch, Ban phụ trách khéo chọn những hình ảnh quê hương hay những tranh vẽ rất hợp với nội dung những bài viết.
Ban phụ trách Lá Thư trẻ trung, dồi dào sinh lực, tình cảm còn nồng cháy nên nội dung các bài trong Lá Thư 80 vừa rồi rất nồng cháy, ướt át như các bài "Chuyện Cuối Năm" của Hướng Dương, "Trả Nợ Cho Người" của Trần Hương Thủy. Tác giả không cho biết những chuyện tình ướt át đó hư hay thật nhưng người đọc cũng thấy bàng bạc trong đó là chuyện thật mà người viết là vai chính. Riêng "Lá Thư" của Nguyễn Ánh Dương kể chuyện đối thơ với nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng là một đề tài khá thú vị vì tác giả tự nhận mình là người cùng thời và quen biết vơi Hồ Xuân Hương! Ngoài ra dân ghiền du lịch, thích ngao du đó đây, tìm hoa thơm cỏ lạ, trong Lá Thư vừa qua cũng được du lịch . . . hàm thụ với rất nhiều bài du lịch của Tràm Cà Mau (Du Lịch Xứ Phù Tang), Từ Minh Tâm (Nhà Quê Ra Tỉnh), Nguyễn Trần Đạt (Nước Pháp Năm 2002), Gạch Bể (Thăm Miền Tây Bắc Hoa Kỳ), Hoàng Như Ngọc (Las Vegas) và còn nhiêu bài nữa, càng đọc càng thấy thú vị . . . Như AH Trần Sĩ Huân đã nói trong bài "Tre già măng mọc": "Các anh em này đã tỏ ra sốt sắng với sinh hoạt của nhóm AHCC chúng ta. Đây mới đúng là giới trẻ của AHCC, tuy gọi là trẻ nhưng cũng đã trên 40 tuổi rồi!" Đó là AH Trần Đức Hợp đêm đêm lên núi Thục ngồi trong xe Caltrans bên cạnh ly cà phê Starbuck giải bày văn chương trên bản vẽ và AH Tôn Thất Duy cặm cụi dệt những vần thơ ái hữu trong khung cảnh hữu tình pha lẫn thiền ca của vùng San Diego trăng thanh gió mát. Lại được sự cố vấn, hỗ trợ của AH Nguyễn Tấn Thọ và những ái hữu vùng San Diego chan hòa nắng ấm, tình nồng thành ra Lá Thư 80 mang màu sắc rất đặc biệt.
Chúc các ái hữu phụ trách Lá Thư Công Chánh vùng San Diego luôn trẻ trung và bền chí.

■ BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:

Xin cảm ơn A/H đã quá khen ngợi và thương mến anh em Ban Phụ trách vùng San Diego. Đây cũng chỉ là "giữ cho còn có nhau" đúng như chủ trương của Lá Thư mà thôi, vì những tâm tư tình cảm đến do chính các A/H, Thân hữu khắp nơi gởi đến, BPT chỉ là bộ phận trung gian chuyển tiếp. Hy vọng A/H sẽ tiếp tục gởi bài vở đến BPT vùng Hoa Thịnh Đốn cho Lá Thư Xuân 2004.

■

AH PHẠM NGUYÊN HANH (CERRITOS, CALIFORNIA).

Tôi vội gởi hai bài viết để đóng góp vào số báo LTAHCC sắp tới:
- Một bài, với tựa đề "Lá Thư của AH Nguyễn Ánh Dương" của AH Nguyễn Ánh Dương,
- Và một bài của tôi. Bài của tôi, với đề tựa: "Tưởng nhớ

cố Linh Mục Đỗ Minh Trí", có kèm theo di ảnh của Ngài.
- Tôi gởi hard copy và diskette của hai bài trên đi cùng di ảnh cố Linh Mục Trí. Bài trong diskette được đánh bằng VPS font.
- Cũng như AH Dương, tôi xin để toàn quyền Ban Phụ Trách tùy nghi xử dụng, sửa đổi hoặc loại bỏ bài viết cho phù hợp với chủ trương của LTAHCC.
- Tôi cũng không quên gởi kèm theo chút ít đóng góp tài chánh để nuôi dưỡng Lá Thư khi chuyển giao cho Ban Phụ Trách mới.
- Xin cám ơn quý anh đã hăng say hoàn thành xuất sắc Lá Thư AHCC, và xin thân chúc quý anh cùng quý quyến an khang hạnh phúc.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cả hai bài của AH và anh Nguyễn Ánh Dương đã được đăng trong kỳ này. Xin cảm ơn AH đã nhiệt tình đóng góp bài vở và tài chánh cho Lá Thư Xuân và Thu, làm cho anh em BPT San Diego rất cảm kích. Mong AH tiếp tục gởi bài cho "Thập Tam Thái Bảo" Công Chánh vùng H.T.Đ.

■

AH Mme HUỲNH MINH TRUNG (QUEBEC, CANADA)

Chúng tôi đã gởi 20 US để ủng hộ LT cho năm 2003 cùng với thư chúc Tết các anh. Trong mục trả lời thư có nhận được thư, nhưng sao không thấy nhận được tiền ủng hộ, xin các anh xem lại.
Xin cảm ơn, chúc các anh nhiều sức khỏe, an khang. Tiện đây tôi xin gởi 20 US ủng hộ cho năm 2003.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Thưa AH: Số tiền đã được đăng trong Lá Thư Mùa Thu này, vì BPT đã khóa sổ Lá Thư Xuân vào đầu tháng 12, 2003 để tiến hành việc in ấn và phát hành. Cũng tương tự, kết toán tài chánh của Lá Thư Mùa Thu này sẽ khóa sổ ngày July 1, 2003; những số tiền nhận được sẽ được ghi vào Lá Thư Xuân 2004, số 82. Thân mến!

■

AH NGUYỄN ĐỨC SÚY (ALAMEDA, CALIFORNIA)

Tôi gởi theo đây bài "Đường vào Đồng Tháp", để anh xem và nếu thấy được thì cho đăng vào Lá Thư số 81 sắp tới.
Hôm trước, tôi có gởi cho anh bài của anh Bùi Hữu Lân, chắc anh đã nhận được. Tôi cũng gởi thêm chi phiếu $20.00 để ủng hộ LTCC.
Thân chúc các anh trong BPT nhiều sức khỏe để ráng cho xong số 81.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Bài viết của AH, cũng như của AH Bùi Hữu Lân đều được chọn đăng trong LT số 81. Nhờ sự tiếp tay tích cực của tất cả AH khắp nơi, BPTLT hy vọng hoàn tất LT81 trong mùa Thu 2003 này.

■

AH BÀ NGUYỄN VĂN PHÚC (IRVINE, CALIFORNIA)

Cám ơn Hợp rất nhiều đã luôn hỏi thăm tôi và các cháu, trong những thời gian chất ngất đau thương này.
Anh Phúc hiền lành, dễ dàng, giản dị, dễ thương, ra đi đã để lại cho chị bao niềm luyến tiếc vô biên. Chưa bao giờ chị thấy thấm thía câu "Trời già cay nghiệt" bằng lúc này. Xin gởi Hợp check 20$ để dùng cho tem thư. Hẹn gặp Hợp sau, chị em sẽ nói chuyện nhiều hơn. Chúc Hợp luôn vui mạnh.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Thưa chị,
Tuy anh Phúc đã ra đi, nhưng hương thơm của anh vẫn tỏa ấm và còn giữ mãi trong lòng các anh chị em Công Chánh khắp nơi. BPT San Diego luôn nhớ đến tiếng đàn dễ thương và ngọt ngào của anh. Xin chị bảo trọng.

■

AH NGUYỄN THÁI HAI (MINNEAPOLIS, MINESOTA)

Tôi xin cảm ơn anh Hợp đã gởi cho tôi LT 80. Tôi không hiểu tại sao lại không nhận được theo đợt gởi thường lệ. Kỳ này bài vở có chiều khác biệt, hay ho hơn, hình ảnh rõ ràng hơn. Đúng là đã được trẻ hóa với thành phần phụ trách trẻ. Luôn tiện xin gởi check 20$ ủng hộ LT.
Chúc các anh luôn mạnh, công việc vững bền để vác ngà voi.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Vì dán tem không kỹ-hay quên dán tem cũng thế thôi-nên bưu điện "quá cần mẫn" đã trả lại LT cho BPT. Xin lỗi AH vì sự sơ sót này nên AH không nhận được LT kịp thời như các AH khác.
Cám ơn AH đã gởi tiền yểm trợ và có lời khen BPT vùng San Diego.

■

AH LÊ SÁU, TORONTO (CANADA)

A. Chúng tôi đồng ý kiến với nhóm Ái Hữu vùng Hoa Thịnh Đốn về việc đại diện Nhóm nên phụ trách thu tiền yểm trợ Lá Thư càng nhắc nhở nhiều càng tốt. Sau đây là tiền yểm trợ LT của Toronto và phụ cận:

Bà Dương Minh	*$30.00 ,*	*AH Hà Nguyên Bình*	*$30.00*
Bửu Cơ	*$30.00*	*Lâm Thao*	*$30.00*
Đoàn chí Trung	*$50.00*	*Nguyễn Khắc Cần*	*$25.00*
Nguyễn văn Đề	*$50.00*	*Kiều văn Hà*	*$30.00*
Lâm văn Năm(Cowval)	*$30.00*	*Lê Sáu*	*$30.00*
Lê văn Châu	*$30.00*	*Nguyễn Mạnh Quyên*	*$25.00*
Ngô văn Minh	*$30.00*		

Tổng cộng: $420.00 Can đổi thành US$ = 289.26
(AH Hoàng Như Giao đã gởi trước)
B. Năm nay, xứ Canada, mùa Đông tuyết phủ năm tháng, mùa Xuân và Hè thì bệnh cúm SARS, nên nhóm Ái Hữu không sinh hoạt nhóm họp, chỉ điện thoại thu tiền yểm trợ LÁ Thư cho năm 2003 để nuôi dưỡng Lá Thư mà thôi.
C. Xin lưu ý BPT San Diego gởi cho AH Hà Nguyên Bình Lá Thư số 80 theo địa chỉ mới:
Hà Nguyên Bình 23 Martini Dr
Toronto, Ont. M6M4X4
C. Tin Phân Ưu: Cụ Bà Nguyễn Tuyên, nhũ danh Vũ thị Hội, pháp danh Diệu Đăng, thân mẫu của AH Nguyễn Mạnh Quyên (Toronto) đã tạ thế ngày 1 tháng 4 năm 2003

(tức là 30 tháng 2 năm Quý Mùi) tại Nam California (Hoa Kỳ), hưởng htọ 86 tuổi. Tin này đã đăng trên trang nhà AHCC tháng 4/03, nhưng thiếu dấu.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Ban Phụ Trách Lá Thư San Diego đã nhận đủ số tiền, danh sách có đầy đủ trong Lá Thư 81. Sau khi thanh toán LT 81, tồn khoản sẽ được chuyển về BPT 2004.

Xin được hoan hô tinh thần ái hữu của AH Toronto, tuy gặp khó khăn về thời tiết, bệnh SARS mà vẫn không quên lo lắng cho LT được trường tồn.

BPT San Diego đã gởi LT số 80 cho AH Hà Nguyên Bình theo địa chỉ mới.

■

AH PHÍ NGỌC HUYẾN (HOUSTON, TEXAS)

Xin gởi các anh báo cáo Sinh Hoạt AHCC Houston cuối năm 2002 + hình ảnh + danh sách các AH yểm trợ LT + chi phiếu số 4506 đề tên Tôn Thất Duy tổng số tiền 280 US . . . để xin đăng vào LT số 81.

Ngoài ra, nơi trang 7 của LTCC số 80, BPT có xác nhận là đã nhận được số tiền 350 US (tiền yểm trợ LT của AHCC Houston, TX vào cuối năm 2001) do AH Lê Mộng Hùng chuyển cho San Diego, tuy nhiên danh sách các AH yểm trợ số tiền 350 US này vẫn chưa được đăng trong LT số 80 như đã hứa.

Vậy xin BPTLT cho đăng danh sách này vào LT 81 để tránh mọi sự thắc mắc của các AHCC Houston, TX lúc nào cũng tích cực yểm trợ tài chánh rất đều đặn cho LT.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Số tiền $280.00 và danh sách đóng góp của các AH đã được đăng trong số 81 này. Còn số tiền $350.00 mà các AH đóng vào cuối năm 2001 cho BPT LTAHCC vùng San Francisco chúng tôi không có nhận được nên không thể đăng được. Tất cả số tiền chuyển giao từ BPT vùng San Francisco kèm theo danh sách AH đóng góp đều đã được đăng ở số 80. Cám ơn AH đã tích cực yểm trợ LT, những hình ảnh AH Houston trong dịp gặp mặt cuối năm rất đẹp, đem thêm sự tươi mát cho LT số 81 do BPT San Diego thực hiện.

■

AH NGUYỄN VĂN TẤN (ALBUQUERQUE, NEW MEXICO)

Trước hết, gia đình tôi xin gởi lời kính thăm quý AH và gia đình cùng BPT Lá Thư Ái Hữu Công Chánh San Diego.

Phải công nhận các Lá Thư những năm gần đây nội dung rất là phong phú, cũng như hình thức in ấn rất là đẹp, cho nên cứ mỗi lần các thành viên trong gia đình lấy đọc thì tôi luôn nhắc nhở phải giữ gìn cẩn trọng.

Tài liệu Xuất Thủ Liệu Pháp của cụ Vũ Công Kiệt được đăng trong LT 79, hiện đã giúp tôi trị được bệnh nhức đầu nửa bên trái (migraine headache) mà tôi bị bệnh đã hơn 6 năm nay, cứ mỗi ngày bị nó attacks 1 hay 2 lần, bác sĩ gia đình, bác sĩ chuyên trị thần kinh cho chụp não bộ, xương cổ, toàn bộ cột xương sống bằng CT scan, MRI cũng không tìm ra bệnh, uống không biết bao nhiêu thứ thuốc Tây, Ta, Tàu, cả châm cứu mà không khỏi, nay cứ mỗi ngày tôi tập độ 20 phút, đã lâu không thấy bị lại, độ trước khi chưa tập XTLP cứ phải uống Imitrex 50 mg liên tục mỗi khi bị attack, còn bây giờ thì thật là sung sướng, thoải mái không phải uống thuốc gì cả. Kính xin gởi lời cám ơn Cụ Vũ Công Kiệt có công sưu tầm và AH Trần Đình Thăng cho phổ biến.

Xin đính kèm thư $50.00 để đóng góp tài chánh in ấn LT và chúc sức khỏe các AH vùng San Diego.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn AH đã quan tâm nhiều đến LT. AH đã tiếp nhận được những kết quả tốt trong khi tập phương pháp của "Xuất Thủ Diệu Pháp" và mong được phổ biến cho tất cả AH được biết kinh nghiệm của mình là điều rất quý. BPT vùng San Diego xin hoan hô và tiếp tay phổ biến. Cảm ơn sự yểm trợ đều đặn của AH.

■

AH NGUYỄN CƯ (MELBOURNE, AUSTRALIA)

Chúng tôi nhóm AHCC Melbourne xin gởi tiền yểm trợ LT. Cúng tôi đã nhận được đầy đủ LTCC số sau cùng, xin cám ơn nhiều.

Kỳ này, có 19 AH tại Melboune yểm trợ Lá Thư, tổng cộng số tiền là A $520 = US$ 307.26.

Từ số báo tới, yêu cầu BPT Lá Thư gởi tất cả 19 số báo đến địa chỉ

Thong Le
2/15A Howson St
Brunswick West, Vic 3055, Australia

AH Thông sẽ phân phối lại cho các AH khác.

Xin cầu chúc BPT nhiều sức khỏe.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Đã nhận được đầy đủ số tiền AHCC Melbourne yểm trợ Lá Thư. Rất cám ơn AH và AH Lê Nguyên Thông tiếp tay chuyển giao LT đến tất cả AH khác, nhờ đó tiết kiệm được nhiều trong chi phí LT.

■

AH NGUYỄN HOÀNG NHẠN (VILLATANEUSE, PHÁP QUỐC)

Nhận được thơ AH đã vài tuần nay, chờ mãi xem có LTAHCC nào gởi đến không, vì đã từ LTAHCC số 74 ấn bản năm 1999 đến nay tôi không còn nhận được Lá Thư nào nữa mặc dầu tôi vẫn tiếp tục gởi chi phiếu ủng hộ, lúc bấy giờ là ngày 4 Novembre 1999 (250 Francs). Hiện nay tôi đã moved về địa chỉ ở bì thơ mà AH đã gởi đến tôi. Nếu tôi nhớ không lầm thì đây là lần thứ tư mà tôi đã bị mất liên lạc với LTAHCC, mặc dầu địa chỉ vẫn không thay đổi, hay ít nhất như lần này, địa chỉ cũ vẫn giữ nguyên hơn một năm sau khi đã mất liên lạc. Tôi còn nhớ lúc còn làm việc ở QGTC tại Bộ Công Chánh một số anh em chúng tôi thường bảo chúng mình là "con ghẻ" ở Bộ Công Chánh. Có lẽ vì vậy đây cũng là một trong những lý do đã bị quên lãng nhiều lần. Thực hư thế nào thôi cũng không gì quan trọng để phải quan tâm. Tuy nhiên tôi nhớ đã rất lâu lắm

rồi tôi có đi họp tại tư gia AH P.v.Lâm cùng với nhiều AH khác vùng Paris, có cả chụp ảnh kỷ niệm và đã được in lên LTAHCC sau đó. Và kết quả thật như tôi đã nói ở trên "QGTC là con ghẻ" nên dưới tấm ảnh hình tôi đã được ghi chú là khách mời . . .

Nhưng thôi hãy quên tất cả các chuyện bên lề ấy đi. Nhân Tết Quý Mùi vừa đến tôi xin ghi lại để gởi đến quý AH những mẩu chuyện dzui dzui đọc chơi giải trí trong mấy ngày đầu Xuân:

Bài thơ Vui Xuân của Tản Đà và chuyện Kà Kê Dê Ngỗng năm Mùi con Dê.

(Tiện đây tôi cũng xin gởi lời cảm ơn anh Đồng Sĩ Khiêm đã có nhã ý giúp tôi nối lại nhịp cầu LTAHCC)

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Vì những chuyện thiếu sót vừa qua mong AH hỷ xả cho qua luôn. Kể từ nay có địa chỉ mới của AH, BPTLT sẽ tiếp tục gởi LT đến AH.

Vì đã chuẩn bị vào Thu nên những bài Thơ Xuân AH gởi đến đành để dành cho kỳ khác vậy. Cám ơn AH đã gởi yểm trợ tài chánh cho LT.

■

AH TRẦN SĨ HUÂN (OXNARD, CALIFORNIA)

Xin gởi lời hỏi thăm anh mạnh giỏi. Tôi không biết lúc nào anh sẽ phát hành Lá Thư số 81 nên viết được bài nào thì gởi cho anh bài nấy để anh kịp chuẩn bị.

Tôi gởi đính kèm:

- 1 bài viết về "Tuổi già, tuổi thọ" (theo lối phiếm luận lai rai)

- 1 bài giới thiệu website của khóa Kỹ sư Công Chánh 1954 để nhờ anh cho đăng vào số 81 sắp tới.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Bài Tuổi Già và Tuổi Thọ được đăng trên LT81. Cảm ơn AH đã cho layout sẵn rất tiện khi hoàn thành art-work của LT.

■

AH DƯƠNG HỒNG QUỲ (TUSTIN, CA)

Tôi thấy Việt ngữ thật đẹp ở bộ dấu, như anh đã từng thấy mấy bài thơ viết tay của thi sĩ nổi danh đăng trên báo chí. Nhưng có trở ngại từ khi có e-mail. Vì không phải ai cũng có bộ VNI nên đến nay có khá nhiều ký pháp khác nhau được áp dụng cho thư từ giữa VN và hải ngoại vừa nhanh chóng vừa tránh được bưu phí.

Riêng tôi thấy quy tắc dưới đây là đơn giản và minh bạch nhất:

- đ d ---------- d z

- ă ơ ư ươ ---------- a' o' u' u'o'

*- â ô ---------- a^ o^*

sắc huyền hỏi ngã nặng --------- / \ ? ~ .

- dấu đặt trước âm vận để phân biệt với câu chấm và câu hỏi.

Vậy tùy anh xem có nên phổ biến trên Lá Thư không?

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin được giới thiệu ý kiến trên đây của AH Dương Hồng Quỳ với tất cả quý AH và mong nhận được sự góp ý của quý AH. Riêng chúng tôi thấy đề nghị này quả là đơn giản và minh bạch.

■

AH BÙI THANH DƯƠNG (WASHINGTON D.C.)

Tôi đã nhận được 3 số LTCC 80. Xin cảm ơn anh. Tôi có điện thoại anh nhiều lần mà không gặp. Vậy tôi viết thư này xin anh sửa lại vài sai lầm trong LTCC 80.

1. Trang bìa: phía trong; danh sách Đại Diện AHCC địa phương ở Washington D.C. phải giống y như cũ ở LT số 79:

Washington D.C.:

- Bùi Thanh Dương

- Nguyễn Đức Chí

- Nguyễn Thạc Việt Toàn

- Bùi văn Ẩn

(Danh sách 7 người, anh in vào đây là danh sách đề nghị vào "Ban Phụ Trách LTCC năm 2004" như ghi trong biên bản, chứ không phải Ban Đại Diện AHCC).

2. Trang 108 (LT 80) anh không đăng riêng phần "AHCC Hoa Thịnh Đốn" từ "Bửu Đôn đến Trần văn Phúc" và không phải trong bản danh sách đóng góp trực tiếp (?) về LTCC vùng San Diego??

3. Có mấy tên sai như "Chu Bá Tường, Hoàng Mạnh Tường" chứ không phải Chu Bá Tưng, Hoàng mạnh Tưng (??)

4. Xin anh điều chỉnh lại trong LTCC 81 sắp đến, nhất là mục 1, trang bìa.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

BPTLT đã đính chánh các điểm sai sót ở trên trong LT81, xin thành thật nhận lỗi với các AH vùng Hoa Thịnh Đốn và cảm ơn sự quan tâm của AH đối với việc làm của BPT San Diego.

■

AH NGUYỄN NGỌC LÂN (CANADA)

Xin báo tin ngưng gởi Lá Thư Ái Hữu Công Chánh cho cụ Nguyễn Ngọc Lâm, 6399 St- Hubert #301, Montreal, QC H2S 2L9 Canada, đã hưởng thọ được 92 tuổi.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Chúng tôi sẽ ngưng gởi LTAHCC từ số mùa Thu 2003 như ông yêu cầu.

■

ĐỒNG SỸ KHIÊM (RICHARDSON, TEXAS)

Cám ơn anh, tôi đã nhận tờ AHCC 80 một tuần trước đây. Sau đây, tôi xin đóng góp thêm ý kiến do các AHCC/HTD đưa ra về "Đề nghị cụ thể về vấn đề yểm trợ và phân phát LTCC hải ngoại".

Chuyện kêu gọi yểm trợ tài chánh hàng năm: Trước đây hơn mười năm, cũng đã có những đề nghị tương tự nhưng có lẽ vì LT luân chuyển đi nhiều tay nên chuyện đâu hoàn đó v.v. . . . ít người yểm trợ mà LT lại gởi cho nhiều AH/TH! Và có lẽ một phần nào số tiền đóng góp cũng vừa đủ nên chuyện phát chuyển LT cho những AH "không tha thiết"

với sự sống còn của LT vẫn tiếp tục. "Bỏ thì thương, vương thì tội" cho nên các AH "vác bài ngà" trước đây đã không nỡ thẳng tay! Nếu nay vì tài chánh yếu kém thì tôi thiết tưởng các anh nên làm thử xem sao? Đọc danh sách các AH đóng góp thì tôi thấy phần chấn lớn là những người thuộc BCC cũ, phần lớn cũng đã xấp xỉ thất tuần, sự đóng góp có chiều hướng bớt đi hoặc chấm dứt nếu sao AH bị gió thổi "rụng".

"Lập riêng danh sách AH và TH yểm trợ LTCC cho từng năm một". Tôi thấy đây là một chuyện nên làm và dễ làm nếu danh sách được lập theo một trong những chương trình data base. Các anh thuộc thế hệ trẻ, vi tính rành rọt vậy xin thử xem.

Phiếu yểm trợ: chi phiếu "Ủng Hộ & Nuôi Dưỡng LTAHCC" mà các anh kèm trong LT #80 kể ra không cần thiết vì từ trước đến nay không có phiếu này LT vẫn có tiền yểm trợ để sống cho đến ngày hôm nay và hy vọng mãi mãi về sau. Chuyện nên làm là gởi phiếu xác nhận với phong bì có địa chỉ hồi âm cho AHCC và có dán tem đến những AH có tên trong danh sách nhưng không hề ủng hộ hoặc liên lạc với LT vì bất cứ lý do nào đó. Nếu thư không hồi âm thì danh sách gởi LT sẽ gạch bỏ! Theo thiển ý, tốn một lần first class tem mà tiết kiệm được tiền gởi tờ LT, ít nhất là 1 đô, thì cũng nên làm lắm. Theo tài liệu các AHCC/HTĐ ghi ra, nếu con số 720 AH và TH được bớt xuống 1/2 thì số tiền tiết kiệm ấn loát, tem gởi và công dán tem, địa chỉ, công đem đi bưu điện sẽ giảm bớt nhiều lắm lắm.

Chúc các anh mạnh khỏe và đầy nhiệt huyết để "vác bài ngà" thêm vài kỳ nữa.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Vừa ở xa về mà đã quan tâm nhiều đến sự sống còn của LT và góp những ý kiến rất sâu sắc, BPTLT San Diego xin thâm tạ AH. Tuy nhiên qua mùa Thu lá vàng 2003 thì LT lại được chuyển về AH Washington D.C rồi. Như vậy xin BPTLT năm 2004 nghiên cứu đề nghị của AH Khiêm trong việc phát hành LT 82 và 83.

■

AH BÙI ĐỨC HỢP (SAN JOSÉ, CALIFORNIA)

Tôi vừa công tác tại Làng Việt Nam, Phi Luật Tân về, sau 5 tháng vắng mặt tại Hoa kỳ. Trên đường đi tôi đã ghé thăm AH Chu Thái Hoành, PhD, làm việc tại Viện Nghiên Cứu Lúa Gạo Quốc Tế (IRRI), ở Manila, Phi.

Cảm ơn anh và BPT rất nhiều về những lời nói đầy khích lệ: "Bài Thầy còn nhớ tôi không?" của AH rất dễ thương. Tôi xin gởi tiếp bài "Cực Mà Vui" để BPT tùy nghi.

Chúc anh và gia đình sức khỏe tốt, nhiều may mắn.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Đang có một việc làm tốt ở New Orleans, thế rồi "treo ấn từ quan" về làm công tác thiện nguyện, xuất bản một hồi ký "Hai lần trổi dậy" tặng bạn bè thân thương, và 10 quyển tập sách Kỹ Thuật Công Chánh bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Cám ơn AH đã góp cho đời nhiều điều thiện lành. Mong AH có nhiều sức khỏe tiếp tục viết cho những LT sau này.

■

AH CAO MINH LÝ (DEDHAM, MASS.)

Thăm các anh trong Ban Biên Tập mạnh,

Hổm rày vùng Đông bắc lạnh nhiều, có lẽ lạnh nhất từ ngày tôi đến Mỹ tới nay. Cái lạnh này đã làm tôi nghĩ đến nhiếu về vùng đất ấm của quý anh; lại một cái Tết đã qua nơi xứ người, Tết này thiếu hẳn ý nghĩa của những ngày Xuân, đó là thiếu LTCC 80, các AH khác trên này đã nhận được trước Tết, nhưng có lẽ số báo gửi đến tôi đã bị lạc mất. Mong anh gởi cho tôi LTCC số 80. Thành thực cám ơn anh và quý Ban Biên Tập và cầu chúc các anh một năm An Khang và Thạnh Vượng

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Chuyện rét lạnh là chuyện của thời tiết, nhưng chuyện để AH thiếu "hơi ấm của tình ái hữu" thì thật là lỗi của chúng tôi. BPTLT vùng San Diego xin thành thật nhận lỗi cho dù có thể vì hình bìa của số báo Xuân quá hấp dẫn đã làm cho "anh Hai nào đó" cầm nhầm đem về nhà đắp chăn ấm nằm đọc trong mấy ngày đầu Xuân. AH Hợp sau khi nhận được thư của AH đã gởi ngay LT khác cho AH hôm 10-2-2003. Cũng đang còn trong "tháng giêng là tháng ăn chơi" phải không AH?

■

AH NGUYỄN SĨ TUẤT (BRENTWOOD, CA).

LT số 80 do các anh gởi đã tới tay tôi trước Tết, xin cảm ơn các anh rất nhiều. Hình ảnh và bài vở rất đặc sắc, rất xứng đáng nhận những lời khen tặng nồng nhiệt nhất.

Anh L M Hùng với tôi mới gặp nhau gần đây đều đồng ý rằng các anh trẻ trong Ban Phụ trách vùng San Diego làm việc thấy "hăng hái" hơn nhóm chúng tôi. Mong quý anh giữ vững tinh thần ấy.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cám ơn AH đã có lời khích lệ và yểm trợ tài chánh cho LT.

■

AH TRẦN GIA TƯỜNG (SACRAMENTO, CA)

Trước hết, tôi xin gởi lời chúc sức khỏe, BPT Lá Thư AHCC số 80 đã thực hiện cuốn LTAHCC Xuân Quý Mùi rất đẹp, rất hay.

Sau đây tôi xin:

1. Chuyển về BPT chi phiếu $50 của một thân hữu AHCC là anh Trần Minh Lợi (Chủ bút báo Thằng Mõ Sacramento), địa chỉ: 6665 Stockton Blvd # 1A, Sacramento, CA 95823

2. Xin đính chính: LTAHCC số 80, trang 107, dòng thứ 29 Trần Gia Tường —$50.00, chứ không phải Trần Gia Tưng.

3. Tôi sẽ gởi một số hình ảnh về Hội Tết Công Chánh 2003 Xuân Quý Mùi, tổ chức tại San Jose ngày 19-1-2003 để BPT tùy nghi xử dụng.

4. Xin chúc BPT có thêm điều kiện tốt và hăng say thực hiện LTAHCC Mùa Thu 2003 càng ngày càng hay, càng đẹp.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Phương danh AH sẽ được đính chính trong LT số 81. Cảm ơn AH đã vận động được sự yểm trợ tài chánh của một thân hữu. BPTLT sẽ gởi LT số 81 đến thân hữu Trần Minh Lợi với lời cảm ơn. Có được những tấm hình Hội Tết Công Chánh San José năm 2003, LT số 81 có thêm nhiều hình ảnh đẹp và trung thực về sinh hoạt AH vùng Bắc California.

Một lần nữa cám ơn những lời khích lệ tốt đẹp của AH dành cho BPTLT vùng San Diego.

■

AH TỪ MINH TÂM (TORRANCE, CALIFORNIA)

Tôi đã nhận được LTCC số 80, xuân Quý Mùi. Về hình thức Lá Thư được trình bày rất trang nhã, về nội dung cũng phong phú không kém với nhiều bài vở, tùy bút, du ký đầy hấp dẫn. Tôi rất thích bài Du Lịch xứ Phù Tang của AH Nguyễn Thiệp, cũng như các bài viết khác về quê hương và tình bạn. Xin hoan hô nhiệt tình và cám ơn Ban Phụ trách cũng như các cộng tác viên của Lá Thư Công Chánh.

Tiện đây tôi xin nhờ Ban Phụ trách một việc nhỏ, đó là hiện nay Ái Hữu Công Chánh chúng ta đã có trang nhà trên Internet, do đó nếu có chỗ trống trên Lá Thư thì xin trám chỗ trống bằng mẫu quảng cáo nhỏ dưới đây:

Kính mời quý Ái Hữu có Internet tìm đọc: Trang Nhà Ái Hữu Công Chánh tại địa chỉ: http://aihuucongchanh.com (cập nhật thường xuyên).

Ngoài ra cũng xin gởi đến BPT chi phiếu ủng hộ cho Lá Thư Công Chánh kỳ tới.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cảm ơn những lời khích lệ tốt lành của AH và cảm ơn sự yểm trợ tài chánh của AH cho LT. Trang nhà Ái Hữu Công Chánh đã được giới thiệu trên LT 80. Ước mong tất cả AH có dịp lên mạng để nhanh chóng biết tin tức chung.

■

AH HÀ QUỐC BẢO (RICHLAND, WASHINGTON STATE)

Mấy năm nay bận rộn lu bù nên chẳng đóng góp bài vở gì cho LTAHCC cả, hơn nữa, muốn đóng góp cũng chẳng biết viết gì. Sự thực thì hồi này không có "lửa" để viết. Viết về kỹ thuật? e "ếch ngồi đáy giếng" biết được bao nhiêu mà viết.

Viết về xây nhà như Hợp đề nghị? Có gì đặc biệt đâu, thiếu gì người tự mình làm contractor xây nhà cho mình.

Về hồ cá Koi-carp, cây cảnh? Cứ việc lên Internet thiếu gì bài viết hay như trời với đầy đủ information cần gì mình viết.

Viết hồi ký, hay kể chuyện về những chuyến đi xa? Biết đâu chuyện mình kể ra lại gây ngộ nhận, đưa đến ý kiến nọ ý kiến kia, mệt lắm!

. . . .

Nói tóm lại đây là good excuse để . . . không viết gì.

Nhờ Hợp chuyển check này để đóng góp với Lá Thư nhé.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Anh Thủ Quỹ TTD nhận được cái check của anh kỳ này mừng lắm, vì cái check không đề tên ai cả, lại có ba hàng số nữa . . .

Cứ "Excuse" như anh thì Lá Thư này không thể tồn tại, hay ra đúng hạn và đến tay các A/H khắp nơi được. Dù sao cũng phải cám ơn anh thật nhiều.

■

BÀ NGUYỄN HÀ ĐOÀN (VIRGINIA)

Tôi gởi theo đây chi phiếu $20.00 ủng hộ Lá Thư Công Chánh.

Nhà tôi không viết được nữa vì bị tai biến mạch máu não. Anh thông cảm cho.

Cám ơn và cầu chúc anh cùng gia đình luôn vui mạnh.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cảm ơn sự ủng hộ quý báu của bà. BPT cầu mong A/H N.H.Đ. sớm được bình phục và l/l với BPT Hoa Thịnh Đốn để Lá Thư Xuân 2004 thêm nhuận sắc.

■

AH NGUYỄN THẾ DIỄN, VIỆT NAM

Tết năm rồi, tôi vô cùng thích thú được đọc bức thư dài của anh. Xin cảm ơn anh về những thông tin anh đã cho, liên quan đến các bạn Công Chánh. Rất buồn về các bạn đã ra đi. năm vừa qua, có thêm anh Túc, chắc các bạn bên Mỹ đều đã biết.

Thư và ảnh anh gởi kèm, tôi đã gởi anh chị Đây xem, anh chị Đây cũng đã hoàn lại tôi. năm Nhâm Ngọ, anh Đây đã trải qua một trận đột quỵ, nay đã hồi phục bình thường, đi đứng bình thường, nhưng ít ra ngoài, ít nói chuyện. Nói chung sức khỏe của anh Đây tốt , nhưng có phần kém chút ít so với trước khi bị bệnh.

Ảnh của anh gởi cho rất đẹp. Lần đầu tiên chúng tôi được nhìn ảnh của anh chị, của các anh chị Lê Minh Khánh, Bùi Chiên. Xin cảm ơn anh Nguyễn Tấn Thọ đã chụp bức ảnh đẹp như vậy. Rất tiếc là không có ảnh của anh Thọ trong đó.

Tôi rất đồng ý với anh Thí là chúng ta đang thuộc về lớp người "Ready To Go", sẵn sàng lên chuyến tàu suốt. Chỉ mong khi lên tàu sẽ được dễ dàng. Điều quan trọng nữa là giữ được tinh thần thư thản, lạc quan, trong khi chờ đợi ở sân ga.

Xin tạm dừng bút nơi đây và hẹn với anh thư sau. Một lần nữa, chúng tôi thân chúc các anh chị một mùa Xuân vui vẻ, một năm mới đầy đủ Phước Lộc Thọ.

*** PHẦN TRẢ LỜI CỦA AH LÊ KHẮC THÍ:**

AH Nguyễn Thế Diễn (1) và AH Văn văn Đây (2), cả hai đều xấp xỉ bát tuần, tính tình rất hiền lành, cuộc sống về già ở Việt Nam có nhiều khó khăn. Được tin AH Đây bị đột quỵ và AH Diễn phải giải phẫu mắt, một số bạn học cũ cùng lớp, các anh Nguyễn Tấn Thọ, Hoàng Thao, Võ văn Ngôn cho biết đã tìm cách giúp đỡ. Tôi đã phổ biến tin này và được sự sốt sắng đóng góp của một số anh em bạn thân xa gần: các anh Phạm Ngọc Xuyên, Vương Chí Hổ, Trương Quảng Văn, Dương Hồng Quỳ, Nguyễn văn Tiển, Trát Quang Tiên, Đồng Sĩ Tụng, Mai văn Mẹo, Lê

Phú Quyền, Cao Minh Châu, Trần Mộng Châu, Lê Khắc Thí. Số quà gửi biếu hai AH Diễn và Đây đã nhận được ngày 2 tháng 4/2003 và có lời cám ơn của hai anh.
Đặc biệt là hai AH Cao Minh Châu và Trần Mộng Châu đã nhiều năm không có dịp tiếp xúc, gặp gỡ , đã rất sốt sắng đáp ứng giúp đỡ. Trong tháng 3/03 AH Trần Mộng Châu ghé thăm Cali, chúng tôi có dịp đón tiếp AH Châu, nay là Đại Đức Thích Châu Văn, trong một bữa cơm chay rất thân mật. AH Trần Mộng Châu nay đã ở tuổi bát tuần nhưng sức khỏe thể chất và tinh thần vẫn còn vững vàng thoải mái.

Lê Khắc Thí

(1) nguyên phục vụ tại Tổng Cục Kiều Lộ, về sau Tổng Nha Kiến Thiết.
(2) nguyên phục vụ tại Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

■

AH QUÁCH HUỆ LAI (ORLANDO, FLORIDA).

Tôi nay cũng nghỉ ngơi nằm nhà, làm vườn cho vui chớ vớ các chức hàm hoài mệt lắm, để bọn trẻ lo việc hiện tại là đúng và đừng làm việc gì trái với lương tâm là đúng rồi. Ở Florida thì xa bạn bè quá nhưng khí hậu tương đối gần giống Việt Nam hợp với tuổi già. Nay tôi gởi $20 ủng hộ LTCC chờ trúng độc đắc mới có tiền yểm trợ nhiều vì hầu hết dân ta đầu hưởng SSA hay SSI . Ở Mỹ thì không đói nhưng không giàu. Mong bạn bè thông cảm.

*** BAN PHỤ TRÁCH LT:**

Biết đến lúc nghỉ ngơi thì nghỉ ngơi, đó là thuận với Đạo Trời rồi. Yểm trợ LT 20 Mỹ kim mỗi năm là vừa đủ, nếu may ra trúng số độc đắc thì nên nghĩ đến việc làm gì khác, đừng gởi cho LT. Mong AH được nhiều sức khỏe và An Vui tuổi . . . chưa già.

■

AH PHẠM BẠCH VÂN, HIỀN NỘI AH BÙI HỮU TIẾN (SAN JOSÉ, CA)

Tôi đã nhận được LTCC số 80. Xin cảm ơn quý anh đã tiếp tục gởi đủ các số báo cho tôi, mặc dù nhà tôi là anh Bùi Hữu Tiển, bị bệnh đã lâu không đi sinh hoạt với Hội. Nhân đây tôi xin gởi chi phiếu 20 đô để nuôi dưỡng LTCC.
LTCC càng ngày càng phong phú , tôi rất thích đọc, nhất là những bài viết về Huế. Đọc những bài này để nhớ Huế với những cảnh quen thuộc, nơi tôi được sinh ra và lớn lên, nơi có chiếc cầu nổi tiếng, "Cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai nhịp". Chiếc cầu này đã có biết bao nhiêu thế hệ học sinh Quốc Học, Đồng Khánh qua về ngày bốn lần trong hai buổi học. Chiếc cầu quá quen thuộc đối với những học sinh cuốc bộ như chúng tôi. Quen thuộc đến nỗi chúng tôi có thể nhớ những tấm "đan" trên hai đường dành cho bộ hành, tấm nào gập ghềnh, tấm nào sứt mẻ để lộ những cây sắt đã rỉ, nhớ cả đến chỗ nối giữa hai nhịp cầu, hay những chỗ có lan can chìa ra ngoài để cho người nào muốn dừng lại trên cầu hóng gió, hay cho người gánh nặng đổi vai. Đã có lần tôi vừa đi vừa đếm, rồi tự hỏi cầu có "sáu vài mười hai nhịp" hay "sáu nhịp mười hai vài" vậy.
Đã lâu tôi muốn đưa ra hỏi những người hiểu biết nhưng cứ ngại bị chê là ngu dốt nên đã bỏ lỡ bao nhiêu dịp. Mà người tôi có thể hỏi là người thân như Thầy tôi, Kỹ sư Công Chánh, ông xã tôi, cũng là Kỹ sư Công Chánh. Nay hai người này: Thầy tôi đã mất, ông xã tôi thì "gác bỏ sự đời ngoài tai" rồi nên tôi rất tiếc. Nay tôi nghĩ lại mình tuổi cũng đã lớn rồi nên mạo muội hỏi mấy anh trong Hội AHCC, vị nào có thích thú với đề tài này xin chỉ giáo cho. Mong quý anh đừng chê cười sự ngu dốt này của tôi. Xin cảm ơn rất nhiều.
Năm mới Quý Mùi sắp đến, chúng tôi xin chúc quý anh trong Hội Ái Hữu Công Chánh cùng quý quyến an khang.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

AH phụ trách trả lời mục thư tín tuy cũng đã không biết bao nhiêu lần đi qua cầu Trường Tiền nhưng chắc là nhìn ở đâu đâu nên không có cơ hội nhìn rõ sáu vài mười hai nhịp hay sáu nhịp mười hai vài, bèn phải điện thoại hỏi một AH đàn anh và được xác nhận câu: "sáu vài mười hai nhịp" là đúng vài cầu tức là khoảng chiều dài của cầu ở giữa hai trụ cầu. Nhịp là hình vòng cung ở giữa hai trụ cầu: do bởi hình thể hình vòng cung nên có một nhịp đi lên và một nhịp đi xuống, thành ra gọi là hai nhịp. Chỉ là sáu mà nói là mười hai. Thành ra đã có người bạo phổi nói rằng: "Đừng bao giờ tìm hiểu Huế, mà phải sống với Huế". Không hiểu hiền nội AH Bùi Hữu Tiển có được vừa ý về lời giải thích này không? Xin quý AH đã từng sống và làm việc nhiều năm với Huế (AH Trần Sĩ Huân, Tôn Thất Tùng, Lý Đãi, Hồ Đăng Lê, Ngô Nẩm, Nguyễn Tâm Cảo . . . bổ túc thêm cho.

■

AH NGUYỄN VĂN THÁI (HIGHLAND, CA)

Tôi xin được gởi đến quý anh một bài thơ Xuân "Tình Xuân Về Đây" để góp một bàn tay cho Lá Thư Ái Hữu Công Chánh. Thêm một bài thơ gởi đến quý anh. Có phải D. Trần là AH Trần Đức Hợp không? Tôi nhận được e-mail của AH Trình Hữu Dục ở Sacramento gởi đến về tin buồn thân phụ của AH Nguyễn Đức Thịnh.
Kính chúc quý anh một mùa Giáng Sinh và một năm mới thật nhiều hạnh phúc an vui.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Bài thơ "Tình Xuân Về Đây" sẽ được đăng trong LT 82, Xuân 2004. D. Trần đúng là tên trong pay check của "AH Trần Đức Hợp LT 2003".

■

AH LÊ NGỌC OANH (SAN DIEGO, CA)

Cám ơn anh đã sốt sắng gởi 2 tờ LTCC vừa mới xuất bản. Mẹ Oanh gởi lời cám ơn anh. Mặc dù chưa có thời giờ đọc kỹ, nhưng thấy tờ báo rất đẹp, nhiều bài rất phong phú. Cám ơn anh đã gởi món quà Xuân nhiều ý nghĩa.
Kính chúc anh và gia đình năm mới sức khỏe, nhiều may mắn và an vui.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**
Cám ơn AH đã khen tờ báo đẹp và nhiều bài vở phong phú. Lại còn thêm câu: Mẹ Oanh gởi lời cám ơn. Không có mẹ Oanh yểm trợ tinh thần thì bác Bửu làm sao có thì giờ đánh máy mục "Trả Lời Thư Tín" này.

■

AH TÔN THẤT NGỌ (SAN FRANCISCO, CA)

Sáng nay tôi có gởi đến anh và anh Từ Minh Tâm một e-mail thông báo về tin tức trao bảng "Mừng Tuổi Thọ" cho AH Tạ Huyến. Sau khi gởi đi nhìn lại thấy địa chỉ của anh ở Caltrans nên tôi chắc chắn là anh không đọc được vì tôi dùng font unicode để viết có dấu. Vậy tôi xin gởi lại tin tức đó như sau:

"Hôn đầu tháng 12, 2002, anh Lê Khắc Thí có gởi cho tôi bảng "Mừng Tuổi Thọ" cho AH Tạ Huyến. Vì gặp lúc tôi không có mặt tại nhà nên mãi đến hôm 1/07/03 tôi ới nhận được. Đến ngày hôm sau mới cùng một số anh em AHCC vùng Vịnh có đến thăm và trao bảng Mừng Tuổi Thọ này cho AH Tạ Huyến được. Chúng tôi có chụp một tấm hình và xin gởi kèm đến anh để anh tùy nghi sắp xếp cho đăng vào LTAHCC 81 kỳ tới. Đây cũng là hình ảnh cuối cùng của một AH lớn tuổi trong ngành và cũng là một bậc Thầy, đúng một tuần lễ trước khi AH đi vào giấc ngủ ngàn thu.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**
Cám ơn AH đã có thông tin cho BPT San Diego. Theo yêu cầu của gia đình, BPTLT không đăng tấm hình trao bảng "Mừng Thượng Thọ". Toàn thể AHCC nhất là ở những lớp đã là môn đệ của Thầy đều rất xúc động khi được tin Thầy đã vĩnh viễn trở về nơi chốn Thầy bắt đầu ra đi.

■

AH NGUYỄN VĂN PHỔ (RANCHO SANTA MARGARITA, CA)

Xin gởi ủng hộ Lá Thư và xin quý anh bỏ qua bài tôi gởi. Xin lỗi vì đã đổi ý. Kính chúc quý anh sức khỏe. Thân ái.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**
Rất tiếc LT đã không được đăng bài viết có giá trị của AH, nhưng cũng vui vì được biết sau đó bài này đã được đăng trên một tập san của Hội Kỹ Sư và Kỹ Thuật gia Việt Nam ở Hoa Kỳ. Cám ơn AH đã yểm trợ tài chánh cho LT.

■

AH NGÔ ANH TỀ (OKLAHOMA CITY, OK)

Trước hết, tôi xin gởi lời hỏi thăm của tôi đến BPT LT vùng San Diego, CA cũng như chúc các anh và gia đình mọi sự may mắn trong năm mới.

Cũng xin gởi kèm theo lá thư này một chi phiếu $20.00 để phụ giúp các anh trong việc ấn hành LTAHCC. Tôi cũng gửi đến anh một floppy disk có hai tấm hình để nếu có thể được anh cho đăng vào số tới.

1. Tấm hình này chụp vào ngày 6 tháng 11 năm 1968 tại trường Công Binh Bình Dương của khóa 2/68 Sĩ Quan Công Binh. Đa số trong hình là các anh em KSCC Phú Thọ khóa 4, 5 và 6. Tôi không thể nhớ hết tên của các bạn này nên không có ghi chú. Hy vọng các bạn đi khóa 2/68 CBBD sẽ nhận ra khuôn mặt đẹp trai của mình 35 năm về trước.

2. Cuối tháng 12, 2002 tôi có dịp sang Melbourne, Australia ăn cưới cô cháu. Tình cờ được xếp ngồi cạnh anh Lê Nguyên Thông khóa 11 KSCC Phú Thọ trong tiệc cưới. Anh Thông cũng là đại diện AHCC tại Melbourne. Khi biết tôi cũng là dân CC, anh đã có nhã ý tổ chức một cuộc họp mặt tại nhà hàng The Sun vào ngày 11 tháng 12, 2002 để tôi có dịp gặp gỡ một số anh em CC tại đây. Cũng trong dịp này, anh Huỳnh Thu Nguyên, KSCC khóa 6 đã cho tôi xem tấm hình chụp tại trường CBBD như đã nêu trong mục 1. Vì ảnh được chụp bằng máy của tôi, nên anh Thông nhờ luôn tôi gửi đến các anh dùm, cũng như báo cáo một sinh hoạt của AHCC Melbourne.

3.Chú thích bức hình như sau:

Hàng sau, từ trái qua phải: Lê Nguyên Thông, Nguyễn Cư, Ưng Sủ, Ngô Anh Tề, Bùi Kim Bảng, Nguyễn Ngọc Thịnh, và Vũ Dinh Ngữ.

Hàng trước, từ trái qua phải: Huỳnh thu Nguyên, chị Bảng, chị Sơ, chị Tề, chị Thịnh, chị Chi và chị Cư.

4.Cũng xin nhân dịp này, gửi lời cám ơn của gia đình tôi đến các AHCC tại Melbourne, Australia đã có nhã ý đón tiếp chúng tôi. Cũng mong sẽ có dịp nào đó đón tiếp các anh chị tại Oklahoma City.

5.Anh em CC tại Oklahoma City có năm người, nhưng ít khi họp mặt vì ai cũng bận đi làm và công việc riêng. Chỉ khi nào có khách xa tới chơi mới có dịp họp mặt mà thôi.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**
Trước hết xin cám ơn AH đã yểm trợ tài chánh cho LT.
Những tấm ảnh AH gởi cho chúng tôi rất đẹp và rất nhiều ý nghĩa, đã nối dài tình ái hữu từ 35 năm về trước cho đến ngày hôm nay. Tất cả đều được đăng trên LT 81.
Cũng nhân đây xin đề cao tinh thần ái hữu của các anh chị ở Melbourne. AH nào du lịch Úc châu, đừng quên ghé Melbourne!

■

AH TRẦN ĐÌNH THĂNG (BROSSARD, CANADA)

Xin cám ơn anh đã yêu cầu tôi viết về kinh nghiệm làm việc của tôi với công chánh tại Canada. Tôi đã làm việc cho Kiều lộ ở đây – Sở kiến tạo rồi Sở Đồ Án – tới khi về hưu cách đây vài năm. Tôi đã thực hiện được một số dự án quan trọng nhưng vì đã nghỉ việc làm nên không đủ chi tiết để viết bài cho đàng hoàng như các công tác mà anh đang thực hiện ở Mỹ.

Ngày 23-01-2003, ái hữu và thân hữu Công Chánh đã tổ chức buổi tiệc chúc thọ cụ Phạm Hữu Vĩnh, ái hữu niên trưởng tại Montreal. Chi tiết buổi tiệc đã được tôi gởi tới ban phụ trách LTAH rồi.

2. Ngày 08-04-2003, anh chị Nguyễn Quang Bá từ Úc Châu nhân dịp du lịch nhiều nước trên thế giới đã ghé Montreal, Canada. Được thông báo trước có vài giờ, hơn nữa nhằm trưa thứ ba nên chỉ có các anh chị Võ Ngọc Diệp, Nguyễn Văn Khoa và Trần Đình Thăng tiếp đón anh chị Bá tại nhà

hàng New Port, Brossard.

Trần Đình Thăng ghi.

Xin đính kèm 1 ngân phiếu US $20.00 đề tên anh Tôn Thất Duy.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn AH đã gởi chi phiếu yểm trợ LT. Rất mong những LT sau có được bài viết của AH về những vấn đề khác không nhất thiết là trong lãnh vực công chánh.

■

AH LÊ VĂN NGÂM (PARIS 13, PHÁP)

Thân gởi AH Tôn Thất Duy cùng các toàn thể AHCC những lời chúc mừng trong năm mới 2003 được sức khỏe dồi dào và mọi sự như ý và tôi gởi kèm theo đây tấm chi phiếu 50 Euros. Tôi xin lỗi các AH không có liên lạc thường xuyên vì đi nhà thương nhiều. Tuổi quá cao mà lại nhiều bệnh, mắt gần như không thấy, đã mổ 5 lần, nằm ở Neurologie, mổ ở urologie . . . mệt quá

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Rất xúc động khi đọc những giòng chữ của AH. Toàn thể AHCC Hải ngoại thiết tha cầu nguyện các đấng chí tôn độ trì AH được nhanh chóng phục hồi sức khỏe, vượt qua mọi khó khăn.

Cũng nhân đây, BPTLT San Diego xin nhắc Ban Đại Diện ở Paris tạo điều kiện để thăm viếng AH Lê văn Ngâm, và nếu cần sự yểm trợ xin hoan hỷ đưa lên LT để tất cả AH cùng tiếp tay.

■

AH LÊ KHẮC THÍ (COSTA MESA, CA)

Tôi vừa nhận được LT 80, sớm hơn là tôi tưởng sẽ được phân phối vào dịp họp mặt tất niên AHCC (25/01/03). Cảm tưởng đầu tiên là rất tốt đẹp, từ hình bìa, nhiều hình ảnh phía trong nơi phần thư tín, đây là một sáng kiến của BPT San Diego xen vào những giòng thư tín, những hình ảnh quê hương. Sáng kiến ấy tôi rất hoan nghênh, tôi sẽ sẵn sàng cung cấp cho BPT, nếu có yêu cầu, bao nhiêu ảnh, bấy nhiêu các bạn cần.

Đọc qua vài trang trong LT, tôi càng vui mừng là các bạn trẻ tham gia bài vở, ý kiến rất xấy dựng, phong phú. BPT có gởi kèm theo Phiếu thăm dò ý kiến để giữ cho LT phục vụ cho đại đa số AH đọc ưa thích. Tất cả các mục đều nên có, chỉ nên lưu ý đến ưu tiên, tôi nghĩ là phần sinh hoạt Ái Hữu khắp nơi, mục thư tín, tin vui buồn AH . . . nên được dành ưu tiên, phần này không chiếm nhiều số trang, phần còn lại dành cho các mục khác. LT dày mỏng bao nhiêu cũng quý cả, miễn là còn tồn tại với anh em lâu dài.

Mong gặp các bạn trong BPT tại tiệc tất niên sắp tới ở Little Saigon.

- Xin gởi đính kèm $40 ủng hộ LT

- Ban phụ trách San Diego cố gắng lên dự Tất niên để giới thiệu với AH dịp này.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Ái Hữu vừa tổ chức lễ kỷ niệm "Bát Tuần" cùng với Lễ Kim Cương "50 năm hòa hợp trong hạnh phúc" mà nét chữ viết của AH còn quá bay bướm và đầy sinh lực.

Lẽ ra đối với riêng AH, lễ Thượng Thọ nên giữ nguyên 90 mới phải. Là đầu tàu trong chiếc xe LTAH từ những năm đầu tị nạn chảy qua bao nhiêu Tiểu Bang và quốc gia Âu, Á, Mỹ . . . không có LT nào không có bài góp ý hay tường thuật của AH. Những khích lệ quý giá của AH đã nuôi dưỡng LT đến hôm nay và mai sau. Xin đa tạ AH.

■

AH NGUYỄN KHẮC DÕ (HOLLAND, OH)

Chúng tôi xin cảm ơn AH và Nhóm South Cali đã lãnh trách nhiệm nặng nề tiếp tục Lá Thư AHCC. Xin gởi đến AH chi phiếu 100 đô để nuôi dưỡng Lá Thư. Xin AH cổ động trên LT để các bậc đàn anh giúp cho các Sinh viên Công Chánh tại Saigon (nhất là các sinh viên nghèo từ các tỉnh) một số học bổng qua tổ chức Vietnamese Professional Association của AH Vũ Đình Bon. Thân mến,

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Trước hết xin cảm ơn AH đã yểm trợ . . . khá nhiều cho LT. Sau nữa vấn đề "yểm trợ sinh viên nghèo ở Việt Nam đang học ngành Công Chánh" là một công tác hết sức thiết thực và đáng được AHCC đưa ra thảo luận để có những đóng góp tích cực.

BPT San Diego đề nghị AH Vũ Đình Bon, người đang hoạt động trong tổ chức VNPA và AH trình bày đường hướng tổ chức, kết quả những việc làm trong thời gian qua để AHCC chúng ta trong những LT sắp đến ở hải ngoại thử xem có đóng góp được gì cho việc làm đầy tình ái hữu tích cực này.

■

AH PHAN ĐÌNH TĂNG (NEW ORLEANS, LA)

Nhận được điện thoại BBT nhắc viết bài cho LTCC sắp ra rồi một số AH khác muốn gởi bài gởi đăng trong LTCC 80 "rồi lại xin rút về" cho các AH ấy xem! Để nói rõ cho các AH muốn xem bài, tôi xin thanh minh rằng bài ấy chẳng có gì mà phải rút lui. Số là sau khi đọc bài của AH Lê Thành Trinh "Người Mỹ đã trả đũa ta như thế nào?" làm tôi nhớ lại giai đoạn di tản 1975 và viết ra các chi tiết mà tôi biết để rộng đường dư luận. Chỉ có thế nhưng khi gởi đi thì BBT yêu cầu tôi "e-mail" bài qua. Già rồi, ít xài "e-mail" và "internet" nên nhờ mấy đứa nhỏ làm giùm. Gia đình xem bài thì nói tôi không nên nhắc lại chuyện buồn 75 làm gì, già rồi mà nhắc lại chuyện buồn chỉ có "tổn thọ"! Tôi thấy có lý nên xin rút bài lại. Chỉ có thế mà thôi! Còn bài viết khác cho LT đến thì trong lúc này chưa có thì giờ vì ở City of News Orleans đang thay đổi lung tung, Giám Đốc Công Chánh mới nên ít có thời giờ rảnh. Vả lại BBT đề nghị tôi viết về lễ "Mardi Grass" ở News Orleans. Nếu tôi nghe theo mà viết thì nay chắc lại phải xin rút lại một lần nữa! Sau khi Pháp chống Mỹ đánh Iraq thì phong trào chống Pháp ở đây quá lắm. Nhiều phe nhóm đã yêu cầu City bỏ những tên như French Quarter, French Market, General De Gaulle Drive, Napoléon Ave. Nếu tôi viết về Mardi Gras thì thế nào cũng nói đến nguồn gốc của lễ

ấy với cái tên Pháp 100% (Mỹ dịch ra là Fat Tuesday). Chính phủ Mỹ có thể "biệt giam" tôi như họ đã làm các người Mỹ gốc Nhật sau khi Nhật đánh Pearl Harbor. Chỉ có cái lạ là con đường Victory Park Drive vừa mới đổi ra "Mardi Gras Drive" cách đây mấy năm không thấy họ đòi đổi lại!

Nhân đây tôi xin cho ý kiến riêng về câu hỏi của BBT: "Có nên cho LTCC vào Internet không?". Tôi nghĩ là không nên vì:

1. Đọc chủ trương của LTAHCC ở trang bìa cuối của LT 80.

2. Viết LT chỉ xem như AHCC "thì thầm mí nhau" không nên phổ biến quá rộng rải.

3. Tôi đề nghị là muốn đưa lên Internet nên để cho tác giả các bài tự đăng.

T.B.: Xin gởi 2 cái hình chụp họp mặt AHCC Louisiana để cho vào LTCC sắp đến.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Trước hết BPT San Diego xin lỗi AH khi đưa ra một yêu cầu không đúng lúc và không đúng chỗ. Chắc bởi tại đến gần ngày sắp xếp bài viết cuối cùng nên AH TĐH một mặt rất muốn có bài đặc biệt của AH đàn anh ở Louisiana, một mặt lo không kịp giao bài cho nhà in nên mới có cái "yêu cầu . . . đặc biệt".

LT 81 rất tiếc không nhận thêm bài viết của AH, nhưng xin tạm thay mặt các BPTLT trong tương lai mong AH liên tục gởi bài cho LT, bởi không ai bằng AH với tư cách là đàn anh đầu đàn trong guồng máy Kiều Lộ chắc phải có nhiều kỷ niệm và dư kinh nghiệm để cho AH đàn em học hỏi.

Riêng về đề nghị đưa LT lên mạng, BPT San Diego nhận thấy ý kiến của AH nhiều phần hợp lý, và xin nêu lên để quý AH khắp nơi góp tiếng nói chung.

■

AH LÊ TRUNG ĐỊNH (LAKE FOREST, CALIFORNIA)

Tôi đã nhận được AHCC Xuân Quý Mùi do anh NH Bằng chuyển lại. Xin thành thật cám ơn. Số AHCC này rất xuất sắc, có lẽ vì có một BBT trẻ trung, không quá nghiêng nặng về quá khứ hay các báo cáo, quan hôn tang tế . . . Bài vở so với mấy tập báo Xuân thương mại thì có phần trội hơn nhiều. Xin chúc mừng và nhất là quẳng được gánh lo không có người giỏi để "ăn cơm nhà đi vác ngà voi".

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn AH đã có lời khen BPT San Diego. Bình hoa đẹp không hẳn do tài năng của người cắm hoa mà trước hết do tài mỗi cánh hoa đã tự tỏa sáng nét đẹp của mình.

■

AH VÕ VĂN TIỀM (WALTHAM, MA)

Đây là danh sách các AHCC vùng Boston, MA. đóng góp nuôi dưỡng LT.

1. AH Nguyễn Hữu Tuân	*$20.00*
2. AH Quách văn Đức	*$20.00*
3. AH Trần Khương	*$20.00*
4. AH Trần Ngọc Thạch	*$20.00*
5. AH Cao Minh Lý	*$20.00*
6. Ah Võ văn Tiềm	*$20.00*
Tổng cộng	*$120.00*

Kính chúc AH và bửu quyến dồi dào sức khỏe, sang năm mới mọi việc khá hơn năm cũ.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn Ah đã liên lạc với các AH trong vùng để yểm trợ cho LT. Với tinh thần này chắc chắn LT còn trường tồn cho mãi đến sau ngày chúng ta trở về làm sống lại Hội AHCC tại Việt Nam Tự Do.

■

AH TRẦN TIỂN CHUÂN (PLAISANTON, CA)

Lá Thư Ái Hữu làm ấm tình thân thiết, nên tuy xa xôi mà được tin tức của quý anh chị cũng thấy rất gần gủi. Nhiều anh chị văn thơ tài hoa đọc rất thích thú. Tôi rất tiếc và thẹn mình vô tài không có đóng góp gì cả.

Trong số vừa qua có bài thơ của Verlain tôi rất thích và cũng thuộc lòng. Không có LT trước mặt nên quên không nhớ tên AH dịch, chỉ nhớ bài dịch rất hay. Nhưng bản in thiếu mất một câu: "au vent mauvais"

"Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte,
Decà, delà
Pareille à la
Feuille morte"

Tôi thiết tưởng nên bổ túc cho đủ.

Kính chúc quý vị sức khỏe dồi dào, thân tâm an lạc.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn AH đã bổ túc một câu thơ đánh máy sót trong đoạn cuối bài thơ "Chanson d'automne" của Paul Verlains đăng trên LTCC 79 trang 50. Đoạn này có 6 câu ở nguyên bản nhưng chỉ đăng có 5 câu, sót câu thứ 2, và phần dịch Việt của AH Nguyễn Đắc Khoa cũng chỉ có 5 câu, không biết có còn sót một câu hay xuống dòng không đúng chăng? (bởi ý thơ trong đoạn dịch xem ra cũng diễn tả hết ý thơ của nguyên bản). Nếu có sai sót thì đề nghị đăng lại nguyên bài trên LT 82 . . . để tác giả, dịch giả và cả độc giả khỏi buồn.

■

AH TÔN THẤT NGỌ (SAN FRANCISCO, CA)

Tôi mới vừa nhận được tờ "Cảm Tạ" của phu nhân AH Tạ Huyến yêu cầu anh em cho đăng vào LTAHCC kỳ tới. Xin chuyển đến BPT LT để tùy nghi.

Được các anh chị em trẻ đứng ra phụ trách LT kỳ này nên LT của chúng ta càng ngày càng thêm "sắc" thêm "hương". Hoan nghênh tinh thần hợp tác giữa già và trẻ của các anh chị trong BPT.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Quý AH vùng Vịnh đã thay mặt tất cả AH đến thăm Thầy Tạ huyến trước khi Thầy từ trần. BPT có đăng lời cảm tạ của phu nhân Thầy Tạ Huyến trên LT. Xin thành thật cám

ơn AH.

■

AH TRƯƠNG NHƯ BÍCH (VILLIERS S/MARNES-FRANCE)

Tôi xin gởi kèm theo đây bài tường thuật về buổi họp mặt 2003 của Ái Hữu vùng Pháp, để xin quý Ái Hữu cho đăng vào Lá Thư số tới (81) (cùng với 2 tấm hình sẽ được AH Xuân (hoặc Hứa) đã gởi riêng tới quý AH).

Xin chúc quý AH luôn luôn vui mạnh, và thành công trong mọi việc.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Bài tường thuật về buổi họp Xuân 2003 của AH vùng Pháp đã được đăng trong LT 81. Xin cám ơn AH và các AH phụ trách chụp hình.

■

AH NGUYỄN XUÂN MỘNG (SACRAMENTO, CA)

Tôi đã nhận được LTCC 80 anh gởi lên cho AH Lê văn Phương và tôi liền e-mail về anh theo địa chỉ: hop_tran@dot.ca.gov nhưng bị trả lui, vậy anh Hợp cho tôi e-mail để có chi kiên lạc được mau chóng. E-mail của tôi là: mxng@juno.com.

LTCC kỳ này đã đợc các anh thực hiện đẹp về hình thức và nội dung có nhiều bài rất giá trị. như tôi hứa với anh Hợp, tôi gởi kèm theo bài viết để tùy nghi các anh, nếu thấy có ý nghĩa thì đăng vào LT số kế tiếp.

Nhân dịp năm mới, xin chúc anh và bảo quyến cùng các AH trong BPT LT và các AH ở San Diego được luôn luôn sức khỏe và vạn sự như ý.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cám ơn về lời khen của AH "đẹp về hình thức" và nội dung có nhiều bài rất giá trị". Nhưng nghĩ lại công trình thực hiện tập "Kỷ Yếu Cao Đẳng Công Chánh" mà AH là đầu tàu , thì quả LT 80 chẳng có ý nghĩa gì. Một ngày nào đó LT trở về lại thủ đô California chắc chắn không thể thiếu bàn tay, khối óc và con tim của AH.

BPTLT xin đa tạ những lời cầu chúc tốt lành của AH.

■

AH BÙI MINH TÂM (SAN DIEGO, CA)

Xin yểm trợ Ban Phụ trách AHCC San Diego 20 đô để phát hành số Xuân 2003. Tuy có trễ nhưng xin anh em thông cảm.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Cám ơn AH đã yểm trợ cho LT. Đối với LT không bao giờ trễ cả và LT còn dài dài để chúng ta "còn mí nhau" mà! ...

■

AH NGUYỄN ĐỨC CHÍ (SILVER SPRING, MD)

Anh Tùng mới gia nhập Hội tháng 6 năm ngoái. Anh gởi tôi $20.00 nhờ đóng góp vào quỹ AHCC. Xin anh gởi cho anh Tùng LTAHCC mới ra mắt.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

BPT San Diego đã gởi LT số 80 đến AH Phở Tùng theo địa chỉ 4727 Exeter St, Annandale, VA, một thân hữu mới của AHCC do AH giới thiệu. Cám ơn AH Tùng đã góp phần yểm trợ tài chánh LT.

■

BA CHÀNG NGỰ LÂM PHÁO THỦ (SACRAMENTO, CA)

Ba anh em tụi tôi: Lê văn Phương, Nguyễn văn Vinh và Trình Hữu Dục xin gởi tới quý anh check $60.00 để yểm trợ LTAHCC.

Lá Thư AHCC vừa rồi rất đẹp, đầy đủ các mục thư tín, bài vở, thơ văn . . . đã tới với mọi người trước Tết Quý Mùi. (Riêng anh Lê văn Phương, cho tới hôm nay 28-1-03 vẫn chưa nhận được).

Cám ơn quý anh đã sốt sắng bỏ nhiều thì giờ quý báu để hoàn thành LT số 80. Số sắp tới xin quý anh lưu ý cho phát hành bản Danh Sách Địa Chỉ AHCC vì đã 2 năm anh em không có bản cập nhật. Có danh sách này mỗi khi đi đâu xa, AHCC có thể nương theo để liên lạc với bạn bè ở địa phương rất ích lợi.

Thành thật cám ơn quý anh và chúc quý anh cùng gia quyến năm mới Quý Mùi Vạn Sự Như Ý- Thân Tâm an Lạc.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Khi được biết AH Lê văn Phương không nhận được LT , AH TĐH đã phải bỏ cả "buổi hẹn với người đẹp" đi gởi ngay LT khác cho AH Phương. Xin có lời xin lỗi AH Phương.

BPT San Diego cũng đã nghĩ đến việc in lại bản Danh Sách và Địa Chỉ AHCC ngay khi bắt tay LT 80 nhưng vì sợ không đủ tiền nên đành xếp lại.

Quý AH chắc sẽ vừa lòng vì LT 81 có kèm theo bản Danh Sách và Địa Chỉ đó.

■

AH VĂN MINH PHƯỚC (EDMONTON, CANADA)

Thân gởi BPT LTAHCC vùng San Diego /2003 một chi phiếu $50.00 Can để ủng hộ và nuôi dưỡng LT, số tiền tuy nhỏ nhưng tấm lòng của tôi luôn luôn mong muốn LT tồn tại mãi mãi để con cháu sau này biết được tình thân hữu của AH Công Chánh bao giờ cũng tốt đẹp.

Kính chúc quý AH bước sang năm mới thân tân thường an lạc.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cám ơn AH ngoài việc yểm trợ tài chánh LT, lại còn tưới tẩm những dòng nước mát khích lệ tinh thần Ái Hữu tiếp tục duy trì LT đến những thế hệ con cháu mai sau.

■

AH MINH MÃ (PIANO, TX)

Tôi xin gởi theo đây chi phiếu $20.00 để ủng hộ LT AHCC. Tôi thành thật cám ơn BPT AHCC vùng San Diego đã chung sức làm việc cho LT AHCC 80 hết sức tốt đẹp.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cám ơn sự yểm trợ tài chánh và những lời khích lệ của AH. Một ngày đẹp trời nào đó, xin "người hùng binh chủng Công Binh" khai bút cho đàn em của AH được đọc vài mẩu chuyện vui vui bên lề việc xây dựng Dinh Độc Lập trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Đây là một kiến trúc độc đáo ở Sài Gòn, dấu ấn của AH đã gắn liền với Hòn Ngọc Viễn Đông.

■

AH HOÀNG ĐỐNG (ALISO VIEJO, CA)

Trước đây tôi đã gởi 2 bài: Nhận định về du lịch bà gia cư. Hôm nay xin gởi 1 bài nữa để LTAHCC tùy nghi. Nếu muốn tôi e-mail thì xin cho address.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Bài Nhận Định về Vấn Đề Du Lịch và Gia Cư tại VNcủa AH đã được đăng trong LTAH số 81 này. Xin cám ơn.

■

AH VĂN MINH HỒNG (HIGHLAND, CA)

Tôi gởi kèm disk có bài viết đóng góp cho Lá Thư AHCC. Cùng 1 bài nhưng tôi viết dưới 2 dạng VIQR và Unicode. Nếu thấy được thì các AH có thể đăng vào LT kỳ này.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Bài Cọp của anh làm nhiều AH sợ lắm, vì thỉnh thoảng còn gặp cọp . . . ở nhà.

■

AH TÔ ĐĂNG QUẾ (UNION CUTY, CA)

Tôi được đọc trong Lá Thư số 80 lời chia buồn với gia đình chúng tôi, và cầu nguyện cho Mẹ chúng tôiđược sớm về miền vĩnh cửu.

Thay mặt cho gia đình, tôi xin chân thành cảm tạ và ghi nhận lòng ưu ái của quý Ban Phụ trách Lá Thư cũng như toàn thể quý vị Ái Hữu Công Chánh.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Những lời cảm tạ của AH đã được đăng trên LT 81. Một lần nữa gia đình Công Chánh cầu chúc AH và quý hiền nội thân tâm an lạc trong những ngày tháng đau buồn vì sự vắng bóng bậc Từ Mẫu.

■

AH TRẦN ĐỨC HUY (H. BEACH, CA)

Tôi vừa nhận được LTAHCC số 80, xin cám ơn quý anh. Lá thư in rất đẹp, bài vở và hình ảnh rất phong phú. Xin gửi một số tiền nhỏ để góp vào quỹ điều hành lá thư. Tiện đây, xin chúc quý anh phụ trách LTAHCC vùng San Diego và gia đình sang năm Quý Mùi được vạn sự như ý.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cám ơn sự yểm trợ tài chánh cùng những lời khích lệ của AH.

■

AH BÙI THANH DƯƠNG (WASHINGTON D.C.)

Trong buổi họp AHCC/HT Đốn ngày 4/20/03, một số AH sau đây không nhận được LTCC 80, không hiểu vì lý do gì, có thể địa chỉ chưa cập nhật hóa v.v. . . mặc dầu đã đóng tiền yểm trợ LTCC vừa rồi. Vậy xin anh gởi gấp LTCC 80 và đồng thời cập nhật hóa địa chỉ, điện thoại, và zip code, check lại đóng tiền yểm trợ LTCC, v.v . . . theo sau đây.

Gởi gấp LTCC 80 đến 4 AH sau đây:

1. Hà Ngọc Thạch (Thomas)
13630 Clarendon sprins Court
Centreville, VA 20121-3009
(703) 830-0473

2. Mai Văn Mẹo
300 Buttry Road
Gaithersburg, MD 20877
(301) 330-0637

3. Nguyễn Hữu Thâu
12615 Epping Road
Silver Spring, MD 20906
(3010 933-1070

4. Thêm vào danh sách AHCC và gởi LTCC 80 đến (vì mới gia nhập AHCC/HTĐ, lâu nay mất lạc) chưa có tên trong danh sách:
Nguyễn Văn Di
1856 Lowdon Road
Abington, PA 19001

Xin đăng vào LTCC 81 như sau:

I/ Ban phụ trách LTCC/ vùng HT Đốn (năm 2004):
a. Bửu Đôn
b. Ngô Nẩm
c. Nguyễn Văn Bảnh
d. Bùi Thanh Dương – Thủ Quỹ
e. Nguyễn Đức Chí – Chủ Bút
f. Hoàng Ngọc Ẩn
g. Nguyễn Sĩ Tín
h. Nguyễn Long Tiết
i. Mai Văn Mẹo
j. Chu Bá Tường
k. Nguyễn Hữu Thâu
l. Nguyễn Thạc Việt Toàn

II/ Sau LTCC 80 này, từ nay thư từ liên lạc bài vở, chi phiếu v.v. . . xin gởi đến địa chỉ:
AHCC/Hoa Thịnh Đốn
509 ELDRID DRIVE
SILVER SPRING, MD 20904
USA
Tel: (301) 622-3972 (H)
(703) 518-8624 (O)
(703) 518-8577 (O)
E-mail bài vở, thư từ: tuan2u@erols.com (H)
E-mail liên lạc (không bài vở) : cnguyen@hdrinc.com (O)
Chú ý:
1. Bài vở, thư từ liên lạc xin đề tên AH Nguyễn Đức Chí
2. Chi phiếu, xin đề tên AH Bùi Thanh Dương.

■

AH HOÀNG ANH TUẤN (VIEW BANK, AUSTRALIA)

Xin anh cho Tuấn gởi ủng hộ 220 đô Úc. Nếu có gì trục trặc, vì chi phiếu của Ngân Hàng Úc không chuyển tiền được, xin anh liên lạc qua địa chỉ e-mail: tuanchau@optushome.com.au.

Xin kính chào anh, chúc các AH và gia đình một năm mới khang an thịnh vượng.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

BPT LT San Diego đã giải quyết thỏa đáng số tiền yểm trợ . . . lớn lao của AH. Xin chân thành cảm ơn AH. Nhân đây cũng xin lưu ý quý AH yểm trợ LT bằng tiền tệ của

Quốc gia đang cư trú nên gởi bằng Mỹ kim hay mua Money Order bằng Mỹ kim sẽ tiết kiệm được nhiều cho BPTLT ở Hoa Kỳ phải đổi ở Ngân Hàng, không phải trả $15 US cho tiền service/check.

■

AH TRẦN GIA TƯỜNG (SACRAMENTO, CA)

Tôi có đi dự Hội Tết Công Chánh 2003 tại San José ngày Chúa Nhật 19-1-2003 và có ghi lại một số hình ảnh của AHCC 4 vùng Oakland, San Jose, Sacramento, và Fresno. Nghe nói tập trung khoảng 60 AHCC cũ và 150 AHCC mới ở Mỹ. Xin gởi để BPT Lá Thư AHCC tùy nghi xử dụng như là tin tức địa phương vậy.

Tôi cũng xin BPT đính chánh giùm LTAHCC số 80, tháng 2/2003 trang 107, dòng thứ 31, Trần Gia Tường $50.00 (không phải Trần Gia Tưng như đã in trong đó).

Xin chúc sức khỏe các anh chị trong BPT Lá Thư AHCC và mong số 81 sắp phát hành được thành công tốt đẹp, nhiều màu sắc và bài vở phong phú.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Xin cảm ơn AH Đã gởi cho bài tường thuật và hình ảnh để đăng trong LT 81 và nhân đây cũng xin cáo lỗi về sai sót trong khi đánh máy tên AH, sẽ được điều chỉnh cũng trong LT 81 này.

■

AH HOÀNG NHƯ GIAO (ONTARIO, CANADA)

Kính anh Duy,

Xin gửi đến anh chi phiếu 20 USD ủng hộ lá thư AHCC.

■

AH LƯ HỮU DUYÊN (NORTH HILLS, CA)

Tôi xin đóng góp 20 USD để ủng hộ tờ báo AHCC. Kính chào quý Anh trong ban PTLT.

■

AH VIÊN LÂM (LOS ANGELES, CA)

Xin bù đắp vào tiền tem, bưu phí chứ chưa nói đến phần in ấn bấy lâu nay.

Ngưỡng mong LT tiếp tục đến với tôi lâu dài. Đa tạ.

■

NGÔ TÚ ANH (SAN DIEGO, CA)

Tôi vì bận đi xa nên đã chậm trễ trong việc đóng góp nuôi dưỡng lá thư CC nên đã làm phiền đến A/H phải nhắc nhở, sorry nhé.

Thân chúc AH và ban biên tập LTCC được nhiều khang an để nỗ lực cho LTCC Xuân 2003 được tô đậm thêm màu sắc. Kèm theo $ 20 để nuôi dưỡng LT.

*** BAN PHỤ TRÁCH LÁ THƯ:**

Trả lời chung quý AH:

*AH Hoàng Như Giao (Ont. Canada), AH Lâm Viễn (L.A, California), AH Lưu Hữu Duyên (North Hills, CA), AH Ngô Tú Anh (San Diego, CA).

Cám ơn quý AH đã yểm trợ tài chánh cho LT. Qua hơn 100 phiếu thăm dò ý kiến v/v thực hiện LTAHCC gởi trả lời cho BPT San Diego đã có cả 100 % yêu cần nên chú trọng vào 2 mục (1) Tin tức sinh hoạt AH từng vùng và (2) Trả lời thư tín AH khắp thế giới. Qua kinh nghiệm thực hiện LT, về mục (1), BPT San Diego đề nghị các bạn Đại diện vùng lúc tổ chức các buổi họp mặt nhớ chụp một vài tấm hình đầy đủ các AH ở tư thế đứng hay ngồi chung toàn cảnh thật rõ, như vậy lúc lên báo mới đẹp.

* Các mục còn lại ghi trên phiếu thăm dò cũng đều được đa số AH khuyến khích và tán đồng, không có một mục nào bị phản đối cả.

* Nhiều AH rộng lượng còn viết rằng: "Còn được LT là quý rồi, không đòi hỏi gì nữa cả".

* Một AH góp ý nên có thêm những bài viết về kỹ thuật để cho giới kỹ thuật trẻ tốt nghiệp tại chỗ có cơ hội tham gia sinh hoạt và đóng góp bài vở, vì họ chưa được sống nhiều trong tình ái hữu của các bậc đàn anh.

*Một AH góp ý nên tổ chức một Hội Đồng/Ban Quản Trị chủ trì việc tiếp nối thực hiện LT, đảm trách việc liên lạc AH để thúc giục và cập nhật việc yểm trợ tài chánh của AH. Các Ban Phụ Trách LT vùng chỉ phải lo việc thực hiện LT, không phải bận tâm về việc tiền bạc chi tiêu.

* Một AH đề nghị nên đăng kèm hình tác giả bài viết để tất cả AH được chiêm ngưỡng.

* Rất nhiều AH muốn có tập danh sách và địa chỉ AH và thân hữu khắp nơi. Điều này ban PT San Diego sẽ thực hiện cùng với LT 81.

Rất nhiều AH gởi chi phiếu yểm trợ LT kèm với ý kiến, BPTLT San Diego đăng tải trên LT 81.

LỜI HAY Ý ĐẸP:

■ *Hôn nhân là một quyển tiểu thuyết mà trong đó người Anh Hùng chết ngay chương đầu tiên.*

■ *Tôi thà được sung sướng còn hơn là khôn ngoan.*

■ *Hoàn cảnh là sức chi phối đối với kẻ nhu nhược, là dụng cụ, hành trang đối với người thông thái.*

■ *Trong các cuộc nói chuyện, sự im lặng là một nghệ thuật lớn lao của cuộc đàm thoại.*

SINH HOẠT ÁI HỮU CÔNG CHÁNH KHẮP NƠI

Ái Hữu **Lê Trọng Bửu** phụ trách

■

BUỔI GẶP GỠ AHCC TẠI SÀI GÒN NGÀY FEB 16, 03:

Hàng ngồi: Anh Hoàng Mạnh Để phu quân AH Phạm Ngọc Diệp, AH Trần Phước Thọ, AH Phạm văn Thơm, AH Bùi Hữu Lân, Anh chị AH Quỳnh Hoè.
Hàng đứng: Chị Trần Phước Thọ và AH Phạm Ngọc Diệp.

Ngày Feb 16,2003 một buổi gặp gỡ thân mật Ái Hữu Công Chánh đã được anh chị AH Trần Phước Thọ và anh chị AH Phạm ngọc Diệp tổ chức tại tư gia của AH Trần Phước Thọ. Hiện diện gồm có AH đàn anh Bùi Hữu Lân và một ít AH khóa K/S Công Chánh 1958: anh chị AH Trần Phước Thọ, anh chị AH Quỳnh Hoè, anh chị AH Phạm Ngọc Diệp, AH Phạm văn Thơm và AH Lê Trọng Bửu.

Các AH đã thăm hỏi, hàn huyên, thưởng thức các món ăn ngon của chị Trần Phước Thọ và của AH Phạm ngọc Diệp mang tới, cùng được dịp nếm chút hương vị đậm đà của quê hương qua rượu vang sản xuất tại Đà Lạt do phu quân AH Phạm ngọc Diệp giới thiệu.

Các AH hiện diện đều có tuổi trên dưới thất thập, rất quí trọng những dịp may gần gủi thăm hỏi nhau như thế nầy nên chuyện trò với nhau rất là thân mật và hào hứng trên 3 giờ đồng hồ.

■

SINH HOẠT AHCC TẠI PARIS: HỌP MẶT TẤT NIÊN XUÂN 2003

Ngày họp: Chúa Nhật 23 tháng 02 năm 2003

Từ trái sang phải: Quý AH Bích, Sơn, Thu, Thạch, Xuân, Chiểu, Đen. (AH Hứa chụp hình nên không có mặt trong hình)

Nơi họp: Nhà hàng PHƯỢNG HOÀNG Paris 13

Số người tham dự: 15 chị và Ái Hữu

Buổi họp tuy không được sự tham dự đông đảo của toàn thể Công Chánh tại Pháp, nhưng cũng không kém phần đầm ấm thân mật.

Các Ái Hữu hiện diện có đề cập vấn đề nuôi dưỡng Lá Thư, vừa được các Ái Hữu vùng Hoa Thạnh Đốn (Hoa Kỳ) nêu lên với những ý kiến nhiệt thành và hợp lý, trong Lá

Từ trái sang phải: Quý chị Công, Sơn, Thạch, Lâm, Bích, Xuân

Thư số 80. Các Ái Hữu tại Pháp hoàn toàn hưởng ứng, và kêu gọi nhóm Công Chánh tại Pháp nhiệt tình đóng góp, để Ban Phụ Trách Lá Thư có phương tiện duy trì mối dây liên lạc của Cộng Đồng Công Chánh năm châu.

Các AH hiện diện đã sốt sắng đóng góp ủng hộ LT (báo cáo riêng của AH Hoa Trường Xuân) trước khi chia tay lúc 15:00 giờ.

Tường thuật : Trương Như Bích 23/02/2003

■

SINH HOẠT AHCC VÙNG HOA THỊNH ĐỐN MÙA XUÂN QUÝ MÙI (20/4/03).

Buổi họp mặt thường niên AHCC/HTĐ, mùa Xuân Quý

Mùi, đã được tổ chức vào ngày Chúa Nhật 20 tháng 4 năm 2003, lúc 12 giờ trưa, tại tư thất AH Dư Thích ở North Potomac, Maryland.

Hầu hết các AHCC và phu nhân đã đến tham dự đông đủ, tổng số vào khoảng 60 người. Đặc biệt có một số KTS

Từ trái sang phải: Quý AH Thâu, Mẹo, Huân, Ẩn, KTS Sơn, Nẩm, Thạch

và phu nhân vùng HTĐ và một số Kỹ Sư Công Chánh tốt nghiệp ở Hoa Kỳ cũng đến tham dự.

Ngoài ra, nhân dịp nầy, AHCC/HTĐ cũng vui mừng và hân hạnh được đón tiếp AH Trương Đình Huân và phu nhân, cựu Giám Đốc Nha Nông Cơ, từ Cali đến tham dự.

Đề tài chính buổi họp nầy là thảo luận vấn đề tiếp nhận và phụ trách LTCC từ San Diego chuyển qua năm 2004. Ban Phụ Trách LTCC/HTĐ sẽ ấn hành 2 LT số 82 và 83 trong năm 2004. Sau khi AH Bùi Thanh Dương và AH Nguyễn Đức Chí trình bày một số chi tiết về việc tiếp nhận và chọn lọc bài vở, vấn đề email, đánh máy, layout,

Quang cảnh chung buổi họp mặt Xuân Quý Mùi AHCC vùng Hoa Thịnh Đốn

ấn loát, phân phối LT, cùng chi phí cần thiết, v.v . . . toàn thể AHCC/HTĐ đã đề cử Ban Phụ Trách LTCC/HTĐ (2003) gồm có các AH liệt kê phần sau đây.

Ngoài ra, cũng còn có phần văn nghệ giúp vui do ca sĩ Như Hương, AH Lê Quang Phùng, Nguyễn văn Di, Trương Minh Viễn và các AH và phu nhân tài tử khác . . . trình diễn thật vui vẻ, náo nhiệt.

Tất cả mọi người đều được thưởng thức một bữa ăn trưa ngon lành do chính bàn tay khéo léo của các phu nhân nấu nướng. Buổi họp diễn ra trong bầu không khí thật vui tươi,

Từ trái sang phải: AH Nguyên, Tiết, KTS Tích, Toàn, Phúc, Di, Các, Lâm Thạch, chị Thích

thân mật, đầm ấm, thoải mái, thích thú, và chấm dứt vào lúc 5 giờ chiều.

Đại Diện AHCC/HTĐ
Bùi Thanh Dương (12/5/2003)

■

Quang cảnh chung buổi họp mặt tất niên ngày 23 tháng Chạp năm Nhâm Ngọ tại nhà hàng Paracels Seafood, Westminster, CA

SINH HOẠT AHCC NAM CALI: HỌP MẶT TẤT NIÊN NGÀY 25-1-2003 TẠI WESTMINSTER, CA

Như thường lệ, hằng năm cứ mỗi lần Tết đến, AHCC Nam Cali lại họp mặt Tất niên. Năm nay AHCC đã họp mặt tại nhà hàng Paracels Seafood, đường Brookhurt, Westminster, vào lúc 11 giờ trưa 25-1-2003 tức là ngày 23 tháng chạp đưa ông Táo chầu Trời. Có vào khoảng 160 ái

Đứng: AH Ái Văn, Trần Sĩ Huân
Ngồi: AH Đồng Sỹ Tụng, Phạm Lương An. Hoàng Đình Khôi

Trao bảng Thượng Thọ cho 2 AH Nguyễn văn Cừ (86 tuổi) và Lê Quamg Tiềm (85 tuổi)
Từ trái sang phải: AH Lê Quang Tiềm, Nguyễn văn Cừ, Lê Khắc Thí và Đồng Sỹ Tụng

hữu và thân hữu tham dự trong đó có hai bàn dành riêng cho 2 gia đình của AH cao niên Nguyễn văn Cừ và AH cao niên Lê quang Tiềm cũng đến tham dự trong dịp trao tặng Bảng Thượng Thọ.

Chương trình họp mặt gồm có: Chào mừng và chúc Tết ái hữu, Báo cáo sinh hoạt trong năm, Báo cáo tài chánh, Tường trình về Bảng Thượng Thọ, Lễ Trao Bảng Thượng

Từ trái sang phải: Quý chị Vĩnh Đào, Trương Như Nguyên, Lê Đình Kỳ, Trần Sĩ Huân, Đồng Sỹ Tụng

Thọ (xem hình đính kèm) và cuối cùng là Tường trình về Lá Thư AHCC.

Sau phần thủ tục đến phần tiệc trưa có văn nghệ thân hữu giúp vui rất là nhộn nhịp. Ái hữu lâu ngày gặp nhau ăn nói hàn huyên ồn ào át cả tiếng micro phát thanh từ trên sân khấu.

Trong dịp này một số Lá Thư AHCC số 80 Xuân Quý Mùi đã được phân phát cho các ái hữu hiện diện.

Buổi họp mặt Tất niên chấm dứt vào lúc 2:30 chiều cùng ngày.

Trần Sĩ Huân

■

HỌP MẶT TẤT NIÊN AHCC HOUSTON/TEXAS NĂM 2002

1. Thời gian và Địa điểm: 6:30 chiều ngày 28 tháng 2 năm 2002 tại tư thất AHCC Phan Quang Nam.

2. Thành phần tham dự: AHCC Houston và gia đình cùng một số thân hữu và quan khách đặc biệt Giáo Sư Hán văn Bác Sĩ Hoàng Xuân Chỉnh và Ảo thuật gia Đỗ Linh và phu nhân.

Từ trái sang phải: Hàng đứng: TH /AH Huyến, Độ, Nam. Đạo, Xá Lộc, Xuân, Đáng Trường, Hảo . . .
Hàng ngồi: 2 TH thuộc ban nhạc Khải Hoàn, chị Xá, Hảo, Tường, Xuân, Chu, Nam, Đáng, Hội

Phầm âm nhạc giúp vui do ban Khải Hoàn phụ trách.

3. Chương trình sinh hoạt buổi họp mặt gồm:

A. Góp món ăn chung: các món ăn rất đặc sắc do các nàng dâu Công Chánh sửa soạn. Món ăn càng ngon thì câu

Từ trái sang phải: Quý chị Độ, Hội, Khiêm, Xuân, Đáng

chuyện hàn huyên càng đậm đà và tình thân càng thắm thiết.

B. Thu tiền đóng góp yểm trợ LTAHCC: số tiền thu được gồm $280 của 14 AHCC; niên liễm điều hành nội bộ AHCC Houston thu được $140.

C. Sinh hoạt và Văn Nghệ: Giáo sư Hán Văn BS Hoàng Xuân Chỉnh thuyết trình đề tài : **Chữ Hán trong ngôn ngữ và Văn học Việt Nam**. Đề tài thật đặc sắc và bổ ích. Sau phần thuyết trình là phần văn nghệ cây nhà lá vườn nhưng không kém phần điêu luyện của các AH và thân hữu tham dự. Xen kẽ giữa phần ca nhạc là những màn biểu diễn Ảo thuật của anh chị Đỗ Linh, chuyện vui của AH Nguyễn Đôn Xuân và đề tài Vô Thường của phu nhân AH Nguyễn Quý Hội.

D. Màn xổ số lấy hên trước khi chia tay do AH Đoàn Kỳ Tường và phu nhân phụ trách cũng hết sức sôi nổi. Sau

cùng là bản đồng ca CHIA TAY và hẹn nhau gặp lại kỳ tới.

AHCC Tây Bắc đón tiếp anh chị AH Ngô Quang Tịnh.
Từ trái sang phải: AH Bảo, Tịnh, Trung, Hoàn

Người ghi: **Phan Quang Nam**

■

Từ trái sang phải: Quý chị Tường, Hoàn, Bảo, Tịnh, Trung

TIN TỨC AHCC VÙNG TÂY BẮC:

Chúng tôi, anh em AH vùng Tây Bắc, rất vui mừng được tin các anh vùng San Diego đã đứng ra phụ trách ấn loát lá thư AHCC. Chúng tôi từ phút đầu tiên dưới sự phụ trách của các anh Hà quốc Bảo, Tôn thất Ngọ, Nguyễn Thiệp . .v.v . . . đã phụ trách mấy số báo AHCC nên đã biết được sự khó nhọc này.

Anh em ái hữu vùng Tây Bắc rất ít nhưng mỗi lần có các Ái hữu CC về thăm chúng tôi đều họp mặt, ân cần tiếp đãi để giữ truyền thống tốt đẹp ái hữu.

Gửi kèm theo vài hình ảnh về sinh hoạt của chúng tôi.

Cũng xin đính kèm chi phiếu $20 để nuôi dưỡng lá thư.

Kính

Phạm-bội-Hoàn

AHCC Tây Bắc đón tiếp AH Ngô Anh Tề.
Từ trái sang phải: Hà Quốc Bảo, Ngô Anh Tề,
Trương Minh Trung, Phạm Bội Hoàn

■

SINH HOẠT AHCC MONTREAL:

TIỆC ĐẠI THƯỢNG THỌ CỦA AH PHẠM HỮU VĨNH

Trưa chúa nhật 23-02-2003, AHCC Montreal đã tổ chức một buổi tiệc trao bằng mừng Đại Thượng Thọ cho cụ Phạm hữu Vĩnh, AH lão thành và cũng để đón chào năm mới Quí Mùi.

Từ trái sang phải: Chị Vũ Ngọc Can, AH Nguyễn Quang Di, Bà Phạm Hữu Vĩnh, AH Phạm Hữu Vĩnh và AH Đào Trọng Cương

Mặc dầu bão tuyết lớn nhất trong năm cùng thêm mưa đá trơn trợt rất nguy hiểm trong việc di chuyển, hơn 120 AHCC cùng gia đình và thân hữu đã tới chúc thọ cụ Vĩnh.

Mở đầu buổi tiệc, AH Trần Đình Thăng, Đại diện ban tổ chức cám ơn sự hiện diện đông đảo của cử tọa. Kế tiếp, AH Vũ Ngọc Can tóm tắt tiểu sử và sự nghiệp của AH Phạm Hữu Vĩnh, nguyên Tổng thư ký Bộ Công Chánh và Giao Thông Việt Nam. Sau đó hai AH lão thành Đào Trọng Cương và Nguyễn Quang Di trao bằng Đại Thượng Thọ cho AH Vĩnh. Rồi chị Vũ Ngọc Can tặng hoa cho phu nhân AH Phạm Hữu Vĩnh. Màn cuối cùng cắt bánh và uống rượu của hai cụ Vĩnh, nhắc lại hình ảnh của đôi uyên ương thuở nào.

Rất xúc động, AH Vĩnh cám ơn thiện cảm nồng hậu của gia đình Công Chánh và thân hữu đã hiện diện đông đủ, mặc dù nguy hiểm do bão tuyết và mưa đá gây nên. AH Vĩnh cũng không quên cám ơn hội AHCC trung ương và đặc biệt là vị hiền thê đã luôn luôn trợ giúp AH Vĩnh trong mọi hoàn cảnh.

Kế tiếp là chương trình thi ca nhạc, mở đầu với bài thơ

xuất sắc của AH Phạm Ngọc Xuyên. Rồi đến hai nhạc sĩ Lệ Dung và Trương Sĩ Thực với sáu ca sĩ tài tử rất nổi tiếng giúp vui. Lại nữa, ban hợp ca của gia đình cụ Vĩnh cũng đóng góp các bài ca hài hước làm không khí buổi tiệc thêm tưng bừng.
Ngoài ra các học viên Tài Chi và Khí Công Dưỡng Sinh do hai cụ hướng dẫn cũng nhân dịp vui này ngỏ lời tri ân và ngâm thơ chúc tụng.

Một bất ngờ hứng thú được tiết lộ là vào dịp này cũng nhằm kỷ niệm 60 năm thành hôn của hai cụ Vĩnh.

Đệnhất MC duyên dáng và hoạt bát của Montreal, chị Phương- Liên, ái nữ của cố AH Vũ Thiện Đản và MC vui nhộn Văn Khoa, một AHCC, đã điều khiển khéo léo chương trình như ban tổ chức đã hoạch định.

Buổi họp được thành công mỹ mãn nhờ sự hiện diện đông đủ của thân hữu và gia đình Công Chánh với ba thế hệ tham dự.

Từ trái sang phải: AH Nguyễn v Hớn, Ng. T. Lâm, V.Đ. Bảo, B.v. Căn, Ng. v. Quý

Trao bảng mừng Đại Thượng Thọ cho AH Phạm Hữu Vĩnh
Từ trái sang phải: AH Nguyễn Quang Di, AH Phạm Hữu Vĩnh và AH Đào Trọng Cương

Trước khi ra về, mọi người còn bịn rịn với hai cụ Vĩnh và hẹn nhau sẽ gặp lại trong dịp gần đây.

Trần Đình Thăng ghi chép.

■

TIN TỨC AHCC/MONTREAL

1- Ngày 23-01-2003 Ái hữu và Thân hữu Công Chánh Montreal đã tổ chức buổi tiệc chúc thọ cụ Phạm Hữu Vĩnh, Ái hữu niên trưởng tại Montreal. Chi tiết buổi tiệc đã được trình bày như trên.

2- Ngày 08-04-2003, anh chị Nguyễn Quang Bá từ Úc châu, nhân dịp du lịch nhiều nước trên thế giới, đã ghé Montreal, Canada.

Được thông báo trước có vài giờ, hơn nữa nhằm trưa thứ ba, nên chỉ có các anh chị Võ Ngọc Diệp, Nguyễn văn Khoa và Trần đình Thăng tiếp đón anh chị Bá tại nhà hàng New Port, Brossard.

Trần đình Thăng ghi
(Đính kèm 1 ngân phiếu US $20.00 đề tên AH Tôn Thất Duy.)

■

Từ trái sang phải: AH Ng. v. Quy, Ph. Đ. Tăng, Huỳnh v Ẩn, L. Th. Trang, Ng. T. Tùng

SINH HOẠT AHCC LOUISIANA

AHCC Louisiana họp mặt tất niên ngày 23 tháng Chạp năm Nhâm Ngọ tại nhà hàng "Hoa Hồng Chín".
Trong buổi họp mặt có các chị AHCC LA nhưng không biết Nhiếp Ảnh gia làm sao mà khi rửa hình thì hình các chị bị thiếu ánh sáng nên tôi không dám gởi đăng, sợ các chị cho là "hỗn". Xin lỗi các chị AHCC LA. Xin hẹn các chị vào buổi họp mặt đến tôi sẽ đích thân chụp hình cho đẹp.

■

GIỚI THIỆU TRANG NHÀ
KỸ SƯ CÔNG CHÁNH KHÓA 2 SAIGON (1849-1954)

Trong phần Nối-Tiếp của Mạng-Lưới:
www.aihuucongchanh.com, chúng tôi thấy các Kỹ-sư khóa 6.7,9,15,17 vv . . . có mở các trang-nhà (home-page) trình bày rất mỹ-thuật. Chúng tôi thuộc nhóm KSCC khóa 1954, tuy tuổi đã cao trên 70 cả rồi nhưng cũng muốn tiếp tay với các ái-hữu trẻ nên mạo-muội mở thêm mạng-lưới

www.vnenterprise.com/ahcc để góp tiếng nói cùng các đồng-nghiệp xa gần, nhất là các bạn đồng khóa để trao đổi tin tức cho mau chóng, theo kịp trào lưu tiến hóa của khoa vi-tính ngày nay.
Vậy xin mời quý ái-hữu lần lượt mở các mục trong mạng-lưới KSCC 1954 www.vnenterprise.com/ahcc để đọc các phần chi-tiết và xin cho biết tôn ý để chúng tôi kiện toàn mạng-lưới này ngày thêm khởi sắc.
Như quý ái-hữu đã biết, Trường Cao-Đẳng Công-Chánh Đông-Dương thành lập từ năm 1902 tại Hà-Nội cho đến năm 1945 phải tạm đóng cửa vì chiến tranh. Qua năm 1947, Trường mới mở lại tại Saigon.
Khóa 1949-1954 khai giảng ngày 1-10-1949 với 25 sinh-viên Việt Miên Lào và tốt-nghiệp Cán-sự Công-Chánh ngày 15-6-1952. Vì tình-hình chiến cuộc, một số anh em đã nhập ngũ (sau này có Huỳnh-Bá-Tính lên đến cấp bậc Chuẩn-Tướng Không quân và mất tại San Jose vào khoảng năm 1990). Số còn lại 14 người tiếp tục học lớp Cao-Đẳng cùng với 4 người ở khóa trước. Tất cả đã tốt-nghiệp Kỹ-sư Công-Chánh vào ngày 15-6-1954. Hiện nay chúng tôi chỉ còn 11 người ở Hoa-Kỳ và Canada.
Sau đây là danh-sách và điện-thoại của chúng tôi, xin ghi lại để tiện liên-lạc với nhau. Xin cám ơn.
TRẦN-SĨ-HUÂN
BỬU-HIỆP
HOÀNG-ĐÌNH-KHÔI

■

DANH SÁCH ÁI-HỮU CÔNG-CHÁNH KHÓA 2 SAIGON (1949-1954)

A. Hoa-Kỳ:

1/ Nguyễn-Ngọc-Ẩn	(714) 891 0177
2/ Nguyễn-Ngọc-Du	(408) 251 4927
3/ Bửu-Hiệp	(916) 682 9765
4/ Trần-Sĩ-Huân	(805) 278 1633
5/ Hoàng-Đình-Khôi	(714) 894 7204
6/ Nguyễn-Văn-Ngân	(510) 657 3257
7/ Tôn-Thất-Toại	(714) 846 7824
8/ Hoàng-Ngọc-Thân	(817) 801 8278
9/ Nguyễn-Long-Tiết	(703) 698 9824
10/ Trát-Quan-Tiên	(626) 288 0945

B. Canada:

11/ Phạm-Ngọc-Xuyên	(450) 443 9095

C. Mất Liên-Lạc:

12/ Lê-Long
13/ Lương-Văn-On
14/ Trần-Minh-Sử
15/ Dương-Hồng-Viễn
16/ Pou Var (Lào)

D. Mất Tích Trên Đường Vượt Biển:

17/ Ngô-Công-Khanh

E. Đã Qua Đời ở VN:

18/ Thà-Thúc

■

SINH HOẠT AHCC/ BẮC CALI

TIẾP ĐÓN AH NGÔ TRỌNG ANH, LÊ SÁU VÀ NGUYỄN MẠNH HOÀN

Từ trái sang phải: Ah Trưởng lão Ngô Trọng Anh và AH Lê Sáu trong kỳ viếng thăm đầu năm 2003 tại San Francisco

Từ trái sang phải: Ah Đại Trưởng lão Nguyễn Mạnh Hoàn và AH Lê Sáu trong kỳ viếng thăm đầu năm 2003 tại bắc Cali.

HỘI CHỢ TẾT
CÔNG CHÁNH
XUÂN QUÝ MÙI
TẠI
SAN JOSE

HỘI TẾT CÔNG CHÁNH QUÝ MÙI 2003: Được tổ chức tại Stonegate Elementary School, 2605 Gassman Drive, San Jose, California, ngày Chúa Nhật 19-1-2003 từ 11 giờ trưa đến 5 giờ chiều.

Hội Tết bao gồm Chương trình Mừng Xuân và Tiệc Mừng Xuân, gồm nhiều tiết mục truyền thống như: Múa Lân, Văn Nghệ, Xổ Số, Đố Vui Có Thưởng, Kịch, Sớ Táo Quân, Dân Ca, Hợp ca, Tin Tức Công Chánh Khắp Nơi . . .

Sau đây là một số hình ảnh tiêu biểu cho sinh hoạt Hội Tết của Ái Hữu Công Chánh Bắc California.

SINH HOẠT PICNIC HÈ 2003 TỔ CHỨC TẠI SAN DIEGO NGÀY 6 THÁNG BẢY, 2003.

Tôn Thất Duy tường trình.

Hè năm nay, Ái Hữu Công Chánh Miền Nam California đã cùng các ái hữu đang làm việc tại các Ty Kiều Lộ Tiểu Bang California (Caltrans) tổ chức một buổi họp mặt ngoài trời vào dịp lễ Độc Lập của Hoa Kỳ. Địa điểm tổ chức là công viên Tidelands, nằm trong thành phố Coronado bên cạnh cây cầu nổi tiếng của thành phố biển thơ mộng này

Có trên một trăm ái hữu, thân hữu và gia đình tham gia sinh hoạt đầy tình thân hữu này. Ngoài tiết mục BBQ, ăn uống ngoài trời, còn có phần chớp hình lưu niệm, báo cáo tình hình của LTAHCC Số 81. Các tiết mục thể thao như môn bóng chuyền, nhảy bao bố và ném bong bóng nước được cái ái hữu và các con em tham gia hết sức vui nhộn và hào hứng. Thêm vào đó thời tiết lại quá tuyệt vời. Nắng ấm, gió biển, đồ ăn ngon và trang điểm thêm tình bạn thắm thiết đã làm cho sinh hoạt Hè năm nay của các ái hữu miền nam California hết sức sinh động và vui nhộn.

Buổi Picnic chấm dứt lúc 3 giờ chiều, anh chị em ái hữu vui vẻ chia tay ra về dặn nhau mong có ngày gặp lại.

BẢNG MỪNG ĐẠI THƯỢNG THỌ

LÊ KHẮC THÍ

Năm nay Quý Mùi (2003), gia đình Công Chánh trong dịp mừng Xuân đã trao bốn bảng Đại Thượng thọ, tặng bốn vị Ái hữu cao niên đạt ngoài 85 tuổi. Trước đây Bảng Đại Thượng Thọ (Đ.T.T.) lập ra để mừng tuổi thọ quý Ái hữu đạt cửu tuần, và đã trao tặng trên 20 bảng trong 10 năm qua. Nhưng những năm gần đây trong đại gia đình Công Chánh không có địa phương nào đề nghị trao tặng bảng ĐTT vì không có AH cao niên đạt cửu tuần, do đó đề nghị ấn định lại mức tuổi ĐTT là 85 thay vì 90 như đã quy định. Đề nghị này được đa số AH các địa phương đồng ý.

Bốn cụ AH được trao tặng bảng ĐTT năm 2003 đạt mức tuổi trên 85, gồm có quý AH đàn anh:

- Cụ Phạm Hữu Vĩnh (1917- Canada)
- Cụ Tạ Huyến (1917- Bắc Cali -USA)
- Cụ Nguyễn văn Cừ (1917 - Nam Cali- USA)
- Cụ Lê Quang Tiềm (1917 - Nam Cali- USA)

Lễ trao tặng bảng ĐTT được tổ chức trọng thể ở các địa phương:

- Ở Montreal Canada, hôm 23 tháng 2 năm 2003, trên hai trăm AHCC, thân hữu và đông đúc bà con, con cháu trong gia đình AH Phạm Hữu Vĩnh tham dự bữa tiệc mừng Xuân và trao tặng bảng ĐTT đến AH Phạm Hữu Vĩnh. Đây cũng là dịp mừng kỷ niệm 60 năm thành hôn của cụ ông và cụ bà Phạm Hữu Vĩnh (Diamon Anniversary). Qua cuốn video chúng tôi nhận được, quang cảnh buổi tiệc mừng được tổ chức rất trọng thể, mặc dù thời tiết ở Montreal giá lạnh, cụ AH Đào Trọng Cương (94 tuổi) từ Ottawa cũng có về tham dự chung vui với AHCC.
- Tại Little Saigon, Nam Cali, hôm 15 tháng 1 năm 2003 trong buổi họp mặt mừng Xuân, lễ trao tặng bảng ĐTT đến quý AH Nguyễn văn Cừ và AH Lê quang Tiềm cũng được tổ chức trọng thể trước sự hiện diện của trên 160 AH và gia đình, buổi tiệc tổ chức tại nhà hàng có ca nhạc giúp vui.
- Riêng về cố AH Tạ Huyến, trong thời gian lâm bịnh, chúng tôi đã có dịp thăm viếng và đề nghị việc tặng bảng ĐTT và được AH vui mừng nhận lời; vì lý do sức khỏe của AH, anh em AH Bắc Cali không tiện tổ chức họp mặt đông đủ để trao tặng bảng ĐTT và đã đề cử một phái đoàn do AH Ngô Trọng Anh và AH Tôn Thất Ngọ hướng dẫn đến thăm AH Tạ Huyến và trao tặng bảng ĐTT.

Lễ trao tặng bảng ĐTT năm nay sẽ được tường thuật trên các bản tin AHCC địa phương đầy đủ hơn. Cảm tưởng của quý cụ trong dịp này rất tốt đẹp, cụ Đào trọng Cương viết trong thư: "Tiệc mừng ĐTT anh Phạm Hữu Vĩnh đã được tổ chức rất vui, gồm khoảng 200 bạn và gia đình, một dịp chung vui mà tôi sẽ không bao giờ quên". AH Phạm Hữu Vĩnh nói: "Đây là một buổi họp mặt vui mừng nhất đời chúng tôi, trước đây chúng tôi có phần lo là khó mà nhận được bảng ĐTT, nay thì đã nhận được". AH Nguyễn văn Cừ, AH Lê Quang Tiềm tỏ bày niềm vui trong buổi lễ tặng bảng ĐTT có đông đúc gia đình hai AH chung vui cùng AHCC và tỏ lòng cám ơn AHCC khắp nơi đã có lời chúc mừng và tặng bảng.

Sau đâylà một vài tin vui về sức khỏe của quý cụ AH ngoại cửu tuần:

- Cụ Lê sĩ Ngạc (VA.)
- Cụ Nguyễn Mạnh Hoàn (CA)
- Cụ Đạo Trọng Cương (Canada)
- Cụ Nguyễn văn Minh (CA)

Bốn cụ đều ở tuổi 94, tuy nhiên sức khỏe cũng như tinh thần, chúng tôi được biết qua thư từ, điện đàm hay họp mặt, các cụ còn rất minh mẫn, mạnh khỏe và sống hạnh phúc với con cháu. Đáng mừng thay và đáng noi gương cho AHCC. Gia đình Công Chánh xin kính chúc quý cụ sống ngoài trăm tuổi.

Chúng tôi lại có nhận được một vài đề nghị liên quan đến bảng ĐTT như sau:

- Danh xưng Đại Thượng Thọ cho tuổi 90 vẫn giữ như trước, nay với mức tuổi 85, nên để là bảng "Thượng Thọ". Tuổi 95 danh xưng là "Tiên Lão", tuổi 100 danh xưng là "Chân Tiên Lão". Xin quý AH góp ý kiến.
- Quý AH đại diện tại các địa phương mỗi khi biết được quý cụ AH đạt 85 tuổi, xin tin cho Ban Phụ Trách bảng ĐTT biết để chuẩn bị lập bảng và trao tặng.
- Quỹ ĐTT như đã báo cáo trong LT 80 (trang 19-20) hiện còn $347.50, đủ để chi phí cho 3 bảng. Chúng tôi cũng xin nhắc lại là để duy trì truyền thống tốt đẹp này, xin quý AH quan tâm nuôi dưỡng quỹ ĐTT cũng như nuôi dưỡng Lá Thư AHCC.

Xin cám ơn quý anh.

■ *Điều quan hệ không phải là chúng ta sống được bao lâu, mà chúng ta phải sống như thế nào.*

Lá Thư Quebec

PHẠM HỮU VĨNH

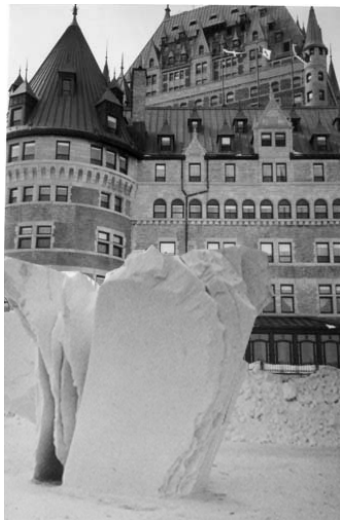

Brossard, Quebec, Canada, ngày 21 tháng 4 năm 2003

Thân gởi Ban Phụ Trách LTAHCC vùng San Diego.

Rất cảm động khi nhận được thư anh đề ngày 07-03-2003 với lời lẽ chân thành và tấm hình rất đẹp của 6 hổ tướng đã can đảm nhận tiếp tục phát hành LTAHCC. Trong hình tôi nhận ra được có 3 anh là anh Bửu trước kia là cộng sự viên với tôi ở Nha Hàng Không Dân Sự, anh Thọ bên Kiến Thiết trước kia cũng có nhiều dịp gặp tôi, anh Hợp* tuy không có liên lạc với tôi nhiều nhưng tôi vẫn còn nhớ hình dáng của anh. Bây giờ, anh Hợp thấy đẫy ra nhưng vẫn còn giữ những nét đặc thù của anh hồi trước. Còn 3 anh Thìn, Khâm và Duy thì tôi chưa có dịp gặp, nhưng cũng thấy có sự cảm thông như là trong gia đình vậy.

Hôm 23-02-03, bên này các AHCC vùng Montreal có tổ chức buổi họp mặt để trao bảng mừng Đại Thượng Thọ cho tôi do anh L.K. Thí ở Nam Cali gởi qua cho anh Trần Đình Thăng thuộc ban Đại Diện AHCC vùng Canada. AH và TH C.C. đã tham dự vui vẻ và rất đông mặc dù hôm đó có bão tuyết và có verglas. Trời chưa bao giờ thấy xấu như hôm đó, tuyết 25 cm, verglas 10 m/m, rồi mưa, rồi lại tuyết. Thế mà buổi họp mặt rất thành công, Ban Tổ Chức do các anh Trần Đình Thăng và Nguyễn văn Khoa hướng dẫn với sự cộng tác của các con tôi đã làm cho buổi hội có một bầu không khí đầm ấm, vui nhộn khiến cho tôi quên cả cái tuổi cao và có cảm giác như còn thanh niên lắm. Hôm đó lại nhằm ngày kỷ niệm 60 năm đám cưới vợ chồng tôi nên lại càng thêm vui nữa.

Anh Thăng cho tôi biết là sẽ làm phúc trình về buổi họp này gởi cho ban phụ trách cùng với những tấm hình cần thiết. Tôi chưa kiểm lại với anh Thăng xem anh đã gởi chưa, vì từ đó tới nay chưa có dịp gặp lại và anh Thăng cũng hay đi vắng, nên tôi gởi sang anh một tấm hình mà tôi cho là tiêu biểu, tóm tắt ý nghĩa buổi họp mặt và hai bài thơ. Một là của AH Phạm Ngọc Xuyên kể lại tiểu sử của tôi và một là của một bà thân hữu, nữ thi sĩ Hoài Hương, bạn thân với vợ chồng tôi.

Mong anh cho in ảnh và thơ vào số mùa Thu này của LTAHCC.

Anh Hợp cũng yêu cầu tôi kể lại những kỷ niệm buồn vui trong 12 năm tôi giữ chức vụ TTK Bộ Công Chánh. Đề tài hấp dẫn quá, đối với những người còn nhỏ tuổi trong thời gian 1960-1972, không làm việc trong các cơ quan trung ương Bộ, thì đó là một chuyện lạ vì trong thời kỳ đó, sau khi hai ông Diệm và Nhu bị lật đổ, bao nhiêu lần chánh phủ thay đổi, mà tôi vẫn còn ở chức TTK Bộ Công Chánh. Lạ thật. Anh chắc là tôi được chứng kiến nhiều việc lạ thường và chính bản thân tôi cũng có những cảm xúc mạnh, buồn-vui đáng kể lại cho anh em nghe. Rất tiếc là tôi làm anh thất vọng vì nghĩ mãi cũng không thấy có gì đáng giữ làm kỷ niệm cả. Có chăng là khi nghĩ lại cuộc đời của tôi từ khi tốt nghiệp Trường Công Chánh, làm việc trong chánh phủ với các chức vụ từ nhỏ tới lớn, kể chung là 32 năm, tôi thấy mãn nguyện phần nào, vì luôn luôn làm việc rất đắc lực và nhờ may mắn nên lúc nào cũng được nhiều người thương mến.

Tôi không phải vận động, xin xỏ gì mà các chức vụ tôi được bổ nhiệm vào cứ tự nhiên tới với tôi. Trời ban cho tôi cái bản chất vị tha, khi thi vào lớp huấn luyện Cán sự Công Chánh, tôi chỉ có ước vọng là có thể làm được việc gì có ích cho đồng bào sau này. Nghĩ rằng dân ta sống đa số về nghề nông và nông nghiệp cần phải có nước nhiều và điều hòa nên khi học tôi chú trọng nhất vào môn Hydraulique. khi ra trường Cán Sự năm 1940, may tôi được đỗ đầu nên được phép chọn nơi làm trước, và tuy tôi gốc người Hà Nội, tôi đã không lựa chỗ làm tại Sở Hỏa Xa gần nhà mà xung phong vào Nam để có thể tham gia vào các công tác dẫn thủy nhập điền, nếu có.

May thay, như là có Trời giúp nên vào tới Sài Gòn trình diện thì được bổ nhiệm làm Quản Đốc công trường xây cất cầu, cống, đắp đê, đào kinh để ngăn nước mặn và dẫn nước ngọt vào mấy ngàn mẫu lúa của tỉnh Gò Công. Tôi ở đây, học được rất nhiều, vì khi tôi tới gặp lúc vị Quản đốc công trường là cụ Nguyễn văn Dinh, sau này có làm Tổng Trưởng Công Chánh, đi nghỉ phép. Còn nhà thầu vì gặp nhiều khó khăn kỹ thuật khi đào móng các công trình sự (écluses, barrage, prise d'eau) giải quyết không được, tốn kém lỗ lã nên xin hủy bỏ khế ước. Tôi tới nơi phải lập hồ sơ hủy khế ước và thay vì đấu thầu lại thì tôi lại đề nghị tiếp tục công tác bằng lối quan–quản trực tiếp

(régré direct). Thật là liều, công việc thực phức tạp khó khăn. Vậy mà nhờ Trời, tôi đã thành công, hoàn tất công việc trong hạn định và trong phạm vi ngân sách dự trù từ lúc khởi đầu. Anh em trong giới kỹ thuật chắc hiểu rõ hơn ai hết là trường hợp như thế này rất ít xảy ra và có lẽ chỉ có anh chàng còn hăng hái, điếc không sợ súng như tôi mới dám xung phong dấn thân như vậy.

Xin lỗi anh là tôi đã kể chuyện dông dài, có lẽ có thể là chuyện vui đôi chút nhưng xa lần với câu hỏi của anh. Trở lại vấn đề thì tôi trải qua nhiều chế độ chánh trị, Pháp thuộc từ năm ra Trường 1940 tới lúc Nhật đảo chánh (1945), rồi Nam kỳ tự trị, rồi Đệ I Việt Nam Cộng Hòa với Tổng Thống Diệm, rồi chế độ Đệ II Việt Nam Cộng Hòa với các Tướng lần lượt nắm chánh quyền. Năm 1972 tôi xuất ngoại với Nghị Định biệt phái sang làm việc cho Liên Hiệp Quốc. Mười hai năm Tổng Thư ký của tôi dưới quyền của 8 vị Tổng Trưởng, với ba năm đầu là dưới chế độ Cộng Hòa của ông Diệm, sau đó là đảo chánh và lần lượt các Tướng lần lượt thay nhau lập chánh phủ và trong mỗi chánh phủ là có một ông Tổng Trưởng Bộ Công Chánh mới. Lúc đó, tôi cũng như "**chiếc lá bay trong cơn gió lốc**", không biết có còn ở chức vụ TTK không. Nhưng cái gì cũng là do số mạng cả. Các ông Bộ Trưởng Công Chánh mới đều còn trẻ tuổi, tài cao, nhưng cũng rất hiểu đời và tự nhiên giữ tôi lại làm việc như cũ để các ông ấy lo chuyện chánh trị khác và giao cái trách nhiệm quản trị ngân sách, nhân viên, giao tiếp với các Bộ cho tôi.

Sau khi dời Việt Nam tới nay đã trên ba chục năm, nghĩ lại mới thấy tất cả là do duyên may, duyên hợp hay duyên tan mà ra. Tôi rất mừng là trong thời kỳ nào tôi cũng giữ được bản tính tự nhiên Trời ban cho là không tranh dành với ai, không ham danh vọng, không biết nịnh bợ nên thoát khỏi cạm bẫy công danh trong chánh trường.

Nói tóm lại, như anh thấy, đời tôi là như vậy, nên các việc còn nhớ lại sau ba mươi năm dời chức vụ Tổng Thư ký Bộ Công Chánh chỉ còn lờ mờ trong tâm trí, không có gì đáng gọi là kỷ niệm vui hay buồn cả.

Tới nay, tuổi đã 86, nhìn lại "**cuộc đời như ánh phù du**", và mỗi ngày đời lại dạy cho mình thêm một điều mới. Mong các anh lúc nào cũng được vui, được mạnh, góp công xây dựng cho LTAHCC và cho quần-chúng quanh mình với tinh thần bất vụ lợi.

Một lần nữa tôi xin lỗi vì đã đi xa đề tài anh đặt ra. Nhưng tôi được dịp xả được phần nào tâm sự như là của một anh cả gởi cho các em trong gia đình Công Chánh, tuy ở xa nhau nhưng lòng lại rất gần.

Viết đã dài, xin ngưng bút và thành tâm chúc anh, chúc toàn Ban Phụ Trách cùng gia đình được thân tâm an lạc, sức khỏe dồi dào và luôn vui trong sứ mạng.

Thân mến,

Phạm Hữu Vĩnh
1890 Cr. Sauve
Brossard, Quebec,
Canada J4X1L1

thơ

THƠ MỪNG
ÁI HỮU PHẠM HỮU VĨNH
NHÂN NGÀY KHÁNH CHÚC
TÁM MƯƠI LĂM TUỔI THỌ

Gia đình công chánh Montréal,
Trong bầu không khí rất hân hoan,
Chúi mừng niên trưởng Phạm Hữu Vĩnh
Tám lăm tuổi thọ được khang an.

Bao năm ra Bắc, lại vào Nam
Thủy Nông, Kiều Lộ, thảy đều làm
Trưởng Ty, Trưởng Sở, rồi Giám Đốc
Tổng Thư Ký Bộ, mười hai năm.

Phục vụ quốc gia đến hồi hưu
Hoạt động quen rồi, chịu nghỉ đâu
Tiếp tục dưới cờ Liên Hiệp Quốc
Giúp đỡ xứ nghèo, Phi, Mỹ Châu

Saigon Lions và Jaycee
Công tác xã hội chả thiếu gì
Montréal cộng đồng làm Chủ Tịch
Giúp người sức khỏe, dạy Tài Chi

Danh trọng, tài cao, vẫn nhún nhường
Bạn hữu, gia đình, ai cũng thương
Hôm nay, xin chúc mừng Ái Hữu
Hưởng phúc dài lâu, lúc tuổi vàng.

Phạm Ngọc Xuyên

KỶ NIỆM CỦA TÔI VỚI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH SÀIGÒN

TRẦN LÊ QUANG

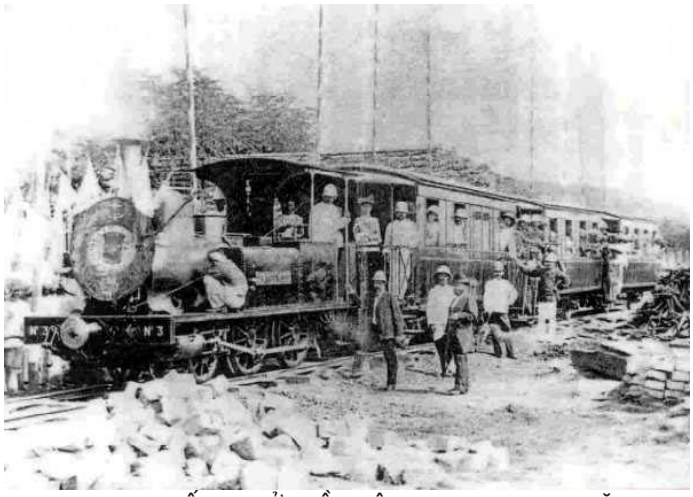

CHUYẾN XE LỬA ĐẦU TIÊN SAIGON-CHOLON NĂM 1881

Tôi may mắn được đi du học tại Pháp năm 1938, rồi bị kẹt lại đó trong suốt 13 năm vì vì trận thế chiến thứ hai tại Âu Châu cho tới năm 1945, và chiến tranh tại Việt Nam sau đó.

Năm 1951, vì quá nhớ nhà, nhớ quê hương, tôi nhận trở về Việt Nam với tư cách một nhân viên Sở Hỏa Xa Pháp, biệt phái về làm cho Sở Hỏa Xa Đông Dương (Régie des Chemins de Fer de L' Indochine). Lúc bấy giờ tất cả hệ thống Hỏa Xa và đường sắt tại Việt Nam chưa được chính phủ thuộc địa Pháp chuyển giao cho chính phủ Việt Nam, mà vẫn còn trực thuộc quyền quản trị của Hỏa Xa Đông Dương Pháp (cùng với một đoạn đường sắt , vào khoảng 150 kms, tại Cambodia).

Vừa tới Sàigòn, chân ướt chân ráo, sau hơn 13 năm xa cách quê hương và gia đình, Hỏa Xa Đông Dương, hai hôm sau bổ nhiệm tôi ra Đà Nẵng nhận chức Trưởng vụ Đường Sắt, khu Hỏa Xa Đà Nẵng (lúc bấy giờ phụ trách khai thác đoạn đường cô lập từ Đà Nẵng tới Đông Hà). Mãi cho tới một năm sau, năm 1952, tôi mới được Hỏa Xa Đông Dương chuyển tôi trở lại Sàigòn làm Trưởng khu, khu Hỏa Xa Sàigòn.

Trong khi hành nghề Trưởng khu Hỏa Xa Sàigòn, tôi hân hạnh gặp lại một thân hữu, ông Trần văn Bạch, lúc bấy giờ là đương kim Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Công Chánh, vừa tái lập tại Sàigòn cách đó không lâu, để thay thế Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương tại Hà Nội. Ông Hiệu Trưởng Bạch yêu cầu tôi giảng dạy môn "Sức Chịu Đựng của Vật Liệu" (Résistance des Matériaux) cho lớp Cao Đẳng của Trường.

Thú thật rất do dự: Giảng dạy không phải sở trường của tôi, nhất là với một môn rất tế nhị, một rừng danh từ kỹ thuật chưa được dịch ra tiếng Việt và thông dụng tại Việt Nam lúc bấy giờ.

Đối với tôi, lại còn nhiều khó khăn khác nữa: một người đã xa nhà hơn 13 năm, còn ngỡ ngàng với phong tục và ngôn ngữ của quê hương, nói chi tới ngôn ngữ kỹ thuật để giảng dạy môn "Sức Chịu Đựng của Vật Liệu". Nói ra sợ không ai hiểu, cả thầy và trò! Tôi đã xin lỗi ông Hiệu Trưởng Trần văn Bạch và các học sinh, cho phép tôi giảng bằng tiếng Pháp!

Thêm một khó khăn nan giải nữa cho tôi lúc bấy giờ. Trong những năm 1952-1953, hệ thống Hỏa Xa Việt Nam, nhất là khu Hỏa Xa Sàigòn mà tôi đang phụ trách, gồm các đoạn đường sắt Sàigòn-Phan Thiết và Sàigòn-Lộc Ninh, phải đương đầu với một cuộc phá hoại dữ dội và cay nghiệt của đối phương. 1952-1953 là những năm trước cuộc chiến quyết liệt của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ, 1954. Hỏa Xa Việt Nam, tuy bị cắt ra nhiều đoạn, vẫn còn là

NHÀ MÁY XE LỬA GIA LÂM NĂM 1905

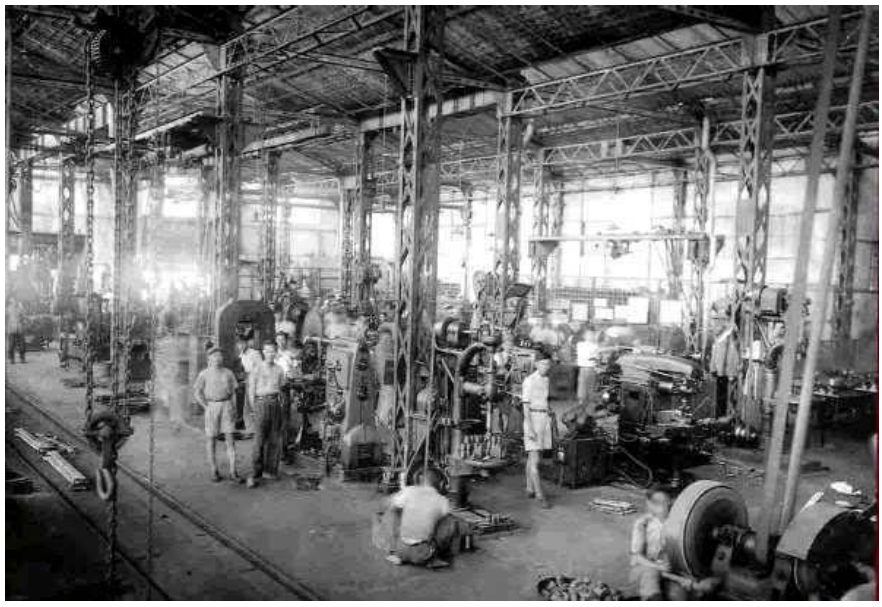

một phương tiện chuyên chở thiết yếu, gần như duy nhất, cho kinh tế và dân sinh. Hằng ngày khu Hỏa Xa Sàigòn, trên các đoạn đường sắt từ Sàigòn từ Thủ Dầu Một tới Lộc Ninh và từ Xuân Lộc tới Phan Tiết, bị gián đoạn. Tôi phải lo nối lại để duy trì sự chuyên chở.

Do đó, tôi còn rất ít thì giờ để rảnh trí óc, nghĩ tới việc chuẩn bị chu đáo để giảng dạy tại TrườngCao Đẳng Công Chánh. Nhưng vì kính nễ ông Trần văn Bạch mà tôi rất mến phục, nên tôi nhận lời. Với điều kiện là nếu trách nhiệm hành nghề của tôi bất thần quá đa đoan, không cho tôi chuẩn bị để giảng dạy môn "Sức Chịu Đựng của Vật Liệu" tại Trường thì xin ông Hiệu Trưởng và Sinh viên miễn chấp cho.

ĐƯỜNG HỎA XA THÁP CHÀM-ĐÀ LẠT

Rốt cuộc, tôi tham gia đóng góp giảng dạy tại Trường Cao Đẳng Công Chánh chỉ trong một thời gian rất ngắn, cho khóa học sinh 1953-1954 mà thôi.

Về nội dung những gì tôi trình bày trong khóa học sinh đó, tôi chỉ còn nhớ lại bài khai giảng. Tôi cố tìm cách giải thích khái niệm của cái gọi là "Sức Chịu của Vật Liệu" là gì? Tôi không biết còn có cựu sinh viên nào còn nhớ tới thí dụ tôi đưa ra, để cho vui và tránh sự trừu tượng của vấn đề.

Tôi đề nghị lấy một củ khoai. Bên ngoài bị nhiều sức lôi ép phức tạp. Bên trong củ khoai, có một con kiến đang trăn trở qua lại, sau lưng mang một tấm ván. Con kiến ấy tò mò, tìm xem tấm ván mình đang mang trên lưng, sức ép chuyển từ bên ngoài vào tới chỗ của mình đang cư ngụ, ra sao? Do đó tôi đi tới định nghĩa của các "quan điểm" sức ép, "sức lôi" và "sức xô ngang", thông dụng trong việc tính toán sức chịu đựng của vật liệu trong các bộ phận xây cất.

Lẽ cố nhiên, các học sinh hôm đó có lẽ mỉm cười, cho tôi vô lý, không bao giờ ai dùng củ khoai để làm vật liệu xây cất! Nhưng tôi nói vậy cho vui mà thôi. Xin anh em thông cảm cho.

Sau khóa 1953-54 Trường Cao Đẳng Công Chánh, vì bận bịu với nhiều trách nhiệm khác, nên tôi rất tiếc xin lỗi ông Hiệu Trưởng Trần văn Bạch, không còn thì giờ và hân hạnh giảng dạy nữa. Nhưng tôi vẫn liên lạc rất mật thiết với ông Hiệu Trưởng Trần văn Bạch để theo dõi và khích lệ sự tiến triển và thành công của Trường.

Sau năm 1954, tôi cũng hân hạnh được cộng sự trong nhiều năm với nhiều kỹ sư Trường Cao Đẳng Công Chánh Sàigòn, nhất là nhiều kỹ sư khóa 1953-1954, mà tôi xin xác nhận hôm nay rằng rất ưu tú.

GA LỘC NINH THỜI PHÁP THUỘC

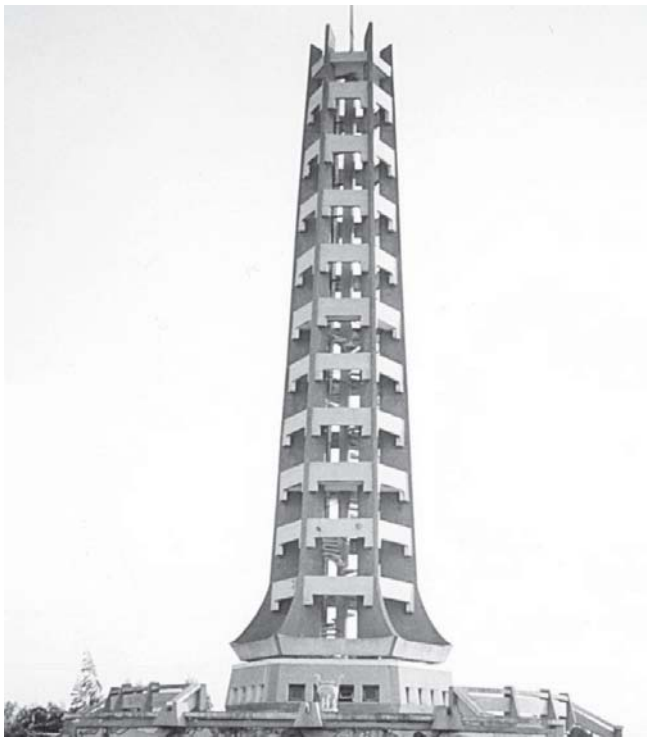

ĐƯỜNG VÀO ĐỒNG THÁP

NGUYỄN ĐỨC SÚY

Đầu năm 1961, trước khi nghỉ Tết, tôi được chỉ thị chuẩn bị có mặt tại xã Mỹ Quý vào ngày mùng 5 Tết, để khảo sát một địa điểm thiết lập phi trường tại đó, theo lệnh của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Xã Mỹ Quý ở trong Đồng Tháp Mười, thuộc tỉnh Mộc Hóa. Cùng đi với tôi có AH NTH (hiện ở Florida). Vì lý do an ninh, chúng tôi không thể đi đường bộ vào từ Cai Lậy mà phải đi Cao Lãnh trước một ngày, để ngày hôm sau đi tàu Hải Quân xuống Mỹ Quý. Ty Công Chánh Kiến Phong sẽ phối hợp giúp việc vận chuyển.

Sáng mùng 4 Tết, chúng tôi lên đường trong lúc gia đình còn tiếp tục ăn Tết. Đến Cao Lãnh, chúng tôi được AH TPT (sau này làm Phó Giám Đốc Nha Cấp Thủy) đón tiếp và giúp đỡ chỗ ở lại qua đêm. Sáng hôm sau, AH TPT đưa chúng tôi đến bến tàu Hải Quân, và giới thiệu chúng tôi với Trung úy Hải Quân chỉ huy cuộc chuyển vận. Sau đó, chúng tôi theo sĩ quan này lên một chuyến tàu đổ bộ loại LST thời đệ nhị thế chiến, mà ta thấy trong các phim chiến tranh của Mỹ, như phim Cứu Binh Nhì Ryan (Saving Private Ryan) chẳng hạn, trong đoạn quân đội Mỹ đổ bộ lên bờ biển Normandie năm 1944.

Đó là một chiếc tàu nhỏ, loại LCCV, hình dáng như một cái hộp không nắp hình chữ nhật. Tôi thấy tàu này có thể chở từ ba đến bốn chục người lính mang ba lô và súng ống, đáy phẳng và thành đứng bốn phía đều bằng sắt. Riêng thành phía đằng trước có thể mở ra để trở thành một cái bờ dốc (ramp) cho người và dụng cụ, vật liệu lên xuống. Đi vào trong tàu, tôi thấy thành tàu cao hơn 2 mét, đứng ở sàn tàu nhìn lên chỉ thấy trời và mây chứ không thấy cảnh vật xung quanh, trừ trường hợp đứng ở phòng lái và những chỗ 5ạ súng đại liên. Hai bên thành tàu, có hai ghế băng dài bằng sắt gắn vào thân tàu. Ở giữa sàn tàu, tôi thấy có nhiều thùng đạn, bao gạo và thực phẩm khô được chất thành một đống.

Sau khi hoa tiêu và lính Hải Quân lên tàu đầy đủ, Trung Úy chỉ huy ra lệnh cho tàu đóng cửa và rời bến. Tôi và AH NTH ngồi trên ghế băng nói chuyện một lúc rồi Trung úy chỉ huy ra hiệu cho chúng tôi lên phòng lái. Chúng tôi bước lên và nhìn ra ngoài, thấy tàu tiến về phía hạ lưu, chạy dọc theo bờ tả ngạn của sông Tiền Giang, với một vận tốc chừng 15-20 km/giờ. Nhìn về phía sau, thấy có một chiếc tàu thứ hai, cũng là tàu LST, chạy theo cách chừng 100 mét. Trung úy chỉ huy cho biết chiếc tàu đó cũng thuộc đoàn chuyển vận, để nếu có chạm địch thì hai tàu hỗ trợ cho nhau. Nghe nói, tôi và AH NTH cũng hơi lo nhưng ông trấn an rằng trên thủy trình này an ninh tương đối tốt.

Gần hai giờ sau, tàu rẽ vào một con kinh rộng khoảng 15 mét, và chạy chậm lại. Dọc bờ kinh , có xóm làng, vườn tược, dân chúng ở hai bên, trông có vẻ thanh bình. Trẻ con nghe tiếng máy của tàu, ùa ra xem rồi chạy theo tàu dọc bờ kinh và reo hò inh ỏi. Thỉnh thoảng, có ghe chèo bằng tay hay gắn máy đuôi tôm đi lại trên kinh. Nhưng càng đi vào xa hơn, càng thấy nhà cửa thưa thớt, và chừng hơn một giờ hơn sau khi đi vào kinh, không còn thấy nhà cửa dân cư nữa, chỉ thấy vài ba cái chòi tranh nhỏ trơ trọi giữa đồng. Tàu chạy thêm khoảng nửa giờ nữa thì từ từ ngừng lại và cập bến trước một đồn Địa phương quân đóng bên bờ kinh. Chiếc tàu thứ hai cũng ngừng lại nhưng không cập bến. Tàu chúng tôi mở cửa và lính trên đồn xuống tàu khuân vác

đạn dược và thực phẩm từ tàu lên đồn. Thì ra tàu này cũng có nhiệm vụ tiếp tế cho những đồn lính đóng dọc theo các con kinh. Tàu dừng ở đây chừng nửa giờ trước khi tếp tục hành trình.

Từ đồn trở đi, chúng tôi thấy quang cảnh xung quanh thật hoang vắng, hai bên bờ lau sậy mọc um tum. Đi thêm một quãng, Trung úy chỉ huy nói chúng tôi xuống ngồi dưới ghế băng, và ra lệnh cho mấy người lính, từ nãy giờ vẫn ngồi đọc báo hoặc đấu láo trên dãy ghế băng, đến thủ thế sẵn sàng sau mấy ổ đại liên.Có lẽ tàu sắp đi vào một đoạn đường thiếu an ninh và có thể gặp sự khuấy phá hay phục kích của địch. Từ đó cho đến khi gần Mỹ Quý, chúng tôi không thấy gì bên ngoài, chỉ nghe tiếng máy chạy đều đều của tàu, và thấy tinh thần căng thẳng.

Chừng một giờ sau, chúng tôi nghe có tiếng máy của ghe hoặc tàu, mới đầu nho nhỏ, dần dần lớn hơn, rồi một người lính ngồi sau một ổ đại liên nói "mình sắp tới rồi". Một lát sau, tàu cặp bến và chúng tôi lên bờ, lúc đó vào khoảng 4 giờ chiều. Trung úy chỉ huy chỉ đường cho chúng tôi đến trụ sở Quận (tôi không nhớ tên quận) là nơi chúng tôi tiếp xúc. Trước khi chia tay, ông cho chúng tôi biết tàu sẽ trở về sáng ngày mùng 7, và dặn chúng tôi đừng nói cho ai biết.

Chúng tôi đến trụ sở Quận thì được đưa qua nhà của ông Quận Trưởng. Tại đây chúng tôi ngạc nhiên thất AH TH, Giám Đốc NCCHK, "xếp của tôi" (AH TH nay đã quá cố), đang ngồi nói chuyện ở phòng khách với một ông Trung Tá, được giới thiệu là ông Tỉnh Trưởng Mộc Hóa, và một ông Đại úy, được giới thiệu là ông Quận Trưởng sở tại. AH TH cho biết là buổi chiều ngày tôi và AH NTH đi Cao Lãnh, Phủ Tổng Thống gọi và chuyển chỉ thị của TThD cho AH TH đi Mỹ Quý luôn. Sáng hôm sau, AH TH đi đường bộ xuống Mỹ Tho, được trực thăng đưa xuống Mộc Hóa, bốc thêm ông Tỉnh Trưởng Mộc Hóa, chở cả hai đến Mỹ Quý, và vừa đến nơi cách đây hơn một giờ.

Ông Tỉnh Trưởng có vẻ rất quan trọng về sự lưu tâm của TTh/D đến việc lập phi trường giữa Đồng Tháp Mười, trong địa phương của ông. Ông giở bản đồ, chỉ cho chúng tôi xem vị trí phi trường mà ông nói là do TTh/D chỉ định, đánh dấu bởi một vòng tròn nhỏ cỡ bằng một lóng tay vẻ bằng bút nguyên tử. Vị trí này gần quận lỵ, nên bảo ông Quận Trưởng dẫn chúng tôi ra xem để có một ý niệm khái quát trước khi khảo sát vào ngày mai. Vì có lẽ trời đã xế chiều, lại không có lính rải ra xa để bảo vệ an ninh, nên ông Quận Trưởng chỉ dẫn chúng tôi đến đầu vị trí, đứng nhìn một lúc về phía cuối vị trí, rồi trở về. Tối hôm đó, ông Quận Trưởng thết tiệc đãi ông Tỉnh Trưởng và AH TH nên chúng tôi, sau nửa ngày trên tàu, cũng được hưởng một bữa cơm ngon lành.

Sáng hôm sau, chúng tôi trở ra vị trí. Hai ông Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng, và AH TH cùng đi bộ với chúng tôi một quãng trên bờ ruộng dọc theo phương hướng của trục đường bay chỉ định. Xa xa, chúng tôi thấy lính bố trí xung quanh vị trí. Ruộng phía dưới còn có nước trên mặt, đất rất bùn lầy, và có nhiều rạch nhỏ chạy ngang. Chúng tôi muốn đi xa hơn nữa về hướng Bắc, tức là xa quận lỵ hơn theo hướng thẳng góc với trục đường bay, để xem ruộng ở đấy có ít nước trên mặt và ít rạch hơn không. Nếu đúng như vậy thì công tác chuyển vận đất sẽ tương đối ít khó khăn và ít tốn kém hơn. Ông Tỉnh Trưởng có vẻ không tán đồng vì sợ không đúng với vị trí TTh/D đã chỉ định. Tôi tự nghĩ ông Tỉnh trưởng quá lo xa, vì

TTh/D chưa hề đặt chân đến vùng này bao giờ, đâu có biết rõ địa thế để có thể lựa chọn một vị trí bất khả di dịch. Hơn nữa, trên bản đồ tỉ lệ 1/100.000, một lóng tay của TTH/D cũng bao trùm một diện tích hơn một kilô mét vuông, xê dịch trục đường bay trong vòng một kilômét vẫn còn nằm trong phạm vi của lóng tay ấy.

Dù sao, khi hai ông Tỉnh Trưởng và AH TH rời vị trí để trở về trụ sở quận chờ trực thăng đưa về Mộc Hóa, tôi và AH NTH cũng tiếp tục khảo sát về phía Bắc. Cách vị trí chỉ định chừng 500 mét, chúng tôi thấy ruộng ở đấy gần như không có nước trên mặt, có một ít rạch nhưng hẹp và cạn, và đất ít bùn lầy. Chúng tôi chọn một trục đường bay thứ hai ở đây, rồi lội bộ xem xét địa hình dọc hai bên mỗi trục đường bay. Chúng tôi làm việc đến gần 3 giờ chiều mới xong.

Sáng mùng 7, chúng tôi sửa soạn ra về thì được Trung úy chỉ huy tàu đến cho biết tàu sẽ rời bến lúc 11 giờ. Thấy còn hơn hai giờ rảnh rỗi, chúng tôi hỏi ông Quận Trưởng có thể đi xem Tháp Mười được không, vì đứng từ quận lỵ chúng tôi trông thấy tháp. Ông bảo được vì đường đi đến tháp và vùng chung quanh tháp đều yên. Ông phái một ông Thiếu úy trẻ lái xe Jeep đưa chúng tôi đi. Xe chúng tôi chạy trên một đoạn đường nhỏ dọc theo bờ kinh, rồi quay về hướng Bắc dọc theo bờ ruộng chừng hai kilômét thì đến tháp. Dọc đường, chúng tôi thỉnh thoảng để ý thấy có hai cặp cây cọc đóng chéo vào nhau trên bờ ruộng, cặp này cách cặp kia chừng một mét rưỡi. Được hỏi, ông Thiếu úy cho biết đó là những cọc dùng để cột tạm quan tài những người chết nhằm mùa nước lụt để nước đừng làm trôi quan tài đi, vì trong vùng không có gò cao để chôn cất, mà để trong nhà lâu thì không tiện. Tôi nghĩ đến những hậu quả vệ sinh của những quan tài ngâm nhiều ngày trong nước mà dân chúng chung quanh sẽ dùng, nhưng thấy vấn đề hơi tế nhị nên không dám hỏi.

Khi đến nơi, chúng tôi thấy tháp trông tương tự như những tháp khác ở các chùa, nhưng tương đối nhỏ, thấp và kiến trúc đơn sơ hơn. Nghe nói tháp này được Đại Tá NVL (sau này được thăng Thiếu Tướng và làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An) xây cất lại để thay thế tháp cũ bị sụp đổ trong giai đoạn chiến tranh 1945-1954, trong thời gian ĐTL (được dân gọi là Đại Tá Đồng Tháp) đem quân đội Quốc Gia vào tiếp thu khu Đồng Tháp Mười sau Hiệp Định Geneve năm 1954. Ở tầng trệt của tháp, hình lục giác, đường kính cỡ 10 mét, có đặt bàn thờ Phật, đèn thắp sáng và khói hương nghi ngút, không khác gì các đền chùa khác. Trước bàn thờ có một cái bàn nhỏ, trên đặt mấy ống đựng thẻ xăm. Chúng tôi vái trước bàn thờ, riêng AH NTH còn xin một thẻ xăm, đem ra cho ông Thầy ngồi trước cửa tháp giảng hộ, và ông Thầy khen xăm tốt. Tôi không nhớ là chúng tôi có leo lên mấy từng trên của tháp, vì hình như lối lên cầu thang bị đóng.

Một lát sau, chúng tôi lên xe trở về quận lỵ, rồi lên tàu trở về Cao Lãnh theo thủy trình hôm trước. Trên đoạn đầu của hành trình, tình hình trên tàu hơi căng thẳng vì sợ địch biết tàu thế nào cũng trở về đường cũ và sẽ phục kích. Nhưng rất may là không có gì xảy ra, và sau khi ghé lại đồn Địa Phương Quân cho mấy người lính trong đồn quá giang lên tàu, sự căng thẳng bớt dần và tàu về đến Cao Lãnh vào khoảng 3 giờ chiều, bình an vô sự. Chúng tôi gọi điện thoại cho AH TPT đến đón về Ty Công Chánh, rồi trở về Sài Gòn chiều hôm đó.

Sau khi về sở, chúng tôi lập phúc trình, với tiết phí ước lượng sơ bộ cho mỗi vị trí đường bay, và gởi lên cấp trên. Chúng tôi cũng chuẩn bị gởi hai toán Trắc Lượng xuống Mỹ Quý để trắc đạc địa điểm khi có lệnh.

Một tuần sau, AH NTH cho tôi biết tin do một người bạn Công Chánh ở vùng dưới đó nói là Tháp Mười mà chúng tôi mới viếng và AH NTH mới xin xăm tuần trước đã bị địch về giật mìn giật xụp. Từ đấy, tôi không nhận được chỉ thị gì thêm về việc thiết lập phi trường tại Mỹ Quý.

CỰC MÀ VUI

BÙI ĐỨC HỢP

Ông bà ta dạy rằng: "Nhất nghệ tinh nhất thân vinh". Còn tôi ôm đồm nhiều việc, nhất thân cực. Nhưng phải thưa trước rằng "cực mà vui". Dưới đây tôi xin kể hầu quý bạn một số nghề bán thời gian mà tôi đã học và hành trong thời gian về hưu.

Trước hết là nghề đổ rác và rửa chén. Ở lâu ngày tại nhà họ hàng hay bạn bè, tôi chỉ xin phép được đổ rác và rửa chén, gọi là đóng góp phần mình vào sinh hoạt chung của gia đình.

Nghề đổ rác đã có một thời được thổi phồng lên là "anh hùng lao động", trụ sở của các xe ba-gác được đặt tại một biệt thự sang trọng đường Công Lý, Sài gòn. Kể cũng đúng thôi, nếu không có người hốt rác, xã hội này sẽ thối tha đến bực nào. Theo tôi, công việc đổ rác ở nhà không đòi hỏi nhiều lao tâm, lao lực mà còn được mọi người trong nhà nể vì.

Sở dĩ tôi dành rửa chén vì công việc này tương đối dễ dàng, không phải bận tâm suy nghĩ như nấu ăn, phải tra gia vị thế nào cho vừa miệng mọi người, nhất là các vị khó tính như các bà cô bên chồng. Vì rửa chén chuyên nghiệp đến nỗi, tôi có thể vừa coi ti-vi hoặc suy nghĩ về thế sự thăng trầm mà vẫn rửa chén bát đâu vào đấy. Sau một đêm khô, họ hàng nhà chén, bát, đĩa được phân loại, xếp vào chạn. Còn nồi, niêu, xoong, chảo lúc nào cũng láng coóng, treo lớp lang như dàn binh xếp hàng vào trận. Dành được nghề này không phải là dễ, vì các con, các cháu của tôi theo truyền thống gia đình không chấp nhận để cho ông bà, cha mẹ làm những công việc nội trợ như vậy.

Ngoài đổ rác, rửa chén, tôi kiêm nhiệm làm cá gồm đánh vảy, cắt vây, moi ruột gan, phèo phổi, và cắt khúc. Nhờ có dụng cụ tốt như dao tróc vảy, kéo thép cắt vây, tôi có thể làm xong 1 con cá dài 3 bộ trong vòng 1 giờ. Cháu đi câu, ông làm cá đã trở nên sinh hoạt quen thuộc trong gia đình tôi.

Về sinh hoạt xã hội, tôi hành nghề hướng dẫn viên du lịch và đưa đón khách tại phi trường, chữ khách ở đây chỉ áp dụng cho bạn bè, họ hàng. Nhờ kinh nghiệm 15 năm làm nghề này tại Louisiana, tôi điều nghiên những danh lam thắng cảnh của San Jose và vùng phụ cận, sau đó hoạch định một chương trình đi chơi, dài ngắn tùy thuộc vào số ngày lưu lại của khách. Với phương châm "khách là Vua", tôi đạt tiêu chuẩn phục vụ và sở thích của khách lên trên hết. Vì thấy tôi hay đưa du khách tới tham quan Mystery spot, Santa Cruz, ông chủ cho tôi coi miễn phí; tôi từ chối vì coi 1 lần là quá đủ! Việc đưa đón khách tại phi trường "Sang-Phăng" cũng như San Jose tiến triển tốt. Giống như tài xế giao hàng UPS, tôi biết đường nào, giờ nào kẹt xe để tránh, chỉ đến giờ hẹn tại phi trường trước 1/2 giờ để giảm chi phí đậu xe. Nhưng kể từ sau vụ 911, máy bay đến trễ 2, 3 giờ là chuyện thường. Ngồi ngáp tại phòng đợi, tôi e ngại số tiền parking cứ tăng dần 8 đô nhân với 2, nhân với 3. Tuy vất vả, nhưng vui vì thấy khách đến nơi an toàn. Cả một chương trình du ngoạn, hành hương, thăm viếng họ hàng, bạn bè đang chờ đón du khách.

Sau cùng, công việc đòi hỏi nhiều lương tâm chức

nghiệp hơn cả là nghề đẩy xe lăn cho những người tàn phế. Nghề này không những đòi hỏi người hành nghề có trình độ nghiệp vụ cao mà lại còn có tâm hồn rộng mở. Đọc đến đây chắc có một số bạn cười: "Đẩy xe lăn dễ ợt, cần gì phải học!".

Này nhé! Bạn phải biết cách gấp hoặc lấy xe lăn từ trong cốp xe hơi. Trước khi đỡ bệnh nhân từ giường hay ô tô, xe lăn cần được cài thắng an toàn hai bên; bạn lựa thế đỡ họ, vì phần đông họ chỉ xử dụng một tay để vịn, còn tay kia bị tê liệt. Cũng giống như lái xe hơi, bạn nhớ cài dây an toàn cho người bệnh, và đẩy xe lăn từ từ, không lắc mà cũng không xốc.

Tôi học được nghề này nhờ ở sự thăm viếng thường xuyên những người bệnh, người già tại các trung tâm dưỡng lão vùng San Jose. Tại đây, phần đông các cụ ngồi xe lăn, gục hoặc nghiêng đầu, mắt nhắm trước máy truyền hình đang mở. Đối với các cụ, thời gian đã ngưng đọng từ lâu, giờ đây chỉ có ngày và đêm, với giờ cơm, giờ thuốc, giờ vệ sinh, giờ tập. Tôi thường đẩy xe từ giường bệnh tới tiền đình nhà dưỡng lão cho các cụ nào không có con cháu, hoặc con cháu ở xa (Xuân Thu nhị kỳ về thăm một lần). Nhìn xe qua lại ngoài đường phố, các cụ cũng khuây khỏa một phần. Nhiều cụ tủi thân không cầm được nước mắt khi thấy thiên hạ có con cháu đưa rước về nhà chơi cuối tuần. Tùy theo niềm tin của từng người bệnh, tôi đề cập tới nhiệm mầu đau khổ (Thiên Chúa giáo) hay luật luân hồi nghiệp báo (Phật giáo).

Một buổi chiều đầu Xuân, nắng vàng còn vương vất trên ngọn cây, tôi đẩy xe lăn cụ Chính tới tiền đình nhà dưỡng lão Vista Manor . . . Bên kia đường là khu nhà ở, trẻ con nô đùa vui vẻ. Cụ xấp xỉ tuổi tôi, nhưng trông già hơn, cổ lúc nào cũng đeo một cỗ tràng hạt đen, hột to. Trong bầu không khí trầm lặng của dưỡng đường, chúng tôi trao đổi những cảm nghĩ:

- Thưa cụ, những đau khổ mà ta gánh chịu kiếp này là do hành động ta làm từ kiếp trước. Vì vậy, chúng ta phải vui vẻ chịu đựng, không than Trời mà cũng không oán người. Con người có thể tạo hạnh phúc cho kiếp sau bằng cách làm lành, lánh dữ, quên mình và giúp tha nhân. Sám hối và làm điều tốt ngay từ giờ phút này, chúng ta có thể cải nghiệp. Như có thần khí, tôi say mê nói về cuộc đời đức Phật, Ngài chỉ cho chúng sinh con đường giải thoát.

- Ông thuyết pháp như một thầy tu.

- Thưa cụ, tôi cũng muốn đi tu, nhưng chưa có duyên nợ với áo cà sa hoặc áo chùng thâm.

Dòng xe cộ ngoài phố vẫn xuôi ngược đều, tiếng động cơ không sao át nổi nỗi buồn cô quạnh. Ngừng một lát, tôi tiếp:

- Thân xác thì trở về cát bụi, còn linh hồn thời bất tử. Ai không tin vào sự thật này là tự trừng phạt mình và tự giam mình trong nỗi cô đơn buồn nản của kiếp người.

Cụ ra chiều đăm chiêu suy nghĩ, thỉnh thoảng tôi gặp ánh mắt mở to.

Tháng sau tôi trở lại thăm cụ. Tôi chưa kịp gởi lời chào; vừa giơ cánh tay phải, cụ đã rối rít khoe với tôi: "Nó cử động được rồi! ông ạ". Không những cụ có thể tự đẩy xe lăn mà còn giúp cụ bạn nằm giường bên trong vấn đề ăn uống. Thường nhật, cụ đẩy xe lăn tới thăm viếng, hỏi han, an ủi những bệnh nhân đồng cảnh ngộ. Như vui lây, tôi cảm động, không cầm nước mắt. Động lực nào đã thay đổi cuộc đời cụ? Bài thuyết pháp chăng? Tôi cắt ngang dòng suy tư, khi chợt nhớ tới lời dạy: "Việc làm tay phải đừng để tay trái biết".

Trên đường về tôi tràn ngập niềm vui. Ở tuổi thất thập, tôi cũng mang nhiều bệnh như cao máu, cao mỡ, cao đường, cao PSA, và cao luôn cả acít (heartburn). Chừng nào tôi vẫn đi đứng được, ngồi trước màn ảnh nhỏ của máy vi tính, tôi còn tiếp tục con đường "cực mà vui" đã vạch ra vậy.

TUỔI GIÀ, TUỔI THỌ . . .

TRẦN-SĨ-HUÂN

Cách đây khá lâu, lúc chưa về hưu, tôi có đọc một bài Thơ dài 120 câu với tựa đề "Tuổi Già Thơ Thản", tác-giả Vô Danh, mở đầu như sau :

Tuổi già hay lẩn-thẩn
Cứ thấy bệnh triền-miên
Xương cốt đau liền liền
Nhức lưng rời mỏi cẳng
Tai ù, đầu choáng váng
Ăn uống chẳng thấy tiêu
Ban đêm ngủ không nhiều
Mỏi mê không muốn dậy
Người bần-thần sao ấy
Bải hoải cả tứ chi
Và thêm những gì gì
Lúc nào cũng thấy bệnh.

Đọc xong bài Thơ, tôi thấy bi quan cho tuổi già quá, có lẽ vì vậy mà ngày xưa người ta thường nói "Đa thọ đa nhục, lão giả an chi", còn ngày nay lại coi số người già mỗi ngày một tăng như là một gánh nặng cho ngân sách quốc gia, cho gia-đình, xã-hội. Thật ra, theo tôi, đâu phải ai già cũng vậy.

Trước hết, xin hỏi đến mấy tuổi thì gọi là già?

Về phương diện xã-hội, nhiều nước do hoàn cảnh kinh-tế đã ấn định một mức tuổi già khác nhau để cho về hưu những người lớn tuổi, nhường chỗ cho lớp trẻ làm việc, hoặc để cho hưởng trợ cấp xã-hội. Ví dụ ở Mỹ, đến 65 tuổi là các cụ được hưởng trợ cấp xã-hội, dù cho còn làm việc. Theo tài-liệu lịch-sử thì năm 1889 Thủ-Tướng Đức, Hoàng-Thân Otto Von Bismarch, cũng đã đặt ra mức 65 tuổi già này khi ông thiết lập hệ thống an ninh xã-hội đầu tiên trên thế-giới.

Về phương diện sức khỏe thì không có nghiên cứu y-học nào nói người ta bắt đầu già vào lúc 65 tuổi cả, trái lại trên thực tế có những người bảy tám mươi tuổi mà vẫn còn khỏe mạnh, lanh lợi như ông George Burns, 85 tuổi vẫn còn hoạt động kịch-nghệ cho đến 100 tuổi mới chết. Việt-Nam mình cũng có nhiều người sống lâu, sống mạnh trên chín mươi như KTS Hồ-Đắc-Cáo ở South Carolina, lúc sinh tiền 80 tuổi vẫn còn ghi danh Đại học Mỹ-Thuật. Ông mới mất ngày 14-3-2003 tại Pháp, hưởng thọ 96 tuổi. Như vậy sự lão hóa rất cá biệt, tùy theo từng người do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như gene di-truyền, chủng-tộc, giống tính, nếp sống, hoàn cảnh gia-đình, xã-hội v.v . . .Nói chung chung thì người cao niên thường hay bị giảm phần nào trí nhớ ngắn hạn như đột nhiên quên tên người quen hoặc quên một sự kiện vừa xảy ra, nhưng theo Bác-sĩ, nếu biết giữ-gìn sức khỏe, tập làm việc theo thứ-tự (concentration) thì khả năng trí óc của người cao niên sẽ bớt trì-trệ hoặc lẩm-cẩm.

Về mặt tinh-thần, ngày trước ở đâu quý vị cao-niên cũng được trọng nể tối đa cho nên ở Việt-Nam mới có câu :"Kính lão đắc thọ", còn ở bên Tàu, văn hào Lâm-Ngữ-Đường đã để lại một lời bất hủ "Già yêu trẻ là lẽ thường tình nhưng trẻ kính già thì phải do văn-hóa tài bồi mới nảy nở ra được". Thầy Mạnh-Tử cũng viết: "Ban bạch giả bất phụ đái ư đạo lộ hỉ" nghĩa là người tóc bạc không phải đội nặng trên đường đi. Ở bên Tây, văn hào André Maurois thì đưa ra nhận xét: "Một xã-hội mà người già không được kính trọng, người trẻ không được trìu mến thì chỉ là một xã–hội què quặt". Ngày nay ở các xã hội văn minh, trẻ em thì có nhà giữ trẻ, người lớn thì có viện dưỡng lão, ai mà ở vào hoàn cảnh phải vào sống ở viện dưỡng lão khi suy gẫm lại cuộc đời… mới thấy thấm-thía.

Còn về tuổi thọ thì ngày trước vì ít ai sống lâu nên có người mới bốn mươi tuổi đã ăn mừng tuổi thọ như vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ. Ai sống lâu đến sáu mươi, bảy mươi đều được họ hàng con cháu làm lễ lục tuần, thất tuần rất trọng thể. Ngoài ra, ở mỗi tuổi còn có những quy-định về lề-lối xuất xử như:

Tam thập nhi lập,
Tứ thập nhi bất hoặc,
Ngũ thập tri thiên mệnh,
Lục thập thuần nhĩ,
Thất thập cổ lai hi.

Như thế, năm mươi tuổi là hết tham vọng vật chất, sáu mươi tuổi từ bỏ luôn tham vọng công danh, bảy mươi tuổi lấy thiên tước làm trọng được xã-hội tôn quý, cao hơn cả nhân tước, tức là cao hơn cả danh phận địa vị bằng cấp.

Về đẳng cấp tuổi thọ thì ngày xưa người ta chia làm năm cấp:

Sáu mươi tuổi là Hạ Thọ, Bảy mươi tuổi là Trung Thọ, Tám mươi tuổi là Thượng Thọ, Chín mươi tuổi là Thánh Thọ, Một Trăm tuổi là Tiên Thọ.

Ngày nay ở Mỹ, sáu mươi lăm tuổi được gọi là senior, hưởng trợ cấp già-cả, muốn làm việc cứ làm, không có sự kỳ thị tuổi tác; trong lúc ở Đông phương, người già-cả dù muốn làm việc cũng bị con cháu hiếu thảo ngăn cản vì muốn tỏ lòng kính trọng đối với cha mẹ ông bà.

Tóm lại, già hay trẻ là tại nơi mình, chứ lâu nay đâu có ai biết :

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non. (Ca dao)

■ *Thất bại là gì? Đó chỉ là sự giáo dục và là bước đầu để đạt đến những cái gì tốt đẹp hơn.*

THẦY TẠ HUYẾN

BÙI HỮU LÂN

Lời Ban Phụ Trách: *AH Bùi Hữu Lân, cựu Giám Đốc Nha Cấp Thủy và cựu Tổng Giám Đốc Bưu Điện trước năm 1975, hiện ở Việt Nam. Qua AH Nguyễn Đức Súy, AH Lân gởi bài viết dưới đây để nhờ đăng vào LTCC. Ban Phụ Trách hân hoan đón nhận bài này và chờ đợi những bài khác của AH trong tương lai.*

AH NĐS đã nói về một người Thầy ở Trường Cao Đẳng Công Chánh và một ông Giám Đốc Nha Căn Cứ Hàng Không. Tôi xin nói tiếp về anh Huyến, là một nhà thầu xây dựng.

Trong khoảng 1966-1968, lúc tôi làm trong ngành Cấp Nước, tôi có dịp được cộng tác với anh, trong công trình "Hệ Thống Cấp Nước Biên Hòa". Đây là một dự án viện trợ của Chánh phủ Úc cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Công trình có công xuất 16.000 m3/ngày, trị giá 2 triệu USD thời đó (tương đương với trên 10 triệu USD ngày nay).

Anh Huyến là nhà thầu phụ trách phần quan trọng nhất và khó nhất: nhà máy xử lý nước nằm trên sông Đồng Nai và đài nước chính 2300 m3. Các phần khác (đài nước phụ, mạng lưới phân phối) do nhà thầu phụ hoặc Công Quản Nước phụ trách.

Xây dựng không đơn giản vì trên bờ sông, từ 3 mét sâu, có một lớp cát chảy rất dày.

Lắp đặt thiết bị nhà máy lại càng không đơn giản, vì thiết bị xử lý nước thuộc loại hiện đại của thời đó, riêng bể lọc là một kiểu mới được hãng Infilco của Mỹ tung ra thị trường không lâu.

Nhà tư vấn Úc tuy có một kỹ sư thường trú tại Việt Nam, nhưng kỹ sư này chỉ phụ trách tổng quát, chủ yếu là tiếp nhận từ Úc và chuyển giao cho phía Việt Nam, các vật liêu thiết bị viện trợ và làm báo cáo về tiến độ thực hiện.

Anh Huyến phải bay qua Hồng Kông tìm hiểu công nghệ các nhà máy nước.

Khi công trình đã cơ bản hoàn thành, anh Huyến mời một số anh em Nha Cấp Thủy đến nhà anh ở đường Công Lý ăn cơm tối. Hôm ấy có ông Đại sứ Úc đến dự, và có nói: "Công trình này thành công, chúng tôi sẽ tiếp tục". Trước mắt người nước ngoài, anh Huyến đã tạo được uy tín cho ngành xây dựng nước nhà. Đó là một điều hãnh diện cho tất cả chúng tôi. Uy tín đó đã mở đường cho những viện trợ sau đó.

Và đúng như lời Đại sứ Úc, giữa năm 1968, Tòa Đại sứ yêu cầu tôi dẫn họ xuống Cần Thơ, để xem tình hình chung và chọn địa điểm xây dựng một nhà máy nước, lần này với công suất gấp ba lần Biên Hòa. Và tiếp theo Cần Thơ, là Vũng Tàu năm 1974.

Sau 1975, tôi thường đi công tác ở miền Tây. Có khi đi ngang các phi trường Mộc Hóa, Cao Lãnh, Trà Vinh v.v. ... thấy phong cảnh hoang phế, lắm lúc cỏ mọc che cả đường bay, tôi không khỏi ngậm ngùi nhớ đến anh Huyến. Nhưng dù sao, những phi trường hạng G này, cũng như người đã khai sinh ra chúng nó, đã làm tròn nhiệm vụ của chúng trong một giai đoạn lịch sử của đất nước. Và tôi cũng vui mừng nhớ đến anh Huyến khi nghe các phi trường Rạch Giá, Dương Đông được mở cửa lại. Và tôi nghĩ rằng anh Huyến sẽ vui lòng khi biết rằng nhà máy nước Biên Hòa do anh xây dựng vẫn chạy không nghỉ một ngày từ hơn 34 năm qua, đài nước 2300 m3 vẫn đứng sừng sững ở một điểm cao giữa thành phố trên 300.000 ngàn dân, chất lượng xây dựng tốt, đến nay chưa phát hiện một chút rò rỉ nào cả.

■ *Đọc sách làm cho con người đầy đủ hơn, sự hội nghị tạo thành con người sẵn sàng hơn, và sự viết lách tạo thành con người đúng đắn hơn.*

KÍNH MỜI QUÝ ÁI HỮU CÓ INTERNET TÌM ĐỌC: TRANG NHÀ ÁI HỮU CÔNG CHÁNH TẠI ĐỊA CHỈ: HTTP://AIHUUCONGCHANH.COM (CẬP NHẬT THƯỜNG XUYÊN).

HAI CÂU CHUYỆN, MỘT Ý NGHĨA HAY ĐÔNG VÀ TÂY GẶP NHAU

NGUYỄN XUÂN MỘNG

Nhớ lại thời niên thiếu, lúc theo học bậc Tiểu học, các Thầy thường kể cho học sinh nghe những câu chuyện, mục đích để hướng dẫn học sinh trong cuộc sống. Lúc đó tuổi đang còn non nớt, nên chưa thấy những câu chuyện đó hàm chứa những điều hay cho cuộc sống sau này, mà xem như những câu chuyện thường mà thôi, đến khi lớn lên, nhớ lại mới thấy những câu chuyện đó giúp ích cho cuộc sống rất nhiều. Tôi còn nhớ hai câu chuyện dưới đây, được Thầy kể cho nghe và gọi đó là câu chuyện "Đông và Tây gặp nhau trong cuộc sống", xin kể để cống hiến đến các Ái Hữu và Thân Hữu.

■

CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT: CHỌN NGƯỜI KẾ VỊ VUA

Vào thời họ Hồng Bàng làm vua nước ta, một vị Vua không có con trai để nối nghiệp, chỉ có độc nhất một Công chúa. Khi về già, vị Vua nghĩ đến người kế vị sau này. Nhà Vua nghĩ đến cách chọn người kế vị mình khi đã quá già yếu, hay sau khi Ngài băng hà: Nhà Vua truyền trong dân chúng biết một cuộc thi để kén Phò mã và là người sẽ kế vị Vua cai trị bờ cõi. Những thanh niên trong nước không phân biệt sang hèn đều được dự thi. Ngày dự thi đến, mỗi thanh niên đến dự thi được nhà Vua trao cho một bình đựng đầy hạt giống và được lệnh đem về trồng tỉa, sau một năm đúng vào ngày này thì mang cây đến để được chấm thi.

Ngày chấm thi đến, các thanh niên lần lượt mang cây vào trình Vua, trong lòng ai cũng mong được chấm đậu! Chậu hoa nào cũng rất đẹp, nhiều loại rất quý khó tìm thấy, mùi thơm tỏa ra cả vùng. Suốt cả ngày chấm thi, nhà Vua và Hoàng hậu lấy làm thất vọng, nét ưu tư hiện rõ trên mặt, vì không chọn được người để trao ngôi vị. Đến lúc sắp mãn giờ chấm thi, quân lính vào tâu Vua có một thanh niên mang theo một chậu đựng đầy đất không có cây cối xin vào ra mắt Vua. Vua phán cho vào. Thanh niên này vào phủ phục trước Vua và Hoàng hậu và tâu trình xin chịu tội, vì đã tìm đủ mọi thứ đất, phân tốt để ươm giống, nhưng cả trăm lần không có được một mầm non mọc lên từ hạt giống Vua ban cho. Nghe đến đây, Vua và Hoàng hậy lấy làm mừng rỡ và tuyên bố khanh chính là người mà Trẫm tìm chọn từ lâu, và khanh xứng đáng là Phò mã của ta và là vị Vua kế vị ta để chăn trăm họ.

Cả đình thần, những người dự thi kể cả thanh niên được chấm đậu, và dân chúng đến xem đều sửng sốt không hiểu lý do.

Xin các Ái Hữu đoán và giải thích lý do.

■

CÂU CHUYỆN THỨ HAI: CHỌN NGƯỜI LÀM BỘ TRƯỞNG NGÂN KHỐ

Vào thời xa xưa, tại một nước ở phương Tây, một vị Vua muốn tuyển chọn một vị giữ chức Bộ Trưởng Ngân Khố trong đám quần thần của triều đình.

Vua bèn cho tổ chức một buổi dạ tiệc có khiêu vũ, và mời tất cả đình thần đến tham dự. Trên đường vào phòng dạ tiệc, các quan phải đi qua một hành lang dài đầy vàng bạc, ngọc ngà châu báu. Sau buổi dạ tiệc tất cả các quan đều tham dự buổi khiêu vũ. Hầu hết các quan đều kéo bước chân một cách nặng nề, chậm chạp và mệt mỏi. Phải chăng các Ngài đã ăn quá no mà đi không nổi? Tuy nhiên có một vị quan bước những bước chân rất đẹp như phượng múa không thấy gì là mệt mỏi cả.... Sau buổi khiêu vũ, Vua ra lệnh khám xét tất cả các quan và chọn vị quan sau cùng có những bước đi đẹp như phượng múa trong buổi khiêu vũ giữ chức Bộ Trưởng Ngân Khố của triều đình.

Xin các Ái Hữu và Thân Hữu giải thích cho biết lý do.

(GHI CHÚ: XIN XEM PHẦN GIẢI ĐÁP Ở TRANG 106)

COI CHỪNG CỌP

VĂN MINH HỒNG

Thân tặng Anh Nguyễn Hứa Kiểu, cùng Trần Nguyên Hùng, Đoàn Đình Mạnh, Hoàng Ngọc Trí, Trần Đình Thiệu và các anh em phòng Thiết Kế ở Khu Cầu Đường 4 cũ, để nhớ những buổi trưa gậm khoai mì trên công trường.

(Bài này được viê't theo trí nhớ của tác giả, nếu có những chi tiết nào không đúng, xin quý AH bỏ qua)

Quốc lộ 13 từ SG chạy qua thị trấn Chơn Thành, đến thị xã An Lộc, và tiếp tục đi lên đến Lộc Ninh trước khi chấm dứt ở biên giới Việt Miên. Đoạn đường này trong thời gian chiến tranh VN, nhất là vào thời điểm 1972 đã từng là đề tài thời sự hàng ngày trên các mặt báo trong và ngoài nước. Sau năm 1975, tôi làm việc ở Khu Cầu Đường 4 nơi mà địa bàn hoạt động bao gồm miền đông nam phần, trong đó có QL 13 này. Những ai có dịp tham dự thiết kế, thi công hay tu bổ đoạn đường này trong khoảng thời gian vừa sau 1975 đều có dịp chứng kiến những đổ nát và dấu vết tàn phá của chiến tranh. Một phần những khu vực dọc QL này trước khi hòa bình lập lại là vùng mất an ninh hoặc vùng chiến trận nên hầu như không ai trong chúng ta có dịp đặt chân đến.

Sau khi chiến tranh chấm dứt năm 1975, một trong những nhiệm vụ của ngành Cầu Đường ở miền Nam bấy giờ là phục hồi và nối lại giao thông đến những nơi đã bị gián đoạn, cũng như đến các mật khu CS cũ. Khoảng các năm 77, 78, khi người dân VN đã bắt đầu thấm mệt với các vấn đề "cơm, áo, gạo, tiền" cũng như bắt đầu được làm quen với việc độn cơm với bo bo thì bóng dáng chiến tranh lại kéo đến. "Đồng chí láng giềng vĩ đại" ở phương Bắc nay trở thành "bọn phản động theo Mao trong giới cầm quyền Bắc Kinh", "Đồng chí Pon Pot kính mến" ở phía Tây đã trở thành "tên đồ tể Pon Pot" đang thực hiện chỉ thị của "bọn bành trướng bá quyền Trung Quốc" để đàn áp, đánh phá, giết chóc cả người Việt lẫn người Miên ở vùng biên giới. Cả nước VN lại bị lôi kéo vào chiến tranh, và ngành Cầu Đường bấy giờ được giao nhiệm vụ đảm bảo giao thông biên giới, thực hiện cấp tốc việc thiết kế và xây dựng những công trình, đa số là tạm thời, để phục vụ chiến tranh, phục vụ việc chuyển quân, chuyển tăng, kéo pháo lên vùng biên giới.

Tôi không biết các đồng nghiệp Cầu Đường ở miền Bắc đã làm những công tác gì ở vùng biên giới Việt Hoa để chuẩn bị đối phó với người anh em một thời môi hở răng lạnh, riêng ở vùng biên giới phía Nam thì trọng tâm công tác chú trọng về sửa chữa và khai thông lại các tuyến đường chạy dọc biên giới, kiểm tra, gia cố hoặc xây dựng các cầu tạm có thể chịu được tải trọng của tăng T-54. Tu sửa đường lộ có thể là dặm vá macadam, nhưng thường là làm đường trải sỏi đỏ. Công tác khảo sát thiết kế đã cho tôi cơ hội được đi dọc theo các vùng biên giới hẻo lánh. Do hoàn cảnh kinh tế và an ninh, toán khảo sát đo đạc của chúng tôi thường cố gắng đánh lẹ rút nhanh, có khi chỉ mất độ 3, 4 ngày là khảo sát xong những đoạn đường dài hơn 10 km. Những gian khổ và nguy hiểm của thời kỳ căng thẳng ở biên giới đã để lại trong chúng tôi nhiều kỷ niệm vui vui nhưng có lẽ kỷ niệm đáng nhớ nhất là khi chúng tôi đi khảo sát QL 13 trên đoạn đường từ Lộc Ninh đến biên giới Việt Miên.

Thị trấn Lộc Ninh ở dưới sự kiểm soát của Bộ Đội Miền Bắc từ 1972. Phía đông nam của Lộc Ninh là thị xã An Lộc, thủ phủ của tỉnh Bình Long nơi mà mùa hè đỏ lửa 1972 đã có một trận chiến bao vây và tử thủ được xem như là ác liệt vào bậc nhất của cuộc chiến VN. Tuy Bắc quân

không chiếm được An Lộc vào năm 1972, nhưng từ 1972 đến 1975, việc thông thương đến đây không được thuận tiện và dễ dàng. Ngay cả sau 1975, khi hòa bình đã được lập lại, trên đường đi công tác ngang qua An Lộc, chúng tôi vẫn còn thấy xác các chiến xa T-54 nằm ngỗn ngang trên đường phố, chứng tích tàn phá của chiến tranh tương tàn, khốc liệt.

Ở khu Cầu Đường 4, thông thường Bác TN là tài xế được phân công lái xe đưa bộ phận khảo sát của chúng tôi đi công tác. Bác TN lái 1 chiếc xe Jeep màu cam, phía sau rộng rãi hơn những chiếc Jeep khác nên chúng tôi luôn chọn đi xe của Bác. Chất lên chiếc Jeep này, ngoài các dụng cụ, máy móc đo đạc, túi xách, quần áo cá nhân cho 4, 5 ngày công tác, chúng tôi còn khệ nệ khuân theo nồi niêu, xoong chảo, đôi khi cả túi gạo để lo cho cái bao tử trong những ngày đo đạc. Chắc đa số ca'c AH có sống ở VN trong khoảng thời gian này đều còn nhớ là tình hình lương thực của người dân Việt lúc bấy giờ hết sức căng thẳng, mỗi tháng mỗi đầu người chỉ được 9 kg gạo, thị trường gạo tự do thì hầu như hoàn toàn biến mất hoặc nếu có thì cũng không mấy ai có đủ tiền mua. Lương hướng thì đầu tháng lãnh đã thấy gần cạn ở 1 hoặc 2 tuần lễ đầu nên anh em chúng tôi cũng không thể cơm hàng cháo chợ trong khi đi công tác được. Những lần đi khảo sát thiết kế đường , để giảm bớt thời gian đo đạc mà vẫn có thể thực hiện bản vẽ với khá đủ chi tiết, lập chiết tính khối lượng và dự toán, chúng tôi thường phải phát huy vài sáng kiến nho nhỏ, nghĩ ra những cách khá ngộ nghĩnh để khắc phục hoàn cảnh quá đổi khó khăn.

Kỳ đi khảo sát QL 13 lần ấy dường như có LĐH, NVP, LVB, HNT, TNH, và tôi. Năm , sáu anh em chất lên chiếc xe Jeep mà phía trước cảng xe, chúng tôi còn dùng dây thừng cột theo chiếc xe đạp cà tàng của TNH. Việc đầu tiên khi đến nơi công tác là trình giấy công tác cho chính quyền địa phương rồi hỏi thăm xem nơi nào toán đo đạc có thể ngủ lại qua đêm. May mắn lần này chúng tôi được giới thiệu đến một trường tiểu học mà các em đang mùa nghỉ nên chúng tôi có thể kê các bàn lại với nhau để làm giường ngủ buổi tối. Tắm rửa thì có giếng nước ở góc trường, múc nước lên xối tại chỗ; xong đem nồi vo gạo, kê gạch kiếm củi nấu nồi cơm chiều để anh em xúm lại ăn.

Buổi sáng hôm sau LVB và TNH luộc một nồi khoai mì lớn mang theo xe để ăn trưa tạm, chiều về sẽ nấu cơm nước tươm tất hơn. Anh em sau đó chia ra làm 2 toán để bắt đầu đo đạc. LVB, NVP, HNT, và LĐH sử dụng máy transit để đo đạc chi tiết. Toán này đi sau cùng vơ'i chiếc Jeep. Còn TNH đèo tôi trên chiếc xe đạp cà tàng, H ngồi phía trước đạp, tôi ngồi ở phía sau 1 tay cầm theo 1 cuốn sổ ghi chép, một tay cầm viết và một máy nhỏ bấm đếm xe (máy này của toán cân xe lúc trước để lại). H và tôi đo trước chu vi của vòng bánh xe đạp, rồi lấy một sợi dây lạt buộc vòng ngang bánh xẹ Khi bánh xe quay, sợi dây lạt này sẽ cạ vào vè xe và đánh lên một tiếng xoẹt. Khi TNH đạp xe, tôi cứ bấm cho máy bấm số nhảy mỗi khi nghe một tiếng xoẹt và ghi vào sổ mỗi khi đến một khúc quanh, hoặc khi địa hình hoặc mặt đường thay đổi. Khi có cống thoát nước băng ngang đường, chúng tôi ngừng lại, ghi lại số trên má bấm, ghi nhận kích cỡ cũng như số miệng cống, tình trạng tường đầu cống, tình trạng thượng và hạ lưu. Sau đó chúng tôi rời địa điểm để cho toán đo đạc theo xe Jeep đi lên, đo đạc địa hình tại vị trí cống này với cao độ giả định. Sau này khi trở về lại văn phòng, chúng tôi dùng quyển "trụ mốc lộ trình" (Kilo-post log) để dựa vào các điểm mốc như giao lộ, đầu đường cong mà chỉnh lại các khoảng cách tính ra từ số vòng quay của bánh xe đạp. Cứ làm cuốn chiếu như vậy từ sáng sớm, mệt thì dừng lại kiếm chỗ mát để nghỉ hoặc ghé qua các quán nghèo bên đường để giải khát bằng vài ly trà đá. Đến trưa trời trở nên nắng gắt, đường đầy bụi đỏ tốc lên khi có xe tải chạy qua. Tụi tôi mặt mày, lưng áo bám đầy bụi đỏ nhất là cặp kính cận của tôi thì cứ chốc chốc phải gở ra chùi vào áo. Tôi không biết bụi đỏ hồng trần của "Ngày Xưa Hoàng Thị" nên thơ thế nào, chớ bụi đỏ đầy trời trên vùng đất đỏ laterite này dường như chỉ muốn khéo nhắc cho bọn tôi cái tương lai mù mịt

của dân mình lúc bấy giờ.

Khi trời bắt đầu xế trưa, TNH và tôi trở lại trên xe đạp để gặp anh em đo đạc, kiểm soát lại công việc đã thực hiện rồi tất cả chất lên xe Jeep chạy đi chợ, sau đó về trường học nghỉ ngơi, tắm rửa, và nấu cơm chiều. Tối đến kê bàn lại, giăng mùng nằm nói chuyện khào, nhắc chuyện đời xưa và còn đoán thử coi những anh em đã vượt biên ra nước ngoài bây giờ đang làm gì, có cực khổ như anh em trong nước không?

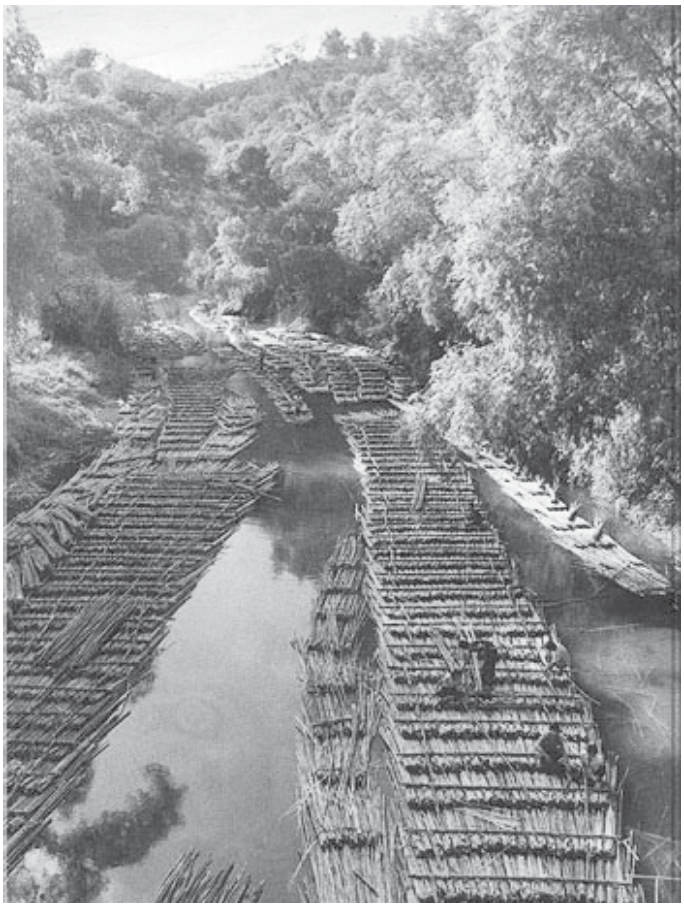

Mọi việc đo đạc diễn tiến suông sẻ trong những ngày kế, và vào buổi cuối cùng theo dự trù, chúng tôi sẽ thanh toán nốt phần còn lại của đoạn đường chạy đến biên giới Miên. TNH và tôi đều có phần náo nức vì công tác gần xong, sắp được về nhà, thêm vì công việc đã nhuần nhuyễn sau mấy ngày thực tập nên chúng tôi cảm thấy thời gian trôi qua khá nhanh. Độ gần giữa trưa, H và tôi ghé vào quán nước bên đường nghỉ mệt và nói chuyện vản với 1, 2 người dân đang ở đó. Sau khi xã giao một vài câu, được biết chúng tôi là Kỹ sư đi khảo sát để làm đường, bà con ở đây báo cho chúng tôi một tin khá "lý thú": "Mấy chú đi nên cẩn thận 1 chút, hổm rày ở vùng trên này có một con cọp hay về lảng vảng ở đây !!!" Trời trưa nắng mà bổng nhiên sao tụi tôi cảm thấy hơi lành lạnh sau lưng. Sao mà ông trời chơi ác vậy? Sao lại khiến có cọp ra lảng vảng trong lúc bọn này đang đo đạc để làm gì?

H hỏi tôi có vẻ lo lắng " Bây giờ mày tính sao"?

"Thì cũng phải đi chớ sao bây giờ, tao chắc cọp hổng ra ban ngày đâu" tôi làm vẻ thản nhiên trả lời.

Tụi tôi tiếp tục di chuyển trên chiếc xe đạp mà bụng dạ không còn "hồ hởi" như những giây phút trước dù công việc đã sắp xong. Ác nỗi đường càng gần biên giới thì càng vắng gần như không có một bóng người nào. Lòng đường trở nên hẹp, hai bên đường bây giờ mọc nhiều bụi cỏ dại cao hơn đầu người, thỉnh thoảng lại có những bụi trúc rậm và cao gần như phủ từ bên đây qua đến bên kia lề đường. TNH đạp xe thật lẹ, và cứ mỗi lần đến đường cong khuất thì hai đứa tôi lại thót ruột vì không biết "ông" có núp đâu đó không? TNH cứ thỉnh thoảng lại hỏi tôi: " Có cọp không Hồng? Có cọp không Hồng"? Tôi không biết nói sao nhưng vì cứ bị hỏi hoài nên cuối cùng cũng ráng bình tỉnh trả lời: " Mầy cứ lo chạy đi, cọp không có rình trước mặt đâu, nó chỉ rình sau lưng thôi. Có gì thì nó vồ tao ở phía sau này chớ nó không vồ mày đâu". Không biết câu trả lời có làm TNH an tâm phần nào không nhưng từ đó trở đi không thấy hắn hỏi như vậy nữa.

Đồn biên giới cuối cùng là nơi chúng tôi đang mong đợi để tới. Mong đợi vì chẳng những là điểm cuối của công tác mà còn là nơi chúng tôi có thể an toàn dừng lại chờ đợi (mà không sợ cọp) để xe Jeep chở toán đo đạc lên đón bọn tôi về.

Thấm thoát đã hơn 25 năm qua, anh em mỗi người một ngã. Không biết QL 13 bây giờ đã được mở rộng và tráng nhựa thẳng tắp chưa. Đồn biên giới khi xưa chắc không còn là một chòi lợp tôn nhỏ nữa mà đã có cơ ngơi cao rộng hơn. Còn "ông 30" ở biên giới Lộc Ninh lúc đó, không biết bây giờ có còn không hay đã vào một nồi cao hổ cốt nào rồi. Chỉ biết là TNH và tôi không có duyên gặp "ông" và nhờ vậy mà bây giờ tôi mới có dịp ngồi đây viết bài này cho Lá Thơ AHCC.

Chiều mưa nhớ bạn

Cảm hứng từ bức ảnh
Sân Trường Chiều Mưa
do Trần Viết Hiếu
và Vương Ngọc Tân
-ACC74 gởi tặng

Người về thăm trường cũ
Một chiều mưa giăng giăng
Lòng bổng nghe thổn thức
Về một thời xa xăm ...

Ngày tựu trường đông đúc
Tiếng cười nói vang vang
Bạn cùng tôi bỡ ngỡ
Vào giảng đường thênh thang

Bốn năm dài học tập
Chúng ta cùng tranh đua
Giải những bài toán khó
Thực tập và vui đùa

Ta trao dồi kiến thức
Mong góp một bàn tay
Xây quê hương, đất nước
Được no ấm sau nầy

Ra trường trong thương nhớ
Bạn, tôi hai ngả đường
Như chim non lìa tổ
Bay đi khắp muôn phương

Hai mươi năm xa cách
Cuộc đời bao đổi thay
Ước mơ ngày xưa đó
Có thành tựu hôm nay?

Trở về thăm quê cũ
Ghé lại thăm trường xưa
Bạn bè giờ thiếu vắng
Nhung nhớ sao cho vừa

Nhớ người miền hải ngoại
Nhớ kẻ tận cuối trời
Nhớ bạn đã khuất núi
Cuộc đời như mây trôi ...

Chiều mưa sân trường cũ
Lòng ai bỗng bồi hồi
Tìm đâu người xưa cũ
Lững lờ dòng nước trôi ...

T.M.T.

bèo dạt mây trôi

U TÀ

Lời tựa:

"Tít" đặt nghe cho hấp dẫn chứ sự thật đây là một ghi nhận lại những chuyện buồn nhiều hơn vui của cuộc đời phiêu bạt của tôi trong suốt 25 năm "mang chuông đi đánh xứ ngoai" với tư cách cố vấn kỹ thuật về cung cấp nước uống. Thật vậy, "bèo dạt mây trôi" vì không có nơi làm ổn định lâu dài. Nhanh thì vài tuần, lâu lắm là vài năm rồi cũng phải khăn gói ra đi khi hợp đồng mãn hạn và mấy cai valises là bạn đồng hành.

Tóm lược: Tháng 4/1975 gia đình tôi cũng như mọi người bỏ Việt Nam ra đi mà không mong có ngày về cố quốc. Đến Mỹ, sau 1 tháng ở trạm định cư Pendleton, California gia đình tôi ra tạm cư tại Pasadena, California và tôi làm việc với một hãng Kỹ sư cố vấn mà tôi quen biết lúc còn ở VN. Chắc là vì tướng số có cung di cho nên từ đó cho đến năm 2001 là năm tôi "gác bút về nhà vui thú trồng rau bắt bướm" tôi đã lần lượt đi đến nhiều quốc gia trên thế giới để xây dựng hoặc điều hành hệ thống cung cấp nước uống. Các quốc gia tôi đã đến làm việc gồm có: Brazil, Egypt, Sudan, Tunisia, Ivory Coast, Mauritania, Italy, France, Finland, Phillipines, Taiwan, Indonesia và Viet Nam. Hai quốc gia nơi mà tôi phục vụ lâu nhất là Egypt và Indonesia.

Nhiều bạn bè tôi thường nói "Khiêm, mày sướng thật, đi đây đi đó mà không tốn tiền nhà, biết nhiều danh lam thắng cảnh và tha hồ "trả thù dân tộc!". Thật ra lúc mới đi thì cũng cảm thấy khoái thật vì lúc ở VN mong được dịp xuất ngoại, nhất là qua Paris, Pháp là điều mơ ước của hầu hết chàng sinh viên nước Việt thời bấy giờ. Đó là chưa nói tới các thủ đô lớn khác như London, Rio De Janeiro, Copenhagen, Cairo, Helsinki v.v. London thì có lâu đai Buckingham với các chú lính đội mũ lông đứng gác bất động. Rio De Janeiro với bờ biển hấp dẫn vì các thiếu nữ quá nghèo nên mặc áo bikini thiếu vãi và chỉ dùng dây để nịt những cai trời cho mà bị luật bắt phải che, và nhất là tượng chúa Jesus đứng trên mõm đá cao cả hàng trăm mét dang tay bao che các thuyền đánh cá ra khơi (ở Vũng Tàu cũng có một tượng tương tự, chắc là copy của tượng ở Brazil). Copenhagen thì có tượng nhân ngư mặt rầu rĩ nhìn ra biển cả trông ngóng người yêu ra khi mà không có ngày về. Cairo với kim tự tháp Cheops cùng tượng hình nửa người nửa sư tử và lịch sử trên 4 ngàn năm văn hiến. Helsinki với thế vận hội đẫm máu vì các lực sĩ Do Thái bị giết bởi những người A Rập quá khích mùa Đông giá rét. Nhưng sau vài chuyến đi thì cái háo hức thuở ban đầu đã tàn lụi và cứ mỗi lần lên máy bay là mỗi lần ớn và sợ không tặc nhất là khi phải đi trong các chuyến bay về Trung Đông! Tôi đã nếm đủ thức ăn của các hãng hàng không quốc tế và quốc nội như: American Airlines, United Airlines, Braniff (đã chết), Pan Am (đã chết), TWA (cũng chết luôn!), Northwest Airlines, SAS (Scandinavian Airlines), Air France, Air Afrique, British Airlines, Brazil Air, Lufthansa, KLM, Swiss Air, Egypt Air, Ethiopian Airlines, Singapore Airlines, Garuda, China Airlines, Japan Airlines và Korean Airlines. Chỉ có Air Afrique là cho ăn ngon còn ăn tệ nhất là các hãng hàng không quốc nội. Còn chuyện "trả thù dân tộc!" thì "xin tha cho em" vì các nơi em đến làm việc là những nơi theo đạo Hồi và nếu có gì thì "nó" bị cắt đi thi uổng lắm thay hoặc vô phải một con ếch (AIDS) thì chết cửa tứ! Thôi thà nhịn thèm về nhà ăn "cá kho khô" cho nó an toàn.

■

BRAZIL, SÃO PAULO.1976.

São Paulo là thủ đô của tiểu bang mang cùng tên. Trước khi Brasilia được xây dựng từ số không để trở thành thủ đô của liên bang Brazil, São Paulo cũng đã từng là thủ đô của liên bang. Brazil nằm ở Nam Bán Cầu nên khí hậu ngược hẳn với chúng ta. Khi mà ta nóng thì họ lạnh và ngược lại. Đất đỏ như Cao Nguyên VN và khi trời mưa thì không thua chi mưa Đà Lạt. Người Nhật ở SP nhiều nhất, có hơn triệu người và làm đủ nghề nhưng số đông lái taxi (loại cảm tử kamikaze!. Sẽ kể sau.) và trồng rau. Người SP thường nói nếu người Nhật mà đình công một ngày là SP sẽ không có rau ăn và thật đúng như rứa.

Cty. nơi tôi làm việc được nhận được lời yêu cầu của Thủy Cục (T.C.) là phải thiết kế một nhà máy nước hiện

đại như ở Mỹ. Sau khi nhà máy khánh thành thì T.C. mới thấy là nhà máy tuy hiện đại nhưng nhân viên thì không! Rứa là toi được điều động đi xuống đó để giúp điều hành nhà máy. Nhà máy này tên gọi là Guaraú, lúc bấy giờ có khả năng sản xuất 900 000 m3/ng. (so với Nhà Máy Thủ Đức sau khi nâng cấp có khả năng sản xuất 680 000 m3/ng) và được xây dựng theo đầu óc phiêu lưu của người Brazil. Họ ủi bằng một đỉnh núi để xây nhà máy! Chiều chiều mây kéo tới phủ chân núi và các đỉnh núi chung quanh làm cho tôi nhớ nhà, nhớ VN kinh khủng.

Để vào Brazil tôi phải có thông hành. Vì mới tới đất Mỹ chỉ có 1 năm và vì mang tiếng là tị nạn nên chỉ xin được một cái Refugee Travel Document (RTD) màu xanh lục. Chính phủ Mỹ sợ người ta nhầm lẫn nên ghi rõ: this document is NOT a passport. Máy bay hãng Brazil Air trước khi đến SP phải bay qua va ghé tại Lima, Peru. Khi đến phi trường SP thì nhân viên kiểm soát thông hành lật lui lật tới cai RTD của tôi vì nó không giống ai nhưng rồi cũng đóng dấu cho tôi quá ải. Trước khi đến Brazil thì tôi tưởng quốc gia này nói tiếng Spanish té ra họ dùng tiếng Portuguese. Vì cùng một nguồn gốc Latin với nhau cho nên vốn liếng tiếng Pháp của tôi cũng dùng được. Tiếng được tiếng không nhưng ít nhất cũng khỏi múa mỏi tay khi nói chuyện vớ nhân viên nhà máy. Ngày hôm sau tôi vào Thuy Cục gặp Giám Đốc để chào xã giao. Tôi được mời uống cafe do Brazil gọi là cafezino. Chén cafê chỉ nhỏ bằng chén Tống uống trà và cafê đậm kẹo ngon tuyệt trần. Sau chén thứ nhất và thấy tôi khen ngon nên tôi được mời thêm chén thứ hai và tôi nốc một hơi hết sạch. Ông GĐ mời tôi chén thứ ba, người bạn đồng hành của tôi làm dấu kín đáo đừng uống nhưng tôi vì thấy cafê ngon qua nên làm luôn chén thứ 3 trước khi chào ông GĐ để đi nhà máy. Tối đó tôi thức sáng đêm, mí mắt không thèm nhắm lại đừng nói chi ngủ! SP đi trước California 3 giờ cộng thêm với chất cafeine nên đã làm tôi đã thức trắng đêm! Còn tiếp. Kỳ sau: Tôi được dàn chào ở Brazil)

Các Anh Hợp & Bửu thân

Tôi xin gửi theo đây 2 bài để Anh xem có đăng được thì đăng cho anh em CC đọc cho vui. Như tôi đã trình bày với Anh hôm gặp nhau ở San Diego, tôi vì bị ràng buộc bởi hợp-đồng bên VN nên không thể viết bài về Cung Cấp Nước cho Sàigòn được. Mặc dầu các chi tiết kỹ thuật cũng chả có chi gọi là bí mật quốc gia nhưng breach of contract vẫn là điều không nên làm. Mong các anh thông cảm.

Kính chào,

thơ

DƯỜNG NHƯ

Dường như một nét ngọc ngà
Cũng làm ta nhớ đậm đà mê say

Dường như một suối tóc bay
Cũng làm ta nhớ dáng gầy kiêu sa

Dường như một thoáng lượt là
Cũng làm ta nhớ thướt tha dáng người

Dường như một cánh chim trời
Cũng làm ta nhớ một thời cô đơn

Dường như một dặm đường trường
Cũng làm ta nhớ nỗi buồn xa nhau

Dường như một thuở ban đầu
Cũng làm ta nhớ khổ đau suốt đời

Dường như một cánh sao rơi
Cũng làm ta nhớ bên trời thiếu em

Dường như một tiếng dịu êm
Cũng làm ta nhớ bao đêm ân tình

Dường như một ánh mắt nhìn
Cũng làm ta nhớ bóng hình ngày xưa

Dường như một chút tình cờ
Cũng làm ta ứa lệ mờ trên mi

Nguyên Khoa

LÁ THƯ CỦA AH NGUYỄN ÁNH DƯƠNG

(tiếp theo kỳ trước)

Các bạn mến,

Sau khi chị Hồ của tôi đi về được khá lâu, tôi mới hoàn hồn lại. Chợt có tiếng kêu cửa.

- Chết ngộ rồi bác Dương ơi! Ngộ chết rồi, ngộ chết rồi!

Tôi nhận ra giọng chú Ba, bèn hỏi:

- Chuyện chi la khóc giữa đường, chú Ba? Vào nhà, bình tĩnh mà run, ủa, mà nói. Chú Ba làm gì mà sợ hãi quá làm tôi nói bậy, nói bạ hết rồi.

- Nó đòi đè ngộ cho chết ngộp, ngộ sợ quá, ngộ khai thiệt hết trơn, hết trụi. Bây giờ nghĩ lại, ngộ tức lắm. Ngộ đường đường hảo hán, mà sợ nó, thua nó, tức quá! Bác Dương là Khổng Minh tái thế, bác phải nghĩ kế trả thù mới được. Tốn kém bao nhiêu ngộ cũng trả mà, đừng lo.

- Chú Ba khai thiệt làm chị Hồ giận tôi, chị đến đây đòi tiền chú Ba cho tôi. Tôi đã đưa hết ráo, hết trơn, không còn một xu dính túi để ăn cà rem.

- Khổ cho bác Dương quá, thôi bác Dương lấy đỡ năm trăm đô bỏ túi, xài chơi, hết rồi ngộ đưa thêm nữa, mà bác Dương phải bày cho ngộ diệu kế báo thù mới được, không thì tức chết.

- Kế thì tôi đầy bụng, chỉ sợ chú Ba thi hành không đặng mà thôi. Chú Ba yếu bóng vía quá, mới bị hù sơ sơ mà đã chạy hú hồn hú vía thì còn làm ăn, sờ mó gì được. Chị Hồ của tôi đòi đè cho chú ngộp thở, tôi làm cho chú câu đối này thì chị Hồ sẽ ứ hự, thở không ra hơi. Thừa cơ chú mò vào chốn ấy.

- Chốn nào, bác Dương?

- Chú Ba ngây thơ quá, thảo nào mà chị Hồ của tôi chẳng chê "ngây ngô nghí ngố". Chốn ấy mà chú Ba hỏi chốn nào. Chốn hang hùm chớ còn chốn nào nữa. Bây giờ chú Ba trở lại nhà chị Hồ của tôi. Chú nói:

"Xướng đối dị, đối đối nan, tôi xin được ra câu đối trước."

Rồi chú hát liú lường một tràng dài, không để chị Hồ của tôi chận họng:

"Đêm nay thu sang cùng heo may,
Hồ lạnh, rễ sen già,
Xuân khứ, lá sen úa,
Hương sen phai, hè qua.
Ô hô! Lão tùng đầu thượng lai"

Tôi vừa bày xong, chú Ba nhẩm miệng gắng nhớ nằm lòng các câu thơ trên. Chú mừng quýnh, liền chạy sang nhà chị Hồ của tôi, hát líu lường và trả thuộc lòng bài trên. Chị Hồ của tôi ứ hự thật. Chú bèn thừa cơ mò vào chốn ấy. Chị Hồ của tôi tỉnh lại, gạt tay chú Ba ra, và la lên: "Thằng chệt này tỉnh, thằng chệt này say. Sao mi dám ỡm ờ, Này, này, bà bảo cho mi biết, chốn ấy hang hùm chớ mó tay." Chú Ba đang đê mê, bị gạt tay ra, hết hồn hết vía. Chú vốn là con cáo, nghe đến hùm, sợ quá, bỏ chạy một nước.

Đúng như tôi tiên đoán, cùng ngày hôm đó, chị Hồ của tôi đến.

- Bấy lâu nay chị đến chơi nhà. Mời chị vào trong xơi nước.

- Thôi khỏi, chú Dương đừng bày trà, nước gì cả. Chị đang bối rối. Chú lấy tiền của thằng chệt ra câu đối khó quá làm chị ứ hự đối chẳng ra. Chú phải giúp chị. Đường đường như chị mà thua thằng chệt thì còn mặt mũi nào mà sống trên trời đất, mà làm mưa làm mây với giới mày râu. Ra câu đối được thì phải đối câu đối được.

- Nghề mọn riêng tay, làm cho chị bận lòng thật là tội lỗi. Chị mà không đối được, chị giỡn hoài, chị đùa dai đó.

- Thật mà em. Chịu khó dùm chị đi, rồi muốn cái gì, chị cho cái đó.

Tôi mừng quá, nhưng còn mại hơi, nên nói:

- Em xin phép chị được múa rìu qua mắt thợ, múa búa trước cửa Lỗ Ban. Xin chị đừng cười và xin chị giữ lời hứa, cho em được nhờ. Chị cứ dùng những tiếng cũ của chị, đảo qua, đảo lại là xong.

Đường xa, người vắng,
bóng chiều tà,
Hài Hán chân đã mỏi,
Bánh Đường, tay đã tê,
Miệng khô, bánh rã, vốn tan,
Hỡi ơi, vẫn ngây ngô nghí ngố.

- Hay, hay quá! Xưa này chị vẫn phục cái đứa em này.

- Vậy em xin chị giữ lời hứa.

- Em cho chị biết em muốn cái gì đi.

- Mắc cỡ quá, nói ra không tiện. Chị dư sức biết em muốn gì mà.

- Đúng rồi, em muốn đòn. Hôm trước, em xin tha tội, em nói em lỡ dại một lần. Hôm nay, em lại chứng nào tật nấy. Lấy tiền của thằng chệt, ra câu đối chọc ghẹo chị, kêu cả tên họ của chị ra, nói nào rễ già, lá úa, hoa lạc,

hương phai. Có phải em muốn đòn không?
- Xin lỗi chị, em có kêu cả tên lẫn họ của chị nhưng không phải để chọc ghẹo, để bêu xấu mà để khen chị, tán dương công đức của chị. Này nhé, rễ sen già thì thành củ sen. Củ sen ngon lắm, chị ơi! Nấu chè cũng bùi, hầm giò heo, xườn heo, cật heo cũng béo. Đã bùi, đã béo lại nên thuốc nữa. Ăn một củ thì ngủ li bì. Người nào máu loãng, chảy máu cam, ăn ba lát củ sen nấu với đường phèn, máu ngưng chảy liền. Ngon và quí lắm, chị ơi! Còn lá úa thì phơi khô để gói trà, thơm ơi là thơm. Hoa lạc, hương phai thì gương to, hột lớn. Hột sen nấu chè, làm mứt thì ngon hết xảy. Trong bát bửu của nồi vịt tiềm thì hạt sen quí nhất.
- Giỏi, em chị giỏi thật. Nhưng em dạy nó hát câu "Đêm nay thu sang cùng heo may" làm sao chị tìm ra được câu hát để đối lại nó. Có phải em làm khó dễ chị không?
- Em chả dám. Số là em biết chị kinh sách một bụng, nó hát líu lưỡng thì chị ngâm một câu Đường thi nào, nó cũng chết ngất ngư. Là Tàu mà nó cóc có biết chữ Tàu. Cùng lắm thì chị nhái giọng nó chị rao hàng như đồng hương của nó ở Chợ Lớn: "Trái cam tàu, cam thảo ngọt đây"... "Bánh bía, bánh bò, bánh bao chỉ". Chị thiếu gì cách đối đáp nhưng chị không muốn đó thôi.
- Em chị số dách, nhưng em cho chị thiếu một phen. Mai mốt chị cho em lãnh rappel. Bữa nay chị bị thằng chệt làm chị ứ hự, mệt quá, thở không ra hơi. Chị về, thế nào nó cũng hí hửng qua nhà chị. Chị cho nó chết.
Tôi vừa đóng cửa chưa kịp vào nhà trong thì có tiếng gõ cửa:
- Chú Dương, chú Dương, mở cửa cho chị vô. Chị quên cái này.
- Em thấy chị xách đít ra về rồi mà chị còn quên cái gì?
- Cũng chú mày nữa! Chị có xách miệng ăn đâu mà xách đít về. Mà em có cho chị ăn gì đâu.
- Thì tại chị hết. Em mời chị uống trà, chị bảo em bày vẽ, chị đang bối rối. Em tính cho chị ăn củ khoai, chị nói chị ứ hự, mệt thở không ra hơi, để khi khác.
- Thôi bỏ đi tám!
- Chị lại xuống chức em rồi. Em thứ bảy.
- Ử, bảy thì bảy. Bảy cà ri nị hay bảy cà ri dê? Chị quên nói với em một điều. Em giỏi đối đáp, em làm dùm chị một câu đối thật khó đối để chị đuổi thằng chệt ra khỏi nhà chị cho rảnh của nợ. Chị biết thế nào nó cũng bò qua nhà chị để coi chị đối được câu của nó không.
- Chị giỡn hoài. chị chữ nghĩa một bụng mà chị nhờ người dốt làm câu đối, có phải chị đùa dai không? Vừa vừa thôi, chớ chị, để em sống sót với người ta. Đất rộng thênh thang mà chị nỡ lòng nào xô em qua thế giới khác.
- Chị nói thiệt mà em. Làm khó dễ chị hoài. Chị hổng chơi nữa đa!
- Xin chị bớt giận. Làm câu đối cho chú Ba thì năm trăm đô la, còn làm giùm chị thì miễn phí, miễn chị đừng quên em thôi, miễn chị cho em chút xíu thôi.
- Cái gì chớ cái đó thì dễ ợt, chị cho em luôn, chị không quên em dâu. Em sướng mà chị cũng sướng. Thôi làm câu đối liền dùm cho chị. Thằng chệt chắc đang nóng lòng chờ chị đó em.
- Vâng, chị đã bảo thì em phải vâng. Làm thì làm, em làm liền đây. Chị sướng mà em còn sướng hơn. Dễ ợt, chị muốn rảnh cục nợ của thằng chệt, thì chị cứ đuổi thẳng nó đi, chớ dài dòng làm chi. Chị bảo nó bên Tàu thiếu gì gái đẹp, về bên ấy mà dê.
Gái đất Bắc da trắng má hồng
Nị về bên ấy tha hồ bồng,
Nghìn lỗ sâu đợi tay hồ thỉ,
Một trượng dài phỉ chí tang bồng.
- Hay! Hay quá! Chị về cho nó chết.

Chị Hồ vừa về tới nhà, đã thấy chú Ba ngồi đợi trước cửa. Chú Ba líu lo, líu láo, líu lưỡng:
- Nị li lâu ló. Ngộ đợi nị quá chời.
- Tôi qua nhà chú Dương chơi.
- Nị qua nhà thằng cha già Dương dê đó làm gì. Nó dở ẹc hà. Nó nói cái miệng thì hay quá xá chớ còn nó hổng làm được cái gì cả. Nó sủa chớ nó không cắn. Còn ngộ, ngộ cắn chớ không có sủa. Ngộ nói sao là làm vậy. Ngộ hứa ba, ngộ chơi bảy lận! Nị đối được câu của ngộ chưa? Nói cho ngộ nghe coi có chỉnh không?
Chị Hồ bèn ngâm:
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà,
Hài Hán, chân đã mỏi,
Bánh Đường, tay đã tê,
Miệng khô, bánh rã, vốn cụt,
Hỡi ơi, vẫn ngây ngô nghí ngố.
Rồi chị tiếp luôn:
Gái đất Bắc, da trắng má hồng,
Nị về bên ấy tha hồ bồng,
Nghìn lỗ sâu đợi tay hồ thỉ,
Một trượng dài phỉ chí tang bồng.

Nói xong chị mở khóa cửa, vỗ mông ưỡn ẹo trước mặt chú Ba, rồi đi ngay vào nhà, đóng cửa khóa ngay lại. Chị nói vọng ra: "Tôi mệt quá, tôi nóng nực quá, cởi quần áo cho mát rồi lên giường nằm cho khỏe. Nị về đi! Chừng nào đối được câu trên, thì hãy qua. Thôi, Bye! Bye!"

Chú Ba bị chị Hồ chọc ghẹo, bẹo mông ưỡn ẹo còn đóng sập cửa trước mặt mình và đuổi về, lại còn ra câu đối nói đuổi thẳng về Tàu ăn chơi cho phỉ chí tang bồng hồ thỉ vì bên ấy gái thừa và nhất là câu nói bẹo hình sau cùng làm cho chú ngất ngư. Chú vừa thất thỉu bước đi vừa lẩm bẩm trong miệng. ...cởi quần áo cho mát,...hề cái này coi được lắm mà tức quá, không được coi,... lên giường nằm cho khỏe, hừ cái này khỏe thật nhưng đâu có sướng..., chừng nào đối được câu trên hãy qua. Khó thấy mẹ, làm sao đối được. Thằng cha già Dương dê thì chắc chắn nó đối được, nhưng mà nó mắc bỏ mẹ. Hai ba trăm đô la nó đâu có thèm, phải năm trăm đô răng rắc nó mới chịu. Tiền Mỹ mà nó coi như tiền Việt Nam. Lại còn phải nâng bi, bợ đít nó nữa. Nó mà mưu kế cái con mẹ gì mà phải kêu nó là Khổng Minh tái thế thì nó mới chịu nhúc nhích. Rồi đâu đã hết. Làm xong, nó còn nói trăng nói cuội để xin thêm tiền thưởng. Không cho nó thì nó cho de luôn, khỏi tới lần sau. Cho nó năm bảy chục đô thì nó ngó nửa con mắt. Phải cho nó một hai trăm đô thì mới thấy nó nhoẻn miệng cười tình. Mắc quá mà phải chịu, chớ biết làm sao bây giờ. Nhờ

mấy thằng cha khác thì chẳng những không được việc mà còn bị thằng chả lên lớp, giảng morale, quê thấy mẹ. Mấy thằng chả đi tắm hơi, đấm bóp, đi xem cinê ba chữ X, mà nói động tới chuyện đó chút chút thôi, mấy thằng chả la trời như bọng, nào là tục quá chời, nào là không thèm chơi. Mấy thằng chả làm như của quí, hàng đắt. Ai mà thèm chơi mấy chả, bộ pédé, bộ "gay" sao mà chơi mấy chả. Thôi mình về nhà gấp, moi tiền dấu dưới khạp gạo giao cho thằng cha già Dương dê là được chuyện. Ôi mà thôi, về nhà moi tiền chi cho mệt, lại nhà bank, ký tên lấy một ngàn ra cho tiện, khỏi mất giờ, khỏi tốn công.

- Ông Dương ơi! Ông Dương à! Có ở nhà không?

- Mời vào.

- Ngộ nghe lời ông Dương, ngộ qua nhà nó. Ngộ ra câu đối. Nó ứ hự, thở không ra hơi. Ngộ thừa cơ mò vào chốn ấy. Ngộ đang tê lê mê, nó nạt ngộ, ngộ hết hồn. Nó nói hang hùm chớ mó tay. Ngộ tuổi con dê mà nó số con hùm. Ngộ sợ quá, chạy tuốt về nhà. Hoàn hồn ngộ mới biết nó nói láo, hang nó làm gì có cọp. Mà cho hang nó có cọp, ngộ cũng liều chết bắt cọp, nên ngộ trở lại nhà nó. Ngồi đợi nó lâu thấy chời. Nó về, nó ra câu đối, đuổi ngộ, biểu chừng nào tìm được câu đối hãy qua. Ông Dương hay quá chời, ông làm giúp ngộ câu đối đi. Ông Dương cầm đỡ năm trăm đô. Hay, ngộ thưởng thêm.

- Câu nó ra như thế nào?

- Nó đuổi ngộ về Tàu ăn chơi cho phỉ chí tang bồng. Gái bên Tàu vừa đẹp vừa đông, nó nói đúng. Ngộ cũng muốn lắm chứ, nhưng ngặt một nỗi là về Tàu lấy gì làm ăn mà chơi. Ở đây, làm chơi ăn thiệt, ngộ trúng một mối thì vô cả trăm ngàn đô. Ngộ đầu cơ tích trữ, ngộ làm giàu dễ dàng. Ở đây, một trăm người bán, một vạn người mua. Ở bên Tàu, một vạn người bán, không có một người mua. Nghèo quá chời, tiền đâu mà mua. Thôi ông Dương làm gắp dùm ngộ đi. Ngộ nóng quá rồi vì nó đang cởi quần áo lên giường nằm nghỉ cho khỏe, đợi ngộ.

- Sao chú Ba không nói sớm, tôi bận quá!

- Ông Dương làm dùm ngộ đi. Ngộ trả gấp đôi.

- Chú Ba tử tế quá. Tôi quá bận nhưng tôi cũng ráng làm dùm chú, vì thấy chú tội nghiệp quá. Ai thì tôi từ chối, chứ chú Ba là chỗ quen lớn, tôi từ chối sao đành.

Cây miền Nam, hoa thơm quả ngọt,
Ngộ ở lại đây mặc sức gọt,
Một cây cao nhón cẳng leo trèo,
Vạn trái ngon miệng trào nước bọt.

Nó nói "Gái đất Bắc" tôi đối lại "Cây miền Nam".

Nó nói "da trắng má hồng", tôi đối lại "hoa thơm quả ngọt".

Nó đuổi xô "Nị về bên ấy", chú Ba chống lại "Ngộ ở lại đây".

Nó nói "tha hồ bổng", thì chú Ba đối lại "mặc sức gọt". Chữ gọt này hay lắm đấy chú Ba. Ăn trái mà gọt vỏ mới văn minh. Chú ví nó như trái ngọt, chú gọt vỏ trái, cũng như kỳ cọ da nó cho nó đã ngứa. Sướng chưa?

Nó làm thơ thất ngôn, dùng vần "ồng" dễ ợt. Mình đối lại cũng thất ngôn nhưng vần "ọt", khó làm thơ hơn vần "ồng" một trời một vực, cho nó ngán mình. Cái này mình đối đáp chớ không phải mình họa vận nên mình có quyền chọn vần. Mình chọn vần khó cho nó biết tài.

- Hay, hay quá, ngộ biết chú Dương giỏi quá chời mà. Khỏi nói nữa. Ngộ thưởng chú Dương một trăm đô. Ngộ đi liền, kẻo nó xuống giường, mặc quần áo vô thì ngộ lỡ mất cơn lương thì.

Chú Ba hí hửng đi ngay, còn tôi thì ngồi chờ tin lâm trận. Tôi tự hỏi ai sẽ đến tìm tôi lần này.

Mến,

thơ

BÀI THƠ KHÔNG TÊN SỐ 1

Ai bảo gặp nhau làm gì
Ai bảo quen nhau mà chi
Ai bảo thầm thương với trộm yêu
Để rồi vấn vương rồi dan díu
Để rồi khổ đau rồi vướng bịu

Ai bảo rằng không thể sống cô liêu
Ai bảo càng thương càng khổ nhiều
Ai bảo cứ cho mà không nhận ?
Ai bảo yêu mà không ích kỷ nhiều?

Thôi thì ai bảo thì cứ bảo
Để rồi yêu vẫn cứ yêu
Để rồi biết thương rồi biết khổ
Để rồi cứ sống vẫn cứ yêu.

HƯỚNG DƯƠNG

■ *Chẳng có gì đáng yêu hơn ở một người đàn bà khi nàng học những công việc nội trợ tinh vi, và khích lệ chồng những công việc làm tốt đẹp.*

MỘT TRÀ, MỘT RƯỢU MỘT . . . MỘT . . .

ÁI VĂN

■ *Sau bao nhiêu biến đổi và mất mát, con người ta càng trở nên khiêm nhượng và khôn ngoan hơn*

Trong bài "Nói Leo" đăng trong Lá Thư Công Chánh số 76, tôi có hẹn là sẽ viết một bài nói về Trà, về Rượu mà không dám lạm bàn đến . . . đến . . . lãnh vực mình luôn "mù tịt", cho dù mỗi ngày mình đều phải đương đầu. Nay xin giới hạn rõ ràng là chỉ xin lạm bàn về Trà và Rượu mà thôi, để dành cái phần kia cho quý vị Đàn Anh, quý vị Đàn Em hào hoa hoặc các bậc Trưởng Thượng tha hồ mạn đàm. "Em" xin lắng nghe lời chỉ giáo của quý vị.

NÓI VỀ CÁI GÌ MÀ "THIÊN HẠ" GHÉT TRƯỚC: HÃY BÀN VỀ RƯỢU.

Thuở nhỏ, tôi hay đọc văn thơ lặt vặt –sở dĩ dùng chữ lặt vặt vì lúc nhỏ tôi nhác học văn chương lắm, cho dù tên tôi là Văn- nên đọc được câu thơ nào thấy thú vị hay hạp với mình thì cứ nhớ mãi, cho dù đã bao nhiêu năm về sau. Xin trích đây mấy câu chữ Hán cho ra cái điều ta đây cũng "Háng" rộng, với lại để cho đúng với chữ của cổ nhân: "Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ". (Xin đừng bày đặt hiểu bậy hiểu bạ để xuyên tạc là tôi nói móc lò mấy ai cứ đem tiền ra cho các Thẩm mỹ viện tiêu giùm).

"Nam vô tửu như kỳ vô phong", hoặc

"Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi

Dục ẩm tì bà mã thượng thôi" (hai câu sau cũng rất hay nhưng không muốn trích vì không thấy dính tới Rượu).

Rồi thơ Việt như:

"Đất say đất cũng lăn quay

Trời say Trời cũng đỏ gay ai cười" . . .

Hay tới chuyện viết trong sách Giáo Khoa Thư lớp Đồng Ấu hay lớp Dự Bị. *(Ôi chao ơi, nếu tôi học được và hành được những gì Thầy Cô đã dạy cho học trò ở lớp Đồng Ấu thôi, ví dụ như đừng có nói dối, đừng làm những gì mình không muốn người khác làm cho mình, v. .v ...thì tôi đã "thành nhơn" rồi chứ không còn bậy bạ như thằng tôi đang viết những giòng này).*

Truyện kể rằng có một chàng kia vì một lý do gì đó đã bị một ông thần bắt buộc chàng phải về nhà giết cha, hay giết mẹ: Chàng dĩ nhiên từ chối không làm chuyện đó, rồi ông thần cho chàng một giải pháp khác là nếu như vậy nhà ngươi phải uống rượu. Chàng kia thấy giải quyết như vậy có vẻ OK, vì mình chỉ uống rượu mà thôi. Ai dè khi chàng uống rượu say lướt khướt rồi thì đâu còn biết gì nữa đâu: chàng giết luôn cả cha lẫn mẹ!!

Đó thấy không? Rượu là hại lắm lắm, nhất là mấy quý vị Phật tử thì lại càng nên lưu tâm cẩn thận hơn vì trong ngũ giới, giới Tửu là một giới phải giữ. Ủa vậy chớ hại như rứa mà chú mầy lại bày đặt viết về rượu có phải là muốn hại nhau không?

Ai cha, như đã trình bày ở trên, nếu ai ai cũng đàng hoàng, ai ai cũng ngoan ngoãn theo lời Thầy Cô dạy từ nhỏ thì đâu còn có chuyện, đâu có cõi tùm lum, tà la này, đâu còn thiên hạ sự, đâu còn chuyện để nói nữa! Thái bình thịnh trị.

(Ê, Thầy Cô dạy, nghe được thì nghe theo, chớ đừng bắt chước những gì Thầy Cô làm, bởi vì nói thì nói vậy

thôi chớ Thầy Cô là ai nếu không phải là chúng ta đang mặc áo mô phạm, mà Ta thì đâu đã thánh thiện, đâu đã đạt đạo!!)

Vì Ta chưa thánh thiện nên ta hay dòm dòm ngó ngó xem thử thiên hạ làm gì . . . để . . . bắt chước. Bởi vậy mới sinh chuyện! Dòm tới dòm lui, dòm qua dòm lại, thấy có nhiều đạo cho uống rượu, như đạo Thiên Chúa cho con chiên rượu lễ chẳng hạn, v v. . ., rứa là ta có cớ để hủ hóa, để hư, để bày chuyện!

Quý bạn đọc sẽ đọc sau đây những chi tiết về rượu không có tính cách "hàn lâm" như là có bao nhiêu thứ rượu, làm bằng vật liệu gì, làm ra sao, uống có công dụng gì, v v . . . mà chỉ đưa ra một vài cảm nhận lúc uống rượu cùng một ý kiến của riêng tôi về cách uống rượu.

Nói phét là như vậy, nhưng làm sao mà có thể nói cho hết những loại rượu đang bán trên thị trường, nên đành giới hạn ở nơi bài này chỉ nói về một thứ rượu mà phe ta hay dùng: rượu Cognac.

Trước đây ở Việt Nam tôi thường được các cao thủ võ lâm trong làng Công Chánh dạy cho cách uống rượu Cognac, đó là các anh TND (nay đã quá cố), HĐL (đang sống hùng mạnh ở San Jose), v.v. . . dẫn dắt vào con đường "rượu chè". Nhớ những lần TND, HĐL vào công tác Sài Gòn là thế nào tôi cũng được đi lẽo đẽo theo các đàn anh để hầu rượu (*nói cho khéo, chớ thiệt là để uống ké*). Những tên được nhắc đến trong các buổi nhậu nhẹt tôi học vỡ lòng về rượu do từ TND: nào là Martel Trois Étoiles, nắp mở bằng nút xoắn, nào là Cordon Bleu, rồi là Cordon D'argent v.v . . . nghe nói không cũng thấy "đã" rồi, trong khi mình đang được uống Martel "chùa", và đang phá "mồi" (có nghĩa là "ăn" nhiều hơn "uống"). Các đàn anh cứ phán, đàn em đang lắng nghe và đàn em "đớp" đều đều. Tôi vẫn còn nhớ như hôm qua TND với ĐST cùng HĐL đạp xe đạp chạy theo tôi vào Chợ Lớn "đổi" rượu để đi nhậu. Số là như vầy: Mấy đàn anh sau biến cố 1975 thì khá kẹt tiền vì đâu có ai làm ra tiền nữa, nên đâu còn vung vít như ngày xưa thân ái. Nhưng "ăn quen mà nhịn chẳng quen". Qua những buổi bàn bạc với nhau, chúng tôi mới biết là vì ít uống rượu mà bạn bè lại mới biếu Tết nhiều chai rượu nên anh ĐST đang có nhiều chai Martel nằm yên trong tủ. Làm sao mà nói mấy chị cho mấy anh chút chút đi nhậu cho cam? Bèn thở dài thở vắn, nhớ tới "thời oanh liệt nay còn đâu". Tôi mới bàn với anh em như sau: Mình lấy hai chai Martel, đi vào Chợ Lớn, chỗ tôi có quen biết để "mại" một chai, lấy tiền để nhậu chai thứ hai với nhau. Vậy là xong: vẫn ngon lành như xưa, cũng đủ món đồ nhậu trong Chợ Cũ, mà cũng còn dư để đi ăn thêm Phở hôm sau. Vui quá phải không anh T, anh L?

Qua đây có dịp và có nhiều phương tiện, tôi tiếp tục sự nghiệp uống Cognac. Nếu nói Cognac mà không đưa ra một vài chi tiết thì thấy không được, nên phải viết ra một ít để quý bạn dễ theo dõi con đường "say sưa".

Trước hết xin nói rõ Cognac là một loại rượu cất từ nho, gọi chung tên là Brandy. Tuy vậy, chỉ Brandy làm từ vùng Cognac ở Pháp mới được gọi là Cognac. Còn nếu Brandy làm từ các chỗ khác thì không được dùng tên gọi Cognac, ví dụ làm từ Armagnac hay ở California chẳng hạn.

Thị trấn Cognac ở Pháp nằm ở phía Tây Nam thành phố Paris khoảng 200 miles trên bờ sông Charentes, và bao gồm sáu districts: Grande Champagne, Petite Champagne, Fin Bois, Bon Bois, Bois Ordinaire và Borderies. Xin phân biệt Champagne ở đây là một district của thị trấn Cognac, chớ không phải là Champagne ở Đông Bắc Paris gồm có Reims, Epernay v.v . . . sản xuất rượu bọt (vin mousseux) nổi tiếng Champagne.

Nho dùng trong Cognac là loại Ugni blanc, Colombard với Folle blanche. Còn nho dùng trong các rượu vang khác thường là Cabernet Sauvignon, Merlot Chardonay, Pinot Noir, Syrah, hoặc là Riesling.

Chỉ khi nào dùng 100% nho trồng ở district Grande Champagne thì Cognac mới được đề ngoài nhãn là "Grande Champagne" , còn Fine Champagne thường thấy đề ở một số rượu như Remy Martin chẳng hạn thì chỉ có khoảng 50% nho của Grande Champagne, phần còn lại là nho ở

Petite Champagne. Vậy chớ hai district này có gì đặc biệt mà cứ mãi nói về chúng hoài: Tất cả là do cái bouquet của nho trồng ở hai nơi đó. Mà trong chúng ta ai cũng đều biết là ăn hay uống, có bạn lại thêm là cả con người cũng vậy), ta thường đánh giá trên ba điểm chính: Sắc, Vị, Hương. Hương là khó nhất. Các hãng nước hoa là một thí dụ điển hình: chỉ cần một mùi hương là đã kéo lại cho chúng ta một "bầu trời thương nhớ cũ". Thôi, không bàn lang bang sợ lại không viết được nhiều cho chủ đề chính là Cognac.

Cognac phải được cất hai lần trong các lò cất bằng đồng đốt trực tiếp bằng lửa ngọn. Sản phẩm do lần cất thứ nhất cho khoảng 30% alchohol. Sau lần thứ nhì, ta được khoảng 70% alchohol. Mỗi lần cất như vậy lâu vào khoảng 12 giờ. Phần đầu và phần cuối của các sản phẩm này đều không được dùng, chỉ phần giữa là được giữ lại để ủ trong các thùng chứa bằng gỗ sồi (oak) lấy trong rừng thiên nhiên Limosin hay vùng rừng nhân tạo Troncais. Xin lưu ý ở đây là Cognac ngon hay không ngon cũng là nhờ giai đoạn ủ trong các thùng này, không được dùng đinh hay keo để làm thành thùng tonneau, gồm các mảnh gỗ sồi phải được chẻ bằng tay chớ không dùng cưa để xẻ và được bó chặt với nhau bằng các đai kim loại. Cognac đựng trong các thùng này, tuy rất kín, vẫn bị mất khoảng 3% do bay hơi mà dân Pháp gọi là phần rượu của Thiên Thần (part des Anges). Chính trong khi ủ trong thùng bằng gỗ sồi này mà Cognac hấp thụ cả màu sắc lẫn hương thơm.

Các hãng sản xuất rượu Cognac thường được bày bán trên thị trường, ta có thể kể: Martel, Hennessy, Remy Martin, Courvoisier, Delamain, Hine, Camus, Otard, Pierre Ferrand v.v . . .

Về phân loại hạng cấp đi từ dưới lên trên: bắt đầu là V.S. (Very Superior), muốn được ghi là VS, Cognac phải được ủ trong các thùng sồi ít nhất là 2 năm rưỡi tính theo luật lệ rượu của Pháp, tuy vậy Cognac VS thường được ủ khoảng 4 hay 5 năm; kế là V.S.O.P. (Very Superior Old Pale, mà ở Việt Nam , các bậc đàn anh kháo với tôi là Verser Sans Oublier Personne), tính theo luật thì chỉ cần 4 hay 5 năm nằm thùng, nhưng thường thì họ cho ngâm lâu hơn, có khi 5 năm hay cho đến cả chục năm. Tiếp đến là Napoleon (xin nhớ đây là hạng cấp Napoleon chớ không phải là rượu tên là Napoleon thường bày bán để dân không rành uống rượu mua nhầm. Ta có Courvoisier Napoleon, Remy Martin Napoleon, , còn Martel thì không đề Napoleon mà dùng chữ Cordon Bleu). Thứ đến là X.O. (Extra Old), và trên hết là Extra. Các loại trên này thì theo luật phải nằm thùng từ 6 năm trở lên, nhưng các hãng Cognac thường cho nằn trên chục năm cho đến cả trăm năm tùy theo hãng sản xuất và sản phẩm đặc biệt nói ở dưới đây. Nói về Cognac Extra thì rất là nhiều loại đặc biệt.

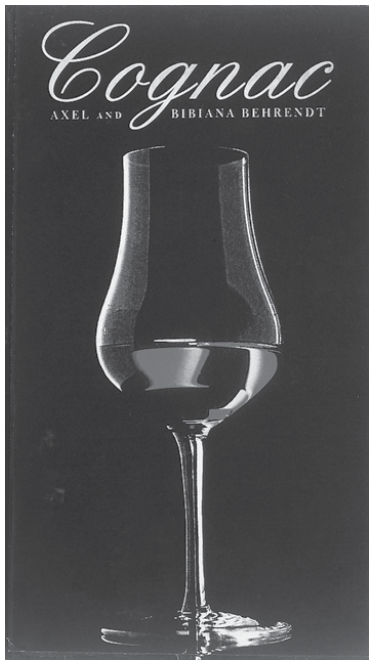

Ví dụ nói riêng về Công ty Courvoisier chẳng hạn: nhiều loại Extra như Chateau Limoges ở trong bình bằng Porcelain, VOC ở trong bình bằng pha lê (crystal) của hãng Baccarat, rồi có một series đặc biệt gọi là Series Erté- Erté là tên hiệu của một họa sĩ người Nga, ông này vẽ cho các hộp đêm sang trọng của Paris như Folies Bergères- Series Erté đặc biệt ở chỗ là chỉ sản xuất bảy (7) chai, mỗi năm một chai đánh số 1 tới số 7. Mỗi chai có một tên riêng: Vignes, Vendange, Distillation, Vieillissement, Degusttation, Part des Anges, L'Esprit du Cognac, và chỉ sản xuất 12.000 chai, có đánh số từng chai. Chai số 1 vào năm 1989 và chai số 7 vào năm 1995. Sau đó vì còn một ít rượu nên Courvoisier sản xuất thêm một chai cuối gọi là Inedit, chỉ sản xuất được 4000, thay vì 12.000 như những chai trước. Rượu đựng ở trong các chai này được lấy từ những thùng rượu rất là lâu đời, có rượu ủ trong thùng từ năm 1897 (là năm sinh của Erté nên mới có tên cho series này). Tại Little Sài gòn, có chợ Việt Nam Đồng Hương bày bán một bộ từ chai số 1 đến chai số 7 (không có chai thêm sau cùng Inedit), chỉ biết nguyên bộ đó bị đánh cắp. Quý bạn ở Nam Cali cũng có thể xem các chai này đang bày bán ở chợ Hawaii trên vùng Alhambra/Monterey Park hoặc chợ Asahi tại Little Saigon.

Còn về các Công ty như Remy Martin, Việt Nam hay biết tới là chai Louis XIII đựng trong bình pha lê do Baccarat làm, hoặc Hennessy Paradis. Đại để là nói tới Extra thì rất là nhiều, bàn không hết được, chỉ biết "để mà biết chứ không phải để mà uống". Xin quý bạn đừng chê kẻ hèn này, tội nghiệp. Vì **"có mà không xài cũng coi như là không có"**. (Câu tôi đã viết về thi P.E. cách đây hơn hai mươi năm: Có mà không xài còn hơn là không có. Vậy mới biết câu "trước sau như một" là như vậy). Đây là nói về rượu, chứ nếu đổi chữ rượu ra chữ tiền thì cũng giống y chang: Bạn có rất nhiều tiền để ở trong nhà

băng mà không xài thì cũng như là không có. Bạn chỉ hơn người khác có vài số zero ở trong compte thôi. Khổ một cái là nếu tiêu thì hết. Bởi vậy cho nên không tiêu, và giống như Catch 22, vì sợ tiêu hết nên không dám tiêu cho nên coi như có cũng như không. Đúng là **"Sắc bất dị không, Không bất dị sắc; Sắc tức thị không, Không tức thị sắc"**. (Đây là tôi nhập tâm tầm bậy nên vụt miệng đọc đại câu kinh hay đọc trong Bát Nhã Tâm Kinh. Xin đừng chấp. Vì Chấp Có còn đỡ hơn là Chấp Không. Huống hồ là chấp thằng Văn khi nó nói Tầm **Phải**).

Đến đây tôi lại nhớ lời của một nhân viên an toàn của công ty Aramco ở Saudi Arabia đã dặn rõ cho tất cả nhân viên mới tới vùng nàylàm việc là hãy coi chừng những lỗi lầm ngu xuẩn như sau: Tất cả những người lạc trong sa mạc vì khát mà chết, nhưng khôi hài là bên cạnh những xác chết đó vẫn còn gần đầy bình nước dự trữ mang theo. Họ mang nước theo, nhưng không dám uống, sợ hết nước thì chết và họ đã chết trước khi hết nước. Bà con ơi, có ai trong chúng ta có tiền mà không dám tiêu, vì sợ lỡ tiêu hết thì không còn nữa, nguy quá, cho nên cho đến chết cũng còn quá nhiều tiền, trong khi lúc sống không dám hưởng. "Tiền chỉ có giá trị khi được tiêu đi". Tiền không tiêu chỉ là con số, nằm ỏng a ỏng oảnh trong ngân hàng, không khác gì tờ giấy lộn. Vậy anh em ơi, "Hãy tiêu đi, hãy tiêu đi". Các bạn không tin thì hãy thử: Không tiêu làm sao biết cái sướng của sự tiêu. Enjoy đi, không sao đâu!

Tuy nhiên, nếu có ai hỏi, xin cứ mạnh dạn đổ thừa là nghe theo lời Ái Văn đó. Chỉ xin anh em đừng cho vợ tôi biết tôi cổ động chuyện tiêu pha này nhé. Được vậy là tôi cảm ơn bạn ngút ngàn rồi.

Xin trở lại với rượu và trà.

Chắc quý vị cũng muốn nghe bàn về cách uống rượu như thế nào để xem thử thằng Văn này ăn nói ra răng?

Như đã thưa trước, xin viết ra đây một vài cách uống Cognac.

Theo kiểu Việt Nam hay Tàu thì thường uống Cognac pha với nước Soda hay nước suối có sủi bọt như Perrier hòa chung với nước đá cục, và uống như rượu vang trắng. Đấy là cách tôi học được lúc mới "mở mắt" bài học Cognac. Có lẽ tại Việt Nam nóng nên thường uống pha với nước đá, cũng giống như mình uống cà phê sữa đá vậy. (Ê, chú mày nói vậy chớ bộ tụi Tây, tụi Mỹ uống trà đá Lipton thì sao? Ấy Ya, uống kiểu đó là uống theo kiểu Tây, tụi Mỹ, còn đây là bàn cho TA là Việt Nam thì nên uống theo kiểu, kiểu . . . kiểu . . . cà lăm, vì chẳng là kiểu gì hết. Thôi thì chịu khó đọc tiếp cái đã). Xin nói thêm là nhiều nơi, ngay cả ở Pháp họ cũng uống "à l'eau", pha với nước lạnh và bên Ăng Lê họ uống Cognac chung với Coca-Cola. Uống thế nào mình thấy hợp khẩu vị là được rồi. Nhưng để xem dân Pháp chính gốc họ uống ra răng đã. Sau đây là phần tôi đọc trong mấy cuốn sách nói về Cognac và trên Website, xin tóm lại đây hầu quý vị.

Thú uống Cognac nguyên chất (không pha thêm nước chi hết, cũng không có nước đá) -uống Cognac rót lên trên nước đá cục gọi là "on the rock" cũng được, nếu dùng loại VS, VSOP hay Napoleon thôi, chứ XO hay Extra mà pha như vậy e uổng phí mất cả phần hương, bớt mất vị, mà ngay cả phần sắc nữa, nhưng như đã viết ở trên "uống thế nào mà ta thấy ngon" là được rồi -là rót rượu vào ly, xin chớ rót quá 1/3 ly nhé (nên dùng ly vừa tầm tay của mình, để humaniser rượu bằng lòng bàn tay cho ấm), nhìn màu rượu óng ánh trong ly (nếu có ly crystal thì đẹp mắt hơn: quý vị đang NHÌN em để thấy sắc diện em), bạn cầm ly xoay quanh để nước sóng sánh khắp ly cốt là để cho hương của Cognac bốc lên, bạn dùng khứu giác nhưng đừng để mũi bạn quá sát vào ly sợ e mùi hương quá nồng làm mất đi cái mùi hương (bạn đang thưởng thức MÙI của em, thích nhé) -viết đến đây bỗng nhớ đến truyện của Kim Dung nói về mùi hương của đàn bà, của con gái trong truyện Lục Mạch Thần Kiếm khi Đoàn Dự tả về Mộc Uyển Thanh với lại Vương Ngọc Yến cùng với hương trà của Vương phu nhân), chắc quý bạn lại nghĩ là sau khi cho khứu giác thưởng thức rồi, thì chắc là sẽ "uống" chăng? CHƯA, đúng ra là KHOAN đã (đó, quý bạn vẫn có thói quen mà bị la mãi vẫn không nhớ: cứ từ từ, đi đâu mà vội mà vàng, cứ quýnh quýnh, quáng quáng, lụp cha lụp chụp). Trong sách Pháp về Cognac nói rằng: sau khi đã thưởng thức mùi của em (Cognac) xong thì để ly rượu xuống để NÓI về Cognac, BÀN về Cognac.

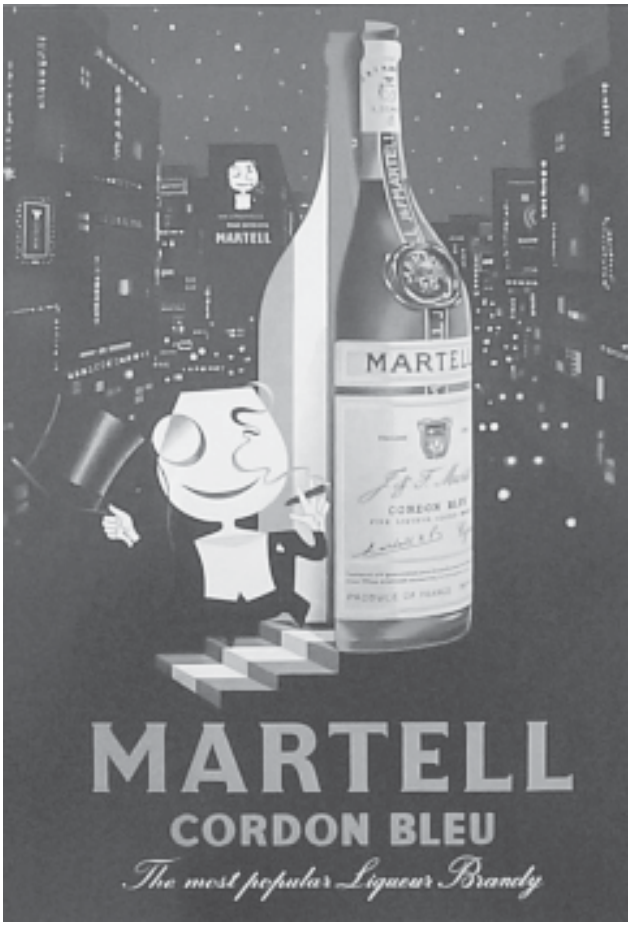

Đấy mới là điểm chính: cốt tủy của uống rượu không phải là "uống" mà là "nói",

nói về chuyện tùm lum, tà la, ba hoa thiên địa vì TA gặp được nhau là chính, chẳng lẽ không ăn, không uống, nên phải có cho có, chứ chính là "gặp nhau". Chắc quý bạn cũng đồng ý với Lâm Ngữ Đường viết trong cuốn The Importance of Living xuất bản năm 1937 (Ái Hữu lão thành Nguyễn Hiến Lê đã dịch ra từ bản dịch tiếng Pháp là Một Nếp Sống Đẹp thì phải) là người xưa phải trèo non, lặn suối, để đi đến nhà bạn, thăm nhau và uống với nhau một tách trà, hay một ly rượu để đàm đạo, rồi lại lội suối hay đội mưa trở về. Đây là một cái thú của cuộc đời.

Sau khi nói đã rồi mới uống. Xin bàn một tí về cách uống ở đây. Bạn chỉ nên uống một ngụm nhỏ vừa đủ để đầy một phần miệng, ngậm trong miệng một chút, lấy lưỡi quay quanh để rượu có thể đến đầy ắp tất cả các vành trong và nướu răng, rồi uống ực một cái thiệt mạnh: hương rượu sẽ hừng hực bốc lên trên mũi để cho khứu giác một lần nữa được hưởng Em. Phần sau còn sót lại trong vị giác gọi là dư vị (after taste), tùy theo rượu ngon hay không là ở điểm hương và dư vị này, vì loại nào đi nữa thì nồng độ rượu vẫn chỉ là 40% cả. Rượu ngon thì thì cho ta cảm giác là nó nhẹ, dịu, ngọt (cũng như đàn bà vậy: bà nào bà nấy cũng dịu dàng, cũng dễ thương, cũng ngọt ngào cho đến . . ., cho đến . . ., cho đến lúc mấy bà DỮ: Eo ôi, mèo nằm êm trên tay nũng nịu với ta hôm qua, nay biến thành hình Sư Tử đang gào thét và đang nhe răng sắp ăn sống nuốt chửng ta đây. Ôi trước sau gì cũng chết, thôi đành chết trong miệng mấy bà Sư Tử cho nó oai chứ không lẽ chết trong miệng mấy mèo con!!).

Nói về loại rượu nào nên uống nếu quý vị chưa có thói quen uống: Xin đề nghị quý bạn bắt đầu từ loại rẻ nhất (VS), hãy uống pha với Perrier chứ đừng dùng Club Soda hơi đắng, hay pha với nước cũng được, rồi leo lần lên bằng cách uống các loại mắc hơn một chút (VSOP), cũng pha với Perrier, sau đó hãy thử uống không pha chi hết với nước đá on the rock mà thôi. Rồi thử uống nguyên chất với loại Napoleon hay XO. Sau đó quý bạn biết sẽ uống như thế nào là hợp với khẩu vị của mình. Xin nhắc là MÌNH uống cho MÌNH chứ không phải mình uống cho ai cả nên loại nào cũng NGON cả. Quên nói là mua rượu ở đâu rẻ: Nếu là vùng Nam Cali thì cứ vào mấy siêu thị Việt Nam hay Tàu thì mua các hiệu như Martel, Hennessy, Courvoisier, Remy Martin rất rẻ so với Liquor Store khác, nhất là vào các dịp Tết Tây, Tết Ta. Nhưng các bạn muốn mua các loại đặc biệt NGON mà RẺ, nhưng phe TA ít biết tới vì cũng lại là thói quen chỉ hay uống bốn hãng trên mà thôi, như Delamain XO chẳng hạn, thì xin giới thiệu quý bạn mấy chỗ như Hi-Times Cellars ở Costa Mesa, hay Wine Exchange ở Anaheim.

Quên nói là uống Cognac lúc nào thì thích hợp nhất: Nếu uống pha với Perrier thì uống thay cho rượu vang trắng từ đầu tới mãn táng cuộc vui cũng quá đủ. Nhưng nếu uống nguyên chất thì sau bữa ăn, sau khi uống Port (fortified wine, rất độc đáo vì nó vừa ngọt lại vừa ngon), sau khi đã uống TRÀ hay CÀ PHÊ xong, sau khi đã uống liqueurs như Cointreau hay Grand Marnier, ta mới uống Cognac ngon để đi ra về (quên, uống là phải nói phét rồi mới về). Còn lại chủ nhà phải lo dọn dẹp thì tôi đề nghị: Xin khoan rửa các ly dùng để uống Cognac, hãy để các ly đó đến ngày hôm sau, lúc đó mùi hương Cognac vẫn còn đó. Mùi HƯƠNG vẫn còn, và đó là một mùi rất dịu và làm ta lại nhớ đến em (Cognac). "Để tưởng nhớ mùi hương-Truyện dài của Mai Thảo".

Bài này đã quá dài sợ viết thêm nữa e có bạn sẽ chán đọc nên xin hẹn sẽ viết bài về Trà nhẹ nhàng hơn để hầu quý bạn.

Tái bút:

Này, Chú mày đang uống gì đó? Dạ em đang uống Perrier sec (nghĩa là nước suối nguyên chất. Còn tiền của chú mày thì sao? Dạ em nào có account ngân hàng đâu, chỉ có nhà em có account mà thôi. And that is "HER" business.

(Đừng nghe những gì . . . , hãy nhìn kỹ . . .) vẫn còn đúng ở Thiên Niên Kỷ này!

ÚC CHÂU DƯỚI MẮT DU KHÁCH CANADA

THÙY HƯƠNG

Lời hứa viết bài cho LTAHCC kéo dài từ chuyến đi dự Đại Hội AHCC ở Los Angeles tháng 7 năm 1998 cho tới bây giờ. Với sự vận động của AH Trần Đức Hợp, tôi xin kể về chuyến đi thăm Úc Châu của tôi cho LTAHCC.

Lần đầu tiên tôi đặt chân tới Úc vào khoảng năm 1991. Vào dịp mùa Hè của Canada, đứa con gái đầu lòng vừa nghỉ cái hè đầu tiên. Tôi khăn gói quả mướp, đàn bà, đứa nhỏ về thăm ông bà Ngoại vừa định cư ở Sydney, Úc Châu. Lúc ấy, đứa đầu 8 tuổi, đứa giữa 3 tuổi và đứa sau mới 17 tháng. Lần đầu tiên này đáp chuyến máy bay United Airline đi vòng vòng nước Mỹ, rồi qua New Zealand. Trạm cuối cùng mới đến Sydney. Chuyến bay dài hơn 30 tiếng, cộng luôn thời gian chờ đợi ở sân bay. Thật là quá vất vả cho cả mẹ lẫn con. Lúc bấy giờ là tháng bảy, mình thường bảo là tháng bảy mưa Ngâu. Thật là đúng như vậy, tháng bảy là vào mùa Đông của Úc Châu, mưa và lạnh. Tuy là không lạnh bằng Canada, nhưng rất là khó chịu, trời lúc nào cũng ẩm ướt. Thành phố đông đúc, không sạch sẽ như ở Vancouver. Thêm vào đó là những kiến trúc cũ kỹ và những dịch vụ cũ xưa, trông giống như là mình đi từ Sài Gòn ra Huế. Những con đường nhỏ hẹp, thỉnh thoảng lại có "round about", và chạy bên tay trái. Thấy hơi ngược đời. Mặc dầu có bằng lái, nhưng không thế nào lái xe được, tôi thường nghĩ thế. Nên đi đâu Ba tôi cũng phải cho mấy mẹ con đi, hoặc là đi xe lửa. Trên đường phố xe cộ lưu thông, đa số là xe cũ, thỉnh thoảng một vài xe mới chạy trên thành phố, và nạn ô nhiễm cũng tương đối nhiều hơn so với Vancouver, Cananda. Nhà cửa xây dựng tương đối giống nhau, như kiểu nhà tiền chế rancher, có hàng rào và cái sân nhỏ phía trước.

Hệ thống công cộng thì có xe bus, xe lửa rất là thông dụng. Tới đây, bạn có thể trông thấy những chuyến xe lửa như ở Việt Nam vậy đó, nghĩa là có người lái, người thổi còi cho xe lửa chạy. Mỗi trạm đều có người bán vé, soát vé và đổi platform, chứ không tự động hóa như bên Bắc Mỹ.

Khu city của Sydney, cách nhà chị và cha mẹ tôi 45 phút lái xe. Thành phố có một vài cao ốc cao tầng, còn lại các building cũ xưa rất nhiều. Nếu bạn đi vào city lúc giờ

tan tầm thì chịu chết, xe cộ kẹt cứng. City của Sidney cũng khá đẹp với Harbour Center và chiếc cầu Darling. Nhà hát Con Sò Sydney Opera House với lối kiến trúc lạ kỳ hấp dẫn du khách. Đi chơi đêm và ăn cháo khuya l đây cũng hết ý lắm. Phố Tàu cách đó không xa. Nhưng có một điều rất là lạ cho dân Cananda là đâu đâu cũng có bán bia rượu. Bạn có thể mua bất kỳ lúc nào, chứ không giống như Canada là rượu chỉ bán trong những tiệm Liquor Store mà thôi, và ngày Chúa Nhật và buổi tối là không có bán. Ở Canada, nếu đột xuất vào ngày Chúa Nhật muốn uống bia hay rượu thì các bạn phải chạy ra các Pub mới có, giá lại đắt hơn.

Bên Úc, người Việt Nam cũng có những khu buôn bánriêng và tập trung các dịch vụ khác. Chợ Việt Nam tập trung trong những khu như Cabramatta, nếu cần tìm người quen bạn chỉ cần ra đó ngồi một buổi thì gặp ngay. Thoạt đầu nghe nói như vậy, tôi cũng đem bọn nhỏ ra ngồi thử để tìm các bạn quen ở Việt Nam được định cư ở Úc. Ngồi một ngày mà không thấy ai quen cả. Nhưng phải công nhận là rất đông người Việt Nam. Những tiệm ăn buôn bán, tới các phòng mạch của Bác Sĩ, Nha Sĩ, Luật Sư . . . đều là người Việt. Nhìn chung lại người Việt Nam ở Úc rất là thành công, ai cũng bận rộn đi làm từ sáng tinh mơ đến tối. Con nít thì bù đầu vào sách vở, học thêm đủ thứ, ngoài giờ họcchính trong trường. Các đồ ăn Việt Nam ở đây nấu cũng rất là ngon mà giá cả lại rẻ so với Canada. Đồ biển Úc ngon và tươi như ở Việt Nam vậy.

Mười năm sau tôi trở lại úc Châu. Thời tiết quá nóng. Tôi thấy thành phố như con gái mới dậy thì và thay đổi hẳn. Đẹp và sạch sẽ hơn, nhà cửa xây dựng nhiều hơn. Hệ thống xe lửa đã đổi mới, tự động hóa hơn. Có lẽ nhờ Thế vận hội Olympic 2000 vừa qua. Vùng City của Sydney thay đổi hẳn, nhiều cao ốc building mọc lên còn mới nguyên. Harbour Center với lối đi bộ dọc theo dòng nước. Có những quán café và những điệu nhạc du dương từ các thuyền nhỏ dưới lòng sông vọng lên, làm cho cảnh trí thêm hữu tình hơn, nhất là ban đêm. Đối diện bên kia sông là một sòng bài lớn của Sydney mới được xây dựng xong trong vài năm qua, sáng rực cả dòng sông.

Từ Circular Quay, cũng như Hyde Park, công viên nằm giữa lòng thành phố, mà từ trên cao của Sky Point Sydney có thể nhìn thấy rất là rõ. Xe cộ đời mới lưu thông thận nhiều trên đường phố. Lần này nhờ sự phát triển của máy điện toán và Internet, tôi đã tìm ra được rất nhiều bạn quen học ở trường Phú Thọ năm nào mà không cần phải ra Cabramatta ngồi chờ như năm xưa nữa. Càng văn minh thì con người càng có cuộc sống thoải mái hơn, đỡ mất thời giờ hơn. Cuộc sống ở Úc thì vẫn tấp nập, đông đúc. Ai ai cũng bận rộn làm ăn, buôn bán, học hành.

Lúc tôi qua, thì trước đó vài hôm AH Lê Cảnh Túc qua đời tại bệnh viện. AH Túc là một trong những người rất tích cực cho hội AHCC tại Úc. Sự ra đi của AH Túc cũng là một mất mát cho AHCC Úc Châu.

Dịp này tôi cũng gặp được AH Tôn Thất Từ, Nguyễn Sơn Hiền và một số bạn Công Chánh khác tại Sydney. Sau mấy chục năm gặp lại mừng mừmg tủi tủi. Bao nhiêu là chuyện để kể, về trường, lớp, Thầy, Cô . . .

Chuyến đi này tôi có dịp ghé qua Melbourne, một thành phố khác của Úc, thành phố này yên lành, hiền hòa hơn Sydney. Tôi thích không khí Melbourne, vì nó làm cho lòng mình lắng đọng xuống với cảm giác yên bình hơn. Melbourne nhiều cảnh trí thiên nhiên hơn, có những đồi, những núi, những con suối và suối khoáng tuyền. Giữa thành phố có con sông hữu tình, và một nhà casino to lớn, đầy đủ như những sòng bạc ở Las Vegas với đèn màu sắc rực rỡ. Ở Melbourne cũng có những tiệm ăn Việt Nam nấu rất ngon.

Trở lại Úc Châu lần này thì Cha tôi không còn nữa, chỉ còn lại Mẹ già, anh, chị, em và bạn bè. Tôi thấy cuộc đời ngắn ngủi quá. Mới đó mà đã mười năm. Cảnh vật đều thay đổi. Vật đổi sao dời. Cảnh trí của Úc Châu cũng khác hẳn. Tương lai chắc sẽ còn phát triển nhiều hơn.

Một vài nhận định của người du khách đến từ Canada. Nếu có gì thiếu hoặc không chính xác, thì xin các AHCC Úc Châu bổ túc thêm.

HẢI ĐẢO THẦN TIÊN

TRÀM CÀ MAU

Dẫn nhập: Anh Nam đi vượt biên, bị bão đánh đắm thuyền. Trôi dạt vào một hòn đảo nhỏ. Trên đảo chỉ có một gia đình sinh sống , ông Tư và hai người con là cô Hai, tuổi chừng đôi mươi và cậu Ba khoảng mười lăm. Gần trăm năm trước, cụ nội của ông Tư cùng đám tùy tùng bị bão trên con đường đi Thái Lan lánh giặc Pháp, sau khi phong trào Văn Thân tan rã. Mấy gia đình sống tại đảo nầy, nuôi mộng có ngày về diệt giặc Tây. Họ chết dần mòn, chỉ còn lại ba người. Nam được cứu vớt và nhập vào gia đình nầy. Anh Nam lại kể đoạn đời trên đảo vắng:

" Ông Tư cho biết, từ nhiều chục năm nay, ông không hề liên lạc với xã hội bên ngoài, sống riêng trên đảo, không có ai ghé lại. Thỉnh thoảng thấy có thuyền bè đi ngang qua ngoài xa xa, rồi khuất bóng. Đảo nầy là một trong nhóm hoang đảo nằm về phía tây nam, ông cũng không biết đảo nầy thuộc Xiêm, Miên hay Việt Nam. Tôi được chấp nhận làm một thành viên của gia đình ông Tư trên hải đảo hoang vắng nầy. Sinh hoạt của gia đình dường như chẳng có việc gì, cứ thong dong, mỗi ngày ra bãi đào vài bụi khoai mì, cắt thân cây ghim xuống, và nhóm lửa nướng khoai . Việc rẫy nương cũng không có nhiều, việc săn bắt cá thì quá dễ dàng, chẳng ai bận tâm cực khổ, cứ xách cái xiên ra dọc bờ biển, nhắm con cá nào thích thì phóng xuống, kéo lên đem nướng. Cô Hai và chú Ba bắt cá tài tình như vớt cá nuôi trong hồ. Trứng chim thì đầy bãi núi, cứ thấy tổ không có chim mẹ thì lấy bớt vài cái . Chim thì tràn đầy, muốn bắt con nào, cứ cho nó miếng cá, xòe bàn tay ra nâng dưới lườn bụng chim mà đem về. Con chim ngoan ngoản nằm trong tay ôm. Mọi thức ăn đều nướng chín, như người thượng cổ. Hình như gia đình nầy không biết nấu là gì, mà có lẽ cũng vì không có nồi niêu để nấu. Họ sống đơn sơ, thanh thản, nhàn hạ. Không chút lo lắng vì cơm áo, tiền tài, danh vọng. Tôi khôi hài thầm nghĩ , có cơm ăn đâu mà lo cơm, có áo mặc đâu mà lo áo, ở trên hoang đảo nầy mà có tiền cũng không ai bán, ai mua, danh vọng cũng chẳng cần khi cùng nhau ở trần trùng trục. Hoàn toàn tự do, muốn làm gì bất cứ việc gì cũng không ai ngăn cản. Họ đã quen , không ai thấy buồn, quạnh hiu, đơn chiếc giữa trời đất, thiên nhiên. Tôi thì cảm nhận được cái may mắn, thoát chết, có đời sống tự do, nhưng đôi khi cũng nhìn về bốn hướng mông mênh mà lòng thoáng buồn. Không biết đâu là quê hương, không biết bao giờ thấy lại bà con, bạn bè thân thiết.

Đêm đêm, trước khi ngủ, tôi nằm kể chuyện cho cả nhà nghe. Kể đủ thứ chuyện xảy ra trên thế giới trong nhiều chục năm qua. Vừa kể, vừa giải thích, vì câu chuyện đối với họ quá xa lạ, và đôi khi họ không biết ý nghĩa những danh từ trừu tượng.

Mỗi sáng sớm, tôi cùng cô Hai và chú Ba ra bờ biển, nhìn mặt trời đang lên, ánh sáng chói lòa, không khí ban mai mát mẻ. Chúng tôi cùng lội xuống nước nô đùa, và cầm lao nhọn đâm cá. Chọn lựa những con cá lớn, loại ăn ngon, chỉ cần một hay hai con là vừa đủ ăn trong ngày. Cá rất dạn dĩ, không bỏ chạy trốn khi người đến gần. Có khi tay chúng tôi còn sờ và vuốt ve được cá. Những con cá màu sắc đủ loại bơi lội thảnh thơi. Chúng tôi đùa nghịch, dìm nhau xuống nước , té nước vào nhau. Tiếng cô Hai cười vang dội trên vùng biển vắng. Rồi hai chị em tập cho tôi phóng lao, ném đá. Nàng đặt những viên đá ở một tầm xa, rồi dùng đá cuội to bằng nắm tay, ném vụt tới. Nàng ném chính xác, không trật một viên nào. Những viên đá chạm mạnh

vào nhau vang dội và vỡ vụn Tôi cũng tập ném, đứng từ gần đến xa, sức ném vừa yếu, vừa thiếu chính xác. Nàng thích tôi ném bỗng đá lên trời, để nàng dùng đá cục ném theo, đá chạm nhau trong không trung vở tung tóe. Mỗi lần ném trúng, chúng tôi cùng la lên vui sướng. Chúng tôi cùng đùa chơi cho đến khi mồ hôi thấm đầy, xuống biển tắm lại, xách cá về lều nhóm lửa nướng, mùi cá cháy thơm ngát làm ông Tư ở đâu đó đánh hơi được quay về ăn trưa. Buổi trưa nắng, chúng tôi nằm trong bóng mát, tôi kể chuyện tiếu lâm cho cả ba cha con nghe. Ông Tư thì hiểu chuyện nhiều hơn cô Hai và chú Ba. Có những chuyện khôi hài phải giải thích và phụ đề thêm, thế nhưng họ vẫn không hiểu nỗi. Nhưng thường nghe tiếng cười của tôi và ông Tư, thì tất cả đều cười theo dòn dã. Nhiều lúc đang kể chuyện, tôi chợp mắt đi lúc nào không biết, và đánh một giấc trên cát cho đến chiều. Khi tỉnh dậy, tôi thường thấy cô Hai đang ngồi như canh giấc cho tôi, đuổi mấy con ruồi đang muốn xà xuống trên tôi. Thấy tôi thức giấc, cô Hai cười, nụ cười để lộ cái răng khểnh duyên dáng trên đôi má da dòn nắng. Tôi cảm thấy trong lòng niềm hạnh phúc êm ái lâng lâng, không hề nghĩ là mình đang lạc lõng cô lập ngoài đảo khơi.

Nơi nầy tuy vắng vẻ , nhưng không bị chính quyền kềm chế ngột ngạt, không bị công an dòm ngó, canh chừng, tôi cảm thấy thực sự sung sướng, không cần đi tìm đâu xa.

Buổi chiều, khi nắng nhạt, Ông Tư dạy cho chúng tôi những thế võ mới, và giải thích thêm về những biến thế của các bài quyền cước. Ông Tư cho biết, từ khi có tôi, thì hai chị em ham thích luyện tập võ nghệ hơn. Ông Tư dạy lại con cái theo di huấn của ông cụ tổ nội, đừng để thất truyền những võ học. Để đánh đuổi Tây. Hai chị em chán học là phải, vì trên đảo nầy, đâu cần chiến đấu mà luyện tập làm chi. Tôi thì tập cho thân thể cường tráng, chống với bệnh tật, và lãnh hội được những thế côn quyền mới cũng vui. Chúng tôi cùng luyện tập, những đụng chạm, thân thiết cũng tạo khoái cảm trong lòng. Có khi tôi cùng cô Hai song đấu, đi những bài quyền, những thế võ khắc chế nhau, múa lui, múa tới đến năm ba lần mà không thấy chán. Trong mắt cô Hai rực rỡ niềm vui, nụ cười chúm chím. Da thịt cô chắc như đồng, hai gò ngực cong lên, rung động khi vung tay múa chân mạnh. Bóng nắng chiếu lên mặt đất hai hình nhân xoắn xít nhau với những động tác vùn vụt mau lẹ. Khi mồ hôi thấm đầy người, chúng tôi ngồi nghỉ ngơi trên tảng đá, Và tôi lại khôi hài, tất cả chúng tôi cười vang, tiếng cười bay theo gió chiều trên bờ biển. Đời sống trên đảo rất đơn sơ, thiếu thốn dụng cụ thiết dụng. Nồi niêu cũng vỡ nát từ lâu, phải nướng chín thức ăn, không có dụng cụ để nấu, không có vò chứa nước, ngoại trừ cái thùng nhỏ bằng gổ ghép rò rỉ trát nhựa cây , thức ăn chứa đựng trong muỗm dừa và vỏ sò. Ngay cả muối cũng không có mà ăn. Đời sống đơn sơ như thời thượng cổ. Thế mà trông họ vẫn an nhàn, khỏe mạnh, và không thấy thiếu thốn chút nào. Tôi thấy mình đã bị phụ thuộc vào đời sống văn minh quá nhiều, nên ban đầu cảm thấy chật vật, lúng túng, không thoải mái. Trong đầu tôi vẫn suy nghĩ mông lung, làm sao để tạo nên những tiện nghi tối thiểu. Phải có một cái bồn chứa nước dự trữ, không thể mỗi khi cần thì ra suối. Hoặc phải dọn nhà về ở sát bờ suối cho tiện lợi. Sau đó, cần phải có nồi niêu để nấu ăn, không thể ăn thức nướng mãi được. Tôi nêu ý kiến, ông Tư và hai chị em đều cười, có lẽ họ nghĩ là tôi rắc rối, bao nhiêu năm nay, họ vẫn sống như thế nầy, có sao đâu.

Nhiều khi tôi nằm suy nghĩ mông lung, làm sao tạo nên những vật dụng tối cần thiết, cho đời sống thêm chút tiện nghi. Nhưng nghĩ mãi vẫn không ra. Có lần tôi dùng cái mai rùa lớn làm nồi, nấu cá, cua, nghêu, rau, khoai, và các thứ lá , như một nồi xúp. Ba người ăn nhưng không hợp khẩu vị của họ, chỉ có mình tôi là cảm thấy ngon, nhưng cái mai rùa chỉ dùng được một lần mà thôi, vì mùi cháy khét không chịu nổi.

Thấy vỏ sò chất đống bên bờ biển, tôi nảy ý nung vôi. Tôi cùng hai chị em đào hầm chứa vỏ sò, chất củi khô và nung. Ông Tư cũng không ngăn cản, nhưng cũng không tán thành, cứ xem như tôi bày trò chơi. Thật tình, chính tôi cũng không tin tưởng, và cũng chưa biết làm vôi bao giờ. Tôi hy vọng khi nhiệt độ tăng cao thì võ sò bị phân hóa và tôi sẽ có

vôi sống. Thử nghiệm đến lần thứ hai, thì tôi thành công, có được vôi sống mà dùng. Tôi cùng hai chị em dùng Báu kiếm đẽo đá mềm, trộn vôi với cát làm vữa xây một bồn chứa nước, mỗi bề chừng thước rưỡi. Mặt trong của bồn được tráng bằng một lớp hồ vữa mỏng. Chúng tôi mang nước về đổ đầy bồn. Tôi thích thú lắm, nhưng ông Tư thì chỉ mĩm cười, không lộ vẻ hoan hỉ nào. Có lẽ ông cũng chẳng cần dự trữ nước làm gì. Khi nhìn vào đáy lò vôi, tôi khám phá ra đất bị nung cứng thành gạch, và vài nơi long lanh như tráng men. Nhờ đó, tôi nảy ý, nung một ít đồ gốm. Tôi trộn đất, xây lò, nặn một ít chén , bát, nồi, vò, đem phơi khô trước khi nung. Nhưng khi nung xong thì tất cả nếu rạn nứt, vỡ hai vỡ ba. Tôi thí nghiệm lại nhiều lần, chọn phân lượng đất, nước, chọn thời gian nung khác nhau, cuối cùng tôi thành công, làm được một số nồi chảo, chén, đĩa. Bây giờ tôi có thể luộc khoai mì, nấu xúp. Kho cá với nước biển, ban đầu thì có vị đắng, nhưng sau quen dần. Món ăn được gia đình ông Tư thích nhất là hổ lốn. đồ biển. Trộn cá, cua, tôm, nghêu, sò, trứng chim, rùa , rong biển, và khoai sắn, cơm dừa, nước dừa, nấu chung cho chín nhừ. Ăn những món nầy mà tôi thầm nghĩ đến món xúp đồ biển nổi danh của người Pháp. Có lẽ từ khi sinh ra đến nay, cô Hai và chú Ba mới được ăn thức ăn có nước. Cả gia đình hân hoan vui cười ăn uống thỏa thích mỗi khi tôi nấu mấy món nầy. Tôi còn mài khoai mì thành bột, nấu bánh với xác dừa. Pha trộn các thứ hải sản làm các món ăn thay đổi cho khẩu vị khỏi nhàm. Bây giờ thì ông Tư phục tôi lắm, và tán thành bất cứ điều gì tôi đề nghị. Hai chị em cô Hai thì khi nào cũng nhiệt tình lăng xăng phụ tôi làm việc. Mặc dù họ không biết kết quả việc tôi làm. Tôi phơi khô một mớ cá, treo trong nhà. Nhiều lúc nướng ăn khi đêm về bên bếp lửa, lúc cả nhà lắng nghe tôi kể chuyện. Ban đầu, tôi kể chuyện thần tiên cho chú Ba, nhưng cô Hai cũng thích nghe, đến ngồi gần chăm chú, và đôi khi không hiểu, hỏi nhiều câu rất ngây thơ. Có lẽ kiến thức của họ thu nhỏ lại trên hòn đảo nầy, và những gì do ông Tư truyền lại mà thôi. Ngôn từ của họ cũng rất hạn chế. Cả ông Tư cũng thích nghe kể chuyện. Những đêm trời tối, trước khi ngủ, nằm trong căn chòi, tôi kể chuyện. Ban đầu thì chuyện cổ tích, chuyện thần tiên, sau đó lịch sử Việt Nam từ đời Hồng Bàng cho đến ngày tôi vượt thuyền ra đi. Kể cho họ nghe đời sống xã hội, văn hóa, suy tư. Chỉ có chú Ba là thích nghe về tổ chức đời sống bên ngoài, Ông Tư và cô Hai thì thờ ơ, không chú ý lắm. Hình như hai người nầy không có trí tò mò, không muốn biết nhiều về cuộc sống bên ngoài. Nhiều lúc tôi phải đặt chuyện ra mà kể, bày ra nhiều tình tiết éo le, gay cấn. Những lúc nầy thì trí óc tôi làm việc rất mệt. Vì nghĩ đến đâu thì kể đến đó, câu chuyện phải liên tục, không gián đoạn, không mâu thuẩn, có lý. Trí nhớ của cô Hai rất bén nhạy, cô nhớ hết những tình tiết mà tôi đã kể ra và hỏi lại khi những đoạn sau của câu chuyện khó móc nối với phần trước. Còn chú Ba thì tuy thích thú nghe, nhưng không nhớ gì cả, trí óc của chú đơn giản, tự nhiên như tiếng gió thổi qua trời. Khi hết chuyện kể, tôi lần qua chuyện Tàu như Thủy Hử, Tam Quốc , những chuyện nầy, trường giang đại hải, nhân vật đông đảo, tôi cố nhớ mà kể cho mạch lạc, ăn khớp. Thỉnh thoảng, tôi phải phụ đề, giải thích thêm về phong tục tập quán của xã hội bên ngoài vào thời các nhân vật đang sống. Những chuyện như Chiến Tranh Hòa Bình, Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ, Trà Hoa Nữ, Một thời Để Yêu Một Thời Để Chết, Về Miền Đất Hứa, cũng được lần lượt kể. Khi kho chuyện trong đầu tôi vơi dần, thì tôi đọc truyện Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, và đọc cả thơ mới, thơ cũ...Cả ba người vẫn thích thú nghe, dù có khi họ không hiểu gì cả. Chú Ba đôi khi yêu cầu tôi kể lại ngững chuyện cũ, nhất là những câu chuyện tôi có "thêm mắm thêm muối" để tạo nên tiếng cười.Những đêm không trăng, thì nằm trên giường kể chuyện cho đến khuya, khi tôi buồn ngủ, mệt mỏi, kể rời rạc và phải hẹn hôm sau kể tiếp. Những khi trăng sáng, chúng tôi ngồi trên đá tảng, gió thổi hiu hiu và nhai cá khô nướng, tôi chầm chậm kể chuyện, thỉnh thoảng Ông Tư chen vào vài câu hỏi, vì không theo kịp câu chuyện và không hiểu hết. Có lẻ những câu chuyện tôi kể làm mở mang thêm hiểu biết của cả ba người. Họ học thêm nhiều từ ngữ, nhiều ý niệm trừu tượng. Trong trí họ phong phú hơn và hiểu biết hơn, nhờ tôi giải thích những hiện tượng thiên nhiên như mưa, gió, giông bão, bệnh hoạn . . . Nhưng ông Tư vẫn không tin trái đất tròn và quay quanh mặt trời. Không tin nhiều chuyện về tiến bộ văn minh

khoa học, họ cho đó là chuyện huyễn hoặc. Mỗi khi ngồi trên cát biển chuyện trò, tôi dạy cho hai chị em học viết. Vẽ lên cát. Chỉ một thời gian ngắn, họ có thể viết nguệch ngoạc và đọc được chữ tôi viết trên vách đá, trên cát. Tôi như thần tượng của hai chị em, cô Hai và chú Ba bám sát tôi ngày đêm, đi đâu cũng có ba người, việc cũng làm chung. Tôi luôn nói chuyện tiếu lâm cho cả hai cùng cười vui vẻ. Tôi gánh phân chim về vun những vồng khoai sắn, nên cành lá mọc tươi tốt sum xê, và củ khoai củ sắn lớn dài làm ông Tư ngạc nhiên khâm phục. Trước đây, vì đất đã tốt sẵn, nên chưa ai nghĩ đến chuyện bón phân. Sau nhiều năm khai thác, mầu mở đã cạn kiệt. Từ ngày có tôi, cuộc sống trên đảo thêm nhiều tiện nghi, thêm nhiều lý thú, và nụ cười trên môi ông Tư nở thường hơn. Hai chị em cô Hai ca hát luôn miệng. Tôi đã dạy cho họ những bài hát vui, thời tôi còn đi hướng đạo, dạy cho họ hát cả những bài ca tình cảm, có lẽ họ cũng chỉ lờ mờ hiểu ý của bản nhạc mà thôi. Có những lúc chúng tôi cùng vỗ tay ca chung, làm vang động cả miền hoang đảo. Rồi nắm tay nhau nhảy múa. Ông Tư nhìn và sung sướng cười theo. Ông chỉ nghe và nhìn, không tham gia múa hát. Phía nam của đảo là vùng chim cư ngụ và đẻ trứng. Chim làm tổ la liệt trên đá, đủ các loài chim biển. Chim lớn, chim bé, trứng chim. Chim không biết sợ người, chúng tôi đi qua chỗ chim nằm ấp trứng, chúng chỉ yên lặng nhìn rồi không cần để ý đến con người. Cô Hai thường đem theo một ít cá, mồi cho chim con ăn, đút cho những con chim lớn bị thương tích đói khát, rồi bồng nó lên tay vuốt ve. Thường chúng tôi chỉ trộm bớt trứng chim khi vắng chim mẹ, và nhặt những chim con bị lạc , ấm những con chim lớn bị thương tích về chòi, để làm thực phẩm. Chúng tôi tránh làm chim sợ hãi, dường như loài chim không biết chúng tôi ăn thịt chúng, không hề sợ , và có khi xà đến xin ăn. Có những chiều im nắng, tôi ngồi giữa đàn chim nhìn sinh hoạt của chúng, chim mẹ đút mồi cho con, chim hải âu nuốt chửng những chú chim non khác, những con chim mỏ dài tư lự như triết gia suy ngẫm chuyện đời. Cô Hai ngồi dựa tảng đá nhìn tôi, thỉnh thoảng mĩm cười. Tôi thấy mình như thoát tục, đi vào một cõi sống khác, ở đây không có lo âu cho cơm áo, không bị xã hội ràng buộc đàn áp, không có công an cộng sản canh chừng, không có chính sách nầy, chính sách nọ, làm rối bời cuộc sống. Cái thấp thỏm, bất ổn, âu lo trong xã hội cộng sản làm cuộc sống thành địa ngục. Cộng sản tạo nên đói kém, để mỗi người không suy nghĩ được gì xa hơn cái bao tử. Ý chí mỗi người cùn mằn trong cái đói liên tục triền miên. Hải đảo nầy, chính là nơi có tràn đầy tự do mà tôi hằng mong ước, không cần đi đâu xa xôi. Nơi đây, tràn đầy tình thương, tràn đầy vui thú, yên ổn từ tâm thần cho đến vật chất.

Những lúc thèm muối, tôi nấu nước biển cho bay hơi, dồn lại, cạo được một ít muối trắng dưới đáy nồi. Nhưng cuối cùng, tôi quyết tâm làm một ruộng muối. San bằng một thửa đất phía sau núi, lát đất sét chống thấm, mặt đáy nghiêng về một phía. Chia làm hai ô, rồi dẫn nước biển vào. Khi nước ở ô thứ nhất bốc hơi, nồng độ của muối cao, thì dẫn nước ấy qua ô thứ hai, sau một thời gian, nước bảo hòa, muối đọng lại ở đáy hồ, vớt lên trữ vào hủ. Ngoại trừ ông Tư, ba người trẻ chúng tôi rất thích ăn mặn, có muối, chúng tôi ướp cá, ướp thịt chim và nướng ăn ngon hơn trước. Tình cờ mà chúng tôi

có rượu uống, chú Ba bỏ quên trái cây chín trong hũ nước đậy kín, thời gian sau lên men và có mùi rượu. Tôi dùng rượu nầy làm mồi, gầy thêm được nhiều thứ rượu khác. Cô Hai không thích rượu, nếm vào thì nhăn mặt, còn ba người đàn ông thì thưởng thức tận tình. Có khi uống đến ngà ngà say, và nằm ngủ mê man trên phiến đá trước nhà chòi.

Một hôm, ông Tư bảo muốn nói chuyện riêng với tôi . Chúng tôi đi ra phía sau bãi xa. Ông Tư ngần ngại lắm mới mở được lời. Đại ý ông muốn tác thành cho tôi và cô Hai, muốn chúng tôi thành vợ chồng, và hứa sẽ cho cô Hai đi theo tôi, nếu mai đây tôi muốn rời đảo về đất liền. Tôi cảm động, nói với ông là không muốn đi đâu nữa cả. Nơi đây cuộc sống thần tiên, dứt bỏ những âu lo phiền toái của xã hội, của những chính quyền tàn bạo. Khi còn ở trong đất liền, tôi đã từng có ý nghĩ tìm một hoang đảo sống với tự do một mình. Nơi đây, điều kiện sống đã dễ dàng, thoải mái, lại có tình thương, có gia đình ông Tư. Không nơi đâu trên trái đất được sung sướng ấm êm như thế nầy. Ông Tư cũng đã thấy rõ tình quyến luyến giữa đôi trai gái. Cô Hai thương tôi, nhưng bản chất ngây thơ, không nói, chỉ biểu lộ qua đôi mắt, lời nói, hành động. Phần tôi thì mang ơn gia đình nầy, đã cứu vớt cả cuộc đời lẫn linh hồn tôi. Tôi không muốn làm gì có thể vẫn đục cái tấm chân tình, hoen ố đời cái thanh khiết mà chúng tôi đang sống, nếu tình yêu đó chưa có đồng ý của tất cả mọi người.

Lễ thành hôn cúa chúng tôi rườm rà hơn của ông Adam và Eva một chút. Chúng tôi vái bàn thờ tổ tiên, và thề một lòng đuổi giặc Tây ra khỏi nước. Dù tôi đã nói cho ông Tư biết, Tây đã về nước hơn hai mươi năm qua, nhưng ông cũng bắt tôi thề, có lẽ đó lá ý nguyện chung của tiền nhân khi lưu lạc ra đây. Cô Hai sung sướng ôm lấy tôi, mừng và khóc sướt mướt. Tay cô vuốt ve bờ vai tôi, kéo từng nắm tóc tôi âu yếm. Chú Ba cũng đặt một tay lên vai tôi, có lẽ chú cũng chỉ biết lờ mờ mối liên hệ mới mẽ giữa tôi với bà chị. Tôi đã có một gia đình ấm cúng nơi đây, đã mãn nguyện mơ ước có dời sống tự do. Tôi vui sướng nghĩ đến ngày tương lai an bình hạnh phúc trên hải đảo thần tiên nầy.

Ông Tư vẫn chuyên cần tập luyện và truyền thụ cho chúng tôi những đường côn, quyền, đao, mà ông đã học được. Chúng tôi tập luyện như một trò chơi giải trí, chứ biết mình chẳng sẽ giao đấu với ai bao giờ.

Nhiều đêm trăng sáng, tôi cùng Hai đi dọc theo biển, dẫm chân lên nước lấp xấp liếm bờ, nhìn trăng sáng vằng vặc, chúng tôi không nói nhiều, nhưng hạnh phúc tràn đầy cùng nước trùng dương. Rồi chúng tôi đào một hố cát che gió, nằm ngữa, ôm nhau nhìn trăng sao. Mùi da thịt của Hai thơm nồng biển nước mặn. Có khi ngủ quên cho đến khuya, khi trăng gác chênh chếch bên kia, mới dẫn nhau về lều. Nằm trong nệm cỏ khô hôn nhau, vuốt ve trên tay, trên lưng, trên ngực. Tôi quên mất thế giới văn minh bên ngoài, không thiết tha đi đâu nữa, ngày xưa, những người lạc bước thiên thai có lẽ cũng chỉ được an nhàn hạnh phúc như thế nầy mà thôi. Tôi tẩn mẩn chế tạo được một cây đàn sáu dây, rồi tập đánh những bản nhạc còn nhớ mang máng trong đầu. Không chỉ Hai, chú Ba thích thú thưởng thức, mà ông Tư cũng rất ưa nghe. Tôi tập cho Hai và chú Ba đánh đàn. Họ như những trang giấy trắng, học rất mau, và đôi khi họ còn sáng tạo ra những đoạn nhạc lạ lùng mà tôi chưa hề nghe bao giờ. Tôi dùng da thú căng thêm cái trống, vỏ sò lớn làm phách. Làm thêm một ống sáo. Chúng tôi thường hòa nhạc vang lừng trong những chiều vàng, những đêm trăng, có khi mãi miết ca hát rân vang, những bài ca tự đặt ra trong lúc đàn. Ông Tư ngồi gõ nhịp chân, cười với niềm vui sướng, hạnh phúc. Những đêm biển động, chúng tôi nằm trong hang đá, nghe mưa gió thét gào, tưởng như đất trời đang vở vụn , tan tành. Chúng tôi vẫn bình thản trong hang, nằm ôm nhau hạnh phúc. Ngày hôm sau trời quang mây tạnh, đời sống lại yên bình.

Hơn một năm sống trên hoang đảo, da thịt tôi rắn chắc, tóc dài phủ vai, râu mọc hỗn loạn. Thân ngã màu đồng đen. Có khi nhìn bóng mình soi đáy nước, tôi không nhận ra một nét nào của thời trước. Tôi thấy mình giống hệt người rừng, không còn phảng phất chút văn minh nào của nhân loại ở cuối thế kỷ hai mươi."

COSTA RICA, MƯA RỪNG NHIỆT ĐỚI

TRẦN ĐỨC HỢP

Quyết định đi thăm xứ Costa Rica của hai người chúng tôi đã được dự định từ lâu, nhưng cứ bị trì hoãn nhiều lần vì những lý do đâu đâu. Nay mọi trở ngại đã được thu xếp và tụi tôi đã hành trang lên đường xuôi về miền Trung- Mỹ nắng ấm, khởi hành từ thành phố San Diego, vùng Tây-Nam Hoa Kỳ.

Cho dù vé máy bay có rẻ hơn 35 dollars đi nữa, cả hai chúng tôi đều không muốn bay ngược lên Los Angeles Airport, ngồi chờ đợi tại đó vài tiếng và sau đó lại bay ngược trở lại hướng Nam tới xứ Costa Rica.

Trước khi đi, tin tức về đất nước này đã được nghiên cứu từ nhiều nguồn khác nhau: từ những người đi trước, từ sách báo mượn từ thư viện, từ những video "Lonely Planet", và chúng tôi đã may mắn có được cuốn Lonely Planet, xuất bản năm 2000 nên cũng khá cập nhật hóa về xứ sở hiền hòa ở miền Trung-Mỹ này. Về địa dư, phía Bắc của Costa Rica giáp nước Nicaragua, phía Nam giáp nước Panama, còn mặt Đông và Tây thì giáp biển Thái Bình Dương. và biển Caribeans. Đây là một nước có đặc điểm sinh thái rất đặc biệt, do sự dồn ép của hai khối địa chất thềm lục địa tạo thành nhiều núi lửa đang hoạt động mãnh liệt, và rất nhiều Công viên thiên nhiên Quốc Gia đặc trưng của xứ nhiệt đới mưa nhiều.

Với thủ đô là San Jose, nằm trên cao độ 1300 bộ Anh, nên khí hậu rất mát mẻ và ôn hòa. Nhiệt độ quanh năm khoảng 60-80 F với tổng số dân tại thủ đô khoảng 1.8 triệu người, trong tổng số dân cả nước chỉ có 3.8 triệu người. Đây là một xứ sở yêu chuộng hòa bình, xứ này đã được giải tán Quân Đội từ năm 1949, chỉ có Cảnh Sát bảo vệ trật tự công cộng, nên dân tình hiền hòa, cởi mở rất dễ thương. Năm 1987, ông Tổng Thống xứ này là Oscar Arrias đã lãnh giải thưởng Nobel về Hòa Bình Thế Giới cho vùng Trung-Mỹ, sau khi tìm được giải pháp hòa bình cho sự xung đột , tranh chấp của các xứ Nicaragua, Hoduras, Guatamala, Panama của Trung- Mỹ.

Hai chúng tôi đã đáp xuống phi trường San Jose của xứ Costa Rica sau gần 6 1/2 giờ bay, có ghé đổi máy bay tại Houston, Texas khoảng 2 tiếng. Thành phố đã lên đèn nhìn từ trên cao rất rực rỡ, thủ tục quan thuế rất dễ dàng, đa số du khách đến từ Miami, Florida, nơi có cộng đồng người Costa Rica, riêng ở Cali chỉ có hai chúng tôi là du khách đặc biệt, không hẹn mà đến . . . Hỏi thăm anh tài xế Taxi địa phương, và cho biết chúng tôi cần khách sạn khoảng 30-50 đô/ngày, thì anh đã đề nghị và và chở chúng tôi đến nhiều khách sạn khác nhau, và cuối cùng chúng tôi đã tìm được một khách sạn ngay trung tâm Down-Town/ Central của San Jose.

■

DU HÀNH TRONG ĐÊM

Dù vừa đặt chân xuống San Jose, cả hai chúng tôi đều muốn đi một vòng thành phố về đêm. Chúng tôi đã ngạc nhiên và hơi thất vọng vì thủ đô của xứ Costa Rica đang chìm đắm trong màn đêm sau một cơn mưa lớn, ướt sũng cả thành phố. Mọi cửa hàng buôn bán đã đóng cửa sớm, có lẽ từ trước 9 giờ tối, phố xá thì lờ mờ dưới ánh đèn vàng u ám. Những sạp bán hàng rong dọc đường phố đều được vải bạt nylon che phủ kín và buộc dây sơ sài, chứng tỏ nạn trộm cắp đã không xảy ra ở xứ sở hiền hòa này, hai bên đường với cống rãnh đã được xây dựng rất thô sơ và tiêu điều từ nhiều chục năm về trước, và đã không được sửa chữa, thay đổi gì cả. Dân làm cầu đường mà có Job ở đây, kể như trúng mối to, vì toàn bộ đường-xá, cầu-cống cần được mở rộng và sửa chữa, kể cả hệ thống cống rãnh và lề đường dành cho người đi bộ.

Trên Đảo Rùa/Tortuga với hai du khách đang thử nước biển sau lưng và xa xa là chiếc du thuyền Calypso đang bỏ neo bập bềnh trên sóng nước

Công viên Quốc gia Rừng Nhiệt Đới/Aerial Tram độc nhất vô nhị ở Costa Rica

■

■

MỘT VÒNG QUANH THÀNH PHỐ SAN JOSE

Bỏ qua buổi cà phê và ăn sáng "free", cả hai chúng tôi đã di chuyển một vòng trong khu Trung Tâm Thành Phố với Vương Cung Thánh Đường sừng sững ngay sát bên cạnh Hotel chúng tôi ở chỉ khoảng vài trăm thước mà thôi, lý do tối hôm qua chúng tôi không nhận ra, chỉ biết đó là một building riêng rẽ, âm u và đầy bí hiểm mà thôi.

Trước nhà thờ Cathedral, rất nhiều chim bồ câu, dạn dĩ sà cánh bám quanh mọi người để được cho ăn ngay tại Plaza độc lập phía trước nhà thờ chính. Đây là quốc gia với 98% là dân đạo Công giáo, nên tình cờ chúng tôi có mặt tại một buổi Thánh lễ đặc biệt, gồm nhiều Hồng Y và Giám Mục của đất nước này lần lượt bước vào cổng chính của Cathedral, xung quanh họ là giáo dân đã làm những vòng tay bảo vệ những vị chủ chăn của Giáo hội. Dân chúng đã được thu xếp đứng trên những bục cao bên ngoài nhà thờ, vì chỉ có cácLinh Mục chủ lễ mới được bước vào cổng mà thôi. Tuy vậy, một màn ảnh T.V. kích thước 3mx3m đã được trực tiếp chiếu quang cảnh đang hành lễ bên trong nhà thờ.

Ngoài đường, người dân tấp nập qua lại khu phố chính chỉ dành riêng cho người đi bộ, được lát đá xếp từng cục một. Đây là một đặc trưng của xứ này, dân chúng qua lại an bình vì ít lo lắng, vì xứ sở này không có chiến tranh và cũng không có quân đội; chỉ có Cảnh Sát nội an lo điều hành trật tự công cộng là chính, chẳng ai đeo vũ khí gì cả, ngay cả cây gậy baton của Cảnh sát cũng không thấy. Nhưng họ có mặc áo vest nhẹ, màu xanh của người làm đường, rất dễ nhận ra và được mọi người dân tuân hành với tinh thần tự trọng, tự giác rất cao.

■

ĐI THĂM RỪNG NHIỆT ĐỚI BẰNG "ARIAL TRAM" Ở ĐÔNG BẮC SAN JOSE.

Được biết giá Tour cho một ngày là 89 đô, kể cả xe bus đón tại cửa khách sạn, ăn trưa, ve vào cửa khu vườn Công viên Quốc Gia (đi riêng phải mất 50 đô), và du hành trên sông Sarapiqii. Hai chúng tôi đã dậy thực sớm ngày hôm sau vì 7:30 AM xe đã tới cửa và phải đi đón thêm 7 du khách từ những nơi khác trước khi xe chạy ra ngoại ô. Đường xa lộ rất nhỏ hẹp, dọc hai bên đường cây cối mọc thật xanh và tươi mát vì số lượng mưa rất dồi dào quanh năm từ tháng 5 đến cuối tháng 11, càng lên núi cao, sương mù càng dày đặc và mưa đã nặng hạt hơn trước khi đến cổng công viên. Nghe nói nơi đây, năm 1990, với 3 triệu dollars đầu tư xây dựng Arial Tram đầu tiên của xứ này, do một nhà khoa học Môi Sinh người Mỹ kêu gọi và thành lập, nay hàng năm đã có khoảng 60,000 du khách, vì Trạm sẽ du hành trên không bằng dây cáp treo trên không khoảng 40 thước, đi trên đầu ngọn cây, băng qua những thung lũng với cây rừng nhiệt đới rậm rạp, cảnh trí thật ngoạn mục và lạ lùng không sao tả hết được. Sự thành công của Arial Tram đã dẫn đến một dự án công viên cáp treo thứ hai, đang được thực hiện và xây dựng ở một khu rừng Công Viên Quốc Gia lân cận.

Kỹ nghệ du lịch thăm viếng rừng nhiệt đới được thành lập từ 1990 với 03 triệu dollars vốn và hàng năm mang lai 60.000 khách

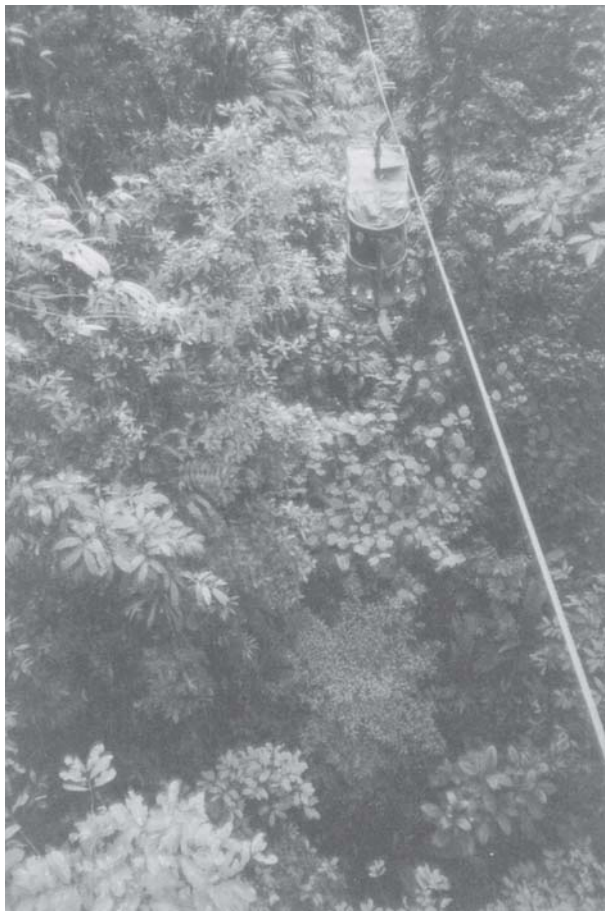

■

SINH THÁI HAI BÊN BỜ

SÔNG SARAPIQII (HƯỚNG VỀ BIỂN CARIBEAN)

Trước khi xuống bến đò, du khách được lót nhẹ bằng các loại trái cây địa phương như đu đủ,thơm, táo, dưa hấu... và con đò dài 15 thước với nhiều hàng ghế trắng đã đưa chúng tôi sang một thế giới khác với nhiều chim muông và thú vật sống rải rác dọc theo hai bờ sông. Nhưng chỉ có 1 con thú làm chúng tôi thích thú đó là con Sloth. Việt Nam ta gọi là con" Bú Dù "hình dáng giống như con "gấu Koala" của Úc châu nhưng chân chỉ có 3 móng và leo trèo rất chậm chạp. Nghe người Hướng Dẫn viên nói khi làm tình gieo giống, cả hai con cần khoảng 6 tiếng để "yêu" làm anh bạn đồng hành tôi cười và nói nhỏ: "chắc thuốc Viagra bán không khá ở đây", vì con Sloth chỉ ăn lá cây có chất thuốc, nên người lúc nào cũng lừ đừ như trúng thuốc, Việt Nam ta gọi là chàng "đang xỉn", ngoài ra những con thú khác như Iguana, cá sấu, khỉ, chim, cò, dơi đã không làm chúng tôi ngạc nhiên lắm. Bữa ăn trưa được dọn ra lúc 2:30 P.M ở một trạm nghĩ với võng, ghế, salon, và bàn ăn khá tươm tất. Đồ ăn nóng "buffet" được đầu bếp đẩy xe ra ngay bàn ăn, có cả khoai mì hấp và xu xu xào, cùng thịt bò rim rất ngon, đã được chúng tôi chiếu cố kỹ lưỡng. Một đoàn du khách từ một chiếc thuyền khác cũng vừa cập bến đến làm chúng tôi bị dồn vào thiểu số vì họ trên 25 người, còn tụi tôi chỉ có 9 mạng mà thôi. Tôi tự nhủ, tổ chức tour kiểu này lỗ là cái chắc, nhưng bù lại những tháng hè đông khách từ 40-60 người. Họ cũng đói và xà vào bàn ăn trưa như chúng tôi, nhưng với đồ ăn mới vừa từ bếp lò mang ra.

Trên đường về, được biết mưa gió nhiều và đất đã lở đổ và ngăn chặn đường xe chạy nên chúng tôi phải đi vòng thêm 3 tiếng qua những đoạn đường núi ngoằn ngèo, chật hẹp vànhân dịp đó chúng tôi đã được trông thấy vài ngọn thác nước cao lờ mờ từ xa trước khi trở về thành phố San Jose. Chúng tôi đã đi vào giấc ngủ thật ngon sau một chuyến hành trình dài 14 tiếng từ 7 giờ sáng đế 21:00 giờ tối.

Rừng nhiệt đới, nhìn từ trên dây cáp treo xuống với nhiều tầng cây lá che phủ

■

TẠI BẾN XE ĐÒ ĐỊA PHƯƠNG SAN JOSE/ COCA COLA STATION

Xe buýt địa phương tại Costa Rica giá rất rẻ khoảng 3 đô cho 120 km đường từ San Jose ra bờ biển Thái Bình Dương để đến thành phố biển Jaco. Đường đi rất xấu và xe di chuyển rất chậm khoảng 40km/giờ. Xe không có máy lạnh nhưng vì ở cao nguyên nên khí hậu khá mát mẻ, càng gần biển khí hậu nóng dần khoảng 85-90 độ F thêm vào đó ẩm độ khá cao nên cơ thể toát mồ hôi, trên xe du khách trẻ Âu châu rất nhiều, đa số từ Hòa Lan, Đức, và Bắc Âu, đủ loại ngôn ngữ được phổ biến. Giá 1 dollar US đổi ra được 370 Colone tiền Costa Rica. Ngay tại bến xe Coca Cola, một người ăn mày khi nhận được 10 Colones từ A/H Hóa, anh ta đã ném xuống đất, sau đó suy nghĩ lại, nhặt lên đem đến trả A/H Hóa và đã được tiếp đón tử tế với lời cám ơn địa phương . . .

Cảnh bãi biển Jaco, mặt sau của khách sạn Tangerie, Costa Rica

Chúng tôi đã đến Jaco khoảng 1 giờ chiều

và có ghé vài khách sạn địa phương, sau đó một khách sạn ngay sát bờ biển, với phong cảnh hữu tình và yên lặng đã được chọn. Giá phòng 50 dollars/ngày cho 2 người (Tangeri Hotel), và các bạn có thể chọn nhà riêng biệt cho gia đình đông người, 3 phòng ngủ, và bếp nấu cũng cùng một giá. Riêng chúng tôi lựa căn trên lầu, có 270 độ nhìn ra biển từ balcony rất đẹp. Đồ biển và bia đã được mua từ "Super-market" duy nhất gần đó và cất trong tủ lạnh. Từ Jaco chúng tôi đã chọn được những cảnh chiều hoàng hôn khi mặt trời lặn tuyệt đẹp, khi ánh chiều tà từ từ chìm vào lòng biển với khung cảnh bao la hùng vĩ của thiên nhiên, với núi non xong quanh và biển xanh rộng lớn và sự nhỏ bé của con người. Ôi thiên nhiên, tạo hóa quá đẹp nhưng chỉ riêng tôi đứng một mình giữa khung cảnh trời đất bao la này mà thôi.

■

ĐI THĂM ĐẢO RÙA (TORTUGA)

Biết rằng đi thăm đảo Rùa là một thám hiểm đẹp và khá lý thú, tuy rằng đường xa và nhiều trắc trở, nhưng hai chúng tôi đều có cảm giác là phải chuẩn bị vì du hành gần nơi khởi hành của chiếc du thuyền Calypso, là nơi sẽ đưa du khách ra thăm hoang đảo. Từ thành phố Jaco chúng tôi phải lên xe Van đi về hướng Bắc 80km, để đến thành phố Puntarenas. Đường đi khá tốt, xe chạy "bon bon" khoảng một giờ rưỡi là đến bến và chiếc Catamaran Calypso có thể chứa 40 người và 9 thủy thủ đoàn đồng phục trắng đã đợi chúng tôi dưới bến. Hai nhạc công đã đón tiếp đoàn du khách trong tiếng đàn gõ của miền Hạ Uy Di rất đặc sắc. Sau màn giới thiệu từ vị Thuyền Trưởng đến người phục vụ, chiếc tàu đã từ từ rời bến và đem theo những háo hức của đám du khách chưa từng lên đảo lần nào, sau những năm tháng miệt mài sống và làm việc trong những đô thị ồn ào và náo nhiệt.

Trong suốt hai giờ rưỡi du hành trên biển, chiếc Calypso đã vượt qua những hòn đảo thiên nhiên nhỏ với nhiều đàn chim biển bay từng đàn qua lại ngang đầu làm chúng tôi rất là hứng thú vì "Ra khơi thấy mặt trùng dương thấy lòng bao la . . . thấy đời phơi phới . . . "

Và tàu đã cặp đảo khoảng 11:00 giờ sáng, với những dấu chân in trên cát đã là nơi không bóng con người lai vãng, giống y như trong phim ảnh Robinson Crusoe ngày xưa một thời mà chúng tôi ưa thích. Sự sống nơi đây đã hài hòa với sự trong lành của môi trường xinh đẹp thiên nhiên đã được đấng tạo hóa vun bồi và sự bảo quản, chăm sóc của con người tạo nhiều sự thích thú cho đoàn du khách chúng tôi.

■

ĐOẠN KẾT

Hai chúng tôi đã trở lại thủ đô San Joso trước khi lên máy bay trở về Hoa Kỳ. Đúng là ông bà ta xưa kia nói "đi một đàng, học được một sàng khôn", thấy được những cái hay, cái lạ mà không nơi nào có được trên thế giới tại xứ Trung Mỹ này. Tuy cũng có vài điểm khi anh hướng dẫn

Đảo Tortuga/Đảo Rùa với khung cảnh hoang vắng không bóng người

viên hỏi thăm chúng tôi nơi sanh đẻ VN thì anh ta than phiền cà phê giống Arabica của Costa Rica đã bị cà phê giống Robusca của VN cạnh tranh, phá giá ác liệt dữ dội nên họ cũng rất buồn và đau lòng (vì nguồn thu nhập chính của xứ Costa Rica là cà phê và du lịch).

Hai chúng tôi đã rời VN từ hơn hai mươi năm qua, và cũng chưa trở về xứ Việt từ những ngày chế độ Cộng sản cầm quyền và tình trạng phá giá cà phê cũng giống như vụ cá Basa/ cá Tra đang ầm ĩ trên báo chí Mỹ hàng ngày. Tuy nhiên, những ngày ở Costa Rica thật là êm đềm và đầy kỷ niệm cho những ai muốn tránh xa không khí ồn ào, náo nhiệt, xô bồ của đô thị lớn, muốn tìm về thiên nhiên của mưa rừng nhiệt đới và không phải bay quá xa hơn 20 giờ bay về những xứ Á châu, mà lại tìm thấy sự quen thuộc của núi rừng rất giống VN.

P.S: Chủ trương của đất nước Costa Rica là: nâng cao mức sống của người dân về Y tế (đóng 4 đô/ tháng/cá nhân sẽ có bảo hiểm, 6 đô/tháng/gia đình), cứ 10 nóc gia là có 1 trường tiểu học, và có điện nước do chính phủ tài trợ, không có quân đội, dân chúng rất hiền hòa và lương thiện, không có sự lường gạt, láu cá, láu tôm, nói có là có, nói không là không, không nói thách, tham nhũng có nhưng rất ít. Trình độ dân trí rất cao, hòa bình thật sự cởi mở, không ai đè nén, áp bức hay chỉ huy. Chính những chủ trương này đã giúp đất nước Costa Rica nâng cao dân trí, phát triển về kinh tế, kỹ thuật và tạo cho đất nước nhỏ bé này được liệt vào một Quốc gia hòa bình nhất vùng Trung Mỹ.

hoa Lan

GREEN THUMB,
CALTRANS 12

Lời BPT: *Được sự yêu cầu của BPT, AH/CC ĐCC đã kể lại vài dữ kiện về cây "Vương Giả Chi Hoa", mà anh là người yêu mến, tuy chỉ là tài tử nhưng cảm xúc yêu hoa của anh đã cho chúng ta nhiều chi tiết hứng thú và cho những AH đang retired. Xin trân trọng giới thiệu đến quý AH và TH.*

Bạn chắc hẳn cũng như tôi, chơi hoa lan là bởi vì mê say màu sắc kỳ diệu và hình dáng lạ lùng, quyến rũ và khiêu gợi của hoa. Ấy, bạn đừng bảo tôi chưa gì đã nói tầm bậy tầm bạ. Bạn thử ngắm một đóa Cattleya đi coi, bạn sẽ thấy tôi nói không ngoa tí nào. Thuở mới chơi hoa lan, tôi chỉ có biết vài loại lan phổ thông như Hồ Điệp, Địa Lan, Hài Tiên và tưởng rằng chỉ có từng đó loại thôi nhưng sau này tôi mới biết hoa lan có hàng vạn loại, tôi chới với về hình dạng khác nhau của mỗi loại và nội việc nhớ tên của chúng cũng đủ điên cái đầu và đau cái bụng chẳng khác nào như các ông bà dược sĩ hay bác sĩ phải nhớ những tên thuốc khó đọc và dài lê thê.

Ai mới chơi lan mà không từng giết chết nhiều hoặc ít những chậu lan mà mình đã say mê ngắm nghía ở tiệm hoa hay tại nhà vườn; mua về nuôi nhưng vì không biết cách chăm sóc nên đã để cho cây chết dần, chết mòn vì thối rễ hoặc rụng lá và sau cùng thì vất cả cây lẫn chậu vào thùng rác. Thương cho kiếp hoa quá phải không bạn. Nếu tôi ví hoa lan như người con gái đẹp khó tính thì cũng không phải là quá đâu vì nuôi lan cho có kết quả mình phải biết lan muốn gì, thích gì, điều kiện sinh thái của lan đòi hỏi thế nào, và nếu bạn chiều chuộng được, thì lan sẽ sống hùng sống mạnh, ra hoa đều đặn cho bạn ngắm cũng như khi bạn đã hiểu người đẹp và lấy được lòng nàng rồi thì lúc đó bạn đòi hỏi cái gì mà nàng chẳng cho!!!

Thật ra thì nuôi trồng lan không khó như nhiều người đã nghĩ, chỉ cần biết được điều kiện sống của loại lan mà mình muốn nuôi và tạo đúng môi trường sống cho cây là mình đã đi được hơn nửa chặng đường, rồi thêm một chút hiểu biết về việc tưới nước và bón phân là cây lan của bạn sẽ tươi tốt, ra hoa ầm ỹ, và làm cho bạn yêu đời mỗi khi nhìn ngắm thành quả mỹ miều của mình.

Để giúp cho bạn mới chơi lan khỏi phải tra cứu sách vở phí thì giờ quí báu của bạn tôi xin viết ra đây một chút hiểu biết mà tôi đã thu nhặt được cùng những kinh nghiệm riêng của tôi trong việc nuôi trồng lan, cũng chỉ vì mong bạn đừng vướng vào những lỗi lầm mà tôi đã vấp phải và đạt được nhiều thành quả tốt đẹp.

Các nhà nghiên cứu về hoa lan cho rằng hoa lan có mặt trên trái đất này cùng thời với các con khủng long, trong khi khủng long thì không còn nữa mà hoa lan thì vẫn sống phây phây đến bây giờ. Điều này chứng tỏ giống hoa lan có khả năng sinh tồn rất mãnh liệt. Lan sống trên khắp các lục địa, chỉ trừ Nam cực và có khoảng trên hai mươi ngàn giống (species), số lượng này càng tăng theo năm tháng vì những tay săn lan vẫn lặn lội trong rừng sâu núi thẳm để tìm kiếm thêm những giống lan mới. Tuy nhiều như thế, nhưng theo môn vạn vật học thì lan được chia thành hai nhóm chính: nhóm Đơn thân (Monopodial) và nhóm Đa thân (Sympodial).

(HÌNH 1) VANDA

Nhóm Đơn thân: gồm những loại lan chỉ có một thân, tăng trưởng theo chiều thẳng đứng. Tiêu biểu cho nhóm này là giống Vanda và Hồ Điệp. (Hình 1)

Nhóm Đa thân: gồm những loại lan

DENDROBIUM

CATTLEYA

(HÌNH 2)

CYMBIDIUM

có thân ngang và từ thân này mọc ra nhiều thân giả (có người gọi là giả hành) thẳng đứng hình củ hay như dóng mía, thân tăng trưởng theo chiều ngang. Nhóm này gồm các giống như Cattleya, Cymbidium (Địa lan), Dendrobium, Paphiopedilum (Hài tiên), Oncidium (Vũ nữ). (Hình 2)

SỰ CẤU TẠO CỦA HOA:

Hoa lan có nhiều hình dáng khác nhau, màu sắc rất phong phú, lạ lùng ít thấy ở các giống hoa khác. Hình dáng và màu sắc kết hợp lại làm cho người ngắm liên tưởng đến hình thù những con ong, con nhện, người vũ nữ, con khỉ, cái diều v.v... Hoa lan cũng có loại có hương thơm và hương thơm thì rất ngào ngạt đặc biệt. Mặc dầu hình dáng hoa khác nhau tùy từng giống nhưng cách cấu tạo đều có các thành phần căn bản như sau:

- Đài hoa (Sepal): hoa có 3 đài hoa là phần ngoài cùng của hoa, khi hoa còn là nụ thì đây là phần bao bọc bên ngoài.

- Cánh hoa (Petal): hoa cũng có 3 cánh hoa nhưng một cánh đã biến dạng không giống như hai cánh bên và cánh này còn gọi là môi (lip). Môi có hình dạng lạ lùng, hấp dẫn và khác nhau tùy từng loại.

- Trụ (Column): là phần giữa của hoa, hình ống lồi lên và đây cũng là bộ phận sinh dục của hoa. Đa số hoa có cả nhị đực và nhị cái nên hoa lan thuộc loại lưỡng tính. Trên đầu trụ có mũ (Anther Cap) bên trong có phấn hoa, phấn hoa kết hợp lại thành khối viên nhỏ với số lượng là 2,4,6 hay 8 viên tùy loại. Nhị cái nằm gần cuống của trụ và có dính chất nhầy.

Hoa nhờ côn trùng như ong, bướm hay ruồi mang phấn hoa vào nhị cái. Muốn được vậy hoa rất khôn ngoan tạo ra những hình thù, màu sắc sặc sỡ để hấp dẫn, đánh lừa và cạm bẫy những con côn trùng hiếu sắc khờ khạo này. (Hình 3)

MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CỦA LAN:

Lan thường sống trên các nhánh cây cao nhưng lan không phải là loại tầm gửi vì lan chỉ dùng nhánh cây để làm chỗ bám vào chứ không hút nhựa của các nhánh cây này để sống. Lan sống và tăng trưởng nhờ rễ hấp thụ những chất dinh dưỡng trong không khí và nước mưa. Cũng vì sống trên cao như vậy mà được gọi là phong lan (epiphyte). Lan thích sống ngoài thiên nhiên nhưng lan vẫn có thể được nuôi trồng trong nhà hay trong nhà kính (greenhouse) với điều kiện có được môi trường sinh thái thích hợp.

Muốn trồng lan cho có kết quả bạn phải để ý đến các điều kiện về nhiệt độ, ánh sáng, ẩm độ, sự thoáng khí và sau cùng là cách tưới nước và bón phân.

Tổng quát ta có thể nói môi trường sinh thái của lan về nhiệt độ là từ 50 F đến 85 F, ẩm độ từ 40% đến 70%. Về ánh sáng thì nên tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời mà chỉ dùng ánh sáng được lọc qua lưới lọc hay kính lọc, tuy nhiên lan có thể chịu đựng được ánh sáng trực tiếp ban mai trong vài tiếng đồng hồ. Lan thích sống ở chỗ thoáng khí, thông gió.

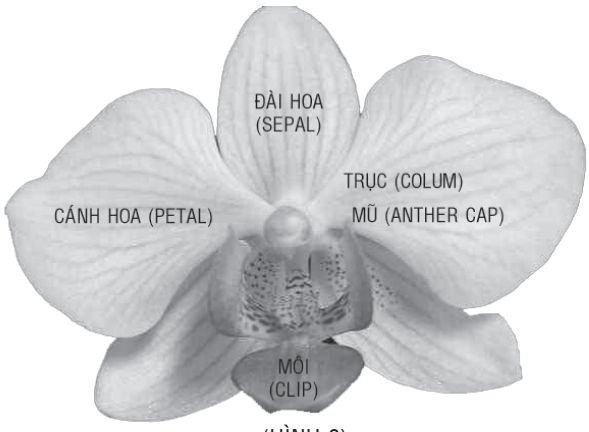

(HÌNH 3)

CÁCH SĂN SÓC:

Tưới nước: Việc tưới nước cho lan hơi đặc biệt một chút đó là không nên tưới hàng ngày vì như vậy rễ sẽ úng nước mà thối, tưới một tuần một lần là đủ, vào mùa nắng khô thì một tuần hai lần cũng được, thà thiếu nước còn hơn dư nước. Đừng thấy mặt đất chậu khô mà tưới thêm nước coi chừng dư nước đó vì phần dưới vẫn còn ẩm nước, sau này có kinh nghiệm bạn có thể nhấc chậu lên thấy nhẹ là biết cây cần nước. Nếu nghi ngờ chậu còn nước thì để một hai ngày sau rồi tưới. Tưới hẳn lên cây và đất chậu cho đến khi nước thoát ra ở dưới đáy chậu, cũng có thể nhúng chậu lan vào trong một thau nước rồi lấy ra nhưng cách này dễ truyền bệnh cho các cây khác nếu có một cây bị bệnh. Nên tưới lan vào buổi sáng để có đủ thì giờ cho cây ráo nước trước khi trời tối.

Độ ẩm của không khí phải được giữ đầy đủ bằng cách xịt nước bằng vòi tia(mist), bằng cách để khay đựng nước cho bay hơi hay bằng bình xịt nước.

Bón phân : Việc bón phân cũng rất cần thiết cho lan tăng trưởng và ra hoa. Lan có thể được bón bằng phân hữu cơ hay vô cơ, nhưng tôi thường dùng phân vô cơ vì dễ sử dụng và không có mùi. Nên dùng phân bón loại pha với nước và dùng bình xịt để tưới. Có rất nhiều loại phân và nhiều công thức nhưng bạn chỉ cần nhớ hai loại công thức là đủ, một loại có công thức cân bằng 20-20-20. Để tôi giải thích các con số này, số đầu là 20% N (Nitrogen),số thứ nhì là 20% P (Phosphorus) và số thứ ba là 20% K (Potassium), loại phân này là loại căn bản giúp lan tăng trưởng, ra lá, nhánh và rễ, còn loại thứ nhì có công thức 10-30-20 loại này giúp cây ra hoa, giúp hoa cứng cáp lâu tàn vì có nhiều lượng phốt pho. Chu kỳ bón phân là cách tuần bón một lần và nên bón phân sau khi vừa tưới nước xong.

Đất chậu và chậu trồng: Đất chậu có người gọi là giá thể (media) gồm có các loại thông dụng như vỏ cây khô (bark), rêu (moss) và xơ dừa. Mỗi loại đều có đặc tính riêng của nó chẳng hạn như vỏ cây khô thì mau mất nước nhưng thoáng khí, rêu thì giữ nước lâu hơn nhưng không thoáng khí như loại vỏ cây khô, còn xơ dừa thì trung trung giữa hai loại vừa nói. Vậy

tùy theo giống lan mà bạn chọn đất trồng cho thích hợp, nhưng bạn đừng lo thường thì lan bạn mua về đã trồng trong chậu rồi, bạn sẽ biết ngay đất trồng là loại gì nên khi bạn sang chậu cũng dùng cùng một loại cho chắc ăn, trừ trường hợp bạn là tay chuyên nghiệp tự pha chế cho riêng mình một loại đất trồng.

Lan thường được trồng trong chậu, trong giỏ treo hay trồng trên thân cây. Trồng chậu là cách rất phổ biến, chậu có thể làm bằng gỗ, đất nung hay nhựa plastic. Mỗi loại đều có ưu và khuyết điểm của nó, nhà vườn hay dùng loại bằng nhựa plastic vì rẻ và nhẹ nên cước phí chuyên chở thấp. Trồng chậu phải cần đất chậu, có thể dùng một trong ba loại giá thể đã nói ở trên; trái lại trồng trong giỏ treo thì không cần đất chậu, người trồng chỉ việc để lan vào giỏ giữ cây cho thẳng rồi dùng dây cột dính vào giỏ xong treo giỏ lên, lan Vanda thường được trồng theo cách nầy. Lan cũng có thể trồng trên thân cây khô hay mảnh gỗ, người ta dùng dây cột lan vào một khúc thân cây cưa ngắn hay một miếng ván gỗ. Cách này trông tự nhiên và thẩm mỹ làm ta có cảm tưởng là cây được mang đến từ rừng núi. Những loại lan đa thân như Cattleya, Dendrobium ngoài cách trồng chậu cũng được trồng theo cách này.

PAPHIOPEDILUM_WOLLERIANUM

Sang chậu: Thông thường cứ hai hoặc ba năm, lan cần được sang chậu vì cây đã lớn ra và chậu không còn chỗ cho lan mọc nữa hay đất chậu đã bị mục rữa.

Khi sang chậu nên cẩn thận lấy cây ra khỏi chậu cũ đừng để cho đứt rễ, dùng kéo cắt bỏ các rễ thối mục, gắp bỏ và rửa sạch đất chậu cũ còn dính ở rễ, nếu cây quá lớn có nhiều củ ta có thể dùng dao đã tẩy trùng chia thành nhiều cây nhỏ, mỗi cây có ít nhất ba củ, rồi để cây vào chỗ thoáng mát cho ráo nước trước khi trồng sang chậu mới. Chậu mới phải được rửa sạch và tẩy trùng. Đất chậu nên ngâm nước trước khi dùng. Rải một ít sỏi hay móp đệm (hình củ đậu phộng thường dùng để đệm trong các kiện hàng) ở dưới đáy chậu để dễ thoát nước và thoáng khí. Đổ một ít đất chậu trên mặt lớp sỏi hay móp đệm, sau đó đặt cây vào chậu ngay giữa nếu là loại đơn thân, hay cạnh chậu để chừa chỗ cho cây tăng trưởng nếu là loại đa thân. Đổ thêm đất chậu cho đầy, phủ hết rễ được thì tốt nếu rễ nào mọc chỉa lên không phủ được thì cũng chẳng sao. Nén đất chậu xuống vừa đủ chặt để cây đừng lung lay. Cuối cùng là mang cây vào chỗ mát thoáng khí và không cần tưới hay bón phân trong vòng hai tuần lễ. Mùa thay chậu thường vào mùa tăng trưởng của cây do đó mùa Xuân là thích hợp cho hầu hết các loài lan.

PHALAENOPSIS 'MINI MARK'

Trừ sâu bọ: Thỉnh thoảng nên xịt thuốc trừ sâu bọ hiệu Malathion 50 Plus để tránh sâu bọ. Nếu cây bị sâu nên để biệt lập và xịt thuốc theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất thuốc.

Một cây lan nếu được nuôi đúng cách thì lá sẽ xanh tươi cứng cáp, rễ mập mạp và có màu trắng; được như vậy cũng đã đủ cho mình ngắm rồi phải không bạn. Có một lần tôi đi xem một hội chợ triển lãm hoa lan ở vùng Quận Cam, tiểu bang California, Hoa Kỳ có tên là Fascination of Orchids, khi đi qua gian hàng bán hoa Vanda tôi nghe được mẩu đối thoại khá thú vị của hai vị nữ lưu :

Một cô nói với cô bạn đi chung:

- Chị nhìn cây Vanda treo ở góc kia kìa lá xanh và rễ nhiều và khỏe, chị mua về mà nuôi đi.

Cô bạn kia nói lại:

- Cây đó chưa có hoa chỉ có rễ và lá mà sao chị lại bảo em mua.

Cô này trả lời :

- Em nuôi Vanda em chỉ thích ngắm rễ thôi chị ạ.

Nghe đến đây tôi chỉ biết mỉm cười và đồng ý với chị này là rễ lan nhìn cũng hấp dẫn lắm chứ, chứng tỏ chị này là sư phụ của chị kia trong nghề chơi lan.

Hồi tôi mới tập tễnh nuôi lan tôi cũng làm đủ những điều chỉ bảo của bạn bè nhưng những chậu lan của tôi chỉ

ra lá và rễ mà không ra hoa, nên tôi bị một anh bạn là tay chuyên nghiệp làm chủ vườn lan thương mại chọc vui là tôi nuôi lan chỉ có ra lông và lá. Sau này tôi mới biết thêm là ánh sáng, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm cũng như phân bón là những yếu tố quan trọng cho sự ra hoa của lan.

Khi bạn đã mê lan và biết nuôi rồi mà thấy cây nào sống èo uột, thiếu chăm sóc, bạn cảm thấy tội cho nó và muốn tự tay bạn săn sóc, đó là trường hợp đã xảy ra cho tôi khi tôi tới thăm một anh bạn của tôi, thấy trên lan can có một chậu Cattleya nằm trơ gan cùng tuế nguyệt chỉ còn vài giả hành khô héo và vài chiếc lá dính vào đấy; anh bạn của tôi rất thích chơi hoa nhưng lại không có thời giờ chăm sóc hoa có

BRASSOLAELIOCATTLEYA_CHIA_LIN_'NEW_CITY'

lẽ vì vậy mà anh vẫn thích đời độc thân để khỏi phải săn sóc thêm một người nữa chăng? Tôi thấy tiếc cho đời hoa bèn ngỏ ý xin anh mang về nuôi, anh bạn đồng ý ngay và còn dặn là hoa của cây này đẹp và thơm lắm anh đã mua rất đắt tiền. Tôi hỏi anh là hoa màu gì và lớn cỡ nào nhưng anh cũng không còn nhớ để tả lại cho tôi. Thế là tôi quyết chí nuôi cho ra hoa để xem hoa của nó ra sao. Mang về nhà việc đầu tiên tôi phải thay chậu cho nó vì đất chậu đã hư hết và đồng thời thẩm định bộ rễ của nó, thấy cây vẫn còn vài rễ tốt, tôi rất hy vọng phục hồi được sức sống của cây. Rồi ngày tháng trôi qua vào mùa Xuân năm sau cây mọc ra một chồi non, cứ vậy các chồi non khác lại xuất hiện và cây càng ngày càng lớn mạnh nhưng vẫn chưa đủ sức ra hoa. Tôi vẫn kiên trì săn sóc, anh bạn tôi hầu như quên hẳn chậu hoa này. Mãi ba năm sau cây mới có nụ và ra hoa tôi mừng qúa chẳng bõ công mình chăm sóc chờ đợi, thay vì chỉ ra một hai bông hoa, cây đã ra một lượt sáu cái tưởng chừng như thưởng công tôi, cái nào cũng đẹp và to màu trắng tinh khiết, hương thơm dịu dàng, thơm phức cả căn nhà. Tôi gọi điện thoại báo tin cho anh bạn tôi, anh cũng rất vui mừng; anh đùa dai hỏi tôi đã bón phân gì mà cây ra nhiều hoa thế và tôi cũng đùa lại là tôi tưới bằng "phân thiên nhiên". Thế là hai đứa cùng cười rộ lên, thật là nham nhở nhưng tình bạn nhờ đó mà thêm thắm thiết. Vì nơi anh ở quá xa chỗ tôi, không thể cùng tôi ngắm hoa nên tôi đã chụp hình chậu hoa gửi tặng anh để cùng vui với tôi.

Các bậc tiền bối của ta từng nói là "nghề chơi cũng lắm công phu" do đó muốn trồng lan cho có kết qủa mỹ mãn bạn cần tìm hiểu thêm nữa và bắt tay thực hành bằng cách nuôi mỗi giống vài cây vừa để tiêu khiển vừa để rút tỉa kinh nghiệm cho riêng mình. Bạn còn có thể học hỏi thêm kinh nghiệm của các tay chuyên môn qua các buổi hướng dẫn của họ trong các hội chợ hoa lan hoặc gia nhập các hội hoa lan. Rồi đến một

MAHINHIN

lúc bạn trở nên một tay sành sõi nuôi lan thì cũng là lúc lan bắt đầu yêu bạn đó. Bạn phải tự hào sung sướng là đã chinh phục được người đẹp khó tánh có tên là lan (orchid), một kỳ hoa dị thảo mà Thượng đế đã tạo ra để cho loài người thưởng ngoạn.

Mong rằng bài viết này không làm mất thời giờ của bạn đọc và nhất là sẽ giúp được các bạn mới bắt đầu chơi lan hay chưa bao giờ chơi một chút hiểu biết tổng quát về hoa lan. Và cũng mong nhận được những chỉ bảo của các bậc đàn anh trong lãnh vực này hầu học hỏi thêm trong tình huynh đệ để cùng thăng hoa đời sống chúng ta.

■ *Kẻ sống nhiều nhất là kẻ có sự suy tư nhiều nhất và cảm được cái tinh thanh cao nhất cùng hành động đẹp đẽ nhất.*

BROUGHTONIA_NEGRILENSIS

RƯỢU VANG & ĐỜI SỐNG

NGUYỄN ĐỨC THỤ

Người viết bài này không chuyên về tìm hiểu một cách sâu xa xuất xứ của rượu vang cũng như phương pháp cất rượu và làm rượu. Người viết chỉ muốn gởi đến quý vị độc giả, các quý ái hữu của trường Công Chánh và các bạn trường Hàng Hải Thương Thuyền thuộc Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ, Sài Gòn . . .

Qua chút ít kinh nghiệm, hy vọng người đọc sẽ biết thêm, và thưởng thức được cái thú vị khi uống rượu vang như những bữa cơm tối, những lúc nhâm nhi vài ly, chén tạc chén thù với bạn bè về chuyện đời, hay đối ẩm tình tứ lãng mạn với người yêu hay ngay với bà xã thân yêu của mình, hoặc có đôi lúc độc ẩm, suy ngẫm về chuyện đời.

Từ ngàn xưa các dân tộc, bộ lạc trên khắp thế giới từ man ri mọi rợ cho đến các nước có nền văn minh, tiến bộ hiện đại; mỗi quốc gia hay địa phương đều biết cách chưng cất nấu hay chế tạo những loại rượu khác nhau như nào rượu đế, nếp than, rượu bia, "whisky", "cognac", rượu cần, Tecquilla, . . . Rượu là thức uống không thể thiếu trong các bữa tiệc, đám cưới, hỏi, giỗ, Tết. Rượu cũng dùng để tiêu sầu, lúc thanh nhàn, tao nhã của tiên ông khi đánh cờ . . .

Riêng rượu Vang đã du nhập vào nước ta trong thời kỳ Pháp thuộc vào cuối thế kỷ thứ 18; lúc bấy giờ mấy ai có "Cognac" hay rượu vang để uống; chỉ riêng những nhà quý phái Đế Vương, Vua, Chúa, Quan quyền mới có rượu này để uống. Ông, bà, cha mẹ, chú, bác, chúng ta rất ít người được uống rượu "vang" dịch từ chữ "vins" của Pháp), chỉ được nghe nói thì nhiều? Qua đầu thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, rượu "chát" đã du nhập vào nước ta từ các nước Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha, nhưng chỉ có quan lại, hay người giàu có dịp nhấm nháp, uống chút rượu "vang".

■ Tiến Trình:

Hiện nay ở hải ngoại, nhất là Mỹ và các nước tự do, các bạn tha hồ buôn bán, hay uống rượu vang bao nhiêu cũng được, đủ loại, đủ giá, thượng vàng, hạ cám không kể đếm hết được. Chính tôi đôi khi vào tiệm rượu "vang" còn phải phân vân, chọn lựa không biết mua chai nào, vì rượu "chát" như rừng vậy, thêm nữa còn phải tùy vào túi tiền nữa!

Thủy tổ rượu Vang từ Pháp sau lan qua các nước láng giềng như Đức, Tây Ban Nha, Ý, Marốc, Lỗ-ma-ni .. . . sau đó qua Argentina, Chile, Úc, Tân Tây Lan và lan tràn vào Mỹ vùng Somona (CA), Washington, Idaho, Carolina . . .

■ Phân Loại: Trước đây rượu vang được làm bằng nho đỏ, nho xanh hay nho đỏ đậm đen, nên ta có ba màu rượu vang đỏ, hồng và trắng .

Bây giờ người ta còn biến chế làm rượu Vang từ nhiều loại trái cây khác nhau như cherry, dâu rừng . . .

Rượu ngon tùy thuộc vào cách cất rượu và thời gian lưu trữ (thí dụ sau khi cất xong bỏ rượu vào thùng gỗ Oak cất xuống hầm từ 6 tháng đến 1 năm rồi mới vào chai) hơn thế nữa nhà làm rượu phải chọn giống nho và nho phải trồng ở vùng ôn đới mát mà phải nhiều nắng, thí dụ "Côte-du-Rhône" ở Pháp, Samona ở California hoặc vùng Victoria miền đông Australia; ngoài ra nho được hái lúc vừa chín tới chứ không xanh mà cũng không quá chín.

Rượu vang cho tới nay cũng chỉ có ba màu chính, nhưng các nhà sản xuất rượu nho đã chế biến bằng nhiều phương pháp và đã bỏ bao nhiêu công sức điều nghiên ra hàng chục loại, vị, để chúng ta có dịp hưởng dụng, thưởng thức bây giờ. Ví dụ: Carbinet de Sauvignon, Merlot, Chardoney, Prignot noir, Chanti, Boujolais và Shiraz . . . Có khi rượu được pha trộn Carbenet (61% hay 70%), Shiraz 15%, Merlot 15%, lý do là để dung hòa độ chua, chát và hương vị của rượu.

Vừa rồi quý vị vừa nhận định qua về rượu Vang một phần, nhưng vấn đề chính là thưởng thức rượu. Để quý vị dễ dàng mường tượng và cảm thấy thú vị hơn, vào một chiều thứ Sáu đẹp trời, không khí mát mẻ, vui vẻ, bà xã bạn mua vài "pounds" thịt bò ngon như "New York" Steak hay "Rib Eye" hay sang hơn "Filet-de-Mignon" còn gọi là "bò thăn", xà lách trộn, vài ổ bánh mì con cóc, sửa soạn một bữa cơm Tây buổi tối thật ngon; bà xã bạn cũng không quên mang cho bạn một chai beer "Heineken" chẳng hạn, nhưng thật đáng tiếc, bò nướng thật nóng và thơm ngon trên đĩa với hành tỏi nướng thơm phức mà không có một chai rượu chát đỏ (thí dụ chai chát đỏ "Boujolais" năm 1988) thì thật là tiếc ơi là tiếc và phí cuộc đời lắm các bạn ạ! Các bạn cứ thử đi, chàng một ly, nàng nửa ly uống tà tà cho tới khuya, rồi đi ngủ thì thú vị và yêu đời lắm!

Thông thường người Âu châu dùng rượu chát đỏ với các

loại thịt như Bò, Cừu, Heo, Nai, Chim, Gà . . . nhưng khi ăn nhậu đồ biển như cua, cá, lươn, ngêu, so, ốc, hến hay "Lobster" chiên bơ lại uống rượu vang trắng thì số "dzách" và đúng "mode" lắm. Còn vang hồng thì uống chơi chơi với "phó mát" , Spagetti, hay gỏi cuốn, gỏi đu đủ thì thật tuyệt.

Nói về tìm tòi để biết thế nào là một chai rượu chát ngon, quả thật là một chuyện khó khăn, vì mỗi người ăn uống cái khẩu vị đều khác nhau. Nhưng chúng ta tạm phân tích các điểm chính như sau:

■ Màu sắc: Rượu "Vang" đỏ thì màu đỏ phải tươi sáng, trong, màu đỏ "Bordeaux" pha màu tía, tim tím, lẽ dĩ nhiên muốn biết màu sắc xinh xắn và hấp dẫn của rượu chát đỏ, bạn phải rót từ chai qua một ly thủy tinh trong vắt mới ngắm được màu sắc. Nếu bạn có bộ ly uống Vang hơi bầu thon, có chân cao độ 1 "inch" thì số dzách. Rượu càng lâu, càng ngon nhưng khi trở màu hơi nâu đỏ hay vẩn dơ ở nút chai thì từ màu sắc hương vị nồng thơm sẽ không còn và trở thành rượu dở.

■ Hương vị: Khi khui ,mở chai rượu nếu bạn tinh ý thì sẽ thấy mùi thơm thoang thoảng bốc vào khứu giác đó là loại rượu ngon. Đôi khi hương nồng thơm của rượu (những chai rượu hơi mắc từ $20 đến $40) mùi nồng thơm sẽ bốc len lọt vào mũi bạn ngay. Nếu không cứ rót ra khoảng 2/3 ly chậm rãi đợi một vài phút cho rượu man mác lạnh và bắt theo nhiệt độ bên ngoài thì bạn hãy nâng ly ngửi và chậm rãi uống sẽ cảm thấy cùng phán đoán rượu thơm ngon hay không!!!

Rượu ngon: hương phải thơm nồng, vị chát nhưng chát nhiều hay ít, nói đến rượu chát thì phải chát rồi, nhưng chát ở cường độ nào là nhất? Chát nhiều, khá chát, hơi chát. Theo người viết rượu chát kha khá là ngon và đừng quá khô làm sạch miệng ngay (sẽ tốn mồi) và khi uống qua

"Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua, không phải không tiền không mua"

Lâu lâu có bổng lộc ngon lành như tiền thuế về thì cũng nên thưởng thức mua vài chai rượu ngon để đãi bạn bè.

Cuối cùng dựa theo thống kê của tờ báo "Wine Spectator" cho năm 2000; đánh giá và xếp hạng những chai rượuVang ngon, so phẩm lượng và giá trị như sau:

Đứng đầu chai "Chateau neuf-du-Page" năm 1999 vùng "Côte-du-Rhône" của Pháp được coi là "tuyệt" mà giá chỉ 30 đô.

Thứ hai, chai "Chateaux de St. Jean" năm 1999 (Cabernet Sauvignon) ở Somona (bắc Cali) nhưng giá 70 đô (giá gấp đôi chai trước).

Thứ ba, chai Castello Banfi năm 1997 của Ý Đại Lợi, giá 50 đô.

Chai thứ tư, Pine Ridge, năm 1999 (bắc Cali) giá 60...

Chai thứ năm, . . . chai thứ sáu. . .v.v

Chai thứ chín lại từ "Chateau neuf-du-Page". Chai La Nerth năm 2000 giá 38.

Cuối cùng thứ 10, chai Saint Julien sản xuất tại tỉnh Bordeaux mắc tiền nhất 82 đô.

Thưa các bạn, đánh giá rượuVang ngon hay không cũng tùy thuộc vào "taste" của mỗi người. môi trường, và túi tiền của các bạn.

thơ

NHỚ EM

Có phải hôm nay trời thu lành lạnh
Ngồi nhớ em, nghe thoáng nổi cô đơn
Anh đã biết, gặp em, đời sẽ khác
Nên sáng nay thơ thẩn chẳng làm gì
Có ai hiểu được, yêu là thương nhớ
Mà từng giây, từng phút ngóng đợi chờ
Để được nhìn gương mặt đầy thương mến
Và gọi tên yêu dấu hơ?i em ơi
Em có biết khi đêm về thao thức
Nhớ làm sao buổi trưa mình hẹn hò
Ngày thật vui bao nổi niềm vui sướng
Sao chóng qua rồi ta lại chia tay
Anh nhớ mới đêm nào nơi tiệc cưới
Ngồi kế em anh mơ tươ?ng ngày mai
Hai chúng mình sẽ có ngày như thế
Chẳng biết em có nghĩ vậy hay không?
Anh ngồi đây nhung nhớ nên nghĩ quẩn
Quá vội vàng anh sợ em giận anh
Nhưng thật sự là con tim nghĩ vậy
Nói làm sao hết được nỗi lòng này
Đối với anh em như vì sao sáng
Chiếu trong tim ngời sáng một tình yêu
Thật cám ơn em, đời là hạnh phúc
Cho anh xin gửi tặng một đoá hồng.

Nguyễn Văn Thái

TRÊN ĐỈNH HẢI VÂN

TRỊNH HẢO TÂM

Huế vào tới Đà Nẵng là 108 cây số nhưng đoạn đèo Hải Vân đã chiếm gần 20 cây số với 60 khúc cong chữ chi khúc khuỷu, là đèo cao và dài nhất của Việt Nam. Từ Bắc vào Nam phải đi ngang qua Đèo Hải Vân chứ không còn lựa chọn nào khác vì nơi này một phần núi trong dãy Trường Sơn lại đâm ngang ra biển, chận ngang quốc lộ 1 trong đó nơi cao nhất là ngọn Hải Vân cao 1,172 mét. Đường xe lửa cũng vậy, nhưng đường sắt có tuyến đi riêng. Vì xe lửa không chạy qua được những khúc quanh cùi chõ, nên người Pháp khi làm đường sắt qua Đèo Hải Vân phải đục 7 hầm trong núi dài tổng cộng 3920 mét, trong đó có hai hầm dài nhất là Hầm Sen dài 561 mét và Hầm Chuối.

Năm 1959 sau khi đậu tiểu học, cha tôi có dẫn đi Huế và từ Huế cũng đi xe vào Đà Nẵng và qua Đèo Hải Vân. Bốn mươi năm về trước đường đèo rất hẹp, chỉ vừa đủ để hai xe ngược chiều tránh nhau. Ngày nay trở lại, đường đèo khá rộng, có lẽ phần lớn là do Mỹ làm trong những năm chiến tranh. Những khúc quanh cùi chõ được nới rộng ra để những xe hỏng máy có thể nằm chờ. Chúng tôi đã thấy ba người đang hì hục thay hẫn một cái máy lớn cho một xe vận tải ngay trên đèo! Xe buýt hiệu Huyndai chở đoàn chúng tôi khá lớn đến 50 chỗ ngồi. Tài xế lái qua những khúc quanh rất khéo léo, anh ta bóp còi xong đưa đầu xe lấn qua bên trái thì mới quẹo được vì thân xe rất dài. Gần Tết, trên đèo xe xuôi ngược rất đông nhất là xe vận tải. Trời lất phất mưa, các xe nối đuôi nhau mà nhau mà chạy. Ở các thành phố họ chạy ẩu nhưng trên đèo họ cẩn thận hơn và vui vẻ nhường nhau. Trận lụt vừa qua, nước lũ trên núi đổ xuống đã cuốn trôi xuống vực sâu nhiều đoạn đường. Nhiều nơi người ta phá núi bên cao lấy đá và lấp lại bên thấp. Có những nơi quá sâu không có gì lấp được thì ngành kiều lộ bắt cầu sắt nối hai bên bờ. Lúc còn ở Mỹ sau trận lụt nhìn bức ảnh nhịp cầu bắt qua do phóng viên trẻ Tina Trần của hãng tin AP chụp. Tôi nghĩ rằng nếu có tới đây chắc phải xuống xe đi bộ qua cầu cho chắc ăn. Nhưng hôm tới đây không thấy ai xuống xe hết mà các tài xế cũng không nao núng sợ sệt chút nào. Họ nối đuôi nhau hăm hở qua cầu mà không sợ cầu sập vì sức nặng của nhiều xe qua cùng một lúc. Cũng không thấy một nhân viên nào kiểm soát việc lưu thông tại đây. Khi ngồi trên xe qua cầu tôi quan sát thấy cầu làm bằng những thanh sắt Eiffel to và chắc chắn, bên dưới có những trụ sắt chống đỡ từ hố sâu đưa lên.

Công việc sửa đường đèo vẫn còn tiếp tục làm. Nhân công che những lều tôn dọc theo bên đường để ăn ngủ qua đêm. Nơi đây không thấy có nhà cửa quán xá gì cả, có chăng là phía dưới chân đèo mới vừa đi qua. Dưới chân đèo phía Bắc, thấy rất nhiều vòi nước phun thẳng lên trời, không biết để làm gì? Anh chàng Hinh cho biết rằng du khách Nhật Bản qua ngang đây thấy vậy cũng lấy làm thắc mắc hỏi sao dân tại đây phung phí nước như vậy? Thật ra đó là nước lấy

từ suối trên núi. Đầu kia của ống nước cao su đặt nơi một con suối ở trên cao. Theo nguyên tắc bình thông nhau, nước chảy từ chỗ cao xuống chỗ thấp, dưới này nước có áp suất cao hơn phía trên nên phun thẳng lên trời. Những ống nước đó cũng có chủ, những xe đò nào muốn đổ nước vào thùng nước đặt trên mui xe để làm nguội máy, sẽ có người đứng gần đâu đó làm cho và thâu tiền.

Qua vài ba chục khúc quanh và hai cây cầu, xe chúng tôi đã tới đỉnh đèo. Nơi đây có cao độ là 496 mét trên mực nước biển phía dưới. Tại đây có bãi đậu xe rất rộng, vài hàng quán và một nhà bưu điện có lầu. Đồn lính thú từ thời nhà Nguyễn và sau này Pháp cất thêm vẫn còn đó, bỏ hoang đen đúa rêu phong với những lô-cốt có những lỗ châu mai. Xe dừng lại trên đỉnh đèo và chúng tôi lục tục xuống xe đi bộ xả hơi. Trước đây đọc báo, phóng sự mô tả dân buôn bán, nơi đây rất dữ dằn nếu mình không để cho họ làm tiền, nên tôi rất thận trọng. Vài em đến mời mua kẹo bánh, tôi lạnh lùng bỏ đi ra phía xa chụp vài tấm hình. Các em không bán được, buồn bã bỏ đi mà không nói tiếng nào. Bây giờ ngồi đây viết lại tôi thấy lòng ân hận tại sao mình không mua giúp các em thỏi kẹo cao-su, một chai nước suối? Một vài đồng bên này chẳng có là bao nhưng bên kia là cả những ngày cơm no lòng!

Chụp hình vài cảnh trên đỉnh đèo xong thấy phía trước nhà bưu điện vài bạn trẻ trong đoàn chúng tôi đang vây quanh một người. Tôi tò mò đến tìm hiểu xem chuyện gì? Anh ta giới thiệu mình là một nhà thơ, lên đây che chòi sống tạm qua ngày. Anh vào nhà lấy ra tặng tôi một bài thơ với tựa đề và nội dung như sau:

NỮ TU-SỸ ƠI!
Kính tặng những Nữ Tu-Sỹ

Nữ Tu-sỹ ơi! Xin đừng vội đi nhé
Cho tôi nhìn, tôi ngắm đức thanh tao.
Xin kính yêu ngàn lần người có ước mơ cao
Có đôi mắt như ngôi sao trên trời ấy
Có nụ cười chẳng nghĩ gì mua bán đổi trao
Sống hướng đạo và hy sinh với đạo
Nữ tu-sỹ ơi!
Tôi là kẻ khạo khờ nhiều lầm lỡ
Chỉ biết yên thân, tôn trọng lắm chức quyền
Gặp nhiều sự đời ngang trái, kiếp đời dơ
Mong làm được thơ hay chẳng bán bằng tiền bạc
Cho tôi hỏi: Đâu là nơi an lạc ?
Đạo nào dạy người phải biết sửa bản thân
Cho xã hội nhiều tình yêu trong sạch
Tôi muốn làm cậu bé được mang sách
Theo nữ tu đi từng bước tới giáo đường.

Đỉnh Đèo Hải Vân,
ngày 2-10-1999
Thi-Sỹ Lại Thanh Hà

Tôi xem sơ qua bài thơ và nói với anh rằng tôi gởi đăng bài thơ anh lên báo ở hải ngoại. Anh ta nói: "Rất hân hạnh!"

Xe chúng tôi xuống đèo, từ 500 thước cao xuống tới đồng bằng trong đoạn đường gần 10 cây số. Từ trên cao có thể nhìn thấy con đường ngoằn ngèo như rắn lượn phía dưới với những xe cộ đang bò chầm chậm. Dọc con đường là những cột điện cao thế bằng sắt, có lẽ đưa điện tư nhà máy thủy điện Hòa Bình ở ngoài Bắc vào Nam. Dọc phía Nam đèo Hải Vân tương đối thoai thoải và rừng cây thấp hơn. Ít cây cổ thụ mà thay vào đó nhiều lau sậy và ít đi những thác nước đổ xuống đường, có lẽ vì mưa ít hơn. Mưa đã thôi rơi và chúng tôi có thể nhìn thấy ánh mặt trời ở hướng Tây sau cụm mây xám. Đèo Hải Vân đã chia khí hậu hai miền hoàn toàn khác biệt: phía Bắc đèo, Thừa Thiên vẫn còn mưa rơi nhưng bên này đèo về phía Đà Nẵng trời có thể nắng ráo. Đèo Hải Vân cũng chia giọng nói hai miền: Thừa Thiên nói giọng Huế trầm ấm nhẹ nhàng trong khi Đà Nẵng cùng với Quảng Nam, Quảng Ngãi, giọng nói cứng hơn và gần giống miền Nam.

Đèo Hải Vân đã có từ thời nhà Lê và vua Lê Thánh Tôn, khi xa giá ngang qua đây thấy cảnh nước non hùng vĩ đã phong tặng là "Thiên Hạ Đệ Nhất Hùng Quan". Đến đời nhà Nguyễn, vua Minh Mạng cho đúc 9 đỉnh đồng để trước Hiền-Lâm-Các trong đại nội Huế, để ghi khắc hình ảnh giang sơn gấm vóc và thống nhất từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Trên một đỉnh có đúc hình cảnh Đèo Hải Vân mà ngày nay chúng ta vẫn còn nhìn thấy. Vào thuở ấy đường đèo chỉ là một con đường đất, hai bên hãy còn hoang vu nhiều chim muốn cầm thú:

Chiều chiều gió thổi Ải Vân

Chim kêu ghềnh đá, ngẫm thân em buồn!
Và
Chiều hôm dắt mẹ qua đèo
Chim kêu bên nớ, vượn trèo bên ni!

Chúng tôi vẫn tiếp tục đổ đèo, xe không cần đạp ga nữa mà lại đạp thắng mặc dù tài xế đã trả về số hai để kềm xe lại. Di chuyển trên đèo, xe nào cũng phải bật đèn và đến những húc quanh luôn bóp còi lên tiếng cho xe ngược chiều biết. Lái xe ở Việt Nam luôn phải bóp còi, trong khi bên Mỹ còi xe rất ít khi dùng tới, nếu có dùng là trường hợp "cự nự", nên nhiều khi không biết nó nằm ở đâu trên tay lái? Nhớ lại hồi mới qua Mỹ đi thi lái xe. Trước khi cho xe chạy, giám khảo bảo tôi bóp còi. Tôi không biết nó nằm ở đâu nên bấm đại một nút trên cần tay lái. Nước rửa kính xe xịt lên và cây quạt nước, quạt lia lịa! Giám khảo im lặng ...thở dài, ghi ghi vào phiếu điểm!

Xe vẫn tiếp tục đổ dốc quanh co, bên mặt là núi và trái là vực sâu ăn liền ra biển. Nhìn về phương Nam sau đám mây xám, ánh tà dương đã ló dạng, chiếu những tia sáng vàng lên trên mặt biển phẳng lì của Vịnh Đà Nẵng. Ngọn Sơn Trà đã hiện ra trước mặt và ló dạng những xóm nhà ở phía xa. Chúng tôi xuống tới đồng bằng và đi ngang qua những đầm nước mênh mông. Phía chân trời một đàn cò trắng lơ đãng cùng nhau bay về một phương trời vô định nào đó?

THĂM LẠI ĐÀ NẴNG

Đổ dốc Đèo Hải Vân, xe chúng tôi không mấy chốc đi vào ngoại ô thành phố Đà Nẵng. Bên kia đèo, Thừa Thiên trong cơn mưa buồn rã rít. Bên này đèo Quảng Nam trong nắng ấm chan hòa. Cách nhau một dãy núi nhưng thay đổi cả bầu trời. Quốc lộ số 1 đi vào Đà Nẵng, nhà cửa hai bên gạch ngói ngổn ngang và người ta đang lo xây cất lại. Tôi hỏi hướng dẫn viên Hinh: "Vùng này bị lụt hay sao mà nhà cửa hư hại như vậy?" Hinh trả lời: "Đất vùng Đà Nẵng cao nên không bị lụt, những nhà đang xây lại là vì con lộ mở rộng ra nên họ phải dời vào bên trong." Những ngôi nhà hay dãy phố mới cất lại thường làm đẹp hơn cái cũ. Họ cất lầu và làm mặt tiền, bảng hiệu trông rất khang trang, đẹp mắt. Nhưng trước nhà vẫn còn ngổn ngang xà bần, gạch ngói cũ và con đường chưa mở rộng nên còn những vũng nước lầy lội vì mưa ngày hôm qua.

Đây là lần thứ ba tôi đến Đà Nẵng. Lần đầu vào mùa hè năm 1959, cha tôi dẫn đi du ngoạn, sau khi tôi đậu bằng tiểu học. Hồi đó cũng đi bằng một "tour" du lịch do Air Vietnam tổ chức. "Tour" hôm ấy chỉ có 2 người là cha con chúng tôi mà thôi. Hãng Air Vietnam gởi thơ cho cha tôi nói rằng đình lại, đi chuyến sau mới có đủ số người tối thiểu. Nhưng cha tôi trả lời là ngày ấy bận đám giỗ ông nội tôi. Người Việt Nam mình làm việc rất là uyển chuyển, thế là họ cũng đồng ý tổ chức chuyến đi chỉ có hai người. Chúng tôi từ Sài-gòn ra Huế bằng máy bay DC-3 có hai chong chóng chở được 32 hành khách. Đêm trước đó không ngủ được vì nao nức được ngồi máy bay lần đầu. Đoàn du lịch chỉ có hai người nhưng có tới hai hướng dẫn viên ra đón ở phi trường Phú Bài. Viếng Huế 2 ngày rồi đi xe nhỏ hiệu Peugoet 203 qua đèo Hải Vân vô Đà Nẵng.

Lần thứ nhì tôi tới Đà Nẵng là vào tháng 10-1973 trong đoàn kiểm kê và cứu trợ nạn nhân chiến cuộc miền Trung kỳ đó tôi ở Đà Nẵng hết 3 tuần. Lúc đó tôi đang làm ở Bộ Công Chánh thì phát động cuộc "Cách Mạng Hành Chánh" đưa công chức về nông thôn và tôi được "chiếu cố" có tên trong danh sách. Thời gian đó tình hình chiến sự rất căng thẳng, đường ra Huế có khi bị đứt ở Đèo Hải Vân. Muốn thăm lại Huế và Ngũ Hành Sơn nhưng đi không được và tôi đã viếng Hội An bằng xe Honda ôm. Lúc đó đoàn tôi trú ngụ trong nhà thương Pháp bỏ trống ở cuối đường Độc Lập và ngủ trên những giường sắt của bệnh nhân với những tấm nệm có cái còn loang lỗ vết máu! Những buổi chiều rangh rỗi tôi thường thả bộ trên đường Độc Lập (bây giờ đổi thành Trần Phú) là đường thương mại huyết mạch của Đà Nẵng rồi ra bờ sông Hàn nhìn trời mây non nước. Những ngày cuối tuần chán cơm nhà thầu thì đi ăn bún bò Huế của một bà quãy gánh ngồi bên hông Bưu Điện. Có những ngày đẹp trời thì ghé nhà hàng cơm Tây Thời Đại. Thành phố lúc đó ban đêm rất buồn, hàng quán đều dẹp sớm, thỉnh thoảng chỉ nghe tiếng rao của thằng bé quảy bao vải bán bánh mì nóng mà thôi. Trước

ngày trở về Sài-gòn, Quốc Vụ Khanh PQĐ ra "tuyên dương công trạng" vì đã kiểm kê loại bỏ đi được mấy ngàn nạn nhân chiến cuộc "ma" và đãi cả đoàn ăn trên nhà hàng nổi ở bờ sông Hàn. Tối hôm ấy được xem văn nghệ do các em trường Trung Học Phan Chu Trinh trình diễn. Các em trình diễn rất đặc sắc những bài ca, điệu vũ đề cao quê hương, dân tộc. Sau này trên bước đường lưu lạc đã không tìm lại được không khí đêm văn nghệ hồn nhiên, trong sáng như vậy.

Hai mươi bảy năm sau trở lại Đà Nẵng, đường xá rộng rãi và xe cộ đông hơn. Nhà cửa mới xây khá nhiều nhất là những khách sạn sang trọng 6, 7 tầng đầy đủ tủ lạnh, truyền hình, điện thoại trong khi ngày trước là những phòng ngủ tỉnh lẻ nệm giường vàng cáu, bốc mùi ẩm ướt. Hiện nay thành phố có hơn 40 khách sạn đó có một phần ba có tiêu chuẩn quốc tế như các khách sạn nằm dọc theo bờ sông Hàn kể từ hướng Nam lên Bắc là các khách sạn Hải Âu, Bạch Đằng, Sông Hàn, Hòa Bình. Phía trong thành phố là các khách sạn Green Bamboo, Pacific, Phương Đông, Điện Lực, Marco Polo. Những khách sạn vừa kể có giá phòng từ 30 đô la trở lên. Những khách sạn dưới giá đó là Hữu Nghị (68 phòng), Đà Nẵng (103 phòng), Marble Mountain nằm cuối thành phố phía Bắc và trong thành phố là Hải Vân, Thủ Đô, Thanh Thanh, Yến Minh, Yến Thanh, Vinapha và Điện Biên. Những khách sạn vừa kể giá phòng từ 5 cho đến 20 đô-la tùy theo tiện nghi có máy lạnh và nước nóng hay không.

Đoàn du lịch chúng tôi, quân số ngày càng rơi rớt, bây giờ chỉ còn lại 20 người trong khi lúc khởi hành qua tới Bangkok là 36 người. Một số chỉ đi Thái Lan rồi trở về Mỹ hoặc về thẳng Sàigòn, một số "đào ngũ" về với thân nhân ở Hà nội và Huế. Chúng tôi ngụ tại khách sạn Green Bamboo, đây là một khách sạn thuộc loại sang trọng mới vừa khánh thành năm rồi. Khách sạn tọa lạc trên đường Phan Chu Trinh gồm có 6 tầng lầu với 42 phòng. Vừa xuống xe là mấy anh xích lô chờ trước khách sạn mời lên xe để đi dạo phố. Anh ta hỏi tôi ở đâu đến vì mới thấy chúng tôi anh ta tưởng là khách du lịch Đài Loan nhưng sau đó nghe nói tiếng Việt. Anh ta hơi ngạc nhiên vì chưa bao giờ thấy Việt kiều đi một đoàn như vậy. Anh than vãn: "Ông thầy ở Mỹ chắc sung sướng lắm? Tụi em cựu quân nhân ở lại triền miên đói khổ không biết làm gì ăn!" Tôi cười: "Thấy dzậy mà không phải dzậy!"

Lấy phòng và tắm rửa xong xuôi, tôi xuống quày tiếp tân ngồi trước máy vi tính để liên lạc với gia đình ở California. Lần liên lạc e-mail trước là ở Bãi Chấy, Vịnh Hạ Long hôm 26-1 trong khi hôm nay đã là 31-1-2000. Liên lạc bằng e-mail ít tốn kém vì chỉ trả tiền mướn máy ngay tại đây thôi, khỏi sợ hãng điện thoại tính tiền ẩu sau này. Thêm vào đó mình không cần thân nhân phải có mặt ở máy bên kia. Lúc nào rãnh thì mở máy lên đọc và đánh thư đi.

HỚT TÓC THANH NỮ

Sáu giờ chiều, ông trưởng đoàn dẫn tất cả mọi người đi... hớt tóc. Trên một con phố gần khách sạn có rất nhiều tiệm hớt tóc. Mỗi tiệm đèn đuốc sáng choang với hơn 10 ghế và thợ toàn là các cô thanh nữ trẻ tuổi. Chúng tôi phải vào hai tiệm cạnh nhau và cùng một chủ mới đủ chỗ ngồi. Người thì hớt tóc, gội đầu, cạo râu, ráy tai, đấm bóp. Cô thợ thoa lên mặt tôi một lớp kem mát lạnh. Vài phút sau kem khô đi, tôi sờ thử thì nó dầy cợm như da trâu. Nói chuyện giọng ngọng đi vì môi không cử động mềm mại được. Một lúc sau, khi lột lớp khô này đi thì da mặt mịn màng vì nó kéo theo những sợ lông con, những vảy da khô, những bụi bặm bám trong lỗ chân lông. Sau đó được thoa lên bằng kem dưỡng da mùi dưa leo sản xuất trong nước. Kế đến cô ta lấy một dụng cụ như một con dao cạo, cạo bên trong mí mắt gây

PHI TRƯỜNG ĐÀ NẴNG 1970

một cảm giác vừa xốn xang vừa nhột nhạt. Nước mắt ràn rụa thì chậm bằng giấy napkin. Xong thì làm móng tay và móng chân, ngâm trong thau nước nóng rồi cắt, dũa, cạo lớp trắng ở khóe móng. Thời gian "làm đẹp" độ một tiếng rưỡi, người có cảm giác khỏe khoắn và thoải mái, giá cả, thì chỉ trả không tới 5 đô-la. Các cô thanh nữ hớt tóc tại đây thường thì từ trong vùng quê Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ra. Các cô cho biết ở quê nhà không biết làm gì ăn. Ruộng lúa thì đất đai cằn cỗi, thiên tai, hạn hán, lụt lội không đủ sống. Ra đây làm nghề hớt tóc dành dụm gởi về nuôi cha mẹ và các em. Tôi hỏi Tết có về quê hay không? Cô ta cho biết chắc không về vì xe cộ ngày Tết rất khó khăn đắt đỏ, ở lại làm trong dịp Tết thì kiếm khá hơn ngày thường. Sau đó ra Giêng mới về thăm nhà.

Rời tiệm tóc chúng tôi tới tiệm ăn cách đó chừng một vuông đường. Đây là một nhà hàng Tàu nhưng rất đặc biệt, đặc biệt từ cách thiết kế, trang hoàng cho đến thức ăn. Nhà hàng rộng khoảng hai căn phố và có treo hai lồng đèn vải trông giống như những quán cao lầu ngày xưa trong phim Tàu. Qua cánh cửa kính dầy, bên trong thiết kế như quán ăn bên Trung Hoa thời xưa. Giữa là cầu thang lớn bằng gỗ dẫn lên lầu. Hai bên là những cột gỗ sơn đen có treo những câu đối chữ Tàu, phía trên trần treo lung lẳng những lồng đèn tròn. Bàn ghế cũng bằng gỗ đen được trải khăn bàn màu đỏ. Chén dĩa bằng sứ màu xanh lá mạ pha xám, đũa gỗ mun đen. Các cô tiếp viên cũng mặc y phục Tàu. Lúc nào cũng đứng hầu phía sau để xem thực khách có cần điều chi hay không. Các món ăn Tàu cũng thịt heo, cá, tôm, đậu hủ nhưng cách nấu nướng rất lạ miệng và cách bày trí món ăn cũng lạ khiến tôi không biết là món gì. Đây là một nhà hàng rất đặc biệt gây cho tôi ấn tượng đẹp với Đà Nẵng. Nhưng tiếc một một điều là đêm đó có lẽ vì ngà ngà chai bia Đà Nẵng mà tôi quên mất việc lấy danh thiếp thương mại của tiệm ăn đó. Nhưng nếu các bạn có đến Đà Nẵng cứ nói khu hớt tóc và tiệm ăn Tàu gần đó là các bác tài taxi, xích lô biết ngay. Có đi xích lô ở Đà Nẵng và Huế, các du khách nên trả giá trước để tránh đi xong họ nói giá trên trời dưới đất có khi cả chục đô-la. Qua các tài liệu, tạp chí du lịch tôi đọc được, du khách ngoại quốc rất thích viếng thăm Đà Nẵng nhất là những cựu chiến binh Mỹ, từng một thời đóng quân tại Đà Nẵng. Nhưng họ rất than phiền về tệ nạn làm tiền từ xe cộ, ăn uống cho tới khách sạn tại Đà Nẵng. Thay vì trú ngụ ở Đà Nẵng để viếng Hội An thì bây giờ họ thích trú ngụ ở Hội An mà viếng thăm Đà Nẵng.

■

LỊCH SỬ VÀ TIỀM NĂNG KINH TẾ

Ngược dòng thời gian, đất Đà Nẵng cũng như Thừa Thiên ngày xưa thuở trước Chiêm Thành (Chàm) nằm trong Ô Lý mà vua Chế Mân dâng lên vua Trần Anh Tôn năm 1306 làm sính lễ để cưới em gái vua là Công Chúa Huyền Trân. Theo Cụ Hương Giang Thái Văn Kiểm, Đà Nẵng ngày xưa mang tên là Thạc Gián nhưng có người đọc nhầm là Tu Gián vì hai chữ Thạc và Tu trong chữ Hán viết gần giống nhau. Người Pháp viết qua tiếng Pháp thành Tourane, đó là tên của thành phố Đà Nẵng thời Pháp thuộc. Còn địa danh Đà Nẵng bắt đầu chữ Đà, một thổ âm có nghĩa là sông, suối.

Vịnh Đà Nẵng với địa lý thiên nhiên là một eo biển nằm khuất giữa dãy núi Hải Vân và Sơn Trà nên rất lặng sóng, là nơi trốn bão của các thương thuyền vượt đại dương ngày xưa. Sông Hàn là bến cảng của Đà Nẵng lại rất sâu, dễ dàng cho tàu thuyền cặp bến để bốc giở hàng hóa. Vì vị trí hàng hải thuận tiện như vậy nên Đà Nẵng đã bị quân Pháp tấn công năm 1858 để buộc vua Tự Đức phải ký hòa ước năm 1862 nhường ba tỉnh Nam Kỳ cho Pháp. Khi đưa quân sang để leo thang chiến tranh tại Việt Nam, Mỹ cũng đổ bộ tại China Beach gần Ngũ Hành Sơn ngày 8-3-1965 lập nên căn cứ quân sự Mỹ lớn nhất vùng Đông Nam Á thời đó. Ngày trước Mỹ tuyên bố: "Việt Nam là tiền đồn của Mỹ" để đưa quân vào. Ngày nay "Biến chiến trường thành thương trường", Mỹ lại đem trang thiết bị đổ bộ lên China Beach để cất 4 khách sạn tổng cộng 1,200 phòng trong một dự án 250 triệu đô-la, dường như có tên là Non Nước Resort Hotel.

Đà Nẵng hiện nay là thành phố lớn thứ ba của Việt Nam với dân số độ 800,000. Phi trường quân sự ngày trước đã được nâng lên thành phi trường quốc tế nối liền với Bangkok bằng những chuyến bay của hãng Thai Airways. Đà Nẵng cũng là hải cảng để nước Lào nhập và xuất cảng hàng hóa của họ ra thế giới bên ngoài vì Lào nằm sâu trong đất liền không có bờ biển. Hàng hóa được chuyên chở từ Đà Nẵng ra Đông Hà rồi dùng quốc lộ số 9 để đi đến tỉnh Sepone của Lào. Trong tương lai một xa lộ sẽ nối Sepone với Savannakhet, một tỉnh lớn của Lào nằm bên dòng sông Mekong, cạnh biên giới Thái Lan. Lúc đó từ Bangkok người ta có thể dùng đường bộ để tới Huế và Đà Nẵng.

■ *Sự khôn ngoan chỉ tìm thấy ở trong sự chân thật.*

GREYHOUND PHIẾM LUẬN

U TÀ

Greyhound là một trong hàng trăm giống Chó (xem National Geographic số tháng 1/2002) có mặt trên quả đất này và chung sống hòa bình với loài người. Loài Greyhound có hai cái tướng mà các cụ rất thích, một trong hai tướng đó là: Trường túc bất tri lao. Chó Greyhound chân rất dài nên chạy không biết mệt nên chi ông chủ tịch hội đồng quản trị công ty Greyhound mới chọn loài chó này làm biểu tượng cho công ty i.e. Đi khắp nước Mỹ mà không biết mệt. Cái tướng thứ hay là Tế Yêu à, cái tướng này không liên quan đến bài này nên không cần nói ra để tránh khỏi bị chê là "tục". Ở nước Việt Nam ta thì các bợm nhậu lại chỉ coi tướng chó theo truyền thống nhậu mà thôi. Vì rứa chó mới được sắp hạng theo cái ngon của chúng nó. Nhứt Mực, Nhì Vàng, Tam Khoang, Tứ Đốm.

Nói đến đây tôi lại liên tưởng đến Hà Nội khi tôi viếng đất ngàn năm văn vật này. Nói đến Đê Yên Phụ là phải nói đến nơi nhậu thịt chó truyền thống. Vì luật bản quyền không được áp dụng hoặc không có nên chi khi đến đó bạn chỉ thấy toàn là quán thịt Cầy hiệu Anh Tú. Các tiệm mở sau Anh Tú cũng lấy tên Anh Tú nhưng để tỏ ra quán mình khác biệt, sau chữ Anh Tú bạn sẽ thấy thêm chữ Béo, Gầy, Cao v.v. . . . Như vậy ta có Anh Tú Béo, Anh Tú Gầy. Các dân nhậu thịt cầy bảo rằng Thịt Chó thuộc loại dương nóng nên chỉ nên ăn vào các tháng trời lạnh vì vậy các tháng trời se lạnh các tiệm Anh Tú hoạt động rất mạnh. Xe đi ngang đây sẽ bị đám mời đểu chạy ra chận đầu ngay giữa đường! Ơ Sàigòn thì Ngã 3 Ông Tạ có nhiều nhà hàng bán thịt chó. Đặc điểm cũa các nhà hàng này là các chú chó da thui vàng rộm đều được trưng bày với cái đuôi nhọn hoắc chỉa ra ngoài đường. Tôi chưa hề được nghe giải thích tại sao lại có cái hiện tượng này.

Lúc ở Hà Nội tôi có lần đã được mời đi ăn cỗ. Cỗ chỉ có độc nhất thịt cầy mà thôi, cầy 4 hoặc 5 món gì đó! Dồi chó, món khoái khẩu "sống ở đời" của dân nhậu, được cuộn tròn như lò xo quanh một cây tre rồi đem thui lửa rơm. Không biết ngon chỗ nào chứ tôi thấy đã muốn lợm giọng! Ngoài ra lại còn món nhựa mận, thịt xáo (hay cái gì đó) và v.v. Chủ nhà biết tôi không ăn thịt chó nên đã bắt làm thịt một chị gà mái dầu béo ngậy riêng cho bàn tôi ngồi, nhưng tôi không dám đụng đến vì cứ nghĩ là dao thớt đã được dùng để chặt thịt chó thì khi chặt thịt gà thế nào cũng bị dính thịt chó vào!

Ủa, tôi đi hơi quá xa khi bàn luận đến mấy chú cầy! Trở lui lại chó Greyhound và xe bus mang biểu hiệu loại chó này. Slogan của hãng xe bus này là: "let the driving to us". Đúng vậy, nếu bạn đi đâu một mình hoặc hai mình và không bị thời gian chế ngự (những người về hưu như chúng ta thì thời giờ đâu còn bị giới hạn) thì nên thử cho biết. Chỗ ngồi khá rộng rãi, giá tương đối rẻ, senior people lại được trừ 10%, giờ chạy khá đúng và tốc độ xe luôn luôn được giữ ở mức độ vừa phải. Cứ mỗi 2 giờ lại ngừng cho khách xuống đi bộ cho giãn gân cốt và đi vệ sinh cho những chuyến chạy ban ngày (xe bus có câu tiêu trong xe). Các chuyến đi đêm thì khoảng cách ngừng thay đổi nhưng cũng vừa phải để cho khách yên giấc! Không có chuyện hút thuốc trong xe nên không khí dễ thở, máy sưởi, máy lạnh đầy đủ. Tài xế nhã nhặn. Hành khách mặc dầu phần lớn da màu cà phê nhưng rất nhã nhặn. Đi xe đêm có cái thú hoặc cực tùy theo người. Một xe có chừng 40 hành khách thì có đến 38 kiểu và giọng ngáy khác nhau. Ai mà khó ngủ thì kể như thua còn không thì các giọng ngáy vang lên như dế hoặc ễnh ương kêu ngoài đồng cộng với cái lắc lư của xe sẽ mau đưa hồn du khách lên cõi mộng.

TôI đã đi thử mấy chuyến từ Richardson, Texas lên Champaign, Illinois. Khoảng cách trên 900 miles (vào lối 1500 km). Xe đi trong 20 giờ trong đó phải kể luôn thời gian sang xe và đợi chờ. Chuyến Dallas -Houston đi mất 4 giờ kể luôn cả thời gian nghỉ ăn trưa khoảng 30 phút. Thật là tiện lợi và không phải lo lắng. Lẽ tất nhiên khi đi xe bus nên bỏ mặc cảm và đầu óc kỳ thị đen trắng.

Chuyện "tếu" cố đô

TÂM NGUYÊN

Dù đã xa Huế 20 năm và cách Huế nghìn trùng, cứ nghĩ rằng thời gian là liều thuốc tiên kỳ diệu giúp người ta quên mọi chuyện trên đời, nhưng sự thật thì cứ mỗi lần nghĩ tưởng về Huế, lòng sao cứ bồi hồi xen lẫn nhớ thương!

Huế đẹp, Huế thơ như thế đó, nhưng khốn nỗi Huế nghèo quá, lại ở trong một đất nước tả tơi sau nhiều năm ngoại xâm rồi nội chiến, nên không có điều kiện để phát huy hết cái đẹp của mình như các thành phố khác ở các quốc gia giàu mạnh. Có thể ví Huế như cô gái làng quê với vẻ đẹp mặn-mà phong nhụy, sinh trưởng trong gia đình nghèo khó, không chút lượt là son phấn. Ước mong sao một ngày đẹp trời nào đó, cô gái quê lọt vào mắt xanh của vị Thái tử du Xuân thì may ra có thể trở thành Hoàng phi, Hoàng hậu như lịch sử đã từng viết về các trường hợp: Ỷ Lan Quận chúa (cô gái hái dâu), Thứ phi Đặng thị Huệ (cô gái hái chè) hoặc gần đây nhất là bà Từ Cung Đoan Huy Hoàng Thái Hậu, mẹ Vua Bảo Đại - (một cô gái dân dã từ làng quê Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc...)

Ước mong đó một phần nào đã thành hiện thực khi vào tháng 12.1993, sau cuộc họp lần thứ 17 ở Columbia, Ủy Ban Di Sản Thế Giới (World Heritage Committee) thuộc Tổ chức Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã công nhận Huế là 'tài sản văn hóa chung của nhân loại'. Quyết định công nhận của UNESCO có đoạn viết: ...'Quần thể di tích Huế là kinh đô của nước Việt Nam được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Nó kết hợp triết lý đông phương và truyền thống Việt Nam. Được hòa quyện vào môi trường thiên nhiên, vẻ đẹp và sự phong phú đặc biệt của kiến trúc và trang trí ở các tòa nhà là một phản ảnh độc đáo của đế chế Việt Nam ngày xưa vào thời kỳ cực thịnh của nó'..

Vị Cựu Tổng Giám đốc UNESCO là ông A.M' Bow - vốn là nhà thơ - đã phát biểu trong năm 1981 khi viếng thăm Việt Nam rằng: "Huế là một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị " (a masterpiece of urban poetry: theo P.T.A. trong tuyển tập Nhớ Huế, 1995). Với quyết định đó, LHQ sẽ tài trợ cho Việt Nam để tu bổ, tôn tạo thành phố Huế ngày càng đẹp đẽ hơn.

Ca tụng vẻ đẹp Huế thiết nghĩ phải dành cho các tao nhân mặc khách, những nhà văn, nhà thơ tầm cở như thi hào Nguyễn Du, thi bá Tản Đà và các nhà thơ lớn như Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận . . . trước đây đã từng làm.

Kẻ viết bài này lời lẽ thô lậu, chỉ xin kể hầu quí vị một số những chuyện vụn vặt, tạm gọi là 'chuyện tếu' về cố đô để góp thêm chút 'mắm muối' hương vị vào những câu chuyện đã có rất nhiều về cố đô thân thương …

* * *

Nói đến Huế, không thể không nhắc tới núi Ngự và sông Hương, cũng như nói tới Hà Nội, ai cũng nghĩ đến núi Nùng, sông Nhị. Vậy xin bắt đầu với 'chuyện tếu' về … phong thủy cố đô.

■

NÚI NGỰ

Núi Ngự, nói cho đủ là Ngự Bình - cao khoảng 100 mét kể từ mặt biển - được xem là 'bình phong' ngăn chặn những ảnh hưởng xấu đến với hoàng thành, với nhà Vua, gây bất lợi cho triều đại nhà Nguyễn của Vua Gia Long và hậu duệ của Ngài.

Năm 1802, sau khi dứt nhà Tây Sơn, bình định giang sơn từ Nam chí Bắc sau gần 250 năm chia ly và nội chiến (tính từ 1558 là năm Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa), Vua Gia Long - Nguyễn Phúc Ánh (gốc Gia Miêu ngoại trang, huyện Quí Hương, Thanh Hóa) đã chọn Huế làm kinh đô, nơi nhiều đời các Chúa Nguyễn trước đây đã lập nghiệp - kể từ khi Chúa Thượng - Nguyễn Phúc Lan dời kinh từ Quảng điền về Kim Long năm 1636.

Vua Gia Long khởi công xây dựng kinh thành Huế từ tháng 4 năm Ất Sửu (1805) và dần dà được củng cố, tăng cường mãi cho tới năm 1824 (dưới thời Vua Minh Mạng) mới thực sự hoàn thành. Hàng vạn quân, dân từ các tỉnh lân cận được điều động về Huế để xây thành, đào hào.

* Theo quan niệm phong thủy của Tàu, chính diện của công đường phải có bình phong che chắn; nếu để thành quách trống trãi thì dễ gặp những tác hại xấu, ảnh hưởng đến gia chủ. Ở đây gia chủ lại là các Vua Chúa, thì tác hại có tấm vóc to lớn hơn, ảnh hưởng đến cả quốc gia dân tộc. Do đó, khi lựa chọn vị trí để đặt kinh đô, các vị Đế Vương phải 'vô cùng' cẩn trọng. Nào là kinh đô phải nằm ở cuộc đất có thế triều long (long, hổ hội), tả thanh long, hữu bạch hổ, núi cao sông rộng (minh đường, thủy tụ) và mặt sau có núi làm thế dựa lưng (huyền vũ) vững vàng... Lại nữa, theo quan niệm xưa, kinh đô phải là nơi hội tụ được khí thiêng sông núi, để nhân tài bốn phương qui về giúp rập. Cũng như trong khoa Tử Vi đẩu số, sao Tử Vi thủ mệnh phải có các bộ sao Tả Hữu, Khoa Quyền Lộc, Quang Quí, Xương Khúc, Khôi Việt, Binh Hình, Tướng Ấn . . . đắc địa hội tụ, thì lá số mới thực tốt, đương số mới giữ vai trò lãnh tụ được.

Tìm kiếm địa cuộc như trên không ngoài mục tiêu làm sao cho đất nước cường thịnh, và nhất là triều đại được muôn năm trường trị, dòng họ được mãi mãi ở . . . trên đầu trên cổ người ta.

Nếu ta ngồi ở . . . ngai vàng nhà Vua trong Điện Thái Hòa, tức là nơi nhà Vua ngự triều trông thẳng về hướng chính Nam, thì trước hết sẽ thấy cửa Ngọ Môn, sau đó là cột cờ cao vút và xa xa hơn nữa là núi Ngự Bình. Hướng Nam thuộc Ngọ cung, là thời điểm mặt trời ở thiên đỉnh, tượng trưng ngôi vị Vua là cao tột trong nhân gian. Vả lại, theo Kinh Dịch, 'Thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ ' có nghĩa là bậc thánh nhân ngồi xây mặt về hướng Nam để nghe thiên hạ (Nguyễn Châu và Đoàn Văn Thông, đặc san Nhớ Huế 1995). Theo lối nói thời đại, có thể hiểu nghĩa câu trên là nhà lãnh đạo quốc gia cần tìm hiểu nguyện vọng của người dân, vì ý dân là ý Trời !

Xây mặt về hướng Nam, đối với Vua nước ta còn mang ý nghĩa thầm kín: luôn luôn hướng đến một nền độc lập tự cường, không thần phục thiên triều phương Bắc. Các Vua nhà Nguyễn kể từ Vua Gia Long trở đi, đều xưng là Hoàng Đế (Đại Nam, Việt Nam) và đặt mình ngang hàng với các Hoàng Đế của triều đình Mãn Thanh. Hướng về Nam còn là sự nhắc nhở để các thế hệ Vua Chúa nhà Nguyễn đừng bao giờ quên: miền Nam là đất do nhiều đời các Chúa Nguyễn kế tục đã dày công khai phá, gầy dựng… cần được xem là chỗ tựa vững chắc của các triều đại nhà Nguyễn.

Ngự Bình là một ngọn núi thấp, nhỏ và khô cằn nằm bên cạnh một ngọn núi thấp nhỏ khác là Tam Thai mà tại đây, vào năm 1789 Vua Quang Trung làm lễ đăng quang lên ngôi Hoàng Đế trước khi xuất quân thần tốc và oanh liệt tiêu diệt 20 vạn quân xâm lăng Mãn Thanh của Tôn Sĩ Nghị ở các trận Ngọc Hồi, Hạ Hồi . . . Có một thời, khoảng 1947 - 1948, trong dân gian ở chốn cố đô người ta thường nghe truyền tụng hai câu thơ đối nhau chan chát:

Núi Ngự không cây, cu (1) đậu đất
Sông Hương vắng khách, đĩ (1) kêu trời

nói lên tình trạng bi đát của cố đô trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng. Một mặt, thực dân Pháp núp dưới chiêu bài chống Cộng, lăm le đặt lại nền thống trị trên đất nước ta; mặt khác, Việt Minh (tiền thân của Việt cộng) ra sức khủng bố, thủ tiêu những người cộng tác với Pháp - dù là ở thế bất đắc dĩ - để chống lại họ. Trong khi đó Vua Bảo Đại

đang ở Hồng Kông, còn dân tình trong toàn quốc nói chung thì vô cùng cơ cực vì chiến tranh, đàn áp khủng bố và đói rách.

(1) Cu: con trai, đĩ: con gái - tiếng dân quê miền Bắc.

■

SÔNG HƯƠNG

Trước mặt kinh thành Huế là con sông Hương, vắt ngang như giải lụa óng ả màu bích ngọc. Nhà thơ vĩ đại Nguyễn Du thi vị hoá dòng sông này vào lúc trăng lên:

Hương giang nhất phiến nguyệt
Kim cổ hứa đa tình . . .

Đặc điểm của dòng sông này là nước luôn luôn đầy ắp và thường trong xanh, ngay cả trong mùa khô kiệt xảy ra cho toàn vùng, vào các tháng 6, 7, 8 d.l. mỗi năm, không như các dòng sông khác ở Bắc và Trung phần (Hồng Hà ở miền Bắc, sông Mã, sông Cả ở Thanh Hóa, sông Chu ở Nghệ An, Thạch Hãn ở Quảng Trị, Thu Bồn ở Quảng Nam, Trà Khúc ở Quảng Ngãi, sông Ba ở Tuy Hòa, sông Cái ở Nha Trang..) đến mùa nắng hạ thì lòng sông trơ đáy cát, nước chảy le te, nhiều nơi lội ngang được.

Theo quan niệm phong thủy, "nước" tượng trưng cho tài lộc, nên đặc điểm "nước luôn luôn đầy ắp" làm cho sông Hương tăng thêm vẻ đẹp phong thủy của Huế, mang ý nghĩa của cải dồi dào phú túc, quốc gia sẽ được giàu mạnh, con dân được cường thịnh. Hai bên đoạn sông chảy qua kinh thành, có hai cồn nổi là cồn Giả Viên (nơi có nhà máy nước mang cùng tên và cầu xe lửa Bạch Hổ bắc ngang) và cồn Hến (Phú Lưu) tượng hình hai tay vịn của chiếc ngai Vua, mà theo cách nhìn của các nhà địa lý, sẽ làm cho ngai vàng thêm oai phong, bền vững hơn.

Luận về địa cuộc như trên thì Huế là nơi đóng đô .. hết chỗ chê; hoàng thành lại thuộc kiến trúc kiểu Vauban kiên cố, có hào bao quanh rất khó công phá, triều đại nhà Nguyễn làm sao mà không vững bền, trường trị, kinh đô Huế, đất nước Việt làm sao mà không giàu có cho được ?!

Thế nhưng . . . buồn thay! Nhà Nguyễn Gia Miêu cũng chỉ được bốn đời thực sự có chủ quyền, Vua thực sự là Hoàng Đế. Nhất là dưới triều Minh Mạng, ảnh hưởng của nước ta bao trùm lên các quốc gia Miên, Lào. Còn chín vị Vua khác từ Vua Tự Đức trở lại, phần lớn chịu sự thao túng của các đại thần có thế lực như Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường (vào thời ba vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc) hoặc chỉ là bù nhìn của thực dân Pháp (Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại). Những vị Vua có khí phách, không chịu thần phục Pháp đều bị tù đày, an trí ở các đảo quốc xa xôi (trường hợp hai cha con Vua Thành Thái và Duy Tân). Cho đến nỗi, khi Đức Thành Thái được thỉnh lên làm Vua, mẹ của ngài đã phải khóc lóc năn nỉ triều thần xin tha cho con mình . . . khỏi "bị" làm Vua!

Riêng thành phố Huế, trải qua nhiều thời đại, vẻ đẹp thiên nhiên vẫn còn đó, sông Hương vẫn đầy ăm ắp nước như thuở nào, mà sao Huế vẫn mãi còn nghèo khổ, mặc dầu kể từ thời T.T. Ngô đình Diệm cho tới nay, nhiều kế hoạch xây dựng kinh tế cho Huế được vạch ra, được bàn thảo và nghị quyết, nhưng đến nay hầu hết vẫn còn trên mặt giấy tờ.

Đa số các kế hoạch nói trên đều nhắm vào việc khai thác thế mạnh của Huế, tức là vẻ đẹp thiên nhiên - được bàn tay khéo léo của con người Việt Nam tô điểm - của quần thể các di tích lăng tẩm do nhà Nguyễn xây dựng, và các chùa chiền được thành lập từ mấy trăm năm qua, mong biến Huế thành một trung tâm du lịch có tầm vóc quốc tế. Nhưng than ôi ! Với sự quản lý tồi tệ cố hữu đã trở thành bệnh căn của mọi nước cộng sản, với đầu óc mù lòa vì tư tưởng Mác-xít – Lê-ni-nít hẹp hòi, cổ lổ thì làm sao mà Huế khá lên nổi !

Tôi không rõ thủ đô các quốc gia quân chủ như Bangkok của Thái Lan, Tokyo của Nhật Bản, London của Anh Quốc v.v.. dòng họ Vua Chúa của các nước này có mời thầy địa lý .. Tàu xem cuộc đất không, thủ đô họ có được chọn đặt ở những nơi 'vượng khí, long hổ hội, có tả thanh long, hữu bạch hổ ' hay không, nhưng sao các đế chế của họ vẫn trường trị, lâu dài hơn nhà Nguyễn của Vua Gia Long nước ta rất nhiều.

Xin được xem đây là 'chuyện tếu' thứ nhất về cố đô: "phong thủy tếu"

* Sau khi Vua Bảo Đại bị Tổng Thống Ngô đình Diệm truất phế và thành lập nên Đệ Nhất Cộng Hòa (tháng 10.1956), những người am hiểu về phong thủy ở Huế thường hay đàm luận với nhau trong những lúc trà dư tửu hậu về hình dáng của núi Ngự Bình, qua một câu hò rất quen thuộc ở xứ Huế:

.. Núi Ngự Bình trước tròn sau méo ...

Thật ra, hình dáng của bất cứ một ngọn núi

nào khác trên quả đất này đều tùy theo vị trí đứng, góc nhìn của người xem mà thấy khác nhau. Điều đáng nói ở đây, theo các nhà địa lý trên cho biết, núi Ngự Bình có hình dáng như . . . cái bánh quai vạc. [Nếu vị nào không biết loại bánh này thì có thể hình dung một cái bánh 'croissant' của tây, nhưng làm bằng bột sắn (củ mì), nhỏ, ngắn hơn và đặc biệt là có độ "khum" ở giữa cộm lên hơn.] Các nhà địa lý 'thối mồm' đó cho biết , theo cách nhìn "chuyên môn" của họ - từ vị trí ngai vàng nhìn ra - thì núi Ngự Bình có hình dáng giống như "bộ phận sinh dục của phái nữ ám trước mặt". Từ đó họ suy ra rằng các vị Vua triều Nguyễn chịu ảnh hưởng của cuộc đất kia án ngay trước chính diện của hoàng thành nên dòng họ này có nhiều Vua hoang dâm. Người ta nêu các dẫn chứng mang tính thuyết phục: nào là ... Vua Minh Mạng có đến 142 người con (78 trai, 64 gái), Vua Thiệu Trị có 64 người con (29 trai và 35 gái). Đặc biệt, Vua Minh Mạng còn nổi tiếng với thang thuốc rượu để đời "Nhất dạ lục giao sinh ngũ tử " do vị ngự y thông thái là ông Lê Quốc Chước ra toa. Sau đó ông ngự y lại cho nhà Vua phái thuốc "Yếu cốt thông dược tửu" để trị bệnh đau nhức xương cốt của nhà Vua do trác táng quá độ nên gân cốt rã rời (?) mặc dù tuổi mới trên 40. Có lẽ vì thế nên mặc dù có được vị ngự y tài giỏi, Vua Minh Mạng cũng chỉ thọ được 49 tuổi (1791-1840). Nghe nói nhà Vua đã qua đời vì ... "ngã ngựa". Chẳng rõ, đây là ngựa thứ thiệt "bốn chân" hay ngựa người "hai chân". Theo thiển ý, dưới chế độ quân chủ chuyên chế, dù nhà Vua có thực sự ngã ngựa . . . hai chân đi nữa thì cũng không một nhà chép sử nào vào thời đại đó dám viết thẳng ra như thế, nếu không muốn bị mất đầu.

Vua Thiệu Trị thì chỉ thọ 40 tuổi (1807-1847). Chẳng biết vì sao, vào thời đó với các vị ngự y được chọn lựa trong số tài giỏi nhất trong khắp cả nước, với thuốc men thuộc loại dâng tiến hảo hạng, ăn uống quá sung sướng và nhiều chất bổ dưỡng mà vị Vua nào cũng chết khi còn rất trẻ, ở lớp tuổi sung sức vô cùng. Vua nào sống tới tuổi 40 đã được xem là thọ. Chẳng thế mà khi Vua Khải Định vừa được 40 tuổi, triều đình đã tổ chức trọng thể lễ "tứ tuần đại khánh" mừng thọ nhà Vua!

Trưng dẫn các bằng chứng cho sự hoang dâm mà chỉ dựa vào số con đông đảo thì hóa ra có lợi cho các Vua Tự Đức và Khải Định quá. Hai vị Vua này cũng bị "núi Ngự Bình" áng ngữ như các vị Vua trên mà sao Vua Tự Đức thì không có con để phải nhận ba đứa cháu làm con nuôi; còn Vua Khải Định chỉ có một con trai độc nhất là Vua Bảo Đại? Phải chăng hai vị Vua này không thích đàn bà?

Có thể xem đây là một … "phong thủy tếu" khác chăng?

* Chuyện tếu tôi xin kể sau, mang tính "Pháp-Việt đề huề". Khoảng các năm đầu thế kỷ 20, Khu Thủy Lợi Trung Phần của chính quyền bảo hộ Pháp có đưa ra đề án làm một liên hợp công trình thủy lợi bao gồm nhiều mặt tưới, tiêu, sản xuất thủy điện và cắt lũ cho đồng bằng Thừa Thiên - Huế. Trong hệ thống công trình này, có dự án đào một đường kênh từ sông Hương gần lăng Tự Đức, đi vòng sau núi Ngự Bình rồi đổ vào sông Lợi Nông (An Cựu) để tiếp thêm nước ngọt cho sông Lợi Nông vào mùa nắng hạn. Song song với việc đào kênh này, ở trên thượng nguồn sông Hương dự trù xây đắp các đập trữ nước lớn (Hữu Trạch, Tả Trạch) để điều hòa nguồn nước trong mùa mưa, cắt giảm lụt và tăng thêm lưu lượng trong mùa nắng để dẫn tưới các đồng ruộng. Dự án này đã bị Cơ Mật Viện của nhà Vua bác bỏ với lý do phong thủy đầy "thần bí": '. . . đào kênh ngang qua vùng núi Ngự Bình sẽ làm đứt … long mạch của nhà Nguyễn".

Cũng không biết nói làm sao, khi vị Thượng Thư Bộ Công (tức Bộ Trưởng Công Chánh) thời đó là một ông cụ (nếu trí nhớ tôi không lầm, cụ mang họ Võ) cùng với các đại quan đồng triều là những nhà Nho chỉ biết làm thơ phú, không có một chút hiểu biết nào về khoa học kỹ thuật . . . thì lời phán trên của Cơ Mật Viện nhà Nguyễn xét ra cũng không đáng ngạc nhiên và phàn nàn.

Về sau, khoảng các năm 1930-1932 dưới sự chỉ đạo

của Trưởng Kỹ sư Girard, các kỹ thuật gia Pháp đã thực hiện đắp "Đập Thuận An" bằng cách đổ hàng triệu khối đá lớn, bít hẳn cửa sông Hương thì không nghe Cơ Mật Viện phản đối gì cả. Mặc dù trên mặt nổi, đập Thuận An được xem là công trình thủy lợi ngăn nước mặn từ biển Đông tràn lên sông Hương, ảnh hưởng đến hơn một vạn mẫu ruộng thấp trong tỉnh Thừa Thiên. Tuy nhiên, những người thức thời hiểu rõ tâm địa của thực dân Pháp lúc đó đều cho rằng khi thực hiện công trình này nhà cầm quyền Pháp nhắm mục tiêu chính trị rất thâm độc, có ý đồ cắt đứt giao thương bằng đường thủy của ngoại quốc với kinh đô Huế, vào lúc nước Nhật đang ra sức gây ảnh hưởng - bằng đường lối ngoại giao lẫn sức mạnh quân sự - lên các quốc gia trong vùng Đông Á và Đông Nam Á và làn gió văn minh Âu Mỹ đang có xu hướng thổi mạnh qua hướng Đông.

Một khi đập Thuận An đắp xong, kinh đô Huế cùng với vị Hoàng đế Việt Nam và chính phủ Nam triều coi như bị cô lập với thế giới bên ngoài, vào lúc mà các phương tiện giao thông bằng xe hơi cũng như xe lửa còn thô sơ và rất dễ bị người Pháp kiểm soát. Kể từ đó, con dân đất Thần kinh nào mong muốn tiếp nhận những tư tưởng cải cách tiến bộ của Âu Mỹ thì phải đi xa cả ngàn cây số vào Sài-gòn, hoặc ra Hà-nội, nơi đó có các trường Đại học do người Pháp thành lập. Với phương tiện xe lửa thô sơ nhưng tốn kém, người dân Huế bình thường vốn nghèo khổ làm sao có tiền để đi xa học hỏi với mức tốn kém như thế?

Sau đó, dư luận trong giới kỹ thuật bàn tán nhiều về tác dụng của đập Thuận An nên chính phủ Pháp đã cử một Ủy ban điều tra cao cấp từ Paris qua, gồm toàn những kỹ thuật gia thượng thặng trong các ngành Thủy lợi, Công Chánh để xem xét các mặt lợi, hại của đập này. Cuối cùng Ủy ban điều tra đã đi tới kết luận: ". . . Tội ác làm đập Thuận An ngang với tội giết người. Những người chủ trương xây dựng đập này đáng bị đưa ra tòa án trừng trị". May cho ông Girard và các cộng sự viên của ông, sau đó ít lâu Thế chiến II bùng nổ, Đức chiếm đóng nước Pháp nên nội vụ được dẹp bỏ.

Bên cạnh công dụng ngăn chặn nước mặn tràn lên sông Hương, đập này đã bít hẳn cửa sông, cản trở việc thoát lũ nên làm cho nạn lụt trong tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế càng trầm trọng thêm. Thế rồi vào tháng 10. 1953, sau mấy ngày mưa lớn liên tiếp, đồng bằng Thừa Thiên - Huế đã chìm đắm trong một cơn lũ lịch sử. Kết quả: mấy chục người chết, hàng trăm nhà trôi mất và đập Thuận An bị bứt lở một đoạn dài trên 100 mét, sâu trên 20 mét. Từ đó, đập mất hết công dụng ngăn nước mặn như kế hoạch dự trù, nhưng việc cản trở thoát lũ 'ngoài ý muốn' thì vẫn còn, và chắc còn lâu dài …Công đâu bỏ ra để lặn lấy hết số đá đã lấp ở cửa biển kia chứ?

Thì ra, không phải chỉ người Việt mới có khả năng "sản xuất" những chuyện "tếu" ! Người Pháp cũng là bậc thầy về tếu đấy chứ?

* Sau đây là một 'chuyện tếu' thuộc loại siêu đẳng, trong số rất nhiều "chuyện tếu" đã xẩy ra cho thành phố Huế, kể từ sau ngày miền Nam "được" những người cộng sản "anh em" giải phóng . . .

Vào khoảng năm 1977, 78 Việt Cộng quyết tâm đào "lấy được" kênh Nam Sông Hương xuyên qua vùng gò đồi sau núi Ngự Bình. Đào kênh như thế mà không xây hồ chứa ở thượng lưu để trữ nước, gia tăng lưu lượng mùa hạ, thì khi bơm một lượng nước lớn từ sông Hương vào kênh, nước mặn có thể mò lên tới đầu kênh. Nước bơm vào kênh thay vì nước ngọt, có thể chỉ gồm toàn nước mặn mà thôi. Nghi vấn này đã được đặt ra trong nhiều buổi thảo luận kỹ thuật, nhưng không ai trả lời được, và dù sao thì . . . "trên đã quyết".

Hàng vạn nấm mồ bắt buộc phải dời đi trong thời hạn ngắn. Ai chậm trễ thì mồ mã thân nhân bị san bằng. Cộng sản đã huy động hàng ngày 3, 4 vạn nhân công các Huyện lân cận và dân thành phố Huế cơm đùm gạo bới đi đào kênh Nam Sông Hương vào lúc kinh tế toàn tỉnh đang hồi suy sụp nhất, nhân dân đói rách nhất. Sau năm sáu tháng, kênh cũng đã hoàn thành. Tuy nhiên, chỉ hoạt động được trong vài ba ngày từ sau lễ khánh thành, có Tổng bí thư Lê Duẫn tham dự, và tất nhiên có nhiều bò heo bị giết để mừng công. Cứ mỗi lần 30 máy bơm điện loại khá lớn hoạt động (mỗi máy 1,000 m3/giờ, công suất 33 KVA) là điện của toàn thành phố Huế tắt ngúm - trừ các công sở quan trọng - nên sau đó công trình phải bỏ phế. Kết cuộc, chỉ sau một mùa mưa lũ kênh bị bồi lấp lại gần như cũ.

Đây là "chuyện tếu" đáng lẽ chỉ được xếp vào loại thường, nhưng sau khi được các báo của cộng sản viết bài ca tụng " . . . công trình Nam Sông Hương thể hiện tính ưu việt của chế độ ta . . ." thì nó được … nâng cấp thành "chuyện tếu" siêu hạng trong số các 'chuyện tếu' cố đô.

DUYÊN hay NỢ

TRẦN ĐỨC PHONG

Ngũ thập tri thiên mệnh. Tôi không đợi đến năm 50 tuổi mới biết đến mệnh trời. Cả đời tôi hình như không có chuyện gì là do tôi quyết định lấy mà hình như mọi chuyện tốt xấu như là một định mệnh đã an bài, trói buộc lấy tôi, không cách nào chạy trời cho khỏi nắng.

Xa nhà vào học ở Phú Thọ, tôi đã quyết định thế nào cũng phải tìm một việc làm. Gia đình tôi ở miền Trung thuộc loại bậc trung, lo cho con ăn học tại nhà thì không khó, nhưng nếu phải đài thọ cho tôi học xa nhà không phải là dễ. Đọc báo Chính Luận hàng ngày, tôi thấy rất nhiều mẩu rao vặt của sinh viên tìm việc cũng khá nhiều nên giúp tôi thêm phần tự tin. Đến khi vào Saigon, mới thấy mọi việc không dễ như tôi tưởng. Trước tiên, nơi tôi tạm trú bước đầu là một căn phòng trong ĐHX Minh Mạng với một anh bạn cùng quê. Anh bạn này lại là một sinh viên ở lậu. Nhưng dù sao cũng có chỗ ngả lưng và tắm rửa trong tuần, còn chuyện ăn uống thì bánh mì tay cầm làm chuẩn. Chỗ ở chưa ổn định thì làm sao đăng báo kiếm việc được. Chỉ bực mình là cuối tuần phải phiêu bạt giang hồ đâu đó vì phải nhường lại phòng trong ĐHX Minh Mạng cho SV chủ nhân chính thức đang dạy học đâu đó ở miền tây trở về.

Một cuối tuần nọ tôi đang lang thang bất đắc dĩ tại khu chợ chim chợ chó ở đường Hàm Nghi bổng nghe ai đó gọi tên mình, thì ra đó là chú Xường người Hoa chủ một tiệm thuốc bắc ở quê tôi. Gặp người đồng quê chứ không phải đồng hương nhưng tôi rất mừng dù rằng không phải là "tha hương ngộ cố tri", tôi quen biết chú làvì mẹ tôi thường sai tôi ra hốt thuốc tại tiệm chú Xường, lâu ngày thành quen mặt. Chú rủ tôi vào ăn mỳ hoành thánh tại đường Võ Di Nguy, Khi biết tôi học ở Phú Thọ và đang tìm chỗ làm thêm chú cười cười nói nị có muốn ở chung với người Hoa không? Tôi trả lời chú là người Hoa mà còn sống trên đất Việt được không lẽ tôi lại thua chú sao? Chú Xường cho tôi một địa chỉ hẹn tôi đến gặp chú tại đó hai ngày sau.

Y hẹn, chiều tối ngày thứ ba tôi đến gặp chú Xường ở Chợ Lớn. Chú Xường và ông bà Trang chủ nhà có vẻ đang chờ đợi tôi đến. Theo lời giới thiệu của chú Xường ông bà Trang muốn mướn tôi dạy kèm toán, lý hóa và anh ngữ cho hai cô con gái hiện đang theo học chương trình cao trung. Ông bà muốn cho con mình có đủ trình độ để đi du học Đài Loan sau khi tốt nghiệp trung học tại Việt Nam. Ông bà muốn bao ăn ở và trả thêm một ít tiền tiêu vặt và ngược lại ngoài chuyện dạy học tôi cũng làm vài chuyện lặt vặt trong nhà như người thân trong gia đình, cùng ăn cùng ở cùng làm. Bà Trang nói chú Xường là chổ bà con, chú lại giới thiệu tôi thì chắc chắn tôi là người tốt, không có chi lo ngại. Dẫu biết có chỗ bất tiện phải chung đụng với người lạ, nhưng tôi rất vui mừng nhận lời, ít nhất cũng có nơi ăn nơi ngủ để dành tâm trí mà học hành.

Ngay cuối tuần đó tôi dọn vào ở chung nhà với ông bà

Trang. Đó là một căn nhà mặt tiền ở đường Phạm Thế Hiển, phần trước là lầu hai tầng bốn mét mười hai mét xây theo kiểu cổ, không phải bê tông cốt sắt, phần sau là một khoảng sân nhỏ tiếp đến là phần nhà trệt có gác lững, tôi đã sống trên gác lững này hơn hai năm trời nếu không có chuyện đó xảy ra chắc là tôi còn sống ở đó lâu hơn nữa. Phần trệt dùng làm nơi chứa hàng tạp nhạp đủ thứ hàng có lẽ vì thế trong nhà luôn có mùi thum thủm không đoán ra được là cá gì. Ngay góc cuối căn nhà trệt có một căn phòng nhỏ luôn khóa kín, tôi thấy được có ánh đèn đỏ bên trong mỗi khi có người ra vào, toi đoán là nơi thờ cúng gì đó.

Ông bà Trang thuộc loại trung lưu khá giả, có một cửa hàng tại chợ Bình Tây nên bận bịu ngoài cửa tiệm suốt ngày mãi đến 7, 8 giờ tối mới về tới nhà. Hai cô gái, cô chị tên A Mùi khoảng 17 tuổi, cô em tên A Phá khoảng 15 tuổi, đang theo học trường Tàu lớp 8 và lớp 10 tương đương với Việt Nam. Sáng nào tôi cũng thấy một dĩa bánh bao khi có nhân đậu, nhân thịt hoặc không nhân bắt thành từng chiếc bánh bao nhỏ cỡ bằng cái bánh ram của mình. Bánh bao rất ngon béo dù có nhân hay không. Lúc đầu còn giữ kẻ, tôi chỉ ăn đôi ba cái sau vài tuần khi đã quen thuộc có khi tôi ăn đến 5 cái. Theo lệ cứ ai rãnh thì ăn không phải chờ đợi người khác, tôi lại đi học sớm nên cứ đánh răng rửa mặt xong là nhón vài chiếc bánh bao, hoặc ăn ngay tại chỗ nếu còn thì giờ, hoặc bỏ vào cặp vì đã đến giờ đến trường.

Hai chị em thường kêu tên tôi theo tiếng Hoa là Tsành Phúng (Trần Phong), ngược lại tôi cứ gọi họ là Mùi (Mai) và Phá (Hoa) Trong thời gian dầu tôi thường ở lại thư viện trường hoặc chơi volley hoặc đá banh cho đến chiều tối mới về, do đó không rõ lắm công việc trong nhà. Thông thường ăn cơm tối xong, chờ cho hai cô rửa dọn chén bát xong là bắt đầu chỉ cho hai cô học. Tôi thường ngồi ở bàn học trước đợi cho đến khi nào các cô xong việc. Vừa dạy học vừa ôn lại bài của mình cho đến khoảng 11 giờ là xong. Công việc không khó nhọc gì, hai cô này nói tiếng Việt được theo lối người Tàu nói tiếng Việt nên tôi chẳng thấy hứng thú gì trong việc trò chuyện, đã thế lắm lúc hai chị em nói chuyện trao đổi với nhau thì họ lại dùng tiếng Tàu lắm lúc tôi tưởng họ đang bàn tán gì đó về tôi. Còn việc lặt vặt trong nhà thì cũng chẳng có gì ngoài việc tưới mấy cây cảnh trong sân sau hoặc đưa một vài món hàng cần thiết ra cửa hàng trong dịp cuối tuần hoặc đi mua dùm vài món gì đó khi cả nhà bận.

Sau này về quê trong dịp hè, chú Xường mới cho biết lý do tại sao ông bà Trang muốn thuê tôi. Trước hết gia đình người Hoa nào có con trai học đại học thì thường đang học ở Đài Loan hay Hồng Kông, còn đàn ông nào còn ở Việt Nam thường là người chuyên về buôn bán nên chữ nghĩa thường trả lại cho thầy hết làm sao mà dạy dỗ ai được. Tiếp đến là người Hoa rất tự hào về chủng tộc. Con trai có thể lấy vợ người khác chủng nhưng con gái Hoa thì không thích có chồng là người Việt. Do đó chọn tôi làm người dạy kèm là an toàn trên xa lộ, khỏi lo chuyện tình lăng nhăng giữa thầy trò. Tôi không ngạc nhiên lắm khi nghe chú Xường giải thích vì tôi đã có cảm giác cái hố ngăn cách giữa hai chủng tộc ngay khi vào ở trọ nhất là từ cô chị A Mùi. Cô này khoảng 17 tuổi hơn, mặt mũi cũng coi là đẹp, nhưng luôn luôn giữ bộ mặt lạnh lùng, chỉ nói với tôi những gì cần nói về bài học và nhất là trong buổi ăn tối với gia dình hễ có dịp là xổ một tràng tiếng Hoa, ông bà Trang trả lời lại cũng bằng một tràng tiếng Hoa làm tôi đâm ngọng, cứ giả lơ như điếc cóc cần nghe những lời thị phi. Chỉ có cô em A Phá có vẻ biết điều hơn dùng tiếng Việt góp ý và hình như cô muốn cho tôi hiểu là gia đình họ đang bàn tán về chuyện gì.

Qua năm sau, vì quen thuộc nhiều hơn, tôi không còn phải ở lại trường cho đến khi tối mịt mới về. Nghĩ giờ nào thì về giờ đó do đó công việc dạy học cũng thay đổi theo. Đó cũng không phải là điều tôi muốn, mà chính thời thế, giờ giấc đưa đẩy như thế. A Phá hễ thấy tôi rãnh giờ nào là hỏi bài giờ đó nên giờ học sau giờ cơm tối thường chỉ dành cho cô chị A Mùi. Tôi không mấy cảm tình với cô chị A Muì này vì tính tình có vẻ hách xì xằng, cứ có vẻ ta đây là người nước lớn nên chỉ mong dạy xong cho cô ta là tôi đi nghỉ. Phải nói thật là lâu ngày thành quen, tôi xem cô em A Phá như là đứa em gái nhỏ của tôi mà thôi. Cho đến một hôm về nhà sớm, A Phá nhờ tôi chở ra cửa tiệm ông bà Trang để làm gì đó, khi về gần tới nhà thì một xe xích lô tông nhẹ vào xe tôi khiến tôi é ngã nhưng còn chống đỡ được, trong khi A Phá vì bất ngờ nên té lòm còm xuống đường, đầu gối và hai khủyu tay trầy trụa. Tôi chở A Phá về nhà, lấy alcol rửa vết thương cho cô ta. Cũng may là A Phá chỉ bị trầy chút ít ở bàn tay và đầu gối, chỉ có điều là toi nhận thấy A Phá không còn là cô bé ngây thơ nữa mà đã chập chững trở thành một thiếu nữ. Đang loay hoay xức thuốc tôi chợt nhìn lên và bắt gặp tia nhìn của A Phá với đôi gò má hây hây đỏ. Đó không phải cặp mắt người em nhìn người anh, tôi cứ lờ đi làm như vô tình không

để ý. Kể từ đó A Phá co vẻ tấn công tôi mãnh liệt hơn. Có những buổi ngồi dạy buổi chiều một thầy một trò, tôi có cảm tưởng A Phá muốn khiêu khích tôi. Có khi A Phá làm như quên gài một hạt nút áo làm tôi có thể thấy được lấp ló đôi gò bồng đảo. Có khi A Phá vô tình áp nhẹ người vào sau lưng tôi để hỏi vài câu hỏi trong khi tôi đang học. Tôi biết mà tôi vẫn lờ đi, một là muốn co' chỗ ở để ăn học, hai là không muốn dây dưa chuyện tình cảm để làm hại chuyện học hành. Có hôm đang học A Phá không chịu học mà ngồi viết cả trang giấy toàn là chử Tàu, rồi hỏi tôi có biết cô ta đang viết gì không. Tôi nói tôi không biết. A Phá trả lời là đang viết thư tình cho nị đó. Tôi đỏ mặt cười cười lắc đầu vì không biết nói thế nào nữa.

Rồi chuyện gì đến phải đến, A Phá tấn công như vậy, tôi là trai độc thân, làm sao tôi chịu nổi, thế là tôi cuồng nhiệt đáp ứng lại, bất chấp hậu quả ra sao thì ra. A Phá thì tỏ vẻ bất cần không sợ gì hết trong khi tôi cứ lén lén lút lút sợ người ta bắt gặp. Thế rồi trong một buổi tối dạy cho A Mùi, bỗng nghe A Mùi nói trổng: Tsành Phúng không lấy em tôi được đâu. Tôi trả lời đại là hiện giờ tôi chưa nghĩ đến chuyện đó. Lạ một điều là ông bà Trang không hay biết gì về chuyện giữa tôi và A Phá, tôi đoán là hai chị em A Mùi, A Phá dấu diếm cho nhau.

Cho đến một ngày, tôi nhớ rõ như mới xảy ra hôm qua, buổi chiều đó tôi đang ngồi hủ hỉ với A Phá bỗng A Phá vùng dậy nói ngày nay là phiên em làm bánh bao, Tsành Phúng vào làm giúp em đi. A Phá dắt tay tôi xuống gác lững, lấy chìa khóa mở căn phòng mà tôi đoán là thờ cúng gì đó. A Phá kéo tôi vào phòng, đây là một căn phòng nhỏ có một ngọn đèn đỏ, từ trần nhà thòng xuống một cái móc sắt có treo một cái đầu lợn sống. À té ra cái mùi thum thum là từ cái đầu lợn sống này mà ra. Tới gần tôi thấy có một cái bàn kê ngay dưới đầu lợn với rất nhiều bột mì. Nhìn kỹ thì thấy có vô số con dòi trắng bu khắp đầu lợn, A Phá đưa tay lấy một cái chày cán dẹp lên mình mấy con dòi lúc nhúc trộn chung với bột mì. A Phá làm thật đều tay. Mũ trắng từ dòi trộn chung với bột dưới tay A Phá trở thành đống bột nhảo sền sệt. Thỉnh thoảng A Phá lại lấy cái chày gỏ nhè nhẹ lên móc sắ't khiến cho thêm nhiều con dòi phải rớt xuống đống bột và A Phá tiếp tục động tác nhồi bột.

Tôi đứng cạnh, mình mẩy lạnh ngắt, chết khiếp. Cả đời cha sanh mẹ đẻ chưa bao giờ tôi thấy cảnh tượng ghê tởm như thế này. Những cái bánh bao béo thơm mà tôi ăn hàng ngày làm từ những con dòi ghê tởm kia. Khi A Phá đưa cánh tay lên gạt những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán nàng cũng là lúc tôi không dằn được cơn nôn, ựa lên một tiếng, lấy tay bậm miệng lại, A Phá nhìn tôi chợt hiểu ra, căm hờn trợn mắt, tay cầm chày chỉ về hướng tôi nàng quát lên:" Cút đi, tôi không muốn thấy cái mặt anh nữa". Tôi vùng chạy vào nhà tắm, quằn người nôn cho hết mật xanh mật vàng, xong xách xe chạy biến ra khỏi nhà. Ngày hôm sau trở lại để thu dọn đồ đạc dọn về ở tạm nhà một người bạn. Sau này tôi cứ trách mình là hồ đồ, thiển cận. Nói cho cùng con dòi hay con mẽ nấu canh chua chắc cùng một thứ, nấu chín rồi thì có sao. Chẳng qua mình thiếu kinh nghiệm sống nên chê cái này sợ cái kia.

Mấy năm sau ra trường, tôi vẫn không quên được những kỹ niệm cũ. Mãi cho đến vài năm sau ngày 30 tháng tư đổi đời, tôi vẫn độc thân lang thang cho qua ngày tháng. Tính tôi thích đọc sách nên thường lân la những chỗ bán sách cũ ngoài đường. Hôm đó, toi đang cắm cúi đọc cọp một cuốn sách bên lề đường, có ai đó gọi Tsành Phúng. Tôi giật mình quay lại, thì ra đó là cô chị A Mùi. Tôi rất mừng gặp lại người quen. A Muì cũng vậy, nếu không thì cứ lơ di như không thấy tôi. Sau một hồi chuyện trò A Mùi rủ tôi về nhà cũ nói chuyện. Sau 75, gia đình bà Trang thuộc diện tư sản nên bị đuổi lên vùng kinh tế mới. A Phá thì đã lấy chồng và đã theo gia đình chồng vượt biên, bây giờ không biết sống chết như thế nào. Có điều khác lạ là A Mùi bây giờ không phải là một A Mùi cố chấp, kiêu ngạo như ngày xưa. Có lẽ cuộc đổi đời 75 đã làm cô ta thay đổi. Sau khi tôi rời nhà cô khoảng hai năm thì A Mùi qua Đài Loan du học, A Phá lấy chồng người Hoa, Trước ngày 30/4 A Mùi về nước để tìm cách đưa ông bà Trang sang Đài Loan. Ông bà Trang tiếc của không chịu đi, một phần tưởng là mình là con trời không ai dám dụng đến. Sau 30/4, gia đình bị khánh tận vì bị qui vào diện tư sản. A Mùi tìm cách vượt biên hai lần nhưng thất bại, đành liều bám vào căn nhà cũ để tìm cơ hội khác vượt biên. Tôi cũng kể chuyện đời tôi cùng nỗi ân hận đã phải ra khỏi nhà ông bà Trang, cảm tình tôi vẫn luôn luôn nhớ đến mọi người mãi đến giờ vẫn chưa lập gia đình. A Mùi nửa đùa nửa thật cho tôi biết là lúc trước A Mùi đã thích tôi khi tôi vừa tới nhà, nhưng tôi lại không để ý đến cô ta làm cô ta tự ái nên làm ra vẻ cao sang, người nư'c lớn. Định mệnh lại một lần nữa trói buộc chúng tôi lại với nhau. Chúng tôi tìm đến nhau như những mảnh đời lang bạt, cùng một lứa bên trời lận đận. Chỉ có điều sống sao cho trọn những ngày còn lại, miễn sao đừng có thai để còn

tính đường vượt biên.

Chuyến vượt biên lần này được tổ chức tại Rạch Giá. Công việc trôi chảy một cách kỳ lạ Ra đến hải phận quốc tế, A Mùi và tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc, ngồi bàn đến những dự kiến trong tương lai, Sau 2 ngày, 3 đêm, tàu đã tấp vào một căn cứ hải quân Thái Lan. Lính Hải quân Thái sáng ra thấy chúng tôi ngồi lổm ngổm trên bãi, ra lịnh chúng tôi trở xuống thuyền. Một vài người có vẻ muốn chống lại quyết định đó. Chỉ vài tiếng súng nổ chỉ thiên của lính Thái, chúng tôi lần lượt xuống lại thuyền. Tàu Hải quân Thái kéo chúng tôi ra hải phận quốc tế rồi cắt dây. Nhóm tài công ở Rạch Giá muốn trở về lại Việt Nam. Nhóm người Việt ở Saigon xuống thì muốn đi tiếp qua nước khác. Sau một hồi cải vả, nhóm người Việt cướp tàu để tự lái. Đêm đó gặp tàu đánh cá Thái Lan rất thân thiện, ra hiệu sẽ giúp kéo tàu chúng tôi vào bờ, họ ra dấu gọi mấy người đàn ông leo qua thuyền họ để lấy thực phẩm. Tôi nói với A Mùi để tôi leo qua tàu Thái Lan kiếm cho nàng chút thức ăn. Qua tàu Thái Lan, họ đưa một nồi cơm điện và gạo ra hiệu cho mình tự nấu cơm. Gặp được cứu tinh, chúng tôi xúm nhau nấu cơm để đem chia cho bà con trên tàu. Mới nấu được một nồi thì họ ra dấu tụi tôi về lại thuyền mình, họ đưa tay ra dấu như là họ sẽ bị cắt cổ nếu chính quyền Thái biết họ kéo tàu lạ vào bờ.

Tụi tôi trở về tàu êm re, tôi thủ được một nắm cơm dành cho A Mùi rồi chuyền cơm xuống khoang chia cho mọi người. Lạ một điều là không ai tranh giành, la ó như những lần trước. Tàu Thái Lan kéo tàu chúng tôi đâu khoảng 5 phút thì cắt dây chạy thẳng. Lúc đó trên tàu hoảng hốt và có người cho tôi hay là trong khi bọn đàn ông Việt lên tàu Thái Lan thì bọn Thái Lan nhào xuống tàu tỵ nạn, trước là quyên tiền để họ kéo vào bờ, sau thấy thâu được không bao nhiêu thì họ giở trò hành hung cướp bóc và trước khi rút lui họ đã bắt theo ba cô gái. Trong đêm tối, tôi gọi A Mùi mà không có tiếng trả lời. Không biết hỏi ai vì không ai quen nhau, và nhất là trong đêm tối mịt. Tôi nghĩ là A Mùi có thể ngồi ở một nơi nào khuất nên không nghe tiếng tôi. Tàu lại tiếp tục đi đến rạng sáng mai thì gặp tàu Tây Đức đang từ dàn khoan dầu ngoai khơi trở về đất liền và chúng tôi được phép lên tàu để đưa vào trại tị nạn. Lúc này tôi mơi thật sự hoảng sợ. A Mùi không có mặt trên tàu. Tôi không biết chuyện gì xảy ra cho nàng. Tôi chạy quanh hỏi thăm mọi người trên tàu, Không ai biết đích xác chuyện gì xảy ra, họ cho biết A Mùi co' thể là một trong ba người con gái bị thuyền Thái Lan bắt theo. Nàng có thể rơi xuống biển trong đêm tối.

Thời gian ở trại tỵ nạn Songkhla là chuỗi ngày trông ngóng và buồn thảm. Mỗi ngày tôi đi sục sọi, mỗi khi có tin có người mới nhập trại tôi vội vã chạy lại chỉ mong được gặp lại A Muì. Tất cả chỉ là ảo mộng. Chẳng thà A Mùi bị nạn, bị hãm hiếp thì ít nhất tôi còn cơ hội săn sóc nàng. Nhưng đây thì giống như là missing in action, nói chết không được, bảo còn sống cũng không xong. Tôi cứ sống trong trông chờ, ngày này qua ngày khác. Lắm lúc ngủ trưa ngoài bãi biển tôi nghe hình như có ai gọi Tsành Phúng, Tsành Phúng. Vùng dậy chỉ bạt ngàn tiếng gió.

Sau 9 tháng ở trại, tôi đi định cư ở Mỹ, lòng không chút mừng rỡ. Người ta đi thì tôi đi, thế thôi. Đến Mỹ dầu sao tôi độc thân nên cũng dễ. Ở nhà share, ăn uống qua loa, mục đích tôi bây giờ là làm sao có tiền để đi kiếm A Mùi. Rồi tô trở lại nghề, làm việc cho chính phủ, tôi lại tìm cách du lịch Thái Lan để mong tìm kiếm dấu vết A Mùi. Thậm chí tôi đã cả gan về thăm Việt Nam trong đợt đầu tiên với hy vọng biết đâu tìm được tin tức A Mùi. Tất cả chỉ là công dã tràng. Nhưng dầu sao trong lòng tôi vẫn tin tưởng vào định mệnh. Hai lần trước chỉ một tiếng gọi giật mà đời tôi đã chuyển hướng. Lần đầu chú Xường đã đưa tôi đến với gia đình A Phá, lần hai đã đưa tôi đến với cuộc tình A Mùi, vậy thế nào cũng có ngày nào đó, ở một nơi nào đó, trong chợ, trong siêu thị, trong nhà hàng, tôi sẽ nghe tiếng ai gọi giật Tsành Phúng Tsành Phúng thì lúc đó phải là giây phút hạnh phúc nhất của đời tôi.

Có phải không, A Mùi?

thơ

Biển, Em, Niềm Nhớ

Cho Thanh Trúc, bạn đường yêu dấu

biển một bên, bóng một bên
vắng em, chiều buồn đến sợ
tim đau theo triều sóng vỡ
bàn tay thiếu một bàn tay

biển bên kia bóng bên này
nhớ ơi chiều xưa hò hẹn
tóc bay, dáng nhỏ ngoan hiền
nghe ta kể đời chinh chiến
tóc bay, dáng nhỏ ngoan hiền
bên ta gọi mùa xuân đến

chiều nay một mình qua biển
nắng soi chiếc bóng đổ dài
buồn dâng trùng trùng theo sóng
tay nào thiếu một bàn tay?

buồn ta sóng cũng thở dài
bỏ bờ ra đi . . đi mãi!

Phan Anh Dũng

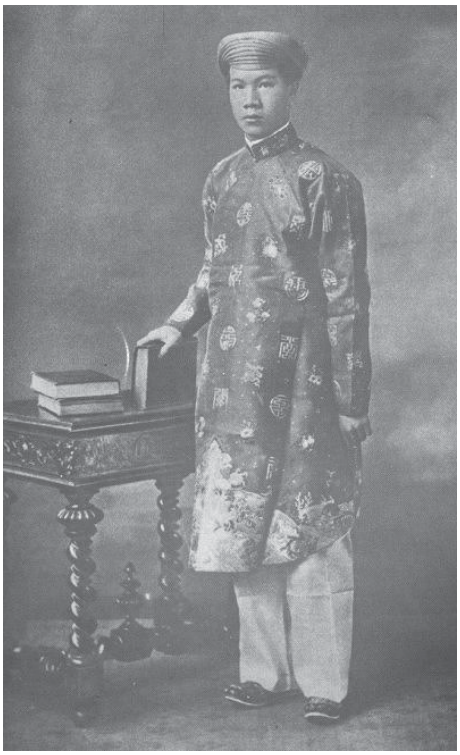

có phải là quả báo?

LÊ TRUNG ĐỊNH

Cách đây vài năm, trong chuyến về thăm Viêtnam, nhân đọc lại chồng báo cũ trong nước, tôi tìm được hai chuyện xảy ra ở hai thời điểm cách nhau khoảng 30 năm. Về bản chất chuyện nầy na ná chuyện kia khiến trong lòng tôi phân vân nghĩ đến luật nhân quả, không biết có phải chuyện nầy là quả báo của chuyện kia không. Bèn kể ra dây để AHCC, trước để nghe chơi, sau suy đoán xem có sự liên hệ nhân quả hay không. Tài liệu để viết bài này căn cứ trên ba cuốn sách, một là cuốn hồi ký Con Rồng Việt Nam của Bảo Đại, hai là cuốn Từ Triều Đình Huế đến Chiến Khu Việt Bắc của Phạm Khắc Hòe, ba là cuốn Hồi ký của Đào Duy Anh.

Câu chuyện đầu liên quan đến hai người sống cùng thời với nhau. Ông Bảo Đại là vị vua cuối cùng của triều Nguyễn và ông Phạm khắc Hòe làm Chánh văn phòng cho vị vua này ở Huế. Con Rồng Việt Nam là cuốn hồi ký của Bảo Đại trong giai đoạn lịch sử nước nhà từ 1940 đến 1954. Từ Triều Đình Huế đến Chiến Khu Việt Bắc là cuốn hồi ký của PKH nguyên là Tổng Lý Ngự Tiền Văn Phòng (Chánh Văn Phòng?) của triều đình Huế, viết về những diễn biến lịch sử và quá trình hoạt dộng của mình từ cung đình nhà vua cho đến khi theo cọng sản.

Tôi sẽ không bàn đến thaí độ chính trị mà chỉ nói đến sự liên hệ mật thiết giữa hai người là ông Bảo Đại và ông Phạm Khắc Hòe. Sự liên hệ này rất mật thiết và BD đã đề bạt PKH từ chức Quản Hạt Đà Lạt lên đến chức Chánh văn phòng của mình. Quan hệ của hai người này có thể nói là quan hệ giữa vua-tôi, hay thày- trò, hay chủ-tớ tùy theo cách nhìn của từng người. Nhưng dù nhìn dưới góc độ nào ta cũng thấy người trên có tin cẩn, có tín nhiệm mới đề cử người dưới lên làm cánh tay mặt của mình. Và người dưới dù mình có giỏi dắn bao nhiêu cũng thầm mang ơn người trên đã cho mình thăng quan tiến chức. Thế mà PKH lại hãnh diện trong việc xúi BD thoái vị tháng tám 1945, đã thế PKH lại còn là người đại diện cho Cọng Sản để liên lạc với BĐ trong việc thoái vị, mặt khác PKH cứ khăng khăng nói với BĐ là PKH không biết Việt Minh là ai trong khi đó PKH liên lạc hằng ngày với Tôn Quang Phiệt là người mà ở Huế thời đó ai cũng biết là theo cọng sản (theo hồi ký của Đào Duy Anh). Sau khi thoái vị, BĐ được HCM mời ra Hà Nội làm chức cố vấn, chính BĐ lại đem PKH theo như là người thân tín, và đây là dịp để PKH gặp gỡ và làm việc với Hồ Chí Minh. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, BĐ và PKH cùng ra Hà Nội để gặp HCM, ngày 19 tháng 10 năm 1945 PKH trở ra Huế lại để đem thư của BĐ gởi cho Hoàng hậu Nam Phương. Theo cuốn hồi ký TTDHDCKVB, ở Huế PKH gặp Hoàng hậu Nam Phương hai lần, một lần 4 giờ chiều

và một lần là 9 giờ sáng ngày hôm sau và mỗi lần gặp chưa quá nửa giờ, thế mà PKH đã thấy Nam Phương có tham vọng chánh trị rất lớn, muốn chơi một ván bài ăn thua to, chuẩn bị đưa Bảo Long lên ngôi dưới quyền nhiếp chính của Hoàng Thái Hậu Nam Phương. Mặc dầu trong suốt cuốn sách không có một lời nào từ miệng Hoàng hậu Nam Phương về chuyện này. Lập tức, PKH trở ra lại Hà Nội, gặp ngay HCM và mạnh dạn trình bày với HCM mấy suy nghĩ của PKH về ý đồ dưa Bảo Long lên làm vua của Nam Phương cũng như của nhà thờ và thực dân Pháp theo tính toán riêng của Nam Phương thì đưa Bảo Long lên ngôi là bắn một phát đạn được ba mục tiêu: một là bà ta sẽ nắm được quyền để thi thố tài năng, hai là buộc ông chồng phụ bạc phải tìm cách trở về quị lụy bà, ba là sẽ làm cho bà mẹ chồng cay nghiệt phải khổ tâm vì ganh tỵ (Trích trang 15, TTDHDCKVB).

Chỉ trong vòng một tháng rưỡi (2/9 đến 19/10), PKH đã có nhận xét rất sắc sảo về chính trị, biết BĐ đã hết thời và con đường thênh thang trước mặt phải là con đường đổi chủ, không gì tốt hơn là theo về với HCM. Ở Huế có một câu để mắng chưởi những người phản trắc, một dạ hai lòng, đó là câu mắng tôi thường nghe lúc còn nhỏ, thằng đó là cái đồ phản trụ đầu châu, ăn cơm cửa Phật đốt râu thầy chùa, lấy ở sự tích tướng Tàu Hoàng Phi Hổ là tướng giỏi của nhà Trụ mà lại đi dầu hàng nhà Châu. Câu này nếu áp dụng cho PKH thì không có gì là sai. Tôi không kể đến tư tưởng chính trị, muốn phò ai thì phò. Tôi chỉ để ý đến tính cách đạo đức của sự việc. Trong cuốn hồi ký TTDHDCKVB, PKH lại công khai phỉ báng BĐ, NPHH không phải một lần mà rất nhiều lần, nào là BĐ tham nhũng, thối nát, xảo trá, ham chơi, nào là BĐ có ý đào mỏ khi lấy Nam Phương Hoàng hậu, nào là NPHH muốn dùng sắc đẹp để lôi kéo PKH về phe với mình, nào là NPHH âm mưu với cha cố Pháp để cũng cố quyền hành, . . . Tóm lại, qua cuốn hồi ký TTDHDCKVB, PKH đã để lộ bản chất Lã Bất Vi của chính mình cọng thêm sự dê tiện dánh người ngã ngựa mà người ngã ngựa lại chính là chủ cũ của mình.

Phần thứ hai là câu chuyện đăng trong báo Người Lao Động và Tuổi Trẻ tôi xin tóm lược như sau: Sáng ngày 4 tháng tám 1997, một vụ án mạng nghiêm trọng đã xảy ra tại nhà riêng của ông Phạm Khắc Chí, phó tiến sĩ, nguyên Tổng Giám Đốc Công Ty Dịch Vụ Đầu Tư nước ngoài (FISC), Hiệu Trưởng trường Đại Học Dân Lập Văn Lang, TPHCM. Ông Chí, đầu bị đập nứt sọ, cổ bị một đường dao cắt ngang sâu, dài. Vợ ông Chí, bà Hoàng Diệu Thanh, 49 tuổi và hai con trai Phạm Hoàng Chương (22 tuổi), Phạm Hoàng Chung (20 tuổi) đều bị hung thủ đập vào đầu trọng thương. Hung thủ của vụ tàn sát tập thể này là Đổ Thưởng, 53 tuổi, thạc sĩ vật lý, nhân viên Công Ty Dịch Vụ Đầu Tư nước ngoài. Thưởng đã gắn bó với ông Chí trên hai chục năm nay với cương vị đồng nghiệp, cấp dưới qua nhiều cơ quan công tác. Một số người ở công ty FISC cho biết một tuần trước khi xảy ra vụ án mạng, Đổ Thưởng đã có những biểu hiệu khác thường như ngồi viết cả tập giấy với những nội dung dấu kín. Vài ngày trước khi xảy ra án mạng, ĐT có tuyên bố là y sắp thực hiện một công việc rất quan trọng và nếu thành công thì mọi người sẽ biết. Hung thủ bị bắt với một tập nhật ký dưới dạng di chúc dài trên 40 trang giấy, theo đó mối thù giữa Thưởng và ông Chí không phải giữa hai con người mà là giữa hai cuộc sống. Năm 1970, Thưởng tốt nghiệp khoa lý,học vị Thạc sĩ vật lý. Do Thưởng học giỏi, tốt nghiệp loại ưu được giữ lại trường làm công tác giảng dạy. Năm 1976, ông Chí đề nghị Thưởng về công tác chung với ông tại trường Đại Học sư phạm 2 (Vĩnh Phú). Năm 1988, Thưởng lại theo ông Chí vào làm việc tại Viện Hạt Nhân Đà Lạt. Sau đó, ông Chí về Saigon làm Giám Đốc Công ty Dịch Vụ Đầu Tư (FISC), Thưởng cũng theo ông Chí về làm việc ở FISC với tư cách làm bảo vệ. Trong thời gian này, Thưởng về ăn ở tại nhà ông Chí. Ngoài việc Thưởng dạy kèm cho hai con trai ông Chí, Thưởng còn làm đủ mọi công việc của gia đình ông Chí như một người quản gia.

Một người bạn của Thưởng cho biết là rất ngạc nhiên khi biết Thưởng giờ là người giúp việc cho gia đình ông Chí, người này đặt câu hỏi tại sao từ một người thông minh, với cấp bằng Thạc sĩ Vật Lý, từng là cán bộ giảng dạy đại học như Thưởng lại trở thành người bảo vệ cho FISC và người giúp việc cho gia đình ông Chí? Trong cuốn nhật ký, Thưởng giải thích sự thù hận giữa hai cuộc sống như sau. Năm 1976 chính ông Chí vận động để Thưởng phải thuyên chuyển về Đại Học Vĩnh Phú. Sự thuyên chuyển này làm tan vỡ mối tình của Thưởng với người bạn gái Thưởng yêu. Dù là người thân cận sát cánh bên ông Chí, nhưng Thưởng lúc nào cũng mang nặng lòng đố kỵ, ghen ghét về sự không công bằng cuả cuộc đời. Là thạc sĩ vật lý mà phải cam tâm làm anh bảo vệ ở một nơi mà người bạn ngang tài ngang sức với mình làm . . . Tổng giám đốc. Chính mối hiềm khích ấy đã khiến Thưởng nuôi ý định giết chết cả gia đình ông Chí từ đầu năm 1997. Và có một điều cần nói là ông Phạm Khắc Chí là con trai của ông Phạm Khắc Hòe ở câu chuyện trên.

Qua hai câu chuyện kể trên, tôi thấy có sự tương đồng. Hai ông BĐ và PKH có sự liên hệ rất mật thiết. Hai ông PKC và ĐT cũng có liên hệ mật thiết không kém. Ông BĐ và PKH rời bỏ nơi chốn làm việc xưa (Huế) trước khi dẫn đến việc chia tay. Hai ông PKC va ĐT cũng rời bỏ nơi chốn cũ (Vĩnh Phú, Hà Nội) trước khi dẫn đến án mạng. Chỉ có điểm khác biệt là ông PKH đã viết sách để chưởi bới, vu cáo cho chủ cũ, khi chủ cũ lâm vào hoàn cảnh thất thế. Còn ông ĐT thì làm hơi khác đi, không chưởi bới, chỉ muốn giết cả gia đình chủ cũ mà thôi.

Như vậy phải chăng là gieo gì gặt nấy hay Cha Làm Con chịu, phải không các AHCC?

ĐOẠN ĐỜI NỔI TRÔI

NHT

Mới đi tù cải tạo về được mấy tháng, tôi còn đang lạnh cẳng lắm. Tuy được công ty xây dựng kêu làm việc lại, nhưng vẫn nằm dưới sự quản chế của chính quyền địa phương. Một đêm họp tổ dân phố, tôi đang còn lơ mơ nghĩ chuyện vượt biên, thì bỗng giật mình nghe ông tổ trưởng dân phố nói đến tên tôi:

" Khu phố quyết định cử anh Tư đi công tác kinh tế mới Lê Minh Xuân một tháng. Anh chuẩn bị cơm gạo, áo quần mà đi công tác cho tốt."

Tôi bàng hoàng nhìn qua nhìn lại, thấy mặt anh công an khu phố có vẻ thỏa mãn lắm. Cũng dân "*ngụy*" với nhau, sao anh tổ trưởng dân phố chơi khó tôi chi thế. Biết đi công tác kinh tế mới, là đi đào kinh, ngâm nửa mình dưới bùn suốt ngày, đội nắng gội mưa, đêm về còn hội họp bình bầu, ăn ngủ không nơi chốn. Cũng khổ như đi tù khổ sai.

Trong cơn bối rối, vì không thể từ chối được. Họ biết tôi đang yếu thế, mới đi tù về, bảo gì cũng phải nghe theo, nếu không thì nguy cho cái tự do mong manh đang có. Tôi thoáng nhìn cái mặt không mấy dễ thương của anh tổ trưởng dân phố, cũng là một giáo sư trung học. Không chừng đây là kế hoạch từng bước của mấy anh phường khóm, đưa tôi về kinh tế mới, rồi không cho quay lại thành phố nữa. Thời buổi nầy không thể tin ai được. Tôi bỗng nẫy ra trò chơi tháu cáy. Tôi nhìn anh công an khu vực, và từ tốn nói:

" Tôi sẵn sàng chấp hành quyết định của tổ dân phố. Nhưng xin các anh vui lòng lên Thành Ủy, xin cho tôi được một giấy phép hoãn công tác 'trọng điểm' của thành phố giao cho tôi. Tôi chưa dám bỏ ngang công tác của 'trên' giao phó."

Thực sự, thì tôi có nghe loáng thoáng đâu đó cụm từ "công tác trọng điểm" của thành phố, mà không biết đó là công tác gì. Nghe đến chữ thành ủy, thì cả anh công an, lẫn anh tổ trưởng dân phố co lại, như đĩa phải vôi. Như ngày xưa, kẻ bần dân nghe đến Thánh Thượng. Thế là tôi thoát cuộc đi đày trá hình.

Hai tuần sau, anh Giám đốc công ty tôi kêu tôi chuẩn bị đi công tác hai tuần, tại các khu kinh tế mới miền Cà Mau. Anh cho biết đây là công tác trọng điểm của Thành phố. Thì ra chuyện tháu cáy đã thành sự thật.

Tuy đi làm việc, được trả lương tượng trưng như làm công quả, nhưng phải bám chặt sở làm, để khỏi bị đuổi ra khỏi thành phố, đuổi về các vùng kinh tế mới. Về kinh tế mới là xem như tàn đời. Bị quản thúc, bị cai trị vô cùng khắt khe, dòm ngó, hăm dọa. Ưu việt nhất của các nước xã hội chủ nghĩa, là cái gì cũng thiếu, chỉ có thừa sợ hãi, thừa dòm ngó báo cáo nhau.

Một buổi chiều, xuống đến Gò Quao thì mặt trời đã gác về phương tây. Trời nóng bức. Chúng tôi được tạm trú tại căn hội trường lợp tranh lớn, bên trong có vài cái bàn ăn tập thể. Tôi đưa tiền nhờ đóng góp để được "căng tin" nấu cho buổi ăn tập thể vào buổi chiều. Anh Khiêm và tôi ra bờ sông bên kia đường, cởi áo quần nhảy ùm xuống nước. Nước mát rượi. Chúng tôi bơi ra giữa giòng. Mấy cô gái quê chèo đò dọc trên sông, khi ngang qua chúng tôi, họ cười và khoát nước trêu chọc. Họ hỏi vọng xuống:

" Dân thành phố hả? Sao mà thân mình trắng như con nhái lột da vậy?"

Hai cô gái chèo thuyền phía kia đi tới, la lớn lên:

" Cá sấu, cá sấu !"

Anh Khiêm và tôi hốt hoảng bơi nhanh vào bờ, mặt mày tái ngắt, nhảy lên bờ nhìn xuống tìm cá sấu. Thấy một cô thanh niên xung phong đang giặt áo

quần, đứng dưới nước ngập ngang đầu gối, anh Khiêm thét lên:

" Cá sấu, cá sấu. Cô kia ! Chạy lên bờ mau!"

Cô thanh niên xung phong nhìn chúng tôi mà cười sằng sặc. Khuôn mặt cô rám nắng, hai hàng răng trắng. Thân thể cô rắn chắc, khỏe mạnh, có bề ngang vững vàng. Cô mang bộ áo quần thanh niên xung phong màu phẩn ngựa đã sờn rách, nhiều nơi vá víu. Cô nói:

"Tôi cũng mong cho có cá sấu, bắt nó mà đãi hai anh một bữa tối nay. Các cô đò dọc trêu các anh đó. Sao mà mình mẫy hai anh trắng như heo cạo lông thế?"

Hai đứa tôi hơi ngượng, anh Khiêm cười nói:

" Ở thành phố, thỉnh thoảng chúng tôi phải nấu nước sôi dội lên người mà cạo lông, cho da thịt được trắng trẻo."

" Để em nấu nồi nước sôi, nhờ các anh cạo giúp em cho đỡ đen điu *héng*. Ở dưới quê nầy, chưa ai biết cái nghề đó cả."

Nói xong cô nhắm mắt lại mà cười rất tự nhiên. Cô nhìn vào mình mẫy chúng tôi, có vẻ thèm muốn lắm. Anh Khiêm thấy cái nhìn của cô, liền buông lời trêu ghẹo:

" Cô tên là gì nhỉ?"

" Chi vậy ?"

"Để mai mốt về Sài gòn mà gởi thơ, và cũng để quen biết luôn."

" Em tên Hùng. Tên có vẻ hơi con trai một chút. Các anh tên gì?"

Anh Khiêm cười đáp:

" Tôi tên là Hoa, còn anh nầy tên là Mai. Hai cái tên nầy có vẻ là tên con gái nhỉ."

Cô Hùng cười và nheo mắt lại mà nói:

" Hai anh có chịu đổi tên cho em không? Em muốn đổi tên cho anh Mai. Nếu chịu, thì từ nay gọi em là Mai, gọi anh là Hùng"

Tôi là con trai chưa vợ, nghe cô đòi đổi tên nên cũng ngượng, đỏ mặt lúng túng chưa biết nói gì, thì anh Khiêm reo lên vui vẻ:

" Xong rồi. Ý kiến hay quá. Nầy, 'chị Mai ', hai hôm nữa theo chúng tôi về thành phố Sài gòn nhé."

" Em chịu ngay."

Tôi nhìn cô Hùng, thấy cô cũng mặn mòi dễ thương, nhưng tôi ngượng quá, vội mang áo quần và đi vào nhà hội. Buổi cơm chiều hôm đó, tôi mới biết cô Hùng là "chị nuôi" của cái căn cứ chỉ huy thanh niên xung phong nầy. Không biết có phải vì chúng tôi là khách, nên mâm cơm của anh Khiêm và tôi được dọn ra có phần dồi dào hơn các mâm khác, sự chênh lệch thấy rõ. Anh Khiêm cứ nháy mắt trêu tôi mãi.

Buổi tối, anh Giám đốc công ty kêu tôi đi họp. Buổi họp được tổ chức trong một lán trại, khói cây tràm được xông mù mịt để đuổi muỗi. Tất cả thành viên buổi họp đều ngồi co chân lên ghế theo kiểu ngồi nước lụt. Bây giờ tôi mới đoán ra, tại sao các anh cán bộ ngồi co chân theo kiểu nầy. Có lẽ là vì muỗi, ngồi co chân cho dễ đập muỗi. Họp đến khuya mới lò mò ra về, trời đêm, đường quê bằng đất, tôi đi sờ soạng từng bước khá vất vả. Về đến nơi tạm trú là nhà hội, cũng là nhà ăn hồi ban chiều, thì đèn đóm đã tắt, tối om. Anh Giám đốc được dành cho ngủ trên cái bàn ăn. Anh Khiêm đã kiếm được nơi ngủ từ lâu. Tôi đang bối rối, chưa biết phải nằm đâu, thì cô Hùng bưng đèn dầu, mà ngọn đèn nhỏ như hạt bắp, đến dẫn tôi ra phía phòng ngoài. Cô hạ một cánh cửa cũ xuống đất, làm giường cho tôi. Được như thế nầy cũng đã quá quý. Cô Hùng chờ tôi móc giăng màn xong mới bưng đèn đi. Cô nhìn tôi bằng con mắt có đuôi, và miệng cười chúm chím. Tuy không có tình ý gì, nhưng tôi cũng thấy trong lòng vui vui.

Di chuyển cả ngày mệt, lại phải đi họp đêm, đặt mình xuống là tôi ngủ ngay. Đến khuya, vào quá nửa đêm, tôi thức giấc, và cảm thấy bên thân mình có hơi ấm áp, như có ai nằm bên cạnh. Tôi hơi sợ. Ai đây? Ai mà dám chui vào mùng tôi ngủ chung? Có ai quen đâu? Mà dù quen, muốn ngủ chung, cũng phải nói với tôi một tiếng chứ. Ai nữa? Chỉ có cô Hùng chứ còn ai đây? Tôi sực nhớ cái ánh mắt thèm thuồng của cô khi nhìn vào cái thân thể trơn tru, trắng mượt của tôi hồi ban chiều. Phải chăng cô nầy như

vào ngủ chung với tôi. Tôi vừa mừng vì qua khỏi cơn mê muội, vừa tức cười cho mình. Tôi tấn lại mùng cho kỹ và định ngủ tiếp, nhưng mùi phân heo hôi hám quá, chịu không nỗi. Cả cái mùng, áo quần và tay tôi, cũng nặc mùi phân heo. Tôi dậy, mở mùng, ra sông giặt. Trăng khuya miền quê sáng vằng vặc, gió thổi mát dượi. Tôi xuống bến, cởi luôn cả áo quần, trần truồng đi xuống nước. Giặt cái mùng lính bằng ni-lông và áo quần, đem treo trên bụi cây bên bến nước. Đêm trăng, trần truồng nhào lộn dưới nước lạnh mát, tôi bơi lội tung tăng, làm bọt nước tung tóe. Tôi leo lên tấm ván gỗ bắc ra sông làm cầu, đứng vương tay lên trời, rồi phóng mình lên cao, lộn nhào, nhảy ùm chuồi thân xuống nước. Trăng trên sông như đang vỡ vụn vì tôi. Gió mạnh mát lạnh. Nhờ gió thổi bạt muỗi, tôi trần truồng đứng trên cầu gỗ, hy vọng áo quần khô được phần nào. Bỗng tôi nghe có tiếng động bên bụi cây trên bến. Cô Hùng, đúng là cô Hùng. Hình như giả vờ không thấy tôi, cô đang lom khom cởi bỏ hết áo quần trên thân thể. Dưới trăng khuya vằng vặc, thân hình cô rắn chắc, đều đặn, ngực vun lên cao sáng loáng mà phía dưới có bóng đen làm nền, khêu gợi, toát ra vẻ đẹp tự nhiên huyền hoặc. Lần đầu tiên trong đời tôi, thực sự thấy một tấm thân người khác phái không áo quần, mà không phải là hình ảnh trên báo chí dấu diếm. Hai tay cô dong ra, đang đi về phía tôi, mà mặt ngững lên có trăng soi sáng, loáng thoáng nụ cười duyên dáng, tóc bay bay về một phía. Tôi như kẻ lạc vào cơn mê, trí óc mù ám, đầu nóng bừng bừng, tôi cũng dong tay ra. Bây giờ thì tôi không còn sợ hãi, lo lắng, không còn suy nghĩ về tương lai cơ cầu cho cả một kiếp người trong một xã hội khó khăn bất ổn, không triết lý về tạo nghiệp, sinh con ra để cho nó chịu khổ. Quên hết, và quên hết. Bỗng chân tôi đạp vào một mảnh đá nhọn, đau nhói, làm tôi tỉnh giấc hôn mê. Tôi chuyển người qua hướng khác, và vơ vội áo quần cùng tấm mùng ôm vào lòng, đi nhanh lên khỏi bến

mấy yêu nữ trong truyện Tây Du của Tàu, muốn ăn thịt Đường Tăng Tam Tạng vì thấy da thịt ông trắng trẻo hồng hào? Tôi còn chợt nhớ đến cái màu da ngăm ngăm mặn mòi khêu gợi của cô. Tim tôi đập thình thịch, vừa lo sợ, vừa mơ hồ thích thú. Tôi nằm yên lặng không dám động đậy. Hơi thở tôi dồn dập. Chưa lần kinh nghiệm chăn gối, nên tôi run lắm. Lòng tôi mềm nhũn ra. Tôi đã giữ gìn mình, để khỏi phải sa vào vòng "vợ cái, con cột" từ bao năm nay, không lẽ chấm dứt nơi đây. Tôi đã từng dằn lòng, chôn chết yểu bao nhiêu mối tình vừa chớm, với những người bạn gái gia thế đàng hoàng, để đánh đổi chút tự do. Nay định vùi lấp cuộc đời trong vùng kinh tế mới nầy chăng? Trong phút chốc, trí óc tôi mờ đi. Tôi nghĩ, có là thánh e cũng khó mà cưỡng được trong hoàn cảnh nầy. Thôi thì phó mặc cho số mệnh đưa đẩy. Tôi lại lo, lỡ có người thấy và hô hoán lên thì sao? Chỉ có nước độn thổ. Tôi nghe tiếng thở phì phò. Con gái gì mà thở phì phì như heo. Chắc vì cô nầy cũng đang hồi hộp và lo lắng lắm. Hơi thở cũng có mùi nặng. Cánh tay tôi xuôi dọc theo thân, nằm ép giữa tôi và kẻ lạ. Tôi quay bàn tay về phía kẻ lạ, và giật thót mình, vì nghĩ là mình đã sờ trúng vào nơi bí hiểm. Ghê quá, không có lẽ cô nầy đã trần truồng ra rồi. Tay tôi đụng vào một vùng mềm, có lông cứng như lông thú. Tôi thầm nghĩ, chắc đàn bà ai cũng thế. Con người nầy ghê thật, dám trần truồng mà chui vào giường con trai, thì e cũng đã dày dạn lắm rồi. Khứu giác tôi bắt được mùi hôi. Con gái gì mà hôi quá, tắm hàng ngày trên sông mà vẫn hôi? Tôi định đưa tay lên, sờ vào đầu kẻ lạ xem sao, thì nghe tiếng "ụt ụt" . Tôi sờ vào thân kẻ lạ, và hết hồn phát giác ra kẻ đang nằm với tôi là ai. Phản ứng tự nhiên, tôi co hai tay phát chưởng cùng một lúc với cái đạp như trời giáng, theo thế võ "Song Long Thần Chưởng". Tiếp theo đó, là tiếng thét éc éc rất lớn và tiếng rơi bắn ra ngoài của con heo to. Thì ra không phải cô Hùng, mà là con heo nó chui

nước. Tôi nghe tiếng kêu nho nhỏ vọng đến từ sau lưng như hơi gió: " Anh Mai! Sao vậy"?
Tôi giăng mùng ướt và ngủ lại. Trong lòng vừa mừng, vừa tiếc, vừa sợ. Những tình cảm lẫn lộn, xáo trộn, quay cuồng trong trí óc tôi. Khi gần sáng, tôi nằm mộng thấy đám cưới của tôi với cô Hùng. Đám cưới ngồi chồm hổm, mỗi khách tham dự được đãi một miếng kẹo đậu phọng trên bánh tráng, và nửa chai nước ngọt hiệu con cọp. Như tiêu chuẩn của thời tiến mau tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa. Tôi và cô Hùng mang áo quần công nhân màu xanh. Trong đám cưới, tay tôi cứ xòe ra sau mông để che dấu chỗ sờn rách. Buổi sáng, tôi kể lại cho anh Khiêm nghe câu chuyện xảy ra hôm qua. Anh Khiêm phát vào vai tôi một cái thật đau, và nói:
" Sao để lỡ uổng cơ hội ngàn năm một thuở ? Anh còn là kẻ tàn nhẫn, phụ tấm lòng cô Hùng, làm tự ái cô bị tổn thương. Có lẽ cô cũng chẳng đòi hỏi điều kiện lâu dài về sau. Thanh niên xung phong, thì họ tự xem như đời như đã bỏ đi, sống được phút giây nào, thì cứ sống cho thỏa nguyện, vì không thấy có tương lai. Anh có biết trong thời kỳ cách mạng văn hóa bên Tàu, việc trai gái ăn nằm với nhau được hình dung bằng nhóm từ "tách nước trà". Nghĩa là đơn giản như mời nhau tách nước trà mà thôi. Anh hủ lậu, phong kiến, chậm tiến, không bắt kịp đà tiến hóa của thời đại văn minh. Anh đáng bị phạt làm kiểm điểm".
Chúng tôi về khu kinh tế mới vùng Chủ Chi trên thuyền nhìn xuống, tôi thấy đoàn tù cải tạo đang ngâm mình dưới bùn, nước ngang ngực. Dáng họ xanh xao gầy còm. Những cái đầu tóc tai bơ phờ, mắt sâu, má hóp. Họ đang dùng cây len, móc đất lên, và chuyền tay nhau. Họ ngâm mình dưới nước chín mười tiếng đồng hồ mỗi ngày, với bụng đói, thân lạnh, nắng mưa gội trên đầu. Sức chịu đựng của con người thật lạ lùng, có lẽ sống đã khó, mà chết còn khó hơn. Anh Khiêm thở dài buồn bã than nhỏ: "Không biết có Phật, có Chúa hay không, mà nỡ để con người bị hành hạ đến thế nầy, không ai cứu giúp." Vùng kinh tế mới Chủ Chí như một đồng nước mênh mông. Chỉ có những đường

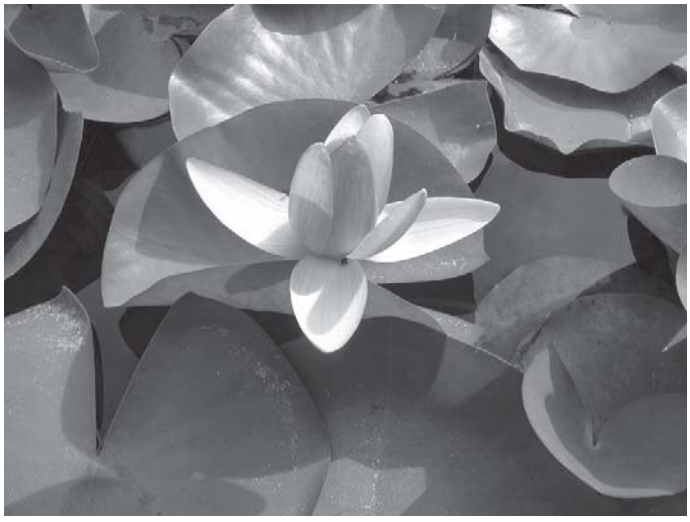

ruộng thấp thoáng. Những căn chòi ọp ẹp, đơn sơ, bốn bề trống rốc, là "nhà" của đám người bị đưa đến nơi đây. Đa số họ là dân thành thị, nửa đêm công an vây nhà, hốt cả gia đình lên xe, được chở thẳng về đây để lao động sản xuất, cho có cơ hội may mắn làm lại cuộc đời xứng đáng, có tương lai tốt đẹp hơn. Căn nhà khang trang thì được thì khóm phường kiểm kê và quản lý, hoặc làm trụ sở, hoặc chia cho cán bộ ở. Đa số họ là hạng người phi sản xuất, hạng tư sản mại bản. Suốt đời họ ở thành phố, chưa đụng đến cái cuốc, chưa thấy được cái cày. Bắt họ lên đây khai phá vùng đồng chua nước mặn nầy để tự túc, mà hy vọng họ sống được, thì e chỉ có phép lạ. Khi chúng tôi đi qua, nhiều người lấp ló trong cửa dòm ra, như dòm lén. Tôi cảm thấy nhột nhạt, xấu hổ khi đi chung với đám cán bộ nhà nước nầy. Tại đây, tôi gặp Hương, em bạn tôi. Tóc tai Hương rũ rượi, da xạm đen vì nắng, vì nước bùn, trông Hương tiều tụy như một người bệnh. Cả gia đình bên chồng của Hương bị xúc lên đây đã sáu tháng. Ông bố chồng đi tù, vì tội tư sản mại bản. Gia đình bị hốt đi giữa đêm khuya, không chuẩn bị được gì cả, bạc tiền cũng không có, đồ đạc cũng không. Hương nhờ tôi nhắn lại với bà con bên Hương, cũng như bên chồng, tìm cách tiếp tế, giúp đỡ.
Đêm ngủ lại tại khu kinh tế mới Chủ Chí, trời đổ mưa, buồn đứt ruột. Tôi nghĩ đến những người thành phố bị bắt về sống nơi đây, thiếu nước, thiếu gạo, thiếu than củi,

thiếu dầu, thiếu thịt, thiếu rau, cái gì cũng thiếu cả, không hiểu làm sao mà họ sống sót được

Phái đoàn đi thuyền về khu kinh tế mới Cà Mâu. Trời chuyển mưa, thuyền không mui, mọi người trùm tấm ni lông lên đầu. Buổi chiều đi trên giòng sông Trẹm, nước đỏ ngầu như máu. Hai bên bờ là rừng tràm, rừng đước âm u, thỉnh thoảng thấy một cái chòi trên cây cao, như một tổ chim lớn. Có lẽ chòi của những người lấy mật ong, hoặc những kẻ kiếm ăn trong rừng. Chiều xuống dần, cảnh vật u buồn, tiếng chim kêu áo não. Chiếc thuyền máy vẫn xình xịch trên giòng sông nước đỏ ngầu. Chúng tôi đến nơi khi trời đã tối. Nước ngập mênh mông. Phải xắn quần lên cao mới đi vào được trụ sở. Nước bao quanh căn nhà nền đất. Áo quần chúng tôi ướt đẫm. Chừng một giờ sau, phái đoàn được đãi cơm tối. Anh thủ trưởng vùng nầy nói nhiều, và nhấn mạnh về món thịt vịt xiêm trong bữa ăn chiều nay, là một hy sinh lớn của toàn ban lãnh đạo nơi nầy. Sau nầy, trước khi chúng tôi lên thuyền ra về, anh than nầy rằng: "Ăn hết của chúng tôi con vịt xiêm, mà công việc chưa đến đâu cả".

Ăn xong, chúng tôi xuống thuyền đi họp. Đuốc cháy xèo xèo, làm tro tàn bay rụng xuống mặt nước như pháo bông. Thuyền chèo tay, tiếng nước khua, tiếng chèo cạ vào mạn thuyền cành cạch. Mấy ông trong bưng biền, sinh hoạt bất kể ngày dêm đã quen, nên chẳng kể gì đến giờ giấc. Di chuyển suốt ngày mệt ngất, mà vừa ăn xong, lại đi họp trong đêm tối. Phòng họp là một căn nhà chòi rộng, chân cao, phía dưới nước ngập. Mọi người đã ngồi chồm hổm chờ phái đoàn. Không có đèn, mà chỉ có mấy bó đuốc cháy bùng bùng, khói mịt mù. Họ bàn về cách làm móng nền nhà, tranh cãi ồn ào cả giờ không đi đến đâu. Họ xúm lại chê bản họa đồ thiết kế của sở Xây Dựng thành phố là không thực tế, vì đất vùng nầy do bùn lầy phù sa bồi lấp, mà dùng cừ tràm năm thước, thì làm sao đụng thấu đến lớp đất đá cứng bên dưới. Tôi ngủ gật, không muốn bàn góp ý kiến gì cả. Anh Giám đốc công ty kéo tôi đi theo để làm cố vấn kỹ thuật. Khi hỏi, tôi mới nói, không tội gì mà xía vào các cuộc tranh luận ngây ngô về kỹ thuật của những con người tự đắc nầy. Nhưng đêm đã khuya, nói nhiều quá vẫn không đến đâu. Tôi mệt, muốn buổi họp chấm dứt để đi nghỉ, nên xúi anh Khiêm dong tay góp ý. Anh Khiêm hỏi:

" Anh nào nói không dùng cừ tràm được? Các anh có biết đóng cừ tràm để làm gì không?"

" Đóng cừ tràm làm móng, đỡ chân nhà, vùng nầy bùn dày hàng chục, hàng trăm thước, cừ nào đủ dài để đóng xuống thấu lớp đá bên dưới?"

Anh Khiêm cười như khinh mạn:

" Các anh hiểu sai rồi. Cừ tràm không cần phải đóng xuống thấu lớp đất cứng. Cừ tràm dùng để lèn đất cho chặt, làm chân móng. Bởi vậy, nên đóng cừ tràm phải đóng từ ngoài vào trong, mới có nhiều hiệu quả."

Thế là buổi họp chấm dứt. Chúng tôi lại lên thuyền ra về. Ở đây, có giường bằng thân cây ghép lại, không ai nằm dưới sàn, chắc sợ rắn rết. Tôi thức giấc giữa đêm khuya, bụng quặn đau, và sôi rồn rột. Tôi cố dằn cơn đau bụng, lăn qua trở lại mãi. Có lẽ vì lạ nước, và bị dầm mưa suốt cả ngày nên lạnh bụng. Chờ cho trời sáng, e còn lâu, và khó chịu đựng nổi. Tôi biết chắc nhà cửa vùng nấy không có cầu tiêu, cầu tiểu. Bằng chứng là hồi hôm, tôi thấy mấy người đàn ông đứng thả vòi rồng bên hè nhà, nước kêu róc rách. Đến khi không chịu được nữa, thì tôi bò dậy. Không dám kêu ai dậy hỏi đi cầu ở đâu. Bí quá, tôi ra bên hè, kéo quần ngồi xuống xả dạ. Trong người khỏe khắn như trút được một ngàn cân nặng. Tôi định sáng mai dậy sớm, mượn cái cuốc, đào đất chôn và sẽ dọn sạch. Sẽ không có ai biết chuyện xấu hổ nầy xẫy ra. Đang tháo dạ, bỗng tôi nghe có tiếng kẹt cửa, và thấy có bóng người đi đến. Trăng lờ mờ soi. Chết mất. Biết ăn nói làm sao bây giờ? Đang lúng túng, chưa biết phải xử trí làm sao, thì tôi nghe có tiếng ho nhỏ, và nhận ra đó là anh Khiêm. Anh Khiêm loay hoay gấp gáp lắm. Hình như anh chưa thấy tôi. Anh cũng vội tuột quần ngồi xuống và phát ra tiếng kêu phành phạch. Sau một phút quýnh quáng, hình như anh Khiêm đã thấy tôi ngồi chồm hổm gần anh. Anh lúng túng, ấp úng như phân trần nho nhỏ:

" Tôi, tôi, . . . đau bụng quá, không biết, không biết . . . nơi nào . Xin lỗi, sáng mai, sáng mai tôi, tôi dọn sạch . . ."

" Tôi đây anh Khiêm ơi."

" Trời. May quá. Thì ra là anh. Không thì xấu hổ đến chết được. Anh cũng đau bụng?"

Anh Khiêm và tôi cười khì khì trong bóng tối. Chúng tôi dặn nhau, sáng mai nhớ dậy sớm, mà dọn phân, không thì mất mặt lắm. Về lại giường, tôi thiếp đi trong một giấc ngủ thật say. Khi tôi tỉnh giấc dậy, bên ngoài sáng trợt, nắng vàng tươi đã lên cao. Tôi giật thót mình nhìn quanh, hy vọng anh Khiêm đã dậy trước, và dọn sạch giúp tôi rồi. Nhưng tôi thấy anh Khiêm vẫn còn nằm ngáy trên giường. Tôi tung người nhảy xuống đất, chạy thoát ra bên hè, và gấp gáp đi tìm cuốc xẻng. Chắc mọi người đều thấy hai đống phân nầy rồi. Mặt tôi nóng bừng. Nước đã rút sân

đất phơi ra. Tôi nhìn xuống, thì thấy trơn tru, sạnh bong, có ai đã dọn giúp cho chúng tôi rồi chăng? Tôi cúi người xuống quan sát, thì thấy sạch như lau, không có dấu vết gì. Trên nền đất, cũng không có dấu cuốc xẻng gì để lại cả. Lạ quá. Phân vân một hồi, tôi mới nghiệm ra, có lẽ lũ chuột bọ đã xơi hết rồi, và xơi sạch như lau. Tôi mừng thầm nhưng cũng chưa hết lo. Tôi đang lom khom, thì anh Khiêm trong nhà vội vã phóng ra, mặt mày có vẻ nghiêm trọng. Khi nhìn xuống đất, thấy sạch sẽ, thì anh ôm lấy tôi, và cám ơn rối rít. Anh nói nhỏ: " Bậy quá, mệt nên ngủ quên, may có anh dậy sớm dọn dùm. Không thì đưa cái mặt mo ra mà chịu xấu hổ. Cám ơn, cám ơn." Tôi cho anh biết, tôi cũng vừa thức dậy trước anh vài phút thôi. Và hình như chuột bọ đã dọn giúp từ khuya qua rồi. Chúng tôi cười rũ rượi. Sung sướng. Chiều đó, tôi lại đau bụng, hỏi một anh cán bộ nhà cầu ở đâu. Anh bảo ra bờ sông, ngồi trên nhánh cây mà thả xuống. Tôi ra bờ sông, chọn một nhánh cây thấp, khuất, ngồi rất chênh vênh, hai tay vịn chặt vì sợ té lộn mèo xuống sông. Mới ngồi xuống, tôi nghe tiếng nước xành xạch như có ai quậy. Nhìn xuống, thấy lũ cá đã xúm lại, quẫy mình, và chen chúc nhau, làm thành một vờ, u lên trên mặt nước. Chúng nó dành nhau để dọn sạch phân người. Khi tôi thả chất thừa thải xuống, thì thấy mấy con cá lớn bay lên khỏi mặt nước mà đớp. Tôi khiếp quá, ôm quần mà nhảy lên bờ, dù chưa làm xong nhiệm vụ. Lỡ nó đớp nhầm nơi bí hiểm thì khốn.

Tôi tình cờ gặp một bạn học cũ là Mạnh. Anh vượt ngục, trốn về miền nầy, thay tên đổi họ, sinh sống bằng làm củi, và ăn mật ong. Mạnh hẹn chiều nay sẽ đón tôi về nhà hàn huyên. Khi nắng chưa tắt, Mạnh đem xuồng đến chở tôi đi. Giòng sông Trẹm buổi chiều buồn hiu hắt, trong lòng tôi mang mang. Thuyền rời sông, qua lạch nhỏ. Nhà ở tận trong rừng. Cái mà Mạnh gọi là nhà, làm trên cây cao, như một tổ chim đại bàng. Mạnh cột thuyền vào gốc cây, leo thang lên nhà. Căn chòi lá xác xơ. Mạnh ở nơi đây một mình. Chiều xuống rất mau. Mạnh đốt lửa trong bếp làm đèn. Muỗi kêu như sáo thổi. Khi khói lên đầy nhà, muỗi trốn hết. Mạnh và tôi ngồi bên bếp lửa, ăn cơm chiều với cá lòng tong kho. Cá cay, mặn, ăn rất ngon miệng. Hai đứa kể chuyện vui thời quá khứ, chuyện ngày xưa chung trường, chung lớp. Nhắc lại bạn bè cũ, những người còn đang trong vòng tù tội, những người đã ra tù sống lây lất nơi đâu, những người đã rời bỏ quê hương, và những người đã chết. Chết trong tù, chết trong chiến tranh, và chết vì không muốn sống ô nhục. Khi tôi hỏi thăm Dung, người con gái mà ngày xưa tôi và Mạnh cùng ngưỡng mộ. Mạnh thở dài, trên khóe mắt như long lanh ngấn lệ. Mạnh cho biết, chính Dung đã sắp đặt cho Mạnh vượt ngục. Dung chết trong chuyến vượt biên không thành. Khi thuyền đi qua vùng Côn Sơn, bị công an đuổi và bắn theo. Dung bị trúng đạn, mất máu mà chết. Thuyền bị bắt lại, đáng ra có Mạnh cùng đi trên chuyến nầy, nhưng vì thuyền nhỏ đi lạc, không đến kịp điểm hẹn. Tôi rút ống sáo cài trên phên lá xuống, thổi bài nhạc cũ, mà ngày xưa cả Mạnh, Dung và tôi thường ưa thích. Tiếng sáo vút lên trong không gian giữa rừng khuya tĩnh mịch. Tôi dồn cảm xúc, dồn hơi thở vào ống sáo. Mạnh cầm cây đũa bếp gõ xuống thanh gỗ và ngâm bài thơ "Đêm ngược dòng sông Trẹm" , tiếng ngâm vang vọng trong căn chòi lá:

Nước đỏ quạch, tiền nhân mồ hôi máu,
Sóng lao xao vỗ mạn tiếng u sầu.
Tràm đan kín âm u, bờ che dấu,
Hoàng hôn buông, xa khuất cánh chim âu

Đêm mù mịt không trăng, sao thấp thoáng,
Thuyền bơ vơ ngược nước giữa dòng sâu
Đời khánh tận buông trôi dài năm tháng
Nén thương đau lưu lạc chốn giang đầu

Từ thất quốc, tác tan, lòng ngao ngán
Bạn bè, người phiêu dạt khắp năm châu
Rừng tĩnh mịch, vọng oan hồn khuya vắng
Đời tang thương, mai mốt biết về đâu?

Mái tóc sương rối bời trầm mưa nắng
Đường tương lai bít lối. Nẽo cơ cầu.
Sông vẫn chảy trong ta ngàn cay đắng
Một đời người tăm tối mãi canh thâu

Nước như máu, phù sa về đặc quánh
Quyện qua tim thao thức bãi Cà Mâu
Dòng sông Trẹm, trời khuya mang mang lạnh
Cất tiếng hò não nuột vọng rừng sâu.

Tiếng ngâm vừa dứt, thì tiếng sáo cũng hạ xuống ngưng theo. Mạnh và tôi, nước mắt đầm đìa trên má. Kéo vạt áo lên lau mắt, chúng tôi khóc cho chính mình, khóc cho bạn bè, khóc cho gia đình và khóc cho cả quê hương đang chìm đắm trong bóng đen không thấy ánh tương lai.

Một đêm buồn trong rừng tràm, bên bờ sông Trẹm, sau nầy còn vang vọng mãi trong lòng tôi.

Vua Gia Long dưới cái nhìn của người Mác Xít

TÔN THẤT AN CỰU

Ngay sau khi nhận bàn giao chính quyền từ vua Bảo Đại, bộ máy tuyên truyền của chính quyền Cộng Sản không ngớt tìm cơ hội mạt sát Vương triều Nguyễn, kể cả thời gian vì tình hình quốc tế đòi hỏi, Hồ chí Minh buộc lòng triệu thỉnh công dân Vĩnh Thụy ra Hà Nội phong chức Tối Cao Cố Vấn. Đột nhiên không hiểu vì lý do gì, vào giữa năm 1997 một số nhà văn hóa Mác Xít lại đổi giọng, viết bài ca tụng công lao thống nhất quốc gia của vua Gia Long. Khởi đầu là hai lý thuyết gia Trần Bạch Đằng và Trần văn Giàu đồng biên soạn và cho ra đời cuốn "Đánh giá lại nhà Nguyễn". Tiếp theo là các ông Trần Đức Vượng của Viện Sử Học Hà Nội và Mai Khắc Ứng, một cán bộ thuộc hàng bô lão của Viện Bảo Tàng Huế luân phiên viết bài ca ngợi vị vua khởi nghiệp triều Nguyễn, tức vua Gia Long.

Hôm nay, nhân ngày húy nhật thứ 182 đức Thế Tổ Cao Hoàng (vua Gia Long) và cũng là ngày kỷ niệm 200 năm nhà Nguyễn thống nhất sơn hà (1802-2002) tôi xin cống hiến bà con trong Hoàng tộc Nguyễn Phước và những ai muốn tìm hiểu Vương triều cuối cùng của nước Việt Nam những nhận xét và phê phán các vua nhà Nguyễn của một số lãnh tụ cộng sản Hà Nội, những người đã từng nặng lời phê phán các vua nhà Nguyễn. Dĩ nhiên những lời ca ngợi công lao các vua thuộc triều Nguyễn của các nhà văn hóa Mác Xít không phải là vô căn cứ mà dựa theo các sự kiện họ tìm thấy trong các sử liệu do Viện Sử học Hà Nội sưu tầm. Những gì tôi tổng hợp trong bài này chắc chắn còn nhiều thiếu sót nhưng cũng có thể nói lên một vài sự thật lịch sử về những việc làm của các vị vua thuộc giòng họ khai quốc công thần đời nhà Đinh vào thế kỷ thứ 10 (Định Quốc Công Nguyễn Bặc) và Nguyễn Ánh hậu duệ đời thứ 13 đã dựng nên Vương triều cuối cùng của nước Việt Nam.

Trong một bài khảo luận đăng trên tạp chí Giòng Đời ở Hà Nội năm 1997, một giáo sư Sử học ở Hà Nội, ông Trần Đức Vượng đã thẳng thắn phê bình triết gia Trần Đức Thảo: "Cách đây không lâu, trong một bài viết về vua Quang Trung, giáo sư Trần Đức Thảo đã khẳng định rằng "kinh thành Phú Xuân do vua Quang Trung xây dựng từ một làng xã nhỏ trở thành một Đô Thị" là một lối viết quá đà! Huế, với thành Lồi ở Long Thọ bên bờ phải Sông Hương và thành Lý Châu ở lưu vực Sông Bồ là một cảng thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên được đổi tên thành Phú Xuân thời Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1636-1648) và sau chót là vua Gia Long, trước vua GiaLong thì Phú Xuân chỉ là đơn vị làng xã". Dù không phải là một nhà sử học nhưng qua các tài liệu tham khảo, tôi biết rằng cậu bé Nguyễn Ánh (tức vua Gia Long sau này) là con của Hưng Tổ Hiếu Vương Nguyễn Phúc Côn tức Luân, cha chết từ lúc lên ba, được chú là chúa Duệ Tông đem vào ở trong cung. Sau khi Nguyễn Huệ tấn công vào Thuận Hóa và hạ sát Duệ Tông và Tân ChánhVương Nguyễn Phúc Dương, lúc đó Nguyễn Ánh mới 14 tuổi, theo đoàn quân hộ giá chạy vô Nam trong thế cùng, lực kiệt. Nhưng rồi với tài năng cùng ý chí khôi phục sự nghiệp của một giòng họ lớn, sau 24 năm gian khổ chiến đấu, cuối cùng Nguyễn Ánh đã đánh bại Tây Sơn, thống nhất giang sơn 1801 và đăng quang tức vị vào năm 1802. Tôi không bênh vực Nguyễn Ánh việc ông phú thác đứa con là Hoàng tử Cảnh cho Giám Mục Bá Đa Lộc đi cầu viện nước Pháp để chống Tây Sơn nhưng tôi lại khen ông khi ông từ chối thi hành hiệp ước Versaille mà Bá Đa Lộc đã nhân danh ông ký kết với người đại diện của Pháp là Thượng Thư Ngoại Giao

De Montmoren ngày 28/11/1787. Khi đại diện chính quyền Pháp đến Phú Xuân yêu cầu triều đình nhà Nguyễn thi hành hiệp ước Versaille thì vua Gia Long đã mạnh dạn trả lời: "Nước Pháp có thực hiện điều khoản nào của hiệp ước đâu mà bảo chúng tôi phải thi hành". Vì sự thật trên đường từ Pháp về Ấn Độ (Pondichery) Bá Đa Lộc, với ngân khoản của Giáo hội, ông ta có tuyển một số kỹ sư và sĩ quan thích phiêu lưu và mua một chiếc tàu đồng cũ (mà vua Quang Trung gọi là sự hù dọa không đáng quan tâm, ghi chú của tác giả) đem về giúp Nguyễn Ánh. Tôi rất khâm phục vua Quang Trung về chiến công hiển hách mà Ngài đã đem về cho đất nước, không ai có thể phủ nhận vai trò lịch sử của vua Quang Trung. Sự thật, Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn là do những nguyên nhân nội sinh và do sự lục đục chia rẽ nội bộ giữa ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ và sự lìa đời đột ngột của vua Quang Trung.

Trong cuộc tranh tài, Nguyễn Ánh đã đôi phen bị Quang Trung đánh tơi bời, có thể nói là không còn manh giáp. Nhưng là một tướng lãnh tài ba, thắng không kiêu, bại không nản, Nguyễn Ánh nghe nhiều nhưng làm theo ý của ông. Điển hình là ông không chọn cháu nội là giòng đích, con của Hoàng tử Cảnh để truyền ngôi mà lại truyền ngôi cho người con thứ là Hoàng Tử Đảm nối ngôi là vì trong thời gian sang Pháp, Hoàng tử Cảnh đã trở thành người Thiên Chúa giáo. Vua chọn Hoàng tử Đảm vì ông nhận thấy vị Hoàng tử này là người có khả năng canh tân đất nước. Và đúng như sự lựa chọn của ông. Hoàng tử Đảm sau khi trở thành vua Minh Mạng đã chứng tỏ tài quản trị quốc gia như lịch sử đã chứng minh.

Ngoài ra, trong thời gian nắm vận mệnh quốc gia, vua Gia Long đã áp dụng "kinh tế thị trường" và đã biến Sài Gòn thành nơi sản xuất và xuất khẩu lúa gạo ra toàn cõi Đông nam Á để đổi lấy các sản phẩm công nhiệp của phương Tây. Nhờ vậy, mà Nam Bộ ngày nay đã quen với kinh tế thị trường hơn miền Bắc. Dĩ nhiên là do nhiều nguyên nhân nhưng phải công nhận cũng do chính sách của vua Gia Long.

Có một vài người không nghiên cứu lịch sử nhưng lại thường tỏ ý chê bai việc vua Gia Long bỏ Thăng Long dời kinh đô vào Thuận Hóa. Thật sự tôi không hiểu lý do sâu xa nào khiến vua Gia Long dời đô từ Bắc vô Trung. Nhưng qua sử liệu, khi vua Gia Long dời Văn Miếu vào Thuận Hóa thì Văn Miếu ở Thăng Long ngài cho xây dựng một Tòa Khuê Các và xây mộ cột cờ cao đẹp nhất thời ấy ở khu thành cũ hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan. Hai công trình ấy đến nay vẫn hiên ngang tồn tại. Kể ra thì cũng khó chê bai nghệ thuật kiến trúc nhà Nguyễn một khi kiến trúc nhà Nguyễn đã trở thành văn hóa nhân loại. Việc Unesco công nhận kiến trúc Huế là di sản văn hóa thế giới là điều mà chúng ta đã tự hào là nhờ các vua Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức và các vị vua triều Nguyễn nói chung. Xin các sử gia thận trọng trong việc công kích các vua triều Nguyễn, vì trong số các vua Nguyễn cũng có nhiều vị nặng lòng với Tổ quốc Việt Nam như vua Thành Thái, Hàm Nghi, Duy Tân. Chúng ta cần phân biệt thời Nguyễn, đời Nguyễn và nhà Nguyễn. Cần phân biệt các vua của triều Nguyễn.

Sau khi viện dẫn chứng sự kiện lịch sử về vua Gia Long, Trần Đức Vượng đã kết luận một cách khá lương thiện: "Trách nhiệm và bổn phận của nhà sử học chân chính là luôn luôn cố gắng có cái nhìn khách quan cao nhất và hơn ai hết, nhà sử học cần nhìn vào sự thật và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hậu thế về những gì mình đã viết".

Về vua Minh Mạng thì ông Mai Khắc Ứng đã viết như sau: "Sau ba trăm năm tan nát vì chiến tranh, vua Minh Mạng đã tập họp một số đông các nhà học rộng tài cao để đặt nền móng cho thời thịnh trị. Việc làm đầu tiên của ông vua thứ hai triều Nguyễn là tổ chức lại hệ thống hành chánh một cách khoa học và chặt chẽ từ trung ương xuống địa phương như là một cuộc cách mạng để củng cố nền thống nhất quốc gia.

LĂNG TẨM VUA GIA LONG

Trong chế độ quân chủ chuyên chế, dù là minh quân cũng có những sai lầm. Hoàng đế Minh Mạng cũng không thoát khỏi tính cách con người bởi cái nhìn thiển cận trong chính sách đối nội và đối ngoại đã làm hại đến sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, phải công nhận tinh thần dân tộc của ông rất mạnh khi ông trong chính sách

chống xâm lược, ông đã gắn liền với việc chống sự xâm nhập của các nhà truyền giáo. Về điều này thì chúng tôi trách ông đã không thẳng tay như Minh Trị Thiên Hoàng đã hành xử cho nước Nhật khiến nước ta, qua sự tiếp tay của các nhà truyền giáo đã giúp thực dân Pháp chiếm gọn Việt Nam gần một thế kỷ. Tuy nhiên, với hai mươi năm ở địa vị nguyên thủ quốc gia, Hoàng đế Minh Mạng đã làm được nhiều việc ích quốc lợi dân mà chưa Hoàng đế nào trong thời cận kim ở Việt Nam làm được. Xét trên toàn cục, sự ổn định trong dân chúng dần dần được phục hồi. Nhiều huyện mới như Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Nam Hà) được thành lập. Chính sách dinh điền, di dân lập ấp trên toàn bộ châu thổ sông Cửu Long được tiến hành đều đặn. Hàng chục con sông đào có công trình lớn thế kỷ như kinh Vĩnh Tế nối liền Châu Đốc với Hà Tiên, vừa thuận tiện giao thôngng vừa lợi ích về quốc phòng đến nay vẫn còn giá trị lịch sử. Tóm lại, trên các lãnh vực kinh tế, quốc phòng, dân sinh, giáo dục v.v. . . Hoàng đế Minh Mạng đều lưu tâm và đều có những cống hiến xứng đáng. Điều thành công nhất có lẽ là đã xây dựng được một nền văn hóa Đại Nam đồng nhất trên toàn lãnh thổ, thống nhất từ Bắc đến Nam. Sự đồng nhất về văn hóa dẫn đến sự đồng nhất về ý thức quốc gia dân tộc và về trách nhiệm của mỗi người đối với Tổ Quốc non sông".

Trên đây là nhận xét của các chuyên viên văn hóa Mác Xít ở Hà Nội viết về vua Gia Long và vua Minh Mạng mà tôi có dịp tham khảo, trích đoạn và sắp xếp lại để cống hiến những ai hằng lưu tâm tìm hiểu lịch sử nhà Nguyễn và mong được quý vị thức giả bổ túc cho hoàn chỉnh hơn.

Đã xa rồi, mười tám năm trị vì của vua Gia Long, hai mươi năm trị vì của Hoàng đế Minh Mạng nhưng nhiều chứng tích lịch sử vẫn còn đó, lăng của hai Ngài vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt là hiện thân của chế độ quân chủ cuối cùng của nước Việt Nam.

California, nhân ngày kỷ niệm húy nhật thứ 182 Thế Tổ Cao Hoàng Đế

Tài liệu tham khảo:

- Đánh giá lại nhà Nguyễn của Trần Bạch Đằng và Trần văn Giàu tại Hà Nội.
- Viết về vua Gia Long của Trần Đức Vượng, Hà Nội.
- Nhà Nguyễn và vua Minh Mạng của Mai Khắc Ứng, Huế.
- Quốc triều chính biên của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Huế.

thơ

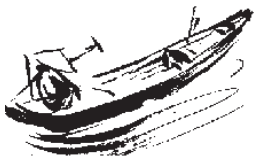

NGHE MƯA XỨ NGƯỜI, NHỚ QUÊ NHÀ

ở đây,
mưa đổ quanh năm
đêm nằm cứ ngỡ xuôi quân đồng bằng
mưa khuya chẳng ướt chỗ nằm
vẫn quay quắt lạnh chiếc thân lưu đày
cũng thuốc đắng cũng rượu cay
hoài chưa thấy lại cơn say thuở nào
nhớ đêm căng mắt chiến hào
nắp bình đoong rượu nghe sao choáng người
chung nhau mẩu thuốc rả rời
chút thôi. . . cũng đủ ấm đời phong sương

ở đây,
thông trải bạt ngàn
nhớ đồn biên trấn cây giăng chập chùng
chẳng nghe pháo vọng không trung
vẫn hoài cơn mộng hãi hùng đêm đêm

ở đây,
phố sáng rực đèn
đâu vầng trăng rụng dưới thềm nhà sau
võng đưa kẻo kẹt rầu rầu
mẹ ru con ngủ, lời ca dao buồn

quê nhà cách mấy trùng dương
đêm về giấc ngủ chập chờn cơn đau
. . .
chiều chiều ra đứng ngõ sau
nhớ về quê mẹ ruột đau chín chiều ■

phan anh dũng

Con Ngựa Thành Troy

HOÀNG NHƯ NGỌC

Dẫn Lộ: Bài viết này chỉ là một tạp ghi, mà tôi tìm tòi, cóp nhặt nhiều dữ kiện hòng dẫn ra một nét tương đồng giữa quá khứ và hiện tại, giữa chánh và tà, vương đạo tà đạo lẫn lộn trong cuộc sống. Đây chỉ là câu chuyện "Trà dư tửu hậu" giữa bạn hữu. Hay nói một cách mỉa mai dí dỏm theo kiểu Mỹ đây là câu chuyện của " Monday quarterback football" dịch nôm na là thầy bàn sáng thứ hai cho trận cầu đã qua trong chiều Chủ Nhật.

Con ngựa gỗ thành Troy là một chiến cụ mà người xứ Sparta Hy Lạp dụng mưu đánh chiếm thành Troy. Qua 10 năm vây hãm, sự cấu tạo kiên cố của cổ thành đã làm thất bại mọi mưu toan đánh chiếm của người Sparta cho nên họ phát họa và dàn dựng một con ngựa gỗ khổng lồ rỗng bụng, với quân lính ẩn nấp trong bụng ngựa. Chiến thuyền Hy lạp rút ra khơi đánh lừa, dân chúng, quan quân và vua chúa trong thành cho rằng binh tướng Hy lạp đã chán nản, mỏi mệt, thất bại trong mưu toan đánh chiếm nên rút về nước. Dại dột hơn nữa là toán tình báo gà mờ đã xem con ngựa như một chiến lợi phẩm nên đua nhau lôi kéo vào thành. Quan quân vua chúa dân chúng vui say hoan lạc. Nửa đêm trong thành say mê không cảnh giác phòng bị, địch quân trong bụng ngựa tràn ra tàn sát chiếm thành và cũng cùng lúc đó các chiến thuyền Hy Lạp quay trở lại hai mặt giáp công và thương thay, thành Troy máu cuộn thành sông, xương chồng tựa núi! Nhiều học giả cho rằng câu chuyện thần thoại lồng trong cuộc chiến thành Troy chỉ là một sự phóng đại qua những xung đột nhỏ giữa người Hy Lạp và Troy khoảng từ 1500 đến 1200 trước Thiên Chúa.

Hai thi hùng ca Illiad và Odyssey mà người ta cho rằng do thi hào Homer sáng tác ra là những thi phẩm mô tả trong cuộc chiến và sau cuộc chiến của thành Troy. Thần thoại Hy Lạp kể rằng sự xung đột khởi đầu trong tiệc cưới của vua Peleus và nữ thần Thetis. Tất cả nam thần nữ thần đều được mời dự, chỉ trừ mỗi một nữ thần Eris bị bỏ quên. Tức tối và xem như mình bị xỉ nhục, nữ thần Eris, mưu toan tạo cảnh bất hòa, ném một trái táo vàng vào giữa bữa tiệc. Trên quả táo được khắc hàng chữ "Tặng cho đệ nhất mỹ nhân" Đương nhiên tất cả nữ thần trong bữa tiệc đều giành giật tranh nhau quả táo. Nữ thần Hera, Athena và Aphrodite cả ba đều tự cho mình là người đẹp nhất. Cội rễ của vấn đề bắt nguồn từ đây: Một thanh niên có tên là Paris được cử làm giám khảo trong cuộc tranh sắc của các nữ thần. Paris là con trai của vua Priam, vua của thành Troy. Các nữ thần muốn đoạt được miện vương hậu đã cám dỗ Paris bằng đủ cách, như quyền lực và tình yêu. Cuối cùng Paris chọn nữ thần Aphrodite, quà tặng của vị nữ thần này là người đàn bà phàm tục đẹp nhất trên trái đất thời đó tên gọi là Helen. Oái ăm thay người đẹp đã có chồng, chồng nàng là vua Menelaus của xứ Sparta Hy Lạp. Nữ thần Aphrodite bỏ ngỏ yêu trong tim để Helen bỏ chồng theo Paris về thành Troy và diễn biến xảy ra sau đó là cuộc vây hãm 10 năm, vì điều đại xỉ nhục của một vị hoàng đế, một đức lang quân bị cắm sừng!

Câu chuyện thần thoại Hy Lạp tôi mượn ý ở đây chỉ là món khai vị cho bàn tiệc của Liên Quân Anh Mỹ trên xứ "Ngàn lẻ một đêm" trình bày dưới đây.

Thứ Năm 13 tháng 3 năm 2003, Hoa Kỳ không mấy hy vọng về sự đồng thuận của Hội ĐồngBảo An Liên Hiệp Quốc cho một tân Nghị Quyết giải giới Iraq bằng vũ lực theo sau nghị quyết 1441, chính thức tuyên bố là sẽ trì hoãn việc biểu quyết, thậm chí có

thể không cần đến nữa. Mặt khác Liên Quân Anh Mỹ vận động ráo riết mong đạt được các phiếu ủng hộ của các nước vẫn còn ỡm ờ, úp mở! Chí Lợi và Mễ Tây Cơ đồng soạn thảo một tân nghị quyết với hy vọng được sự tán thành của 15 thành viên trong Hội Đồng Bảo An sau khi 11 thành viên của hội đồng này không chịu ký vào bản văn của nghị quyết do Anh Quốc dự thảo và Hoa Kỳ tán đồng trong tối thứ năm. Hoa Kỳ cương quyết nhấn mạnh rằng việc giải giới Iraq sẽ được tiến hành dù cớ, hay không cớ, quyết nghị của Liên Hiệp Quốc. Biết rằng không thể thắng trong vấn đề ngoại giao nhưng Hoa Kỳ vẫn không dễ chịu thua trên chính trường quốc tế. Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, ông Negroponte phân trần rằng "Chúng tôi không thể nói rằng hôm nay chúng tôi đạt được những tiến triển khả quan hơn ngày hôm qua nhưng trong lãnh vực ngoại giao đôi khi chúng ta cũng cần có chút ít thời gian để sự việc có thể tiến hành" Sau đó ông khẳng định "Dự quyết vẫn còn chờ trên bàn thương thảo".

Sự thật thì Luân Đôn và Hoa Thịnh Đốn trong hai tuần trước đó đã bị Pháp Nga làm tình làm tội, đe mỏng đe dày, với lá bài phủ quyết trong việc giải giới Iraq. Nếu việc thông qua nghị quyết bất thành và bị khai tử bởi hai con kỳ đà Nga Pháp, thì đó hiển nhiên là một bước lùi, một thất bại ngoại giao cho tổng thống Bush và thủ tướng Blair. Cả hai vị này đã đặt sự nghiệp chính trị và thanh danh của mình trong canh bạc quốc tế và cũng hiển nhiên là cả hai nhà lãnh đạo quốc gia này không thể không hy sinh cá nhân mình để đất nước họ rơi vào nanh vuốt khủng bố và những đòn ma nớp, ma bùn quốc tế. Phần lớn chúng ta đều nghĩ rằng túi dầu Iraq lớn đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Saudi Aribia đã lôi cuốn Hoa Kỳ vào cuộc chiến tranh. Thật ra nó chỉ đúng một phần nào. Đúng ở điểm là Mỹ đã lệ thuộc khá cao trong lãnh vực kỹ nghệ và kinh tế vào nguồn cung cấp dầu lửa tại Trung Đông.

Sau cuộc khảo sát tiềm năng dầu thô tại Alaska, Hoa Kỳ chẳng mấy kỳ vọng vào tiềm năng khai thác dầu và nguồn thu hoạch nội địa. Mặt khác sự ươn ẹo, bắt bí, đòi hỏi bất nhất trong việc làm ăn buôn bán với mấy ông hoàng bà chúa Saudi Arabia lắm khi cũng rất nhức đầu cho Hoa Kỳ. Tìm được một nguồn cung cấp khác để vừa có thể giảm lệ thuộc vào Saudi Arabia và hạ giá dầu trên thương trường thì ai mà chẳng ham! Nhưng nếu nhìn sâu vào vấn đề thì trận chiến Iraq có thể tránh được cũng như không nhất thiết là chất "vàng đen" là mồi lửa cho chiến tranh.

Trong bài khảo luận của tờ The Wall Street Journal phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2003 bình luận gia Jenkins Jr. viết rằng "Cuộc chiến đã có thể tránh được nếu Pháp và Nga, quyến nhữ bởi những hứa hẹn giao dịch khai thác, buôn bán dầu lửa với Iraq, đã không kiên định liên tục nhồi nhét vào sự tin tưởng của Saddam Hussein là ông ta có thể tồn tại được trong chiến tranh trừng phạt của Hoa Kỳ" Tổng Thống Saddam Hussein và quốc gia Iraq dưới sự cai trị tàn bạo sắt máu của ông hơn hai thế kỷ trên mảnh đất mà truyền thuyết cho rằng vườn Địa Đàng, của Ky Tô giáo, được tạo lập ở phần đất giữa hai con sông Tigris và Euphrate nhập lại. Iraq có một quá trình lịch sử lâu đời. Qua nhiều thế kỷ phần đất này đã được chiếm ngụ bởi người Mesopotamia, Babylonia, Assyrian và cuối cùng là Ả Rập. Trong thế kỷ 16, Iraq là phần đất thuộc Đế quốc Thổ Ottoman, sau Đệ Nhất Thế Chiến, Đồng Minh (Anh, Pháp, Nga, Mỹ, Nhật...) đánh bại Trung Tâm Quyền Lực (Đức, Áo, Hung Gia Lợi...) Đế quốc Thổ Ottoman tan vỡ và bị chia cắt. Năm 1920 Anh Quốc được Hội Quốc Liên (League of Nations) chia ủy trị phần đất lãnh thổ Iraq. Năm 1921 Anh Quốc đặt Faisal lên ngôi quốc vương Iraq. Năm 1932 Iraq tuyên bố độc lập. Năm 1958 tướng Qasim đảo chánh lật đổ nhà vua do Anh Quốc đặt để, nền quân chủ cáo chung, và Iraq tuyên ngôn trở thành một nước Cộng Hòa. Năm 1963 Tướng Abdul Salam Aref đảo chánh và lật đổ Quasim. Người em, ông Rahman Aref kế vị anh lãnh đạo quốc gia Iraq vào năm 1966. Đảng Baath chiếm quyền trong cuộc đảo chánh năm 1968 và ông Hasan Al-Bakr trở thành Tổng

Thống kiêm nhiệm Thủ Tướng chính phủ của nước Cộng Hòa Iraq. Một Hội Đồng Cách Mang được thành lập. Saddam Hussein phụ tá đắc lực Tổng Thống Al-Bakr chính thức nắm quyền vào năm 1979.

Ông Hussein củng cố quyền lực mình bằng cách triệt hạ những thành phần chống đối trong Hội Đồng Cách Mạng. Trong sự nghiệp chính trị của bạo chúa Saddam, ông đã phạm những lỗi lầm tai hại chẳng những cho bản thân và gia quyến ông, mà còn cho cả một đất nước đáng lẽ phải được thừa hưởng một cuộc sống trù phú do tài nguyên thiên nhiên mà họ có được. Thậm chí nhân dân Iraq dưới móng vuốt của nhà độc tài Hussein có cảm nghĩ rằng "Tài nguyên thiên nhiên chỉ là một sự nguyền rủa thay là một lời chúc lành ơn phước" Ông Saddam người tín đồ cuồng nhiệt của chủ thuyết Staline, áp dụng khuôn rập lời vàng thước ngọc của sư phụ đồ tể Staline, trong mọi thủ đoạn chém giết thanh trừng.

Ngay từ bước đầu trên nấc thang bạo trị, ông đã chiếm và chuyển lợi tức khổng lồ do dầu hỏa thu về vào các trương mục cá nhân của ông. Tiền này một phần được đổ vào việc nghiên cứu sản xuất vũ khí tàn sát tập thể cùng các chiến cụ quy ước do Pháp, Đức, Nga, Tàu buôn bán lén lút trái phép cho Iraq. Phần khác, ngoài việc tiêu pha xa xỉ vào những cung vàng điện ngọc và những phung phí quái đản của các quý tử, lợi tức do tài nguyên thiên nhiên quốc gia còn được ngài bạo chúa chi ra để mua chuộc những người sẵn sàng chết sống cho ông. Cái mỉa mai là ông Saddam, có thể danh chánh ngôn thuận, trong con mắt của thế giới, là vị nguyên thủ của một quốc gia hùng mạnh về tiềm năng kink tế do các giếng dầu tại Iraq, rất có thể vượt xa quyền năng mà ông mưu đồ tạo được bằng vũ khí khủng bố. Trong năm 1979 cuộc cách mạng Hồi Giáo tại Iran và với sự lớn mạnh của một chính quyền Shia đã gây quan ngại cho ông Saddam Hussein, và cũng trong thời kỳ đó phong trào chống đối của thành phần Shia ở miền Nam Iraq bộc khởi và lan rộng . Hai nhánh Shia và Sunni, phát xuất vốn cùng tin vào tiên tri Mohamed, chỉ khác là nhánh Shia tin vào Ali là vị Tông Đồ kế thừa nhà tiên tri Mohamed còn nhánh Sunni thì tin vào Omar là vị Tông Đồ kế thừa Mohamed. Ông Saddam và đảng viên của Đảng Baath, nắm hầu hết các chức vụ then chốt trong chính quyền Iraq, thuộc nhánh Sunni. Nhánh Sunni trong nước Iraq chỉ là thiểu số cai trị đại đa số người Shia!)

Đầu năm 1980 Khomeni kêu gọi Hồi Giáo Shia ở Iraq lật đổ chính quyền không "chính giáo" của ông Saddam . Dưới những chế độ, gọi là "Hồi giáo chính thống" này, đàn bà phải bịt mặt khi ra đường, không được đi học, không được tham gia chính quyền, bị đánh đập công khai ngoài đường như gia súc, tất cả các mục giải trí như điện ảnh ca nhạc đều bị nghiêm cấm, vân vân...) Kiếm cớ để gây chiến, ông Saddam sau đó khơi lại sự tranh chấp giữa hai quốc gia Iraq-Iran về thủy lộ Shatt al-Arab để xua quân vào xâm chiếm lãnh thổ Iran ngày 22 tháng 9 năm 1980. Chính quyền Hồi giáo Shia ở Iran đủ mạnh để chận đứng sự xâm lược của Iraq lấy lại phần lãnh thổ bị chiếm đóng còn tiến quân vào lãnh thổ Iraq.

Chiến tranh Iraq-Iran đã làm cả Iran lẫn Iraq khánh kiệt, chấm dứt vào tháng 8 năm 1988, Khomeni phải chấp nhận Nghị Quyết đình chiến 598 của Hội đồng Liên Hiệp Quốc. Trong tám năm khói lửa, cả hai nước Hồi giáo trong vùng, nướng nguồn lợi tức dầu cùng xương máu nhân dân mình vào canh bạc chiến tranh (Khoảng 450 tỷ đô la đã được Iraq đốt vào chiến tranh!). Cũng trong năm 1988 Saddam Hussein đã ra lệnh dùng hỏi độc tàn sát hơn 5000 người Kurd ở mạn Bắc Iraq, vũ khí hơi độc và hóa chất tàn sát giết người tập thể này cũng đã được đem ra xử dụng trong cuộc chiến với Iran. Từ lúc khởi đầu cuộc chiến Iran-Iraq, Tây Phương và hai nước quân chủ bảo thủ Saudi Arabia và Kuwait, ủng hộ và trợ cấp Iraq trong nỗ lực dập tắt sự nổi dậy của nhóm Hồi giáo chính thống, khắt khe và quá khích tại Iran. Saudi Arabia và Kuwait đã cho Iraq mượn những ngân khoản lớn lao. Măt. khác Hội Đồng Tác Hợp Vùng Vịnh đã tăng khối lượng sản xuất dầu để hạ giá dầu trên thị trường làm thiệt hại lợi tức thâu nhập của Iran vốn tùy thuộc vào dầu hỏa.

Mỉa mai thay trong con người đã tiêm nhiễm sự tráo trở lường gạt phản bội của chủ thuyết Mác Lê, lấy ơn trả oán, muốn quỵt số nợ khổng lồ của Kuwait. Ngày 17 tháng 7 năm 1990, Saddam Hussein cáo buộc Kuwait đã khai thác và sản xuất quá mức sản lượng dầu thô trên trị trường và đồng thời khai thác trộm dầu trong vùng dầu hỏa Rumaylah! Ngày 2 tháng 8 năm 1990, 100,000 Vệ binh Quốc Gia và 350 chiến xa Iraq tràn sang lãnh thổ Kuwait và chỉ trong ba ngày chiếm đóng toàn lãnh thổ của quốc gia nhỏ bé nay.Ngày 8 tháng 8 năm 1990 Iraq sát nhập Kuwait thành tỉnh thứ 19 của Iraq và yêu cầu tất cả các đại sứ nước ngoài phải dời về Baghdad. Phản ứng mãnh liệt của Liên Hiệp Quốc buộc Iraq phải tức khắc rút quân ra khỏi Kuwait cùng với lệnh của Tổng Thống Bush (cha) ra lệnh ngăn chận các tài sản, trương mục của Iraq và Kuwait

tại Hoa Kỳ.

Suốt 12 năm sau trận chiến Kuwait lá bài dầu lửa đã được ông Saddam tận dụng trên chính trường quốc tế. Những chuyến đi đêm thương lượng con thoi giữa Moscow, Paris và Baghdad về những hợp đồng khai thác rộng lớn của Nga ở miệt Tây Qurna và Pháp với các hợp đồng khai thác các giếng dầu trong vùng Majnoun và Nahr Umr giữa công ty Total Fina Elf của ông Desmarest, màchính quyền Chirac cũng có cổ phần, đã giải thích cho việc chống đối mãnh liệt của Pháp và Nga trong việc Hoa Kỳ muốn dùng vũ lực giải giới Iraq.

Trong thập niên của những năm 1990 nước Nga ở trong thời kỳ điêu linh túng quẫn, chịu lệ thuộc và ngoan ngoãn chiều theo các chủ nợ có trụ sở ở Luân Đôn, Nữu Ước và Ngân Hàng Tiền Tệ Quốc Tế. Từ khi Tổng Thống Putin, lên ngôi vào đầu năm 2000 tình huống của nước Nga khấm khá hơn khi giá dầu thô trên thế giới hồi phục. Nga ngưng việc vay mượn IMF. Cũng vào thời kỳ này những xáo trộn bất ổn ở Trung Đông làm giá dầu tăng vọt, sự kiện này giúp củng cố nền tài chánh của điện Kremlin. Nga nay là nước xuất cảng dầu vào hạng thứ nhì trên thế giới thì đâu còn chạy theo củ cà rốt của chú Sam! Trái lại còn có tiền thặng dư để trang trải nợ nần quốc tế. Đã không bị tròng cổ bởi cái túi tiền của chú Sam, lại bị mê hoặc bởi lời đường mật của Đại Sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc khi ông này lên lớp với tờ Washington Post "Chính trị chung qui là lợi lộc, chính trị không lý đến đạo đức.

Nếu Pháp và các nước khác (ám chỉ Nga) có lập trường tích cực trong Hội Đồng Bảo An, thì đương nhiên Iraq sẽ dành quyền lợi lộc cho họ". Cái bi hài kịch này như một điệp khúc hát đi hát lại trên sân khấu Liên Hiệp Quốc trong 12 năm qua chỉ tội thân anh Mỹ đã lãnh những trận đòn chí mạng của quân khủng bố tại đất liền, trên biển cả, tại Mogadyssu, trên chiến hạm USS Cole, tại Nữu Ước, tại Afganistan dưới chiêu bài Thánh Chiến của quân khủng bố do nhóm Hồi Giáo cực đoan cầm đầu.

Nhiều tổ chức cùng những nước Ả Rập, chủ mưu nuôi dưỡng, tài trợ, ném đá dấu tay trong đó có Iraq. Người ta bắt đầu hoài nghi là cái tổ chức sau Đệ Nhị Thế Chiến này còn là nơi thích nghi để các nước Đồng Minh và các quốc gia hội viên giải quyết mọi khác biệt tranh chấp của họ hay chỉ là nơi phe nhóm sát phạt nhau vì quyền lợi riêng tư của quốc gia mình. Có người còn bi quan cho là tổ chức này sẽ là nơi cáo chung sự liên kết của Đồng Minh sau nửa thế kỷ chung vai góp sức.

Thứ Hai ngày 17 tháng 3 năm 2003. Từ tòa Bạch Cung Tổng Thống Hoa Kỳ George W. Bush truyền đi tối hậu thơ buộc nhà lãnh đạo quốc gia Iraq trong 48 tiếng đồng hồ phải từ bỏ quyền hành hay sẽ bị hủy diệt "vào thời khắc do chúng tôi quyết định" Tiếp theo ông tuyên bố "Những quốc gia Tự Do có bổn phận bảo vệ nhân dân mình bằng sự liên kết chống lại bạo lực, và tối nay cũng như chúng tôi đãhành xử trước kia, Hoa Kỳ và các Đồng Minh của mình chấp nhận trọng trách" Ông cũng khẳng định rằng sự rủi ro trong bất động còn vạn lần it hiểm nguy hơn việc khởi động chiến tranh. Ông nói "Trong một năm, hay trong 5 năm, sức tàn phá hủy diệt mà Iraq có thể gây ra cho các nước tự do sẽ ngàn lần hung hiểm hơn. Chúng tôi chọn đương đầu với sự đe dọa ngay bây giờ, nơi nào có sự hiện diện của chúng, trước khi chúng đột ngột xảy ra trên bầu trời và trong các thành thị của chúng tôi" Cùng thời nhiều nơi trên thế giới, ở Âu Châu và các nước Ả Rập những cuộc biểu tình sách động phản chiến đươc ồn ào tổ chức.

Thứ Ba ngày 18 tháng 3 năm 2003. Tổng Thống Saddam Hussein xuất hiện trong quân phục trước vô tuyến truyền hình Iraq với dáng dấp cao ngạo khinh thị, bác bỏ tối hậu thơ của nhà lãnh đạo Hoa Kỳ buộc ông phải từ bỏ quyền lực và ra đi đêm nay sau khi mãn hạn kỳ 48 tiếng. Khiêu khích hơn vị bộ trưởng ngoại giao của Iraq còn lớn lối đề nghị Tổng Thống Bush và Thủ Tướng Blair nên từ chức. Chiến

tranh hầu như không thể nào tránh khỏi. Hai trăm ngàn quân liên minh Anh, Mỹ, Úc đã sẵn sàng ứng chiến. Chiến đấu cơ phi đạn trên các mẫu hạm Constellation, Rosevelt, Lincoln, Truman, Kitty Hawk của Hoa Kỳ và British Naval Task Group 2003 túc trực cả tháng trên Vịnh Ba Tư và Địa Trung Hải, đang sốt ruột khởi chiến. Xe tăng thiết giáp của các sư đoàn Bộ Binh và Thủy Quân Lục Chiến của Liên Quân từ lãnh thổ Kuwait phía Nam Iraq nôn nóng vượt biên giới tràn sang.

Thứ Tư ngày 19 tháng 3 năm 2003, 9:30 tối, giờ Hoa thịnh Đốn khoảng 5:30 sáng thứ Năm giờ Baghdad, phát ngôn viên Tòa Bạch Cung ông Ari Fleischer loan báo "Giai đoan đầu cho việc giải giới Iraq đã bắt đầu". 45 phút sau đó Tổng Thống Bush tuyên cáo với nhân dân Hoa Kỳ là ông đã ra lệnh cho các lực lượng Đồng Minh đánh phá những "mục tiêu quan yếu chiến lược đã được lựa chọn". Mặt khác, nguồn tin chính phủ cũng xác nhận rằng vụ tấn công phi pháo có "mục tiêu cơ hội". Dư luận cho rằng mục tiêu cơ hội này nhắm vào ông Saddam và hai con trai của ông Uday và Qusai nhưng nguồn tin chính phủ từ chối xác nhận điều này.

Cuộc chiến mở màn bằng nhát búa chặt đầu, nhưng cho đến bây giơ, lúc tôi viết bài này, thì không ai biết được kết quả ra sao sau vụ oanh kích phủ đầu này! Chỉ có Trời biết, Tình Báo biết! Trong những trận chiến xẩy ra qua bao thế kỷ, thắng bại phần lớn đều được định đoạt bởi tình báo và ai cũng hiểu rằng vai trò gián điệp là vai trò then chốt cho việc được thua. Nhân sự có tầm mức quan trọng, lắm khi còn hơn cả bom đạn phi pháo. Thật ra chiến tranh chỉ đươc chính thức loan báo ngày hôm nay nhưng trong thực tế nó đã xẩy ra từ nhiều năm tháng trước đây khi Mỹ lợi dụng thời gian giám sát của Ủy Ban Thanh Tra LHQ để quan sát tìm tòi. Ông Simon Perès, một khuôn mặt quen thuộc, tên tuổi trên chính trường Do Thái khi được Fox News phỏng vấn về sự liên hệ và cộng tác của tình báo Do thái với Hoa Kỳ trong trận chiến này đã khôn ngoan khiêm tốn trả lời: "The nature of intelligence is to keep it quite" (Bản chất của tình báo là giữ nó im lặng) Trong thập niên gần đây cơ quan tình báo Hoa Kỳ CIA đã bị phê phán chê trách đủ điều. Những thất bại điêu đứng của CIA trong những nhiệm kỳ của cựu Tổng Thống Clinton đã làm suy yếu lòng tin của dân chúng Hoa Kỳ đối với

cơ quan này, thậm chí có người còn quy trách sự yếu kém vô hiệu của CIA đã gây ra thảm cảnh 11 tháng 9 tại Nữu Ước!

Bom đạn phi pháo gầm thét tại thủ đô Baghdad gây cuồng nộ không những ở thế giới Ả Rập mà còn lan rộng khắp Âu Châu. Tôi có cái nhìn thật tiêu cực về những người biểu tình, những con cừu của ông Tây Panurge trên đường phố Paris, London, San Francisco, Cairo, Beiruth, New York... và những khuôn mặt nhầy nhụa, son phấn nặng mùi của phim trường Hollywood. nào Martin Sheen, Madonna, Dixie Chicks, Jenie Garobolo, những hiện thân của trụy lạc, nghiện ngập to tiếng đả kích phỉ báng quốc gia mình! Có bao giờ những khuôn mặt này, những khuôn mặt vô ý thức nham nhở này, hình dung được những bóng hình thầm lặng chịu đựng của những nguoi me mất con, những người vợ mất chồng, những gia đình có thân nhân đang đổ máu ngoài chiến trận. AH Nguyễn Thiệp, chuyển cho tôi một E-mail thật ý nghĩa. Đại để tác giả trong E-mail "Oh France !!" phân trần rằng "Trong cuộc thăm dò mới đây trong quần chúng Pháp, 88% người được phỏng vấn cho rằng Hoa Kỳ là kẻ bắt nạt nhỏ nhen, là kẻ gây hấn, chỉ phục vụ cho quyền lợi của chính mình... và người Pháp cũng nói rằng họ sẽ không tham gia vào một cuộc chiến tranh xâm lược." Tác giả "Oh France!" tiếp tục phân bua rằng: Họ cáo buộc chúng ta là đế quốc, thật ra phần đất duy nhất chúng ta chiếm được chỉ là những nơi chôn vùi hơn 65 ngàn công dân Hoa Kỳ ở nước ngoài mà phần lớn đất đai nơi này nằm trên đất Pháp! (Normandy, 4410 mộ phần; Brittany, 9387; Lorraine, 10,489; Somme, 30,921 và NghĩaTrang Chiến Sĩ vô danh, 18,000 mộ phần).

Tổng Thống Pháp Chirac, nhà chính khách tài ba, lỗi lạc, đã hai lần ngự trị trên mảnh đất nôi sinh của cuộc Cách Mạng 1789. Ông cũng chẳng khác biệt gì với 88% người Pháp trong "Oh France!" giận dữ lớn tiếng trên vô tuyến truyền hình "Il n'est pas là la justification!" Khi tôi còn ở Trung Học, tôi có đi nghe một vị sư già thuyết pháp, ngài giảng rằng "Con người dù trong óc não có chứa đầy kinh điển mà trong tâm không có Phật tanh thì ý đồ mưu dụng kinh điển còn độc hại hơn cả rắn rết!" Tôi không ám chỉ gì về quyền lợi riêng tư của nước Pháp trong lá bài "dầu lửa" mà ông đã đi đêm với nhà độc tài Hussein, tôi chỉ ngứa tai vì lời tuyên bố giả nhân giả nghĩa của ông dùng để đánh lận con đen trên sòng bài quốc tế. Tôi cũng không muốn vạch lá bài trong tay áo của ông, khi dân chúng

Tổng Thống Bush thúc giục Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc gỡ bỏ lệnh cấm vận Iraq. "Bây giờ Iraq đã được giải phóng Liên Hiệp Quốc cần phải hủy bỏ sự trừng phạt kinh tế trên đất nước này" ông tuyên bố với công nhân hãng Boeing vào ngày Thứ Tư 16 tháng 4 năm 2003 tại Saint Louis. Trong ngày Thứ Ba hôm trước Tổng Thống Chirac, sau hai tháng không chuyện trò giữa hai vị nguyên thủ quốc gia, đã điện đàm với Tổng Thống Bush. Ông Chirac nói rằng nước Pháp muốn Liên Hiệp Quốc giữ một vai trò chủ chốt hơn trong việc tái thiết hạ tầng cơ sở của Iraq cũng như sự thiết lập chính quyền hậu chiến trong xứ sở này. Thưa các Ái Hữu "Con ngựa thành Troy" tôi kể trên bắt đầu được đem ra mồi nhử rồi đó! Cũng trong tuần này, Tướng Powell đã bác bỏ sự đòi hỏi của Nga, Đức và Pháp bằng lời giải thích cứng rắn rằng "The American-led coalition had overthrown Saddam Hussein, and the idea that the Security Council is now going to become responsible for everything is incorrect" Không sai, sau nhiều năm ngăn chận Hoa Kỳ trong việc giải giới triệt hạ nhà độc tài Hussein vì quyền lợi riêng tư, Nga, Đức, Pháp dùng lá bài mới Pháp, qua cái loa tuyên truyền của chính phủ ông, cáo buộc Hoa Kỳ là xâm lược đế quốc, chỉ biết phục vụ quyền lợi của chính mình! Có thật là ông Chirac cho rằng Hoa Kỳ không có lý lẽ gì để biện minh cho hành động khởi chiến của mình?! Tôi cũng biết nước Pháp của ông có quan hệ lâu dài với xứ Ba Tư, dụng cụ, súng đạn vật dụng kỹ thuật giết người, Pháp quốc trao đổi buôn bán với bạo chúa Saddam vẫn còn sờ sờ ra đó! Ông giả đui giả điếc, toa rập với điện Kremlin để quên đi rằng ông Saddam đã bức tử năm ngàn sinh mạng người Kurd, đã nhúng tay vào vụ khủng bố giết chết hơn ba ngàn người vô tội tại Nữu Ước!

Thứ Năm ngày 10 tháng 4 năm 2003. Hàng tít lớn đậm chạy đầu trang nhất nhật báo Los Angeles Times "Baghdad in U.S. Hands" "Cuộc chơi đã mãn, the game is over" Ông Mohamed Douri, đại sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc xác nhận tại Nữu Ước. Quân đội Hoa Kỳ đập nát xóa bỏ quyền lực của nhà độc tài Saddam Hussein sau 24 năm cai trị thủ đô Baghdad và đất nước Iraq. Thủy Quân Lục Chiến Mỹ kéo sập tượng cao bốn tầng của Saddam lôi đầu tượng trên đường phố, theo sau dân chúng nhẩy múa reo hò "Ôi, Iraq" "Victory! We are free!" Tiếng hò hét trộn lẫn tiếng giầy dép đập lên đầu tượng gây một cảm giác bẽ bàng cho người dõi xem trên màn ảnh nhỏ. Bạc là dân, bất nhân là lính, những bạo chúa trong cổ kim vẫn chưa thức tỉnh qua hình ảnh này. Cát bụi sẽ trở về với cát bụi! Con người trong vũ trụ chẳng là gì cả, khi chết đi, trước Thượng Đế may ra chỉ được cọng công và trừ tội!

Con ngựa thành Troy có thể thành công trong thần thoại, chứ trong thế kỷ điện tử này những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ có thể nhìn thông qua bụng ngựa, quân đội Mỹ mắt xuyên đêm tối và bom đạn Mỹ đi thẳng vào hang chồn ổ cáo của Ma Vương Quỷ Dữ. Xin chớ chơi dao mà có ngày đứt tay và cũng chớ chọc ổ ong mà có ngày sưng mặt!

thơ

HỒI KÝ 70 TUỔI

Nhớ chuyện ngày xưa, mấy đoạn đời,
Mới tròn trăng, thoắt đã bảy mươi,
Bao nhiêu biến cố qua như mộng,
Lắm nỗi buồn lo, mấy chuyện vui.

Chinh chiến lan tràn, tuổi mộng mơ,
Sinh ly lệ đổ, dệt thành thơ
Tử biệt máu tô hồng tiếng nhạc
Giữa đông người vẫn thấy bơ vơ.

Ngày tháng tang thương cũng dần qua,
Xây dựng tình yêu một mái nhà,
Không phạm tội chi mà lao lý,
Cho đời hạnh phúc phải rời xa.

Trở lại gia đình, tay trắng tay,
Các con không ánh sáng ngày mai,
Biển cả gian lao nào cũng vượt,
Trọn niềm tin xây dựng tương lai.

Thượng đế cao minh chẳng phụ lòng,
Khiến xuôi vượt biển được thành công,
Các con học tập nay thành đạt,
Một niềm vui trọn vẹn trong tâm.

Tuổi đời còn lại chẳng bao nhiêu
Biết sẽ ra sao buổi xế chiều
Xin đoạn cuối đời đừng dậy sóng
Cho còn thanh tịnh với tin yêu.

Nguyễn Quang Bá
Tây Úc 04/2003

Dâu bể đời người biến đổi thay
Đầu xanh thoắt bạc có ai hay
Trăm năm cuộc sống là bao nhỉ
Gởi lại đời sau chuyện kiếp này...

Huy Lực

Tâm Lý & Hành Động

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Qua sự giới tiệu của AH Phí Ngọc Huyến, Texas, T/H HLBTK đã gởi bài này để quý A/H thưởng thức.

BPT

Con người trên cõi đời này, nhiều lúc chúng ta có những động tác hành vi hành động thật là kỳ cục khó hiểu. Người đầu tiên viết sách để nghiên cứu những xúc động, hành vi hành động của con người là ông Charles R. Darwin, quyển "The expression of emotion in man and animals" xuất bản năm 1872. Từ đó đến nay hơn 130 năm trôi qua, đã có hàng trăm cuốn sách của những nhà tâm lý học, sinh lý học phân tích nghiên cứu về cử chỉ hành vi hành động của con người.

Tổng thống Bill Clinton là nhà chính trị có biệt tài về nghệ thuật chinh phục cảm tình của quần chúng để vượt qua những khó khăn trở ngại chống đối gây ra bởi những tai nạn "hồng nhan họa thủy" do cái tật đào hoa thích gái đẹp của ông. Ông Clinton hay nháy mắt với người đối diện như một cử chỉ mời gọi sự thông cảm, nhất là mắt trái như một hành vi tình cảm chia xẻ và đồng thuận. Nhiều nhà tâm lý học nhận xét cho rằng: kẻ nào nháy mắt trái, kẻ ấy là người sáng tạo phong phú, dồi dào tình cảm, người ấy dễ làm bạn với chúng ta hơn. Khi Tổng thống Bill Clinton ra điều trần trước quốc hội, các nhà tâm lý học theo dõi ông kỹ lưỡng, khi ông đặt cả hai cùi chỏ tay lên bàn và chồm người về phía trước, đó là động tác trong thế tự vệ để bất ngờ ông đưa ra một chiêu diễn dịch mong kéo cử tọa về phía mình. Đôi lúc ông Clinton lấy hai ngón tay xoa đầu mũi, các nhà sinh lý học cho rằng lúc bấy giờ Tổng thống đang bối rối, đang lếu láo nói dối, vì khi nói láo máu dồn mạnh xuống đầu mũi ngứa ngứa và trong một hành vi vô thức, Tổng thống lấy tay vuốt nhẹ mũi chơi.

Cử chỉ Tổng thống lấy tay vuốt nhẹ mũi chơi trước hàng triệu người đang chăm chú theo dõi quan sát, tạo ra một hoạt cảnh hài hước để đời nhưng vô hại, ngược lại có những hành động bất chợt ngoài sự kiểm chế gây ra rắc rối cho đời.

Giáo sư tâm lý học Abraham H. Maslow người Hoa kỳ đã giải thích chứng minh hành vi của con người theo một công thức như sau:

$$B = f(PE)$$

(B là hành vi, P là nhu cầu tâm lý cá nhân, E là hoàn cảnh ngoại giới khách quan. f là hiệu hàm số).

Công thức nầy nói rõ hành vi B của con người là hàm số của nhu cầu tâm lý P và hoàn cảnh E lúc đó. Khi nhu cầu tâm lý lên qua cao độ, trong hòan cảnh ngoại giới ngột ngạt sôi sục, con người không còn chế ngự được hành vi của mình nữa, có những hành động bất bình thường vượt ra ngoài khuôn khổ luân lý của cuộc đời.

Tại giải bóng đá thế giới năm 2002 giữa đội bóng hai quốc gia Tây Ban Nha và Ái Nhĩ Lan trên vận động trường Suwon, Hàn quốc ngày 16-6-2002, Tây Ban Nha dẫn trước Ái Nhĩ Lan 1-0, và chỉ còn không đầy một phút nữa trận đấu kết thúc, hàng trăm ngàn người Tây Ban Nha hân hoan xoa tay sắp sửa đi lãnh tiền thắng cá độ, thì bất ngờ Ái Nhĩ Lan được hưởng một quả phạt cách khung thành khá xa, không có gì quá nguy hiểm. Tiền đạo số 17 Ái Nhĩ Lan Niall Quinn chạy qua lại trong vùng cấm địa để hy vọng mong manh dùng đầu đưa banh vào lưới và trung vệ số 6 Fernando Hierro của Tây Ban Nha được lệnh bám sát truy cản. Trong một hoàn cảnh cực kỳ căng thẳng, trung vệ Tây Ban Nha Hierro nắm áo tiền đạo Ái Nhĩ Lan Quinn giật mạnh trước hàng trăm triệu đôi mắt chứng kiến, và trọng tài Anders Frisk người Thụy Điển thổi còi cho đội Ái Nhĩ Lan hưởng quả phạt penalty. Cầu thủ Robbie Keane của Ái Nhĩ Lan đã đá banh vào lưới gỡ hòa 1-1 ở phút 90.

Dân chúg Tây Ban Nha đã không bao giờ quên hành động điên rồ nầy của Hierro, dầu sau 30 phút đấu thêm hai bên vẫn hòa và cuối cùng để phân thắng bại bằng đá phạt đền, Tây Ban Nha đã thắng Ái Nhĩ Lan 3-2.

Tôi và tất cả những người Việt Nam tự do cũng không bao giờ quên được một câu nói của ông Henry A. Kissinger, Tổng trưởng Ngoại giao Hoa kỳ thốt lên vào đầu tháng tư năm 1975: "Tại sao họ không chết đi nhanh chóng cho xong việc. Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là họ cứ tồn tại sống còn dai dẳng". Họ ở đây là dân tộc Miền Nam Việt Nam tự do; họ là nước Việt Nam Cộng Hòa. Mặc dù Henry Kissinger, người Do Thái sinh ra ở Đức, vào quốc tịch Hoa kỳ khi 15 tuổi, tốt nghiệp văn bằng tiến sĩ tại đại học Harvard lúc 21 tuổi, đã xử dụng công thức tâm lý học của giáo sư Abraham Maslow để phân trần mong được chia xẻ cảm thông.

KISSINGER VÀ LÊ ĐỨC THỌ

Năm 1984, tôi được thành phố Houston bầu vào danh dự Houston's Poet Laureate, nhà thơ Công huân danh dự của thành phố lớn thứ tư tại Hoa kỳ, Một buổi lễ vinh danh có sự tham dự của hàng ngàn nhân vật từ khắp các tiểu ban ở Hoa kỳ được long trọng tổ chức để chào mừng Houston' Poet Laureate, torng số quan khách có ông Ronald Harold Nessen. Ông là Tùy viên Báo chí và Phát ngôn viên của Tổng thống Gerald R. Ford trong những năm 1974-1977, năm 1984 ông là nhà báo chuyên nghiệp thường hay đi thuyết trình tại các đại học. Ông mang tặng tôi ba quyển sách do ông viết: The Hour, The first lady và nhất là quyển thứ ba "It sure looks different from the inside" xuất bản năm 1978. Với cấp bậc ngang hàng Tổng trưởng và là Phát ngôn viên của Tổng thống, ông Nessen đã tiết lộ những chuyện đau lòng đứt ruột từ bên trong hậu trường chính trị Hoa kỳ vào thời gian hấp hối của Việt Nam Cộng hòa tháng 3, tháng 4 năm 1975. Từ trang 98 đến 100 của quyển "It sure looks different from the inside" ông Nessen đã mô tả rõ con người của Kissinger. Trong một buổi họp đầu tháng tư năm 1975 với Tổng thống Ford, Đại tướng Fred Weyand đã yêu cầu viện trợ khẩn cấp 722 triệu mỹ kim cho Việt Nam Cộng Hòa và dùng máy bay B-52 oanh tạc trở lại, Kissinger đã đưa ra ý kiến trái ngược ngăn cản. Sau buổi họp, trên đường đi ra gặp gở phái đoàn báo chí, ngồi trên xe tinh thần căng thẳng lo âu chuẩn bị cho những câu hỏi hiểm hóc của những phóng viên thông minh bén nhạy nhất, Kissinger lại rền rĩ ai oán thốt lên: "Tại sao họ không chết đi nhanh chóng cho xong việc. Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là họ cứ tồn tại sống còn dai dẳng".

Trong gần bốn năm Kissinger chạy đôn đáo điều đình khắp nơi để ký hiệp định Ba Lê rút quân đội Mỹ về nước cho xong việc, đã có thêm 15 ngàn người Mỹ thiệt mạng và 350 ngàn người Việt Nam hy sinh. Và từ khi hiệp định Ba lê ký kết đến cuối tháng 4 - 1975, trong 27 tháng đó, khoảng thời gian coi được để đổ lỗi cho Việt Nam Cộng Hòa đã tự mình thua trận, lại có hơn 200 ngàn người Việt nữa tử thương. 550 ngàn con người đã chết đi cho xong việc ở Việt Nam để chính sách Hoa kỳ chuyển hướng về vùng Trung đông, ôi một câu nói quá tàn nhẫn độc ác của một con người.

Tôi đã đem điều nầy hỏi ông Kissinger vào năm 1987 tại văn phòng tư vấn quốc tế, một công ty tư nhân do ông sáng lập và điều hành tại thành phố Nữu ước; ông lại viện dẫn công thức tâm lý Abraham Maslow, phải đưa câu nói của ông trở về với hoàn cảnh ngột ngạt lúc đó, và hiểu cho rằng đôi lúc ngôn ngữ và hành vi của mình không còn chế ngự được nữa.

Và tôi đã hết sức thành thật nói với ông Kissinger rằng tôi đã hoàn toàn không cố ý khi hất cả một ly nước đầy vào người của Kissinger trong cuộc gặp gỡ lần thứ hai tại vận động trường Cotton Bowl thành phố Dallas, xế chiều ngày 27-6-1994. Năm đó, giải bóng đá thế giới tổ chức tại Hoa kỳ, Henry Kissinger được mời làm chủ tịch danh dự. Henry Kissinger là người say mê môn bóng đá và ủng hộ đội bóng đá Đức quốc hết mình, còn tôi nhiệt liệt hỗ trợ đội bóng Đại Hàn Dân Quốc. Do sự xắp xếp tình cờ của ban tổ chức, chúng tôi ngồi gần bên nhau. Ở phút thứ 52 của trận đấu, khi cầu thủ Hàn quốc Hwang Sun Hong trong một đường banh ngoạn mục tung lưới Đức quốc, trong một nỗi vui mừng vô tả, tôi đã tung mạnh đôi tay để hoan hô, vô tình hất cả ly nước đầy vào người của Kissinger. Dầu sự thiệt hại chỉ là ướt áo, chứ không phải mạng người, nhưng tôi đã lịch sự xin lỗi vì hành vi không kiểm soát được của mình.

Phải nói rõ rằng công thức của Abraham Maslow, nhu cầu tâm lý của cá nhân cầu thủ Fernando Hierro khác nhiều với tôi, một ẩn ức tâm lý não nề thảm thiết với hàng trăm ngàn mạng sống, đè nặng ray rứt quá đau đớn sâu xa trong tiềm thức, khi vô thức vùng lên hất tung ly nước; cũng chính cá nhân tôi nhu cầu tâm lý khác xa trong câu chuyện về casino và đàn bà.

Trong quyển sách "No more Vietnams" do Tổng thống Richard Nixon viết, xuất bản năm 1985, ông Nixon nhiệt liệt ca ngợi thành tích cải cách điền địa, một cuộc cách mạng nhân bản trong chương trình "Người cày có ruộng" của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Từ năm 1970

đến năm 1973 chương trình nầy đã cấp phát 2 triệu 500 ngàn mẫu tây đất cho trên 800 ngàn nông dân; có nghĩa là 90% ruộng đất canh tác lúc bấy giờ đã thuộc quyền sở hữu của người nông dân đang thực sự cày cấy trên thửa ruộng của chính mình. Tôi đã chính tay đặt bút ký trên gần 800 ngàn tờ chứng khoán sở hữu chủ đất đai ấy. Một trong những người cùng chung làm việc vất vả trong thời gian bốn năm tại Bộ Canh nông và Điền địa, nay được gặp lại ở thành phố Houston là kỹ sư Phi Ngọc Huyến, Tổng thanh tra điền địa.

Phi Ngọc Huyến là người đã bỏ nhiều thì giờ nghiên cứu môn roulette tại các casino. Môn chơi roulette theo truyền thuyết, do nhà toán học Pascal sáng chế vào thế kỷ thứ 17, trong Pháp ngữ chữ roulette có nghĩa là bánh xe nhỏ. Môn chơi roulette có nhiều cách đánh, Phi Ngọc Huyến chỉ chọn một lối đánh gọi một cách hoa mỹ là "đưa Tào Tháo vào hai tử lộ trên ngã ba đường chạy trốn".

Một bàn roulette gồm 36 ô được ghi số từ ô số 1 đến ô số 36 và một ô ghi số 0, như vậy tổng cộng là 37 ô; Phi tiên sinh nhấn mạnh chỉ chơi những bàn roulette có một ô số 0 mà thôi, để hạ tỷ số có lợi cho sòng bạc xuống còn 2.63%. Giả thiết trái banh nhỏ được quăng ra rơi liên tiếp 4 lần và những ô từ số 1 đến số 12, đệ nhất 12 số, thì lần thứ 5 cơ hội quả banh sẽ rôi vào những ô đệ nhị 12 số (từ số 13 đến số 24) hoặc đệ tam 12 số (từ số 25 đến số 36) xác suất lên đến 92%, do đó chúng ta đặt tiền vào hai đệ nhị và đệ tam, sự thắng lợi nghiêng về phía ta lên đến 92%. Nhà toán học Pascal tạo ra môn chơi nầy để dành cơ hội cho những người biết suy tính và kiên nhẫn, đồng thời gián tiếp nhắn nhủ rằng chỉ có những người biết suy tính và kiên nhẫn, không có máu cờ bạc, mới nên thăm viếng casino.

Nắm vững nguyên tắc nầy, trong những chuyến du lịch hai gia đình đi chung với nhau, tôi và Phi Ngọc Huyến đã chiến thắng trên chiến trường roulette khắp mọi nơi, từ Las Vegas, Atlantic City, Niagara đến Âu châu Manaco. Khi đã bắt được hơn 10 ngàn binh Tào Tháo rồi, chúng tôi quyết dàn ra một trận đánh lớn trên sông Xích Bích để đốt râu Tào Tháo. Một ngày mùa hè vào năm 1998, tôi mang 10 ngàn đô la đã chiến thắng tại các casino theo công thức của Phi Ngọc Huyến, đến casino ở Louisiana. Sau ba giờ quan sát thấy người quăng đều đặn, tôi chờ quả banh nhỏ vô tiếp 5 lần vào những ô từ 1 đến 12, đệ nhất 12 số; cơ hội đã đến, bất ngờ cùng lúc đó một người con gái Việt nam tiến lại đứng sát bên tôi, nhìn tôi đánh lớn trong bàn roulette nầy. Tôi rút 10 ngàn đô la bằng chip đặt hai mặt đệ nhị 12 số và đệ tam 12 số, mỗi bên 5 ngàn đồng.

Tinh thần căng thẳng cực độ, tôi nhắm mắt nghe tiếng động quả banh nhỏ lăn tròn trên bàn roulette và một bàn tay vô tình nắm chặt bâu áo cô gái đứng sát bên lúc nào không hay biết. Khi cô gái thét lên: "Chú thắng rồi", quả banh nhỏ rơi vào số 13, đệ nhị 12 số, trong nỗi vui mừng sấm sét, bàn tay tôi vô tình giật xé toang chiếc áo tơ lụa mỏng manh của cô gái, nhưng may mắn thay cô gái đó có mặc đồ lót để che tấm ngực trần.

Công thức nổi tiếng của Abraham Maslow chẳng những giải thích đúng những hành vi vô thức không kềm chế được, chẳng những cảnh cáo người có nhu cầu tâm lý đam mê cờ bạc sẽ không còn chế ngự hành vị của mình được nữa khi đến casino, mà còn khuyên chúng ta hãy tập thích ứng với hoàn cảnh ngoại giới để giữ cho hành động chúng ta hướng về khía cạnh tốt, khía cạnh tích cực của cuộc sống , để tin vui yêu đời:

Bốn nguồn vui lớn

Bốn nguồn vui lớn trong đời
Một vui biết đủ thảnh thơi tháng ngày
Hai vui học được điều hay
Ba vui hữu ích ra tay giúp người
Bốn vui tiếp xúc tươi cười
Mỗi ngày thêm bạn với lời thương yêu...

Huy Lực

Vẫn theo công thức của Abraham Maslow, để hướng dẫn mọi hành vi hành động hàng ngày của chúng ta nhắm về phía tươi đẹp của cuộc sống, ta phải tạo ra một nhu cầu tâm lý bằng quả tim reo vui yêu đời cho đến phút cuối.

ĐẠT MA DỊCH CÂN KINH

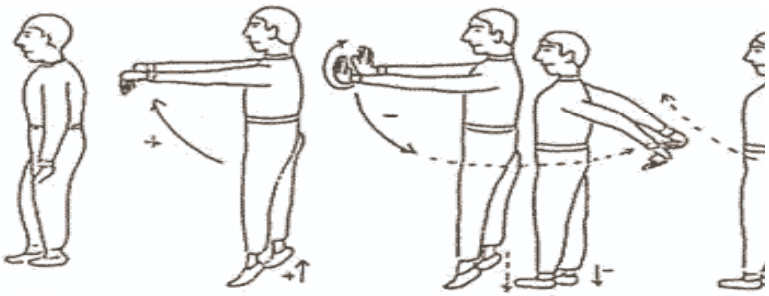

HUỲNH BỬU KHƯƠNG

Gần đây tôi có đọc loạt bài Đạt Ma Dịch Cân Kinh của BS Lê Quốc Khánh và thấy rất vui mừng khi biết tập Đạt Ma Dịch có thể chữa được nhiều bệnh nan y trong đó có cả bệnh ung thư. Do đó tôi muốn góp thêm ý kiến bằng cách nói lên kinh nghiệm bản thân về việc tập Dịch Cân Kinh để giúp độc giả hiểu rõ hơn cách luyện tập và củng cố lòng tin vào phương pháp tập luyện này.

Vào năm 1974, chúng tôi được anh Nguyễn Kim Tri, Thiếu tá ở Võ Phòng Tổng Thống, cho chúng tôi phóng ảnh của quyển Đạt Ma Dịch Cân Kinh bằng chữ Tàu và khuyên chúng tôi nên tập luyện theo sách ấy, rất tốt cho sức khỏe, vì đây là cách luyện tập của Chùa Thiếu Lâm dành cho môn sinh luyện trước khi học võ. Sau đó chúng tôi nhờ người dịch đại ý của quyển sách và tập luyện .

Sau bốn tháng tập luyện mọi người trong phòng tôi (Khối Đặc Biệt, Trung Tâm Phối Hợp Thi Hành Hiệp Định Ba Lê, Phủ Tổng Thống) đều đạt kết quả tốt . Người nào không có bệnh thì đều lên cân, da dẻ hồng hào thấy rõ, người nào có bệnh thì bớt bệnh. Ông Long, thư ký đánh máy, bị huyết áp cao thì sau 4 tháng tập, huyết áp xuống bình thường, mặc dầu không có uống thuốc. Lúc ấy ngày nào tôi cũng tập 1200 cái đánh tay (Lúc mới khởi sự tập 200, về sau tăng dần).

Sau tháng 4 năm 1975, suốt thời gian ở trong các trại cải tạo từ miền Nam ra tới miền Bắc, ngày nào tôi cũng tập Dịch Cân Kinh một lần, và vẫn giữ mức 1200 cái đánh tay. Nhờ vậy mà mặc dù ăn đói và rất ốm yếu tôi vẫn có thể chịu được và ít bị bệnh. Anh em nói vì tôi là "quan văn" trong ngành võ (luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, thiếu tá) nên không có sức chịu đựng bằng các anh em khác, phần đông là Tiểu đoàn trưởng tác chiến, Quận trưởng hoặc Hạm trưởng Hải quân, cấp chỉ huy Biệt kích Dù, An ninh quân đội, v.v...

Hồi mới ra Hoàng Liên Sơn ở huyện Văn Chấn, thuộc tỉnh Nghĩa Lộ cũ, vào tháng 7 năm 1976, mỗi lần đi lấy gạo, tôi cùng một anh nữa khiêng lối 20, 25 kí đi bộ 7, 8 cây số đường rừng. Khi về gần tới trại có đèo 19 tháng 5 rất cao, thường tôi yêu cầu anh cùng khiêng với tôi phải ngồi nghỉ một chút rồi mới đi tiếp. Sau đó tôi nói với Thầy Thuần, một Đại đức, Thiếu tá Tuyên úy Phật giáo, người ở cùng một láng và cùng tập Dịch Cân Kinh với tôi mỗi ngày, về việc tôi qua không nổi đèo 19 tháng 5. Thầy nói: "Bác cứ tập lên 2000 cái cho tôi, bác sẽ qua nổi đèo ấy".

Nghe lời Thầy Thuần, tôi tập lên đến 2200 cái đánh tay mỗi ngày. Và lối nửa tháng sau, khi đi lấy gạo, tôi được giao phải vác một mình 20 kí (vì họ cho là chúng tôi ra Bắc một thời gian rồi, phải vác nổi 20 kí đi xa), nặng gấp đôi lần trước, thế mà khi qua đèo 19 tháng 5 tôi qua luôn, không phải ngừng lại để nghỉ như trước. Tôi biết ngay là nhờ tập Dịch Cân Kinh theo lối Thầy Thuần chỉ nên mới đạt được kết quả ấy, chớ việc ăn uống thì chúng tôi vẫn bị đói dài dài (ở Miền Bắc trong ba năm đầu gia đình không được gởi thực phẩm cho chúng tôi). Hồi đó tôi tập nổi 2200 cái đánh tay cho mỗi lần là nhờ hằng ngày tôi phải leo núi, đồi, phải làm việc nặng nên chân mạnh hơn lúc ở Sài Gòn. Chân phải mạnh, rắn chắc thì tập mới lâu được vì suốt buổi tập mình phải đứng tấn.

Tôi còn nhớ, có một hôm chúng tôi phải khiêng một khúc cây to. Anh bộ đội nói "Chỉ cần 10 người khiêng cây này, anh nào yếu cho khỏi khiêng." Tôi đưa tay lên xin khỏi khiêng, vì tôi biết là tôi yếu nhất trong anh em. Đồng thời có một anh nữa, anh Duyệt, cũng đưa tay. Anh bộ đội trỏ tôi và nói: "Anh không yếu bằng anh này" vừa chỉ anh Duyệt. Sau đó tôi nhìn lại thì thấy anh Duyệt mặt mày xanh xao mặc dù thực sự anh mạnh hơn tôi. Nhờ tập Dịch Cân Kinh mỗi ngày nên dù ăn đói nhưng da mặt tôi không xanh mét như một số anh khác.

Tập Dịch Cân Kinh giúp mình luôn luôn ngủ ngon và không bao giờ bị táo bón, máu huyết được lưu thông mạnh trong thời gian tập, nhờ đó da dẻ chúng ta luôn được hồng hào và bệnh tật tan biến đi.

Sau đây tôi xin nói về cách tập thế nào cho đúng.

Khi chúng tôi mới có cuốn Đạt Ma Dịch Cân Kinh, chúng tôi coi theo hình vẽ trong đó mà tập theo. Sau lối hai tuần tập luyện, chúng tôi thấy không có kết quả gì cả. Do đó chúng tôi phải nhờ người dịch cuốn sách ấy, và khi tập đúng cách rồi thì kết quả thấy rất rõ. Tôi xin diễn tả tư thế và việc phải làm của một người tập Dịch Cân Kinh:

1) Người tập Dịch Cân Kinh nên đi giày hay dép, không nên đi chân đất. Hai chân dang ra, khoảng cách giữa hai ngón chân cái bằng khoảng cách của hai vai. Hai bàn chân đứng song song với nhau. Mười ngón chân bám chặt xuống giày hay dép.

2) Gồng cứng (lên gân) bắp chuối và bắp vế chân, hậu môn nhíu lại và thót lên. Suốt buổi tập hai chân như trồng cây xuống đất, từ thắt lưng trở xuống luôn luôn cứng nhắc, không suy suyển. Tóm lại đó là thế đứng tấn của người luyện võ. Nếu đã dang hai chân đúng tầm, đã gồng (lên gân) hai chân thật chắc, bám mười ngón chân thật chặt xuống dép hoặc giày, nhíu hậu môn lại và thót lên rồi thì ta thấy từ thắt lưng trở xuống chân thật là chắc nịch. Và trong suốt buổi tập ta phải luôn chú ý đến phần từ thắt lưng trở xuống và làm đúng như thế. Nếu ta không chú ý đến phần này thì công phu luyện tập sẽ mất gần hết, không mang lại kết quả mong muốn.

3) Đầu như dây treo (giống như có sợi dây treo mình lên vậy) để cổ được thẳng, mặt ngó về phía trước, nhìn một điểm cao hơn mình một tí để cổ không rùng xuống.

4) Ở miệng, hai môi chạm nhẹ vào nhau, không mím môi cũng không hở môi. Hai hàm răng chạm nhẹ vào nhau, (đầu chót lưỡi để trên nướu răng trên (để luồng điện được lưu thông)

5) Ở mỗi bàn tay, các ngón luôn dính vào nhau (chớ không phải xòe ra, sách có vẽ hình rất rõ về điểm này). Khi đánh tay, lòng bàn tay hướng về phía sau tức là mu bàn tay đưa ra phía trước.

Động tác duy nhất là đánh hai tay từ phía trước ra phía sau. Khi đưa hai tay ra phía trước, hai cánh tay sẽ hợp với thân người thành một góc 30 độ khi đánh tay ra phía sau, một góc 60 độ. Tóm lại khi đánh tay ra phía sau, đánh hết tay. Khi đưa hai tay ra phía trước chỉ là một cái trớn của việc đánh tay ra phía sau còn lại mà thôi, do đó chỉ có 30 độ. Mỗi lần đánh tay từ phía trước ra phía sau thì kể một cái đánh tay.

Khi mới bắt đầu tập, nên khởi sự đánh tay 200 cái mỗi lần tập. Nếu muốn mau có kết quả thì tập mỗi ngày hai lần, sáng và chiều. Còn nếu có ý chí lớn hơn nữa thì tập ba lần mỗi ngày (sáng, trưa, chiều) càng tốt. Tập ở ngoài sân hay ở trong nhà đều được, miễn là ở nơi thoáng khí và yên tĩnh. Không nên tập sau khi ăn cơm no. Khi thấy mệt là nghỉ ngay, không nên tập quá sức, và khi còn có thể tập nữa mà không mệt thì nên tiếp tục tập cho đúng sức mình.

Khi mới tập, khởi sự bằng 200 cái đánh tay mỗi lần tập, về sau khi thấy còn có thể tập thêm thì tăng lên dần, thí dụ 250, 300, 350, v.v... Hồi tôi mới tập một thời gian ngắn sau là tôi lên đến 1200 cái đánh tay cho mỗi lần tập (trong 15 phút). Hồi đó còn trẻ nên tôi đánh rất nhanh, và mỗi ngày tôi chỉ tập một lần. Sau khi tập xong ta thấy khát nước (nên uống nước ngay), đó là tập vừa sức.

Sau khi tập tôi thường đi chậm bằng cách giở chân lên cao, vừa co giãn hai cánh tay. Có người mới khởi sự đã tập trên 1000 cái thì mặt bị nổi mụt ngay. Nếu tập đúng cách tôi thấy không có bị phản ứng gì cả mà càng ngày ta càng thấy khỏe ra. Mình tập được nhiều hay ít là do mình có thế đứng tấn được bao lâu, chứ không phải ai muốn tập bao nhiêu lần cũng được. Còn nếu đánh tay để đếm số lần cho được nhiều mà không gồng (lên gân) hai chân cho thật cứng chắc và nhíu hậu môn lại, thót lên thì sẽ không đạt được kết quả mong muốn.

Về tốc độ đánh tay thì sách nói đánh tay nhanh như người đi đánh đồng xa. Đánh tay cành nhanh thì máu quyết lưu thông càng mạnh trong thời gian ấy, và sẽ cuốn theo mọi bệnh tật. Sách nói muốn tập trị bệnh thì nên tập từ 2000 - 3000 cái mỗi ngày trong vòng lối 30 phút.

Và sau đây là hai nguyên tắc quan trọng cần phải áp dụng trong lúc tập:

Thượng tam hạ thất: Nếu trong thời gian tập mình dùng 10 phần sức lực thì từ thắt lưng trở xuống mình dùng đúng 7 phần và phải luôn luôn chú ý đến việc gồng cứng (lên gân) hai chân, nhíu hậu môn lại và thót lên. Từ thắt lưng trở lên, mình dùng 3 phần

sức lực. Đó gọi là thượng tam hạ thất, là thượng hư hạ thực, trên ba dưới bảy, hay trên hư dưới thực. Trong việc đánh tay cũng thế. Khi đưa tay ra phía sau dùng 7 phần sức lực, đưa ra trước thì chỉ dùng 3 phần. Trước ba sau bảy, hay trước hư sau thực, đánh tay ra phía sau mới là thực cần thiết, và phải đánh cho hết tay.

Tâm bình khí tịnh: Trong suốt thời gian tập ta không được suy nghĩ điều gì (điều này hơi khó) ngoại trừ việc nhẩm đếm số lần đánh tay. Đó là tâm bình. Còn khí tịnh là trong thời gian tập ta thở bình thường, chứ không phải thở theo nhịp tay. Có một môn phái thở theo nhịp tay, nghe nói đó là phái Võ Đang. Nhưng phái Thiếu Lâm Tự thì không thở theo nhịp tay. Hồi tôi ở Hoàng Liên Sơn, tôi tập không thở theo nhịp tay, Thầy Thuần thở theo nhịp tay, cả hai chúng tôi đều đạt kết quả tốt .

Sau cùng tôi xin nói một vài kinh nghiệm trong khi tập:
Nếu đánh tay nhanh mà ta thấy tê mười đầu ngón tay thì đó là vì ta không nhíu hậu môn, và thót lên, hoặc là vì ta để hở mười ngón tay (bàn tay năm ngón phải để dính với nhau, không được hở, điều này trong sách có vẽ hình rõ lắm).
Nếu lúc tập mà ta thấy đầu hơi nặng là vì cổ ta không thẳng, đầu không như dây treo, luồng điện thay vì đi xuống lại đi ngược lên đầu.

Hồi ở Hoàng Liên Sơn, tối nào tôi cũng ra sân tập và đeo bao tay vì trời lạnh. Khi đánh tay được lối 1500 cái trở lên là tôi thấy ấm người, khỏi mang bao tay nữa, và mỗi cái đánh tay nghe như có hai luồng điện chạy xuống hai chân vậy.
Bây giờ đã lớn tuổi, tôi chỉ tập nổi tối đa là trên dưới 800 cái đánh tay mỗi lần mà thôi. Thêm vào đó, ngày nào tôi cũng đi bộ ít nhứt nửa giờ và tôi thấy rất tốt cho sức khỏe, rất tốt cho việc tập Dịch Cân Kinh.

(TIẾP TRANG 37)

GIẢI ĐÁP BÀI: "HAI CÂU CHUYỆN, MỘT Ý NGHĨA HAY ĐÔNG VÀ TÂY GẶP NHAU

■ CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT: CHỌN NGƯỜI KẾ VỊ VUA
Sở dĩ người thanh niên không trồng được cây từ các hạt giống của Vua ban cho, là vì Vua đã cho luộc chín tất cả các hạt giống trước khi trao cho các thanh niên đến dự thi đem về để trồng, thành thử không thể nào nẩy mầm lên cây được. Những thanh niên đem cây quý, cây hiếm có và đẹp để dâng Vua, chỉ là trò bịp vì họ đã tráo hạt giống khác vào và họ đều là phường dối trá, chỉ có người thanh niên được chọn là người thật thà, liêm khiết, có sao làm vậy, và còn có đức tính của kẻ trượng phu, dũng cảm, không sợ bị trừng phạt khi đã không làm vừa lòng Vua, khi sự thật các hạt giống doVua ban đã không nẩy mầm lên cây được.

■ CÂU CHUYỆN THỨ HAI: CHỌN NGƯỜI LÀM BỘ TRƯỞNG NGÂN KHỐ
Sau buổi dạ vũ, nhà Vua cho khám xét, và thấy trong các túi áo của các vị quan đều đầy nhóc vàng bạc, châu báu. Vì vậy mà họ không thể đi những bước nhẹ nhàng được. Điều này chứng tỏ lòng tham của họ. Duy chỉ có vị Quan được chọn, trong túi áo không có lấy một chút vàng bạc. Vị quan này đã không bị mờ mắt trước vàng bạc châu báu, vẫn giữ được tính liêm khiết, lòng trong sạch, xứng đáng là vị quan giữ gìn của cải của triều đình. (Bài này còn được gọi là Hành Lang Cám Dỗ: Le Corridor de la Temtation).
Tóm lại, người có tính liêm khiết, lòng chân thật đều được tin dùng. Đức tính này được người đời xem như là mẫu mực trong cuộc sống. Các phong trào, tổ chức thanh thiếu niên, trong việc giáo dục thanh thiếu niên để trở thành người công dân tốt cho xã hội cũng chú trọng lấy đức tính chân thật, liêm khiết để khuyên răn các thanh thiếu niên. Thật vậy, Phong trào Hướng Đạo, một trong những phong trào giáo dục thanh thiếu niên, có những điều Luật để các Hướng Đạo Sinh tuân theo, sau khi đã Tuyên Lời Hứa, trong đó có điều Luật: "Hướng Đạo Sinh phải thật thà và liêm khiết".

Ghi chú của AH Trần Đình Thăng:
Các tập Dịch Cân Kinh ghi trên đây của ông Huỳnh Bửu Khương giống như tài liệu của Hội Việt Mỹ trên Internet (WWW.viet-nam.org). Cách tập trong tài liệu ghi trên khác với Xuất Thủ Liệu Pháp (DCK) mà cụ Vũ Công Kiệt đã cho phép tôi gởi đăng trên LTAH số 79 trang 51.
Theo kinh nghiệm của riêng tôi thì cách tập của ông Huỳnh Bửu Khương và Hội Việt Mỹ có kết quả tốt.

■ *Đàn bà:*
- Nàng là những bóng hình nơi ngưỡng cửa.
- Là chuông reo rộn rã chốn hành lang
- Là mèo hoang trong bếp núc của nàng
- Là thánh thiện trong những niềm thương tổn.
- Nàng là quỷ trong khi căm tức giận.
- Là tay bài trong kinh tế đài trang.
- Là nội trợ trong vòng tổ ấm.

NHẬN ĐỊNH VỀ VẤN ĐỀ DU LỊCH VÀ GIA CƯ TẠI VIỆT NAM

VÂN PHỐ HOÀNG ĐỐNG

Những nhận định sau đây về du lịch và gia cư tại Việt Nam phát xuất từ lòng thành khẩn muốn thấy đất nước phát triển tốt đẹp chứ không hàm ý phê bình, chỉ trích.

Nguồn lợi tức cấp thời của Việt Nam là du lịch. Hàng năm du lịch đã đem về cho Việt Nam một số ngoại tệ lớn. Du khách là những người Việt hải ngoại và người nước ngoài. Lý do chính thúc đẩy Việt kiều du lịch Việt Nam là thăm thân nhân. Còn đối với người ngoại quốc việc du lịch Việt Nam không hoàn toàn chủ ý vào việc viếng thăm thắng cảnh, quan sát phong tục và thưởng thức các món ăn đặc biệt của ba miền Nam Trung Bắc.

Hiện nay các công ty hợp doanh xây dựng gia cư tại Việt Nam đang được quảng cáo rầm rộ. Chẳng hạn như Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà INTRESCO đang lập dự án xây Làng Việt kiều thuộc vùng Đô thị Mới Nam Saigon. Như danh xưng làng này dành cho Việt kiều có tiền.

Làng Việt kiều sẽ là một "**ốc đảo**" giữa một vùng gia cư và ruộng vườn "thô sơ ". Những ốc đảo loại này làm nổi bật tình trạng giàu nghèo trong một quốc gia chủ trương giảm thiểu sự chênh lệch vật chất giữa các giai tầng xã hội. Ốc đảo đã vô tình duy trì và làm tăng gia sự cách biệt giữa kẻ có và người không. Xét thấy có điều không ổn. Những Việt kiều sống trong ốc đảo này sẽ thấy bất an dưới sự dòm ngó, tỵ hiềm, đố kỵ của người dân trong nước. Do đó mầm mống chia rẽ chắc không thể không phát sinh.

Nói thế không có ý ngăn chận Việt kiều đầu tư vào gia cư; nói thế không có nghĩa là phản đối các công ty Việt Nam hải ngoại hợp tác với các công ty quốc doanh trong nước. **Nói thế để thấy rằng việc phát triển không đồng bộ và thiếu cân bằng là một sự sai lầm có hậu quả rất tai hại**.

Khách sạn 5 sao ngày nay là khách sạn tiêu chuẩn trên thế giới, người ngoại quốc đến thăm Việt Nam không phải để được ở trong những khách sạn sang mà họ đã thấy ở chính nước họ.

Vậy người ngoại quốc đến Việt Nam để thăm viếng cái gì?

Du khách ngoại quốc đến Việt Nam để chứng kiến sự tàn phá của chiến tranh trên đất nước và trên con người, đồng thời quan sát sức sống của một dân tộc thể hiện qua công cuộc xây dựng đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Cơ quan du lịch Việt Nam chỉ muốn hướng dẫn du khách viếng thăm các đô thị lớn như Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cố đô Huế

v.v... nơi chính quyền hãnh diện đã xây dựng được những khách sạn cao sang đầy đủ tiện nghi vật chất không thua gì các khách sạn lớn trên thế giới.

Nét nổi bật của công cuộc chỉnh trang hiện tại các đô thị là thiếu cân bằng và đầy mặc cảm. Thật vậy mức độ cách biệt giữa sự sang trọng của các khách sạn và cao ốc với sự sa sút của các thành phần khác cấu thành một đô thị rất là lớn, thật là thảm thương. Sự chênh lệch về mức độ phát triển giữa đô thị và nông thôn lại còn lộ liễu hơn nữa. Chính sự cách biệt này đã làm cho việc khai thác du lịch kém hiệu quả về phương diện kinh tế và tài chánh. Và cũng vì sự phân phối tài nguyên cho việc xây dựng không quân bình đã gây khó khăn rất nhiều cho người dân, nhất là người dân ở nông thôn, thực hiện ý chí vươn lên trên đổ nát gây ra bởi chiến tranh.

Không nơi nào phô diễn sự tàn phá của chiến tranh hơn nông thôn. Không nơi nào phơi bày tính cách sa sút của công cuộc chỉnh trang lãnh thổ hơn

nông thôn. Không nơi nào tài nguyên quốc gia cần được tập trung hơn nông thôn. Trên phương diện phát triển quốc gia, không nơi nào có khả năng thực hiện sự hữu hiệu của đầu tư hơn nông thôn. Không nơi nào có triển vọng mang lại hòa bình và hạnh phúc cho toàn dân hơn nông thôn. Nông thôn là kho tài nguyên cung ứng cho chiến tranh và sẽ là nguồn gốc của phát triển hài hòa đất nước.

Vậy mà nông thôn lại là nơi bị bỏ quên so với các đô thị.

Vì tính sai rằng đô thị là địa bàn hoạt động chính của du lịch, chính quyền đã đánh mất một vũ khí lợi hại bắn ra có thể giết được hai con chim một lúc: **xây dựng lại làng mạc cho trật tự, ngăn nắp, sạch sẽ, phản phất tính cách thơ mộng của nông thôn ngày trước.**

Thật vậy xây dựng nông thôn với **một chính sách gia cư đại chúng** vừa giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nông thôn, do đó giải tỏa vấn đề nhân mãn ở thành thi, vừa tạo sinh khí, trên mọi phương diện, cho vùng hậu cần của đất nước, vừa hấp dẫn du khách ngoại quốc đi tìm những nét độc đáo của một dân tộc hiền hòa tràn đầy sức sống, nhẫn nại, và chịu đựng.

Phải chăng các "kib-butzim" và sức sống mãnh liệt của người dân Do Thái đã thu hút du khách viếng thăm xứ này?

Từ những nhận định trên, câu hỏi đặt ra là tại sao chính quyền, thay vì cho phép xây Làng Việt kiều, không khuyến khích các công ty Việt kiều và Nhà nước hợp tác xây dựng gia cư phù hợp với lợi tức của đại khối quần chúng. Xây dựng gia cư đồng loạt cộng với công thức bán nhà trả góp sẽ hạ giá thành và làm cho việc tạo mãi gia cư trở nên dễ dàng rất nhiều. Việc cho phép xây Làng Việt kiều là một bước tiến không đúng thời. Nó chỉ có thể thực hiện sau khi vấn đề gia cư cho người dân và cán bộ các ngành đã được thỏa đáng giải quyết. Chính quyền cần tập trung tài nguyên và làm dễ dàng sự hợp tác với tư nhân trong và ngoài nước để xây dựng gia cư một cách đồng bộ và quân bình cho toàn dân. Thực hiện được điều này tức là chính quyền thực thi chính sách công bằng xã hội một cách nghiêm túc. Đồng thời thâu được ủng hộ của người Việt Hải ngoại mong muốn cho bà con nghèo trong nước có nơi ăn chốn ở khang trang.

thơ

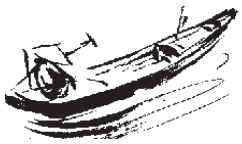

DỄ THƯƠNG

mười năm tha hương nôn nao về
dòng thư xa ru tình đê mê
đầy ngon, anh em chung sum vầy
ngày vui lời yêu thương quanh vây.

Trà thơm đêm trăng, nâng ly mời
hàn huyên khuya dài, tâm tư vơi
vòng ôm, trong tay người thân thương.
đàn xưa, thanh âm trầm du dương

Bàn tay đan nhau, che sau bàn
quàng vai, sương khuya dầm trăng tan
ngày xuân non cao, cùng rong chơi
đầu tiên kề môi, hôn tinh khôi

tràn ly, hương men lâng phiêu bồng
đường khuya mình ta, về thong dong
chờ mong, trùm chăn nghe mưa rơi
người xưa trong mơ về xa xôi.

TCM

BA LAN NGÀY MỚI

TỪ MINH TÂM

Giới thiệu: Tháng 7/2002, chúng tôi có dịp du lịch Đông Âu trong vòng hai tuần qua các nước Đức, Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, và Áo Quốc. Dưới đây xin trích một phần của chuyến đi được ghi lại trong bài Trung Âu Ngày Mới in trong quyển Kể Chuyện Đường Xa - 2002.

... Sáng ngày thứ tư chúng tôi rời Bá Linh từ sáng sớm để đi Vacsava - Ba Lan. Đây là một ngày dài vì chúng tôi phải đi xa khoảng 600 cây số trên một con đường chỉ có hai làn xe chớ không phải là xa lộ. Rời Bá Linh, chúng tôi đi về phía đông chạy qua khu vực thuộc Đông Đức cũ. Chừng hai tiếng sau thì vượt sông Order để vào địa phận nước Ba Lan. Việc xét hỏi tại biên giới có vẻ chậm chạp vì những người không phải quốc tịch Mỹ hay Anh thì cần phải có chiếu khán nhập cảnh, và nhân viên biên giới thì coi giấy tờ từng người một để đưa vào máy vi tính. Nhưng mọi chuyện cũng êm xuôi và chúng tôi cũng vào được Ba Lan để tìm hiểu về một đất nước có nhiều người nổi tiếng: về khoa học có ông Copernicus, bà Marie Curie, về âm nhạc có thiên tài Chopin, Đức Giáo Hoàng hiện nay John Paul II là người Ba Lan, ông Walessa, ông Sien Kiewicz ... được giải Nobel hòa bình. Về mặt địa lý, nước Ba Lan rộng hơn 120,000 dặm Anh. Đây là một nước lớn ở Châu Âu. Hình thể nước Ba Lan đã thay đổi rất nhiều trong lịch sử, có khi rộng lớn bao trùm cả vùng Ukraine, Belarus thuộc Liên xô cũ ở phía đông. Có khi bị mất nước vào tay Nga, Áo, và Đức. Sau Thế chiến thứ hai, biên giới Ba Lan bị ép về phía tây, mất đất cho Nga, nhưng được đất của Đức.

Từ vị vua đầu tiên năm 966 là Miezko, lịch sử Ba Lan có nhiều thăng trầm vì bị các nước mạnh hơn ở chung quanh như Phổ (Đức), Áo, Nga ... dòm ngó. Bị Đức xâm chiếm đầu tiên trong thế chiến thứ hai và thuộc khối xã hội chủ nghĩa sau 1945, Ba Lan đã được tự do sau cuộc cách mạng nhung năm 1989. Sự chuyển đổi từ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường không phải dễ dàng và có nhiều xáo trộn, nhưng cuộc sống hiện nay đã có nhiều ổn định, kinh tế đã bắt đầu phát triển, thị trường có nhiều hàng hóa hơn trước và người dân đã tin tưởng rằng mình đi đúng hướng. Tới Ba Lan, chứng tôi sẽ ghé thăm các thành phố Poznan, thủ đô Vacsava, cố đô Krakow và nhiều nơi khác trong đó có thánh địa Czestochowa nơi có bức tranh "Nữ Vương Ba Lan" nổi tiếng.

■

POZNAN

Chúng tôi ghé ăn trưa tại thành phố Poznan. Nằm giữa đường từ Bá Linh đến Vacsava hay xa hơn trên đường xe lửa Paris - Moscou, Poznan là trạm dừng chân của khách lữ hành khi đi từ Đức qua Ba Lan. Nơi đây là một trung tâm văn hóa, khoa học kỹ thuật, thương mại ... vì thuộc vùng Wielkpolska chiếc nôi đầu tiên cả nước Ba Lan thành hình từ thế kỷ thứ 9. Có thời thành phố nầy thuộc nước Phổ nhưng lại dành được độc lập và sáp nhập vào Ba Lan từ năm 1918. Với dân số khoảng 600,000 người, Poznan là một nơi buôn bán và trao đổi hàng hóa giữa các nước bắc và trung Âu. Một hội chợ quốc tế đã được tổ chức tại Poznan năm 1925. Hiện nay, hàng năm vẫn có nhiều hội chợ khác để trao đổi thông tin và buôn bán.

■

TOÀ THỊ CHÁNH POZNAN

Chúng tôi viếng thăm trung tâm thành phố nơi có tòa nhà Thị Chánh rất đẹp và một công trường rộng rãi với các quán cà phê vỉa hè có đông đảo du khách đến thăm. Ngoài ra Poznan lại có nhiều nhà thờ như Nhà Thờ St. Paul

TÒA THỊ CHÍNH POZNAN

& St. Peter (Thánh Paul và Thánh Phao Lồ), Nhà Thờ Đức Bà ... xây theo kiến trúc kiểu Phục Hưng hay Baroque, đồng thời còn có nhiều bảo tàng như bảo tàng âm nhạc, bảo tàng khảo cổ, bảo tàng lịch sử, nhiều thư viện, phòng triển lãm..

■

VACSAVA (WARSAW)

Cảm tưởng đầu tiên của tôi là thủ đô Vacsava có vẻ cũ kỹ, thiếu săn sóc. Mặt tiền các tòa nhà thường có màu hơi đậm khiến cho nơi đây mang một vẻ u buồn. Đường sá trong thành phố cũng rộng và xe chạy cũng nhanh, nhưng xe cộ thường nhỏ và cũ.

Vacsava là thủ đô của nước Ba Lan,

MỘT LỐI KIẾN TRÚC CỦA VACSAVA

về tên của thành phố, truyền thuyết nói rằng có một mỹ nhân ngư hiện lên bên bờ sông Vistula và nói với một cặp vợ chồng ngư phủ mà người chồng tên là Wars và người vợ tên Sawa rằng ven bờ sông Vistula sẽ có một thành phố đẹp đẽ. Điều đó đã thực sự xảy ra, và thành phố nầy về sau có tên là Vacsava ghép từ tên cặp vợ chồng nầy. Hiện có tượng mỹ nhân ngư bên bờ sông Vistula để nhắc về truyền thuyết nầy.

Vacsava cũng như Bá Linh đã bị thiệt hại rất nặng nề do chiến tranh thế giới lần thứ hai. Người Ba Lan có ý chí rất quật cường. Ta nhớ lại hồi thế chiến, Ba Lan bị Đức chiếm đóng ngay từ năm 1939 trong khi Anh và Pháp làm ngơ vì sợ Đức. Tới năm 1944, khi quân Nga đã tới biên giới Ba Lan thì người Ba Lan tại Vacsava cũng nổi lên chống lại với quân Đức. Tuy nhiên người Nga đã "bình chân như vại", không giúp đỡ dân Ba Lan để cho quân Đức tàn sát gần 165,000 người phá hủy gần như hoàn toàn thành phố Vacsava sau ba tháng giao tranh.

Những nơi mà du khách hay đến thăm ở Vacsava là Phố Cổ, Cung Văn Hóa và Khoa Học, Công viên và cung điện Lazienki...

■

PHỐ CỔ: là nơi đầu tiên phát xuất thành phố Vacsava nằm bên phía tây bờ sông Vistula. Khu vực nầy gồm công trường lớn gọi là công trường phố cổ (Rynek Starego Miasta), cung điện hoàng gia, Nhà thờ thánh John, bảo tàng lịch sử, phế tích Barbican ...

■

CÔNG TRƯỜNG PHỐ CỔ (Rynek Starego Miasta) đã có từ xưa, nhưng bị hư hại hoàn toàn sau chiến tranh. Sau thế chiến đã được khôi phục theo đúng như trước đây (như vậy nơi đây đúng ra chỉ là phố ... phục hồi !!), nhưng kỹ thuật phục chế của người Ba Lan rất cao nên tất cả mặt tiền của các ngôi nhà hay kiến trúc đều giống hệt như xưa. Nơi đây có nhiều du khách nên ngày nay phát triển dịch vụ để phục vụ như tiệm cà phê, đồ lưu niệm, nơi đổi tiền,... ngoài ra còn có những chuyến xe do ngựa kéo để đưa du khách dạo chơi trong khu vực tạo cho nơi đây một khung cảnh thanh bình.

■

CUNG ĐIỆN HOÀNG GIA

CUNG ĐIỆN HOÀNG GIA

(ZAMEK KROLESKI): nằm ở phía đông của công trường, ngày nay là viện bảo tàng hoàng gia. Cung điện cũng hư hại nặng sau chiến tranh. Công tác phục hồi hoàn tất năm 1974 do tiền đóng góp của người Ba Lan ở hải ngoại. Đây là nơi cư ngụ của hoàng gia Ba Lan, mà người đầu tiên là vua Sigimund. Trong cung điện có trang trí nhiều chân dung của dòng họ Jagiellonian . Ngoài ra còn có nơi triều kiến, phòng hội, phòng ngủ, phòng học của hoàng tộc ... phòng nào cũng được trang trí thật lộng lẫy. Cung điện nầy là nơi mà Napoleon đã gặp gỡ công nương Maria Walewsk, bà nầy về sau làm hoàng hậu Pháp quốc. Phía trước cung điện là bức tượng vua Sigimund I trên một cột cao được xây năm 1640 để kỷ niệm vị vua đã chọn Vacsava làm thủ đô của Ba Lan.

■

NHÀ THỜ ST. JOHN (KATHEDRA SW JANA): là nhà thờ chính của thành phố được xây cất từ thế kỷ thứ 14 theo kiến trúc Gothic. Bị hư hại nặng nề nên sự phục hồi rất khó khăn. Nơi đây chôn cất một số danh nhân của Ba Lan đặc biệt là cố thủ tướng Ignacy Paderewski. Năm 1992, tổng thống Mỹ George Bush và tổng thống Ba Lan Lech Walesa đã làm lễ cầu hồn cho ông nầy tại nhà thờ nầy.

■

BARBACAN: là di tích còn lại của bức tường bảo vệ thành phố vào khoảng giữa thế kỷ thứ 16. Ngày nay nơi đây là nơi có nhiều nghệ sĩ bán tranh vẽ. Nếu leo lên cao thì có thể ngắm toàn cảnh Vacsava.

■

CUNG VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC: đây là một tòa nhà vĩ đại do Nga xây tặng Ba Lan dưới thời Staline.

Có 30 tầng, cao 235 mét, có 3288 phòng, đây là một công trình đồ sộ mà ở đâu trong thành phố Vacsava cũng thấy nó. Bên trong có một hội trường có thể chứa tới 3000 người, các rạp chiếu bóng, một bảo tàng viện, ba rạp hát ... có thang máy đưa bạn lên tới tầng thứ 30 để từ đây ngắm cảnh toàn thành phố. Người Ba Lan thường nói

CUNG VĂN HOÁ VÀ KHOA HỌC

tiếu lâm rằng :" *Chỗ tốt nhứt để ở trong thành phố Vacsava là cung văn hóa nầy, bởi vì từ đây bạn có thể thấy cả thành phố, mà không thấy cái cung điện nầy"*. Sau năm 1989, nhiều dự án được đưa ra để bàn cãi về số phận của kiến trúc nầy nhưng hiện nay chưa có kết luận tối hậu nên du khách vẫn còn có dịp vào tham quan một nơi ... đồ sộ.

■

CON ĐƯỜNG HOÀNG GIA: Dài khoảng 10 km bắt đầu đi từ Công Trường Phố Cổ đi về phía nam đến Công Viên Lazienki và tiếp tục đến Cung Điện Willanow để nối liền khu Phố Cổ và các cung điện của hoàng gia Ba Lan ngày xưa. Con đường nầy gồm nhiều đại lộ thay đổi tên từ Krakowskie sang Novy Swiat rồi Uzazdowskie ... Dọc hai bên đường là các biệt thự của giới giàu có, bảo tàng viện, trường đại học Vacsava, các công ốc, sứ quán, nhà thờ ... Ở gần bức tượng nhà thơ hồi thế kỷ 19 Adam Mickiewics có một cung điện là Radziwill ngày nay là dinh tổng thống. Nơi đây ngày xưa là chỗ ký Minh Ước Vacsava để chống lại khối NATO, nhưng đây cũng là nơi có hội nghị bàn tròn để chuyển quyền từ chính quyền cũ qua Công Đoàn Đoàn Kết năm 1989.

■

CÔNG VIÊN VÀ CUNG ĐIỆN LAZENKI: đây là một công viên dễ thương nhứt của Vacsava, được xây từ thế kỷ thứ 18 dưới thời vua Stanislaw August Poniatowski. Công viên thiết kế theo kiểu Anh - Pháp với không gian rộng rãi, có nhiều hồ nước, đường đi bộ ... Kiến trúc để ở thì không to lớn nhưng nhiều và rải rác như Cung Điện Trên Hồ, Nhà Trắng, Cung Điện Belvedere, Nhà để Nghiên Cứu Thiên Văn ...

■

CUNG ĐIỆN TRÊN HỒ: xây cất nằm ngang một cái hồ do một kiến trúc sư người Ý là Domenico Merlini chủ trì. Bên dưới là phòng khách rộng lớn, bên trên là chỗ cư ngụ của nhà vua. Trang trí nội thất rất lộng lẫy với những tượng điêu khắc, tranh vẽ, tranh chân dung các vị vua hay hoàng tộc ... Trong hồ có những chiếc thuyền cho mướn để du khách đi chơi trên hồ trông rất thơ mộng.

■

NHÀ TRẮNG: là một căn nhà nhỏ nhưng nổi tiếng vì là nơi vua Louis 18 của nước Pháp tới ở khi bị lưu đày.

■

BỨC TƯỢNG CHOPIN: nằm ở bìa công viên. Vào màu hè thường có những buổi hòa nhạc ngoài trời thu hút nhiều khán thính giả khắp nơi.

■

CUNG ĐIỆN WILLANOW:
Nằm cách thành phố Vacsava khoảng 10 km. Đây là một cung điện theo kiểu của cung điện Versaille của Pháp, bởi vì chủ nhân cung điện là vua Jan Sobieski có một người vợ gốc Pháp là bà Marysienka. Ngày nay cung điện là một nhà bảo tàng. Bên trong cung điện trưng bày các bức hoạ những người trong hoàng tộc, đồ gổ, chén bát, đồng hồ cổ ... của dòng họ Sobieski. Bên ngoài cung điện là một vườn hoa rất đẹp.

■

CHUYỆN BÊN LỀ:
Nước Ba Lan tương đối bằng phẳng, trừ ở phía nam có chút ít núi đồi. Con đường từ Bá Linh về Vacsava rất buồn tẻ. Hai bên cảnh vật giống nhau là những cánh đồng lúa mì hay hoa hướng dương đang tới mùa thu hoạch.

CUNG ĐIỆN WILLANOW

Đường chỉ có hai làn xe: một ngược một xuôi, nhưng một vài đoạn lại khá trữ tình vì người ta trồng cây dọc hai bên đường có khi cả hàng chục cây số trông rất thơ mộng. Dọc hai bên đường, thỉnh thoảng có người bán nấm hay các nông sản, nhưng cũng có người bán ... chính mình. Đó là các nàng kiều người Nga đang đón khách. Khách hàng là các bác tài xế xe tải chớ không phải là đoàn du khách chúng tôi !!!

Trong buổi ăn tối tại Ba Lan, người ta đãi thì ăn, nhưng hỏi mấy người trong đoàn là họ nấu bằng thịt gì thì không ai biết bởi vì họ xé nhỏ, nhúng bột đem chiên. Chỉ cần ăn ngon là được rồi phải không các bạn ?

Sản phẩm đặc biệt của Ba Lan là hổ phách (amber). Đây là một loại hạt trang sức màu vàng óng ánh. Hổ phách như ta biết được tạo thành từ mủ cây tùng bách (?), sau hàng ngàn năm cứng lại mà thành. Bên trong viên ngọc có khi có lẫn một con bọ nho nhỏ. Giá cả cũng không cao lắm. Nhưng đối với một tay mơ như tôi thì chỉ mua "đại" chớ không biết có phải là đồ giả, làm từ plastic hay không ... Đi du lịch mà mua hàng thì hễ nếu thấy vui là được rồi.

Các công ty Mỹ đầu tư khá nhiều ở Ba Lan, các cửa hiệu bán toàn hàng Mỹ. Hàng hóa địa phương thì không đa dạng phong phú cho lắm. Do đó có nhiều khu chợ trời bán đủ loại hàng tiêu dùng, tôi thấy có chợ trời tại biên giới với Đức, tại sân vận động lớn của Vacsava, và rải rác khắp nơi.

SAXTON GARDEN

Trước thế chiến, Ba Lan là một nước có nhiều người Do Thái sinh sống. Tại thủ đô có một trại tập trung người Do Thái nơi xảy ra một cuộc nổi loạn chống Đức Quốc Xã nhưng bị đàn áp chìm trong biển lửa. Ngày nay có bia để kỷ niệm.

Vacsava có Đài Chiến Sĩ vô danh nơi ghi ơn những chiến sĩ đã ngã xuống trong cuộc chiến tranh với người Nga năm 1920. Lúc đó nước Ba Lan mới thành lập, và với một số quân ít hơn người Nga rất nhiều mà lại chiến thắng và bảo vệ được nước Cộng Hòa non trẻ. Hôm tôi tới thì có những hàng quân đang dàn chào rất nghiêm chỉnh. Trong thời bị Nga chiếm đóng sau thế chiến, người ta vẫn lén lút đem hoa tươi đến đặt ở đây.

Nhạc sĩ Chopin là một người yêu nước. Ông luôn cổ võ cho việc thành lập một nước Ba Lan độc lập. Khi ông chết ở Pháp thì có di chúc là trái tim của ông sẽ được đưa về quê nhà và để trong một nhà thờ ở Vacsava.

TƯỢNG CHOPIN

Trước đây tôi có nói rằng tiếng Đức khó. Bây giờ thấy tiếng Ba Lan (sau nầy là tiếng Hungary, Tiệp Khắc...) còn khó hơn nhiều lắm. Các thứ tiếng nầy khó mà tìm ra được "ngữ căn" để ... đoán mò ý nghĩa.

Người Ba Lan rất sùng đạo Thiên Chúa. Sáng chúa nhựt là đi nhà thờ rất đông. Ở các khu nhà quê thì người ta đi bộ tới nhà thờ, hình như truyền thống của họ là như vậy. Dọc hai bên quốc lộ hay có rất nhiều tượng đức mẹ nho nhỏ.

Sau một ngày thăm Vacsava, đoàn du lịch đi về phía nam hướng về thành phố cổ Krakow là kinh đô cũ của nước Ba Lan. Tuy nhiên dọc đường sẽ ghé thăm hai nơi nổi tiếng là thánh địa Czestochowa và trại tập trung người Do Thái là Auschwitz ...

Chuyện Bên Khung Cửa

NGUYỄN TRẦN ĐẠT

Khung cửa sổ mở toang để gió lạnh ban mai ùa vào, cho dù ông mặt trời đã đủng đỉnh trên vòm cây magnolia xanh um. Vài chú bồ câu vỗ cánh bay lượn qua lại trên nền trời trong xanh. Chú bé bước tới bên khung cửa sổ, đưa tay dụi mắt rồi hít thật sâu vào buồng phổi luồng không khí của buổi sáng đầu tiên trên đất Mỹ. Chú vươn vai, làm qua loa vài động tác thể dục, thế nhưng mắt chú vẫn cứ muốn trông ra ngoài khung cửa. Chú muốn tìm hiểu nhiều hơn về cái thế giới mới này của chú - đất nước Hoa Kỳ mà chú vẫn thường nghe bạn bè mô tả như một "thiên đường," hay ít ra cũng là cái chung cư (apartment) mà gia đình chú vừa mới dọn vào chiều hôm qua. Hoa Magnolia nở thật to như một đóa sen trắng thơm lừng. Cả một cụm Daisies và Impatients rực rỡ xen lẫn với những bụi dây Lilies vàng hực ngay bãi cỏ xanh mượt trước sân nhà. Vài người Mỹ trắng chào chú bé thật tử tế, "Good Morning," mặc dù chú chẳng quen biết gì họ. Dường như cuộc sống mới đang vẫy tay chào đón chú bé mới đến Hoa Kỳ từ Việt Nam.

Buổi sáng này qua đi, buổi trưa kia tiếp nối... Cái nóng oi bức chưa vơi bớt thì cái lạnh lại đến sớm hơn mọi năm. Thời tiết ở đây dường như khó hiểu hơn một chút; thế nhưng khung cửa sổ của chú bé vẫn cứ như một bức tranh sinh động với đủ thứ màu sắc và âm thanh thật mới mẻ, lý thú. Chú bé vẫn đến bên khung cửa sổ mỗi sáng để đứng nhìn tạo hóa ưu đãi đất nước Hoa Kỳ này. Một

chút xót xa cho những khó khăn, thiếu thốn, bất hạnh của quê nhà... Ngày qua ngày, bên khung cửa sổ, chú bé vẫn say sưa chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tạo hóa mà con người ở đây đã biết tô điểm, uốn nắn thêm để cuộc sống trở nên quá đỗi tuyệt vời. Chú thầm cám ơn Thượng Đế vá chính phủ Hoa Kỳ đã ban cho chú diễm phúc được đặt chân lên vùng đất hứa này. Có lẽ vĩnh viễn chú sẽ nhận nơi đây làm quê hương thứ hai của chú. Một tương lai hứa hẹn đã mở ra trước mắt chú.

Cho đến một buổi sáng nọ, khi khung cửa kính (sliding door) ở căn nhà đối diện mở toang để một cô gái bước ra balcony - cứ như một nàng tiên trong những truyện cổ tích hay thần thoại nào đó mà mẹ chú đã kể lúc chú còn bé. Cô bé xem chừng trạc tuổi chú bé, mặc một chiếc áo ngủ màu hồng bằng voan mỏng manh tựa như sương khói. Tóc nàng dài quá vai, hoe hoe vàng một tí. Môi cô nàng cong lên hơi nhiều nhưng cũng ...chẳng sao! Chỉ khác một điều: "nàng tiên" này bị cận thị nên phải đeo kính. Cô gái bước ra ngoài balcony, tự nhiên vươn vai, vặn vẹo thân hình, xoay đầu xoay cổ vài cái rồi ...lại ngáp dài một cái như còn muốn trở vào giường để "nướng"thêm một chút! Cô gái bất chợt ngẩng đầu nhìn về bên này, bắt gặp chú bé đang ngơ mắt nhìn mình đăm đăm nên không biết vì mắc cỡ hay tức giận mà cô ngúng nguẩy quay phắt vào trong nhà rồi kéo cửa kéo màn che kín lại. Chú bé chợt thấy hụt hẩng, đâm ra ngẩn ngơ... Ánh nắng vừa hửng lên thì một đám mây chợt kéo đến che khuất đi những tia nắng ban mai rực rỡ. Chú bé như tức với sự ngu ngơ của chính mình. Buổi sáng hôm ấy, chú bé bỗng dưng thấy man mác buồn, một chút buồn vu vơ, xa vắng...

Rồi vài ba buổi sáng cứ qua đi. Chú bé vẫn thập thò bên khung cửa, lấm lét nhìn về phía khung cửa kính bên kia... Khổ nỗi tấm màn vẫn khép kín. Không lẽ cô gái ấy giận dai vậy sao? Bên này, chú bé vẫn mở toang cánh cửa sổ chờ đợi. Có lẽ chú bé đã "phải lòng" cô gái ấy. Góc vườn nhỏ vẫn cứ xôn xao trong gió, trong nắng và chú bé cảm thấy nôn nao, xao xuyến làm sao ấy. Chú bé không thèm ngắm nhìn thứ nào khác nữa mà bên này vẫn cứ dõi mắt trông về khung cửa kính bên kia. Chú thầm ước: tấm màn sẽ mở, cửa kính sẽ kéo ra, cô gái bên kia sẽ bước ra như sáng hôm nào...

Và điều ước của chú bỗng hóa thành sự thật. Sáng nay, khi chú đến bên khung cửa sổ thì "nàng tiên cận thị" ấy đã đứng bên kia tự bao giờ. Chú bé đưa tay dụi mắt, không tin được dù đó là sự thật: cô gái ấy mĩm cười và vẫy tay chào chú. Chú vội đảo mắt nhìn chung quanh xem "diễm phúc" ấy có phải dành riêng cho chú hay ...có còn ai khác quanh đây nữa không? Chú bé mừng rỡ nở nụ cười thật tươi để "làm quen" với cô gái ấy, sau khi đã kiểm soát kỹ lưỡng bốn bề xung quanh. Dường như chỉ có hoa nắng xen lẫn với hoa Magnolia nở rộ tung tăng chói cả mắt. Mấy con quạ đen đã cút xéo đi mất, chỉ còn nghe tiếng chim hót líu lo, ríu rít... Trời trong xanh. Gió mát dìu dịu. Không khí thơm tho làm sao ấy... Khung cửa bên kia rực rỡ một "nàng tiên cận thị" với mái tóc hoe hoe vàng và cái môi cong cớn thật quyến rũ. Cô gái ấy có vẻ mặt Việt Nam nhưng cô lại cất tiếng:"Hey, there!" làm chú bé giật mình, luống cuống, ấp a ấp úng mãi mới thốt ra được một tiếng "Hi" đáp từ. Cô gái nháy mắt với chú rồi bỗng dưng cười nắc nẻ trước khi xoay lưng vào trong nhà. Chú bé chỉ còn biết trông theo tấm lưng dài thắt lại ở chiếc eo thật thon nhỏ rồi nở ra với bờ mông tròn lẳng hấp dẫn. Dù chỉ là thoáng chốc nhưng cũng đủ làm chú bé ngơ ngẩn, đê mê, sung sướng! Nắng lung linh qua tàn cây Magnolia xanh um tạo thành những chùm hoa nắng lấp lóa thật vui mắt!

Rồi sáng hôm sau, hôm sau nữa, chú bé cứ thấp thỏm chờ bên khung cửa để đón "nàng tiên cận thị" bước ra từ khung cửa kính bên kia. Chú hồi hộp trông đợi từng phút giây một, nôn nao chờ bức màn mở toang ra để nắng sáng ùa vào và ...eo ơi, sung sướng làm sao khi cô gái mĩm cười bước ra vẫy tao chào chú như sáng hôm nọ. Chú chợt hiểu ra rằng chú đã đâm ra "nhớ" bóng dáng thon thả thấp thoáng qua chiếc áo mỏng manh tựa như sương khói của cô gái bên kia khung cửa. Chú muốn đánh bạo bước qua nhà cô ấy để "làm quen" nhưng sao vẫn ngại ngùng, e sợ. Chú tự nhủ lòng: sáng mai , chú sẽ mở miệng ngỏ lời !

Tối đến, chú cứ trằn trọc mãi, không sao ngủ được. Lăn qua bên nào cũng chỉ nghĩ tới hình bóng cô ấy. Đứng lên nhìn qua nhà cô ấy thì màn vẫn khép kín, đèn tắt tối thui. Chú nằm cho tới sáng thì

vội bật dậy chạy ngay đến bên khung cửa sổ nhìn qua bên kia. Vẫn im ỉm. Chú bé hối hả đi làm vệ sinh cá nhân rồi lại trở về bên khung cửa sổ hồi hộp trông chờ... Sáu giờ. Bảy giờ. Rồi đến tám giờ. Nắng đã lên cao thật chói chang, không một chút gió, cũng chẳng nghe chim hót. Chỉ có chú bé ngóng chờ bên khung cửa sổ. Cuối cùng, chú bé cũng thở phào mừng rỡ khi thấy tấm màn mở toang ra, ánh nắng tỏa sáng căn phòng bên kia. Chú bé thấy thật rõ qua khung cửa kính: cô gái đưa tay vén mớ tóc hoe hoe vàng lòa xòa trước trán, đang uể oải bước về phía mép giường ngồi xuống rồi lại đưa tay vuốt lại nếp áo mỏng manh tựa như sương khói ấy... Chú bé chợt giật mình thót tim khi thấy một bóng hình đàn ông mảnh khảnh đến đứng trước mặt cô ấy, ôm lấy đôi bờ vai rồi kéo cô ta đứng dậy đối diện với ông ta. Người đàn ông vòng tay qua bờ eo thon nhỏ rồi ghì xiết cô gái vào lòng ông ta. Chú bé mở to mắt ra nhìn cho rõ: với mái tóc đã nhiều muối hơn tiêu, một cái sóng mũi cao mà gẫy, người đàn ông Mễ trung niên ấy vẫn trông rất đỏm dáng với chiếc áo sơ-mi sa-tanh màu lục bóng lẫy, mái tóc xịt keo thật trơn láng. Bàn tay ông tay xoa nhẹ trên tấm lưng dài thon thả mà vẫn ghì xiết cô gái vào lòng ông ta. Cô gái rướn mình cao lên một chút để đón nhận những nụ hôn lên môi, lên má, lên cổ của mình. Cô gái lại nhón chân cao lên thêm chút nữa, vòng tay qua cổ ông Mễ để kéo ghì ông xuống mà đặt lên môi ông ta một nụ hôn đắm đuối. Người đàn ông Mễ nhấc hẳn cô gái lên rồi lại đặt cô ngồi xuống mép giường, hôn lên trán cô một cái thật dài rồi mới chịu rời cô mà bước ra khỏi phòng. Cô gái dõi mắt trông theo một lúc rồi lại nằm ngã xuống giường... Chú bé đờ đẫn đến bây giờ mới tỉnh ra, tức giận đóng ầm cửa sổ rồi ngồi bệt xuống nền thảm mà thẩn thờ, ngơ ngẩn. Chú bé cảm thấy cổ mình nghèn nghẹn, ngực nhoi nhói đau, sững sờ trước những điều vừa xảy ra trước mắt. Đây là lần đầu tiên trong đời chú có cảm giác ấy. Thực tế quá phũ phàng. Có lẽ ở đây lâu dần rồi thì chú bé sẽ hiểu ra thêm một chút, nguôi ngoai bớt và sẽ quen đi với những thực tế không mấy vui như chú mơ tưởng. Buổi sáng ở đây không phải lúc nào cũng nhẹ nhàng, thơ thới như khi mới từ quê nhà sang đây mà hầu như ai cũng tất bật bước vào ngày mới với nhiều lo toan, vất vả. Bầu trời đâu phải lúc nào cũng trong xanh mà cũng có những ngày mây đen ảm đạm, hay ít ra cũng lợn cợn nhiều cụm mây mù xám xịt. Cũng đâu phải chỉ có tiếng chim hót líu lo, hoa thơm và nắng vàng rực rỡ... mà ở đây vẫn có những bầy quạ đen gớm ghiếc "không mời mà đến," cũng có những cánh hoa rất "khó ngửi," có cả những mưa dông tầm tả, phũ phàng! Chú bé hiểu ra và tự hứa sẽ nhìn kỹ thực tế cuộc sống hơn là chỉ nhìn đăm đăm về một phía khung cửa kính bên kia.

ĐEM TA RA BIỂN.

thơ

Đem ta ra biển sông ơi,
thèm nghe tiếng sóng hôn môi mạn thuyền.
trong ta,
bí mật lời nguyền
ngày về xóa hết ưu phiền đáy tim.
đem ta ra biển truy tìm,
cội nguồn phiêu lãng
thẫm chìn đại dương . ..
trong ta,
xao xuyến vô thường
ngày đêm trăn trở, mơ cuồng đặm khơi.
sông thương nhớ,
gọi muôn đời
phù sa cuộn sóng,
réo mời người đi ./.

TCM

Sau năm 1975 gần cả triệu người Việt Nam sinh sống trên đất Mỹ, cả triệu, cả tỷ đồng Mỹ-Kim đã được trao đổi luân lưu giữa người Việt lưu vong, nhưng có mấy khi mà chúng ta tìm hiểu quan sát những nét "Rồng Rắn" khắc ghi trên đồng Mỹ Kim. Có người còn thực tế đến độ mỉa mai "Kiếm được nó chẳng dễ gì, có nó rồi thì đem ra xài hơi đâu mà tìm tòi quan sát cho mất công! Miễn là đừng nhầm lẫn one dollar với one hundred dollar bills là đươc rồi!" Cái logic vật chất đó được tán thành chấp nhận hầu hết trong xã hội kim tiền này. Những tay "đốt tiền trong Casino" như tôi thì thật chẳng còn gì đúng hơn! Nhưng cái sai mà bản thân tôi nghiệm ra là cái lười lắm khi giết chết cái khôn. Người Việt chúng ta vốn chịu ảnh hưởng rất nặng của Trung Quốc, mình không vỗ ngực tự xưng là "con Trời" như chú Ba, nhưng vẫn rêu rao là "con Rồng cháu Tiên"với "Bốn Ngàn Năm Văn Hiến" Chỉ có thế, ngoài ra chẳng có gì để góp mặt, góp sức, với trào lưu tiến bộ trên thế giới. Nông dân vẫn con trâu cái cày, lam lũ, đổ giọt mồ hôi trên nương khoai bãi sắn, quyền sinh lẽ sống vẫn bị lạm dụng chà đạp bởi nhũng chế độ không do nhân dân tán đồng! Mãi đến cuối đời nhà Thanh, ngoài Trung Hoa lục địa ra, những phần đất còn lại trên mặt địa cầu, trong tâm khảm của người Trung Quốc đều là "man di mọi rợ". Cái thành kiến đó phát sinh ra ở cái bệnh "Duy ngã độc tôn, chủ quan khó trị" Cái xã hội mà vua chúa, quan quân, cường hào ác bá là luật lệ. Chống Vua "Tru Di Tam Tộc", chống Quan "Cửa Nát Nhà Tan" Những phần tử cai trị biến đất nước thành một nhà tù rộng lớn trong đó Nhân Dân là tập thể Nô Lệ phục vụ cho quyền lợi riêng tư của họ! Người dân Mỹ, tốt số hơn người dân Châu Á chúng ta nhiều! Họ đi đúng đường ngay ở giai đoạn đầu lập quốc. Trong mọi vấn đề liên quan đến an sinh của nhân dân, đều do tim óc của nhân dân định đoạt. Chữ "Tự Do Dân Chủ" không phải là một bảng bài tuyên truyền bịp bợm. Ngày nào mà chúng ta chẳng lái xe quanh đi quẹo lại "left turn, right turn" nét đơn, nét kép, sơn dọc sơn cong, trên đường phố, nhưng có mấy ai trong chúng ta hiểu được cái quá trình nghiên cứu khảo sát thí nghiệm lâu dài đưa đến những mẫu mực thích nghi an toàn cho người xử dụng công lộ ngày nay, trong đó có tôi và bạn. Cái "máy người" của chúng ta hầu như đã được điện tử hóa, phát động theo chương trình đã viết. Ít khi chúng ta chịu tìm biết, thậm chí hoặc không muốn biết, đây chính là thành quả của nhân dân Hoa Kỳ xây dựng qua hơn 300 năm trên một đất nước mà sức mạnh đặt nền tảng trên học thuật và thể chế dân chủ.

Để chứng nghiệm điều này chúng ta cùng lấy ra và quan sát tờ giấy bạc "một đồng Mỹ Kim" Đồng bạc chúng ta đang quan sát được in ra từ năm 1957 với kích thước màu sắc và hình hài không thay đổi cho đến bây giờ. Cái mà ta gọi là "giấy bạc" thật ra được cấu tạo bởi một vật thể trộn lẫn giữa cô-tông và sợi vải với những sợi tơ màu xanh đỏ chạy xuyên qua. Đúng chất của đồng bạc là vải chứ không phải là giấy như ta nghĩ, cho nên lắm khi bỏ quên trong áo quần đem đi giặt đồng bạc vẫn không bị hủy nát. Một loại mực đặc biệt, mà hợp chất cấu tạo không bao giờ được tiết lộ, được dùng để in. Những mẫu vật tượng trưng cùng với ký hiệu được in trên nền vải. Một chất keo hồ chống nước được phết lên và cuối cùng đồng bạc được máy ép cứng mượt khi được đem ra phát hành.

Nếu ta nhìn mặt trước bên phải của đồng Mỹ Kim, chúng ta sẽ thấy cái triện (dấu ấn) của Ngân Khố Hoa Kỳ. Phần trên dấu ấn là một cái cân cho một ngân sách quân bình. Phần giữa là cái thước vuông góc thợ mộc, dùng để

HOÀNG NHƯ NGỌC

bình hòa cắt giảm. Phần dưới là cái chìa khóa vào Ngân Khố Hoa Kỳ. Mặt trước cũng chẳng mấy gì khó khăn để suy nghiệm cũng như diễn dịch các ý tứ qua hình ảnh in khắc. Nhưng những gì ở mặt sau của đồng bạc là những dữ kiện lịch sử mà chúng ta cũng nên biết khi đã sống ở đất nước này. Nếu ta lật qua mặt sau của đồng bạc, chúng ta sẽ thấy hai cái vòng tròn. Cả hai cái vòng tròn này tạo thành cái "Ấn Vĩ Đại" (the Great Seal) của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Quốc Hội Lục Địa thứ nhất của Hoa Kỳ (The First Continental Congress) yêu cầu ông Benjamin Franklin và nhóm người cọng tác với ông phát họa và thực hiện một dấu ấn cho quốc gia Hoa Kỳ (ghi chú: danh từ Continental Congress được nói ở đây là để chỉ về hai Quốc Hội của thuộc địa Hoa Kỳ do Anh Quốc cai trị trong thời gian Cách Mạng dành độc lập. Quốc Hội Lục Địa thứ nhất được triệu nhóm vào năm 1774 để phản kháng chính sách thuộc địa của Anh Quốc áp đặt trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Quốc Hội Lục Địa thứ hai được triệu nhóm trong năm 1775, tạo lập ra Quân Đội Lục Địa (Continental Army) và bản Tuyên Ngôn Độc Lập (The Declaration of Independence,1776) Ông Franklin và nhóm người cộng tác phải mất bốn năm để hoàn thành và mất thêm hai năm nữa để được Quốc Hội chấp thuận cái ấn!

Nếu ta nhìn cái vòng tròn bên trái, chúng ta sẽ thấy một Kim Tự Tháp. Xin chú ý mặt tháp phía trước được soi sáng, và mặt phía Tây của tháp thì tối đen. Dụng nghĩa ở đây là quốc gia này vừa mới được khởi dựng. Họ chưa hề thăm dò thám hiểm miền Tây cũng như chưa định quyết được một nền văn minh nào có thể thực hiện cho mạn tây của đất nước.

Cái Kim Tự Tháp không đỉnh (trong hình đỉnh tháp được tách rời khỏi thân Tháp), một lần nữa khẳng định rằng việc tạo dựng quốc gia này vẫn còn xa ở giai đoạn hoàn tất.

Phần trong của đỉnh tháp đã được tách rời ra khỏi thân tháp, chúng ta thấy một con mắt "huyền thông" thấu suốt vạn điều muôn vật, biểu tượng cho Thần Thánh. Đó cũng là lòng tin của ông Franklin cho rằng bằng sức một người thì không sao thực hiện nổi, nhưng bằng sức một nhóm người, với ân trợ của Thiên Chúa thì việc gì cũng có thể hoàn thành. "Chúng ta tin vào Thiên Chúa" (In God We Trust) Hàng chữ này được in trên tất cả các loại Mỹ kim, được in lên trên đầu chữ "ONE" giữa hai vòng tròn. Hàng chữ La Mã trên đầu Kim Tự Tháp, ANNUIT COEPTIS có nghĩa "Thiên Chúa ân chuẩn trách vụ của chúng ta" Hàng chữ La Mã phía dưới Kim Tự Tháp, NOVUS ORDO SECLORUM, có nghĩa "Một Trật Tự Mới Đã Khởi Đầu" Dưới bệ tháp hàng số La Mã chỉ năm 1776 (năm ra đời bản Tuyên Ngôn Độc Lập)

Bây giờ chúng ta quan sát kỹ vòng tròn bên phải, chúng ta sẽ nghiệm ra là trên toàn khắp các Nghĩa Trang Quốc Gia Hoa Kỳ, và cũng như tại "Hành Lang Trưng Kỳ" của Nghĩa Trang Quốc Gia tỉnh Bushnell, tiểu bang Florida, dấu hiệu trong vòng tròn này là một biểu tượng trên các tượng đài kỷ niệm anh hùng liệt sĩ. Có chút ít thay đổi về kiểu cách phát họa, nhưng dấu hiệu này cũng là ấn dấu của những vị Tổng Thống Hoa Kỳ, được trông thấy ở bất cứ nơi nào có mặt họ. Ấy thế mà ít có người biết được ý nghĩa của dấu hiệu này! Dưới đây là phần dẫn giải.

Con "Bald Eagle" (đây chỉ là tên một loài ó chứ không có nghĩa là ó sói đầu đâu!) được chọn làm biểu tượng cho Chiến Thắng bởi hai lý do: Thứ nhất, nó không sợ bão tố; nó dũng mãnh, và đủ khôn ngoan để vút lên qua cơn bão bùng. Thứ hai, nó không đội vương miện (Hoa Kỳ vừa tách rời khỏi nền quân chủ Anh Quốc) Để ý là cái Khiên không có đỡ dựa vào đâu cả.

Quốc Gia Hoa Kỳ giờ này tự chủ đứng vững trên tiềm năng sức lực của chính mình. Phần trên đầu cái Khiên, chúng ta thấy một vạch trắng tượng trưng cho Quốc Hội, một yếu tố, một động lực cho sự đoàn kết. Toàn dân liên hợp thành một quốc gia. Trên mỏ chim ó chúng ta đọc hàng chữ La Mã, E. PLURIBUS UNUM, có nghĩa "Một đất nước từ nhiều dân tộc"

Ở trên con ó, chúng ta thấy 13 ngôi sao, tượng trưng cho 13 Tiểu Bang đầu tiên, chung vai sát cánh như cùng

một khối. Chú ý phần chân chim ó, hai chân giữ chặt một bên là nhánh olive một bên là bó tên. Đất nước Hoa Kỳ mong muốn hòa bình, nhưng chẳng bao giờ họ sợ chiến đấu để bảo vệ hòa bình. Con chim ó luôn luôn muốn xoay mắt nhìn nhánh olive, nhưng trong thời điểm chiến tranh, mắt nó xoay nhìn bó tên.

Người ta cho rằng con số 13 là con số xui xẻo bất tường. Hầu như đây là sự tin tưởng rộng rãi trong quần chúng. Bạn sẽ không bao giờ thấy trong khách sạn có phòng mang số 13 và cũng chẳng có motel, hotel nào có tầng lầu 13 cả! Nhưng xin hãy suy gẫm về những dữ kiện sau đây: 13 Tiểu Bang đầu tiên, 13 người ký kết vào bản Tuyên Ngôn Độc Lập, 13 sọc trên lá cờ Hoa Kỳ, 13 bậc trên Kim Tự Tháp, 13 chữ trên hàng chữ La Mã "ANNUIT COEPTIS", "E PLURIBUS UNUM", 13 ngôi sao trên con ó, 13 sọc trên cái khiên, 13 lá trên cành olive, 13 trái và nếu nhìn thật kỹ, 13 mũi tên.

Đây chỉ là một đồng Mỹ Kim, nhưng không ai trong chúng ta phủ nhận rằng cái quyết tâm ý chí của nhân dân Hoa Kỳ qua lịch sử hình thành của quốc gia họ. Ta thấy đây cái nôi sinh của một thể chế dân chủ, lẽ sống và vận mạng của nhân dân phải do nhân dân quyết định. Trong lịch sử nhân loại không có một nước nào không khởi đầu bằng sự cai trị của một bạo chúa, một tập thể hay phe nhóm, áp đặt lên đồng chủng cái luật lệ do chính mình hay phe nhóm của mình cưỡng đặt. Các thể chế thú rừng, cá lớn nuốt cá bé, đã được áp đặt trong những xã hội bán khai. Mảnh đất được Âu Châu rãi mầm rắc giống theo gót chân Kha Luân Bố quả nhiên đã là vùng đất phì nhiêu để gieo hạt Tự Do và mầm Dân Chủ. Trong Tân Ước (New Testament) Matthew trang 20:24 kinh đoạn 26, Chúa Giê Su nói với các thánh Tông Đồ rằng "whoever wants to become great among you must be your servant" và kinh đoạn 27 "and whoever wants to be first must be your slave" Những bậc tiền nhân của xã hội Hoa Kỳ, những con chiên ngoan đạo của "**IN GOD WE TRUST**" quả đã theo đúng đường do Thánh Kinh khai lối.

thơ

NUỐI TIẾC

Tặng B, người yêu Gia Hội
người tình trăm năm

Trời xanh vươn lộc mới
Nắng vàng ửng chân mây
Gió lồng hương cỏ dại
Nụ hồng đẹp ngất ngây

Má cồn gió hây hây
Tâm nghe lòng trẻ lại
Tình xưa còn mê mãi
Chưa hằn nét bạc phai

Tương như hồn mộng lạc
Một thời tuổi đắm say
Lụa đùa ôm vóc ngọc
Xiêm vàng cợt gió bay

Chợt thèm môi son phấn
Má nồng nhựa ái ân
Đất trời đan quấn quít
Trăng sao ngất lịm dần

Ngỡ chừng qua cơn say
Đam mê lại một lần
Ướm men giòng thơ cũ
Bút xưa viết lạc vần

Hoàng Như Ngọc
(Vần thơ không ngày tháng)

TƯỞNG NHỚ cố Linh Mục ĐỖ MINH TRÍ

PHẠM NGUYÊN HẠNH

Đầu tháng 3 vừa qua, tin Linh Mục Đỗ Minh Trí từ trần đã gây xúc động xâu xa trong cộng đồng người Việt tỵ nạn. Được coi như ân nhân của người vượt biển Việt Nam, ngài đã sống chung và giúp đỡ thuyền nhân trong nhiều trại tỵ nạn vùng Đông Nam Á trong suốt 13 năm. Là một thuyền nhân đã có may mắn được cộng tác với ngài trong thời gian ở trại tỵ nạn Galang, Indonesia, tôi xin viết bài này để tưởng nhớ đến vị linh mục đã hết lòng tận tụy với người Việt tỵ nạn chúng ta.

Linh Mục Đỗ Minh Trí, tên thật là Gildo Dominici, sinh ngày 5 tháng 3 năm 1935 tại Assisi thuộc miền trung nước Ý. Ngài là con trai lớn trong một gia đình lao động có hai trai và một gái. Người cha, cột trụ của gia đình, đột ngột mất đi trong một tai nạn lao động khi cậu Gildo mới được 8 tuổi. Mẹ cậu phải chật vật từ sáng sớm đến chiều tối bằng nghề may thuê vá mướn để nuôi nấng dạy dỗ 3 con thơ dại. Học xong chương trình trung học, cậu Gildo quyết chí đi vào con đường tu đạo và được chọn vào chủng viện của thành phố. Thụ phong linh mục năm 1960, cha Gildo Dominici gia nhập Dòng Tên (Jesuit) năm 1964 với ước mong đi truyền giáo ở nước ngoài.

Cuối năm 1967, cha Dominici đến Việt Nam và bắt đầu học tiếng Việt tại trung tâm Đắc Lộ trên đường Yên Đổ, Saigon. Mới đặt chân đến thủ đô Saigon có vài tháng, ngài đã được chứng kiến tận mắt thảm cảnh chiến tranh trong đêm giao thừa và những ngày đầu Tết Mậu Thân ngay trên đường phố. Lúc đó, ngài "cảm nhận được sự gắn bó với cuộc sống của cả một dân tộc đang bị đè nặng bởi các vấn đề và một nỗi sợ tận cùng cho một tương lai kể như không có". Sau đó, ngài lên Đà Lạt dạy La ngữ tại Chủng viện Simon-Hòa, đồng thời tiếp tục học ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Sau một thời gian ngắn về Rôma, nước Ý, năm 1970 để trình luận án tiến sĩ Giáo Luật, ngài qua Việt Nam lần thứ hai và dạy tại Giáo Hoàng Học Viện, Đà Lạt, cho đến ngày 30 tháng 4, năm 1975. Chính trong thời gian này, linh mục Dominici đã nhận Việt Nam làm quê hương, và chọn một tên Việt Nam: Đỗ Minh Trí. Ngài luôn luôn mong muốn được gọi bằng tên Việt Nam này, thay vì tên Ý. Vì vậy, trong bài này, tôi xin được dùng tên Việt Nam của ngài. Ngài nói: "*Việt Nam là quê hương của tôi, dù rằng tôi không được sinh ra trên đất nước Việt Nam. Tôi chỉ ở đó có bảy năm. Bấy nhiêu cũng đủ để trở thành một công dân Việt Nam, theo cách riêng của tôi, mặc dù trên phương diện huyết thống hay pháp lý tôi không được niềm hân hạnh ấy. "Nếu xét theo tiêu chuẩn địa lý, thì Việt Nam quê hương tôi thật nhỏ bé: diên tích hẹp, dân số ít. Nhưng có một nước Việt Nam khác rộng lớn hơn, rộng lớn như một đại lục. Đó là Văn Hoá Việt Nam, Tâm Hồn Việt Nam, đó là Tinh Thần của Việt Nam. Và chính đó mới thực sự là quê hương Việt Nam của tôi".*

Sau biến cố tháng 4 năm 1975, cha Trí bị trục xuất ra khỏi Việt Nam cùng với tất cả các tu sĩ ngoại quốc khác, có vị đã liên tục sinh sống và gắn bó với quê hương của chúng ta gần 40 năm. Dù bị trục xuất, cha Trí không coi đó là một thảm kịch cá nhân, vì tự coi như bị bắt buộc rời bỏ quê hương của mình cùng với nhiều người Việt Nam khác trong làn sóng ra đi tỵ nạn. Thuyền nhân Việt Nam bắt đầu đổ đến quần đảo Riau, Indonesia, từ 1975. Mặc dầu chính quyền Indonesia lúc đó không muốn tiếp nhận người tỵ nạn, nhưng Giáo

hội Công giáo và nhất là cha sở họ đạo Tanjung Pinang niềm nở đón nhận họ, lại còn khuyến khích giáo hữu địa phương giúp đỡ những người anh em hoạn nạn. Kể từ thời điểm này, cha Trí hoàn toàn gắn bó với người tỵ nạn Việt Nam. Cha tình nguyện làm tuyên úy trong trại tỵ nạn Việt Nam đầu tiên tại Indonesia để có dịp phục vụ người Việt khốn khó. Vào tháng 5 năm 1977, từ Singapore, ngài vào Indonesia. Sau khi học nói tiếng Indonesia và xin gia nhập Dòng Tên của nước này, cha Trí sống và hội nhập với người Việt tỵ nạn. Ngài nhập cuộc với thuyền nhân trắng tay, đã bỏ lại tất cả để đổi lấy tự do. Từ một trại nhỏ trên đảo Kuku, ngài đã đồng hành cùng dân tỵ nạn đến một trại lớn hơn trên đảo Galang.

Mỗi người tỵ nạn có một hoàn cảnh và tâm tư riêng biệt. Một số thuyền nhân bị phân tán gia đình, có người đến được một mình, lẻ loi, lạc lõng, bỏ lại vợ hoặc chồng, con cái ở Việt Nam. Có người đã trải qua những thảm kịch trong chuyến vượt biên đầy kinh hãi. Họ sống sót sau khi chứng kiến những cảnh giết chóc, khủng bố, hãm hiếp, do hải tặc gây ra. Nhiều trẻ em đến được trại không thân nhân, bị các phái đoàn ngoại quốc từ chối, và bắt đầu một cuộc sống lêu lổng vô vọng. Vài người đến đảo cùng với chủ tàu và bi chủ tàu đòi thêm tiền, cao hơn số tiền hai bên đã thoả thuận trước đó. Và còn nhiều cảnh éo le khác, như cảnh vài thiếu phụ một mình vượt biên đến đảo, được chồng ở Hoa Kỳ bảo lãnh qua, nhưng trong thời gian ở đảo lại liên hệ tình cảm với thanh niên trong trại và mang thai. Có người đến đảo với niềm tin chắc chắn rằng người hôn phối đã định cư trước sẽ bảo lãnh mình, nhưng phải đối diện với một sự thật phũ phàng là đã bị bỏ rơi. Một số người vi phạm một nội quy của trại đã bị cảnh sát người Indonesia giam giữ và đánh đập tàn nhẫn. Và còn nhiều trường hợp thê thảm, oan nghiệt khác. Cha Trí có lần đã nhận xét: "Cuộc sống người tỵ nạn thường được đánh dấu bởi thảm trạng: thảm trạng của chết chóc trên biển cả, thảm trạng của nạn cướp biển hãm hiếp và tàn sát, thảm trạng của gia đình đổ vỡ, thảm trạng của bạo động".

Gắn liền với cuộc sống thường nhật của người tỵ nạn, cha Trí tìm cách giúp đỡ họ từ việc phân phát quần áo ngài quyên xin được, thăm viếng và an ủi người đau ốm, đến chăm sóc trẻ thơ, không phân biệt lương giáo. Trong trại, cha sống hòa mình cùng họ và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của mỗi người. Ngài ăn ở chung với một số thanh niên độc thân. Nhiều người còn nhớ đến cảnh hàng ngày trực sách nước cho nhu cầu ăn uống và tắm rửa. Nhiều thanh niên ở chung với ngài đã sao lãng nhiệm vụ sách nước hàng ngày, có lần cha Trí thấy thùng "phuy" chứa nước trong phòng khô cạn. Tối hôm đó, ngài thay quần áo, cầm một thùng xô nhỏ và tự động đi sách nước về. Các thanh niên ở chung sau đó phát hiện ra và tự giác sửa đổi. Nhiều người tỵ nạn cố tìm đến cha để mong được giúp đỡ hoặc an ủi. Sáng sớm mỗi ngày, dân công giáo đến nhà thờ do ngài cùng người dân tỵ nạn dựng lên để dự thánh lễ, thường đông đến 500 người. Ngay sau thánh lễ, nhiều người nán ở lại để gặp riêng ngài, nhờ giải quyết những vấn đề riêng tư. "*Ban đầu, tôi dán thời khóa biểu tiếp khách ngoài cửa, nhưng rồi tôi lại gỡ xuống. Tôi ở đây làm với họ, cho đi tất cả, tiêu pha tất cả: thời giờ nghỉ ngơi, ăn uống, tôi dành tất cả thời gian cho họ. Tất cả cho tình yêu và hy sinh". Phòng khách của ngài nhộn nhịp người ra vào từ sáng đến tối.* Nhiều người sau khi rời trại và định cư tại một nước thứ ba gửi thư nhờ ngài chuyển đến người thân hay bạn bè còn ở lại trong trại. Có người còn gửi cả tiền mặt trong thư, thư tuy có đến, nhưng tiền thì không còn. Cha Trí chỉ còn biết lấy tiền túi bù vào số tiền đã mất và đưa lại cho người nhận. Ngài còn vận động với các đoàn thể thiện nguyện, chính quyền địa phương tổ chức thêm nhiều lớp dạy Anh văn, chuyên môn và văn hóa, cho dân tỵ nạn, nhất là cho thanh thiếu niên. Ngài khuyến khích thanh thiếu niên công giáo gia nhập đoàn Thanh Niên Công Giáo hoặc Thiếu Nhi Thánh Thể. Ngài cũng đặc biệt lưu tâm đến các trẻ em lai, bị kỳ thị và ruồng bỏ ngay từ khi còn ở trong nước.

Sau những ngày đầu phục vụ người Việt tỵ nạn, cha Trí nhận định được tầm quan trọng về nhu cầu văn hóa, giáo dục và tinh thần cho cộng đồng tỵ nạn. Đó không chỉ là nhu cầu giáo dục để có đủ kiến thức căn bản hội nhập vào quốc gia định cư. Đó còn là nhu cầu tinh thần: người tỵ nạn cần có một giá trị tinh thần nhân bản, đã mất vì chiến tranh, loạn lạc, và nhất là sau nhiều năm sống dưới một chế độ áp bức phi nhân, lừa dối, gây hận thù, nghi ngờ, chia rẽ. Qua những lần tiếp xúc hàng ngày, cha Trí tự đặt cho mình một nhiệm vụ khẩn trương là phục hồi các giá trị nhân bản và đạo đức cho dân Việt tỵ nạn. Ngài nói: "*Tâm hồn họ như một thành phố sau khi bị dội bom tàn bạo: tất cả đều bị san bằng ngang mặt đất. Cơ cấu đạo đức, bậc thang giá trị đã bị phá hủy". Giờ đây, cần phải tìm lại nguồn vui sống, phải tìm lại thú ham sống một đời sống đầy và tràn trề hy vọng, niềm tin nơi con người, niềm tin vào tương lai nhân loại,... Bởi vì người Việt Nam*

Tôi chỉ ở đó có bảy năm.
Bấy nhiêu cũng đủ để trở thành một công dân Việt Nam, theo cách riêng của tôi, mặc dù trên phương diện huyết thống hay pháp lý tôi không được niềm hân hạnh ấy."Nếu xét theo tiêu chuẩn địa lý, thì Việt Nam quê hương tôi thật nhỏ bé: diên tích hẹp, dân số ít. Nhưng có một nước Việt Nam khác rộng lớn hơn, rộng lớn như một đại lục. Đó là Văn Hoá Việt Nam, Tâm Hồn Việt Nam,
đó là Tinh Thần của Việt Nam.
Và chính đó mới thực sự là quê hương Việt Nam của tôi".

có một trọng trách nặng nề đang chờ họ: xây dựng lại đất nước, xây dựng một nước Việt Nam mới.... Để hoàn thành trọng trách này, cần có những người Việt Nam mạnh khỏe, tươi vui, lành mạnh cả về thể xác lẫn tinh thần. Cần có những người Việt Nam có tâm hồn trong sáng, tinh thần lành mạnh, có lý tưởng, lòng quảng đại và tràn đầy tình thương". Cha Trí còn nói rõ thêm: 'Nếu các phái đoàn ngoại quốc cho người tỵ nạn cơm ăn, nhà ở, áo mặc, một đất nước mới mà không cho họ một niềm tin mới nơi con người, một niềm hy vọng mới, một lý tưởng sống, thì sự giúp đỡ còn ít ỏi quá!' Vì vậy, ngài chủ trương xây dựng lại tâm hồn người tỵ nạn bằng những giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống Việt Nam cùng những giá trị cao đẹp về lòng nhân ái, tự do, công bình. "Phải tìm cho mình một lý tưởng sống, một lẽ sống, một nguyên tắc sống và các giá trị để thực hiện. Trước khi xây dựng lại đất nước, phải xây dựng lại tầm hồn!".

Đó là tinh thần những bài giảng của cha Trí trong nhà thờ. Nhận thấy cần phổ biến rộng rãi hơn nữa việc giáo dục tinh thần trong cộng đồng tỵ nạn, ngài chủ trương phát hành bán nguyệt san Tự Do, bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tuy làm chủ nhiệm, cha Trí giao cho một ban biên tập gồm khoảng 10 anh chị em tỵ nạn thực hiện cụ thể tạp chí này từ bài vở, in ấn và phát hành. Ban biên tập này gồm những anh chị em nhiều thiện chí, tuy phần lớn không có kinh nghiệm làm báo. Mỗi khi nghe tin có văn nghệ sĩ nào vượt biên thành công và đến đảo, cha Trí vội mời ngay các vị này vào ban biên tập. Các văn nghệ sĩ này cũng rất vui mừng được cầm bút trở lại, sau nhiều năm bị câm lặng trong áp bức, tù đày. Tôi được nghe nói đến nhà văn Nguyễn Mộng Giác, các nhà báo Đỗ Thái Nhiên, Phan Tấn Hải, Nguyễn Bá Tùng, họa sĩ Vị Ý... Những vị này đã nâng cao giá trị nghệ thuật của bán nguyệt san Tự Do. Vì đối tượng chính là dân tỵ nạn người Việt, nên cha Trí đặt trọng tâm vào báo Việt ngữ, phát hành mỗi tháng 2 kỳ. Còn báo tiếng Anh, phát hành mỗi tháng một số, chỉ nhằm giúp Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc và các cơ quan thiện nguyện hiểu rõ hơn về nhu cầu của thuyền nhân. Số báo tiếng Việt đầu tiên ra mắt ngày 1 tháng 4 năm 1980, đã được thuyền nhân trong trại Galang hân hoan đón đọc. Và từ đó, báo Tự Do trở thành món ăn tinh thần của người tỵ nạn. Nhiều độc giả gửi sáng tác thơ văn đến báo, cũng như góp ý xây dựng với ban biên tập.

Tôi còn nhớ rất rõ những ngày đầu gia đình tôi đến được trại Galang. Đó là vào đầu năm 1983, tôi nhận một công tác thiện nguyện trong cơ quan World Relief: dạy kỹ nghệ họa cho một lớp chừng hơn 30 học viên. Một hôm sau giờ dạy học, một anh bạn ở gần barrack đến tìm tôi và mời tôi vào ban biên tập báo Tự Do. Thoạt tiên, tôi ngần ngại. Tôi không có kinh nghiệm viết báo, hơn nữa còn sợ bị lạc lõng vì tất cả các anh chị trong ban biên tập đều là người công giáo. Nhưng trước đó tôi đã được nghe nhiều người trong trại ca tụng các đức tính hiền hòa, nhân từ, chân thành và cởi mở của cha Trí. Họ cũng đều khen ngợi ngài không những nói tiếng Việt lưu loát mà còn viết tiếng Việt nhuần nhuyễn. Tôi cảm nhận rằng được cộng tác với ngài là một vinh dự nên đã nhận lời. Tôi vội viết một bài ngắn chào mừng Phật Đản cho số báo Tự Do kỳ tới, đồng thời gắng chấm dứt lớp họa kỹ thuật sớm để tập trung toàn thời gian vào công việc biên tập.

Quả thực làm báo Tự Do rất bận. Báo tiếng Việt ra một tháng hai kỳ, vào đầu tháng và giữa tháng. Trước khi ra một số báo, ban biên tập đóng góp bài vở, viết về các hoạt động của trại và tin định cư, chọn bài của độc giả gửi tới, trả lời thư tín, sửa bài, nhiều khi phải khai triển thêm hoặc viết lại cả bài, phân phối đánh máy trên giấy stencyl, làm proofreading, trình bày, kẻ chữ tựa bài, rồi quay ronéo, cuối cùng là đóng thành tập và phân phối. Tất cả những công việc trên thường được làm vào ban ngày, vì vào buổi tối, đèn điện không đủ sáng. Ngay sau khi số báo tiếng Việt được phát hành vào đầu tháng, chúng tôi huy động nhân lực dịch một số bài được chọn trong báo đó ra riếng Anh, để chờ thêm vài bài khác trong số báo sau. Nói một cách khác, từ hai số báo tiếng Việt trong một tháng, chúng tôi chọn lọc một số bài để hoàn thành một số báo tiếng Anh. Rồi ban biên tập lại bắt tay vào số báo tiếng Việt kế tiếp cho kịp ngày phát hành giữa tháng. Chúng tôi không có sách vở, tài liệu, cũng như thư viện để tham khảo, phần lớn viết dựa vào hiểu biết sẵn có và trí nhớ của mình. Tôi còn nhớ cha Trí đặt mua dài hạn cho ban biên tập một báo tiếng Việt, Văn Nghệ Tiền Phong, từ miền Đông Hoa Kỳ gửi đến, và một tuần báo tiếng Anh. Tuy hai báo đó đến trại trễ khoảng 10 ngày đến hai tuần, chúng tôi cũng rất mừng và chuyền tay nhau đọc. Cha Trí đóng góp rất đều đặn một bài cho mỗi số báo. Cha thường đưa cho chúng tôi cả tuần trước bài tiếng Việt được đánh máy sạch sẽ. Nhưng cha không đưa cho chúng tôi bản dịch tiếng Anh, nên đến khi làm số báo bằng tiếng Anh, thì một hai anh em giỏi Anh ngữ trong ban biên tập

chung sức dịch bài viết của cha sao cho thật sát với nguyên tác. Tuy là chủ nhiệm, cha Trí hoàn toàn tin tưởng chúng tôi và không đòi hỏi phải duyệt xem bản thảo trước khi phát hành. Có lẽ ngài đã hài lòng thấy ban biên tập làm việc sốt sắng, báo ra đúng ngày và được đồng bào trong trại đón đọc thích thú cũng như sốt sắng hưởng ứng gửi sáng tác cho chúng tôi.

Gần như mỗi tháng, một hay hai anh chị em trong ban biên tập nhận được giấy đi định cư. Để tiễn đưa, chúng tôi đãi nhau bằng một chầu cà phê tại một quán nhỏ trong trại. Sau đó là việc tuyển thêm người mới để bổ sung vào chỗ trống. Rồi đến một hôm, đến lượt anh Tổng Thư Ký bán nguyệt san Tự Do chuẩn bị đi định cư tại Hoa Kỳ. Cũng như người tiền nhiệm, anh đến trại một mình, vợ con còn ở lại trong nước, nên đã dành toàn thời gian cho việc làm báo. Anh đến gặp riêng tôi và yêu cầu tôi nhận thay anh trong nhiệm vụ này. Anh cũng cho biết các anh chị em khác trong Ban Biên Tập và cả cha Trí đều tín nhiệm tôi. Tôi thấy khó từ chối, nhưng rất e ngại không hoàn thành nhiệm vụ như những người tiền nhiệm.

Tôi đặt thêm mục đố vui văn hóa để giúp độc giả trẻ tìm hiểu về văn hóa, nhất là lịch sử và địa lý Việt Nam. Mục này được rất nhiều người hưởng ứng. Thỉnh thoảng vài nhân viên ngoại quốc và Indonesia làm việc trong trại gửi bài cho chúng tôi. Một hôm vị chỉ huy trưởng lực lượng cảnh sát trại Galang đến gặp tôi. Ông ta là một thiếu tá người Indonesia, rất kính mến cha Trí và đối xử tử tế với người tỵ nạn. Vị thiếu tá cảnh sát trưởng đưa cho tôi xem một bài viết bằng tiếng Anh, nhờ tôi dịch ra tiếng Việt và đăng trên báo Tự Do. Bài này đưa ra một số đề nghị xây dựng giúp thanh thiếu niên trong trại tôn trọng kỷ luật để không gây khó khăn cho cảnh sát. Tôi cố tìm hiểu hết ý của bài viết và dịch ra tiếng Việt, đồng thời sửa vài chỗ trong nguyên tác để đăng trong số báo tiếng Anh sắp tới. Còn bài của cha Trí thì chúng tôi thường chuyền tay nhau đọc rồi đăng nguyên bài mà không sửa chữa. Ai cũng khen cha viết tiếng Việt văn hoa, sáng sủa, ngoài ra cha lại còn biết dùng thành thạo các thành ngữ, tục ngữ, hay ca dao Việt Nam. Nhưng có lần, sau ngày phát hành báo, chúng tôi nhận được ý kiến của một số anh chị trong gia đình Phật tử Galang phàn nàn cha Trí có ý kỳ thị tôn giáo, dựa vào một từ ngữ ngài dùng trong bài (rất tiếc tôi không còn nhớ từ ngữ nào). Ban biên tập chúng tôi họp lại để phân tích từ ngữ đó, và không thấy có một ý nghĩa kỳ thị, chia rẽ nào. Tuy vậy, chiều hôm đó, tôi lên đồi nơi có nhà thờ và phòng riêng của cha Trí, và trình bày với cha chủ nhiệm sự việc. Nghe tôi nói xong, ngài vẫn giữ vẻ mặt vui tươi, yêu cầu tôi liên lạc với Thượng Toạ Thích Thắng Hoan để cho ngài đến thăm. Thượng Tọa Thích Thắng Hoan mới nhập trại và là vị Thượng Tọa duy nhất tại Galang lúc đó. Chiều hôm sau, tôi lên tìm cha Trí và được ngài chở trên chiếc Vespa cũ kỹ đến gặp Thượng Toạ Thích Thắng Hoan. Tuy mới gặp nhau lần đầu, hai vị lãnh đạo tôn giáo nói chuyện rất vui vẻ và cởi mở. Cho đến lúc chia tay, tôi không thấy vị nào nhắc đến bài của cha Trí trong số báo Tự Do mới phát hành. Sau đó, tôi được biết Thượng Toạ Thích Thắng Hoan định cư ở Bắc Mỹ và hoạt động rất tích cực trong giới lãnh đạo Phật Giáo Hải Ngoại.

Khi được tin tôi cùng gia đình có giấy báo định cư tại Hoa Kỳ, cha Trí đến gặp tôi và trao lá thư cám ơn, trong đó với lời lẽ lịch sự và trang trọng, ngài đề cao sự đóng góp của tôi cho bán nguyệt san Tự Do. Có thể lá thư này đã giúp tôi tìm được việc làm tại Hoa Kỳ rất sớm và đúng với chuyên môn. Ngày gia đình chúng tôi rời Galang bằng tàu thủy qua Singapore để đáp máy bay đi Hoa Kỳ, cha Trí lái Vespa đến tận bến tàu để tiễn. Cầm tay ngài, tôi rất cảm động và hẹn sẽ gặp lại trên đất Mỹ. Quả thật, ngài có qua Mỹ vào năm 1985, nhưng tôi được biết tin quá trễ, sau khi ngài trở về trại tỵ nạn. Cũng như nhiều người từ giã trại để đi định cư, chúng tôi luyến tiếc những ngày êm đềm trên đảo, những ngày mà tất cả tìm lại được không khí tự do, an bình, bỏ lại sau lưng những sợ hãi, bạo lực, đe dọa... Đến Galang, dân tỵ nạn tìm lại được sự yên ổn trong cuộc sống khá trật tự và thoải mái. Nhất là họ tin rằng mỗi khi gặp khó khăn sẽ có một người bên cạnh sẵn sàng bảo vệ, giúp đỡ hay an ủi. Vì vậy, Galang được mệnh danh là Cửa Ngõ của Tự Do và Tình Người.

Sau đó, thỉnh thoảng tôi nhận được vài tin ngắn ngủi về cha Trí và trại Galang. Làn sóng tỵ nạn gia tăng mạnh mẽ khắp Đông Nam Á. Cảnh sát Indonesia nhiều lần bạo hành đối với dân tỵ nạn. Cha Trí đã quyết liệt đứng lên bênh vực người dân yếu đuối. Có lần được cảnh sát hỏi vì sao ngài cứ bênh vực dân tỵ nạn hoài như vậy, ngài trả lời không do dự: "*Vì quý vị có quyền, có tiền, có súng, còn họ chẳng có chi hết*". Tình trạng kỳ thị bạo hành ở Galang lên đến cao độ, nhưng cha Trí quyết không lùi bước. Cuối cùng, dưới áp lực của chính quyền Indonesia, vị linh mục tuyên úy bị ngưng công tác và phải rời khỏi Galang. Bán

nguyệt san Tự Do đình bản sau hơn 100 số báo tiếngViệt được phát hành. Số phận của tập san được in trên giấy ronéo và phát hành nội bộ trong trại có thể sẽ bị chìm trong quên lãng. Tập san không có độc giả thường trực, vì thuyền nhân chỉ ghé lại đảo từ vài tháng đến 1 hay 2 năm. Khó người có trọn bộ bán nguyệt san Tự Do từ số đầu đến số cuối. May thay, năm 1984, ông Trần Đại Độ, lúc đó là tổng thư ký bán nguyệt san Tự Do, đã chọn 31 bài viết của cha Trí trong báo này và phát hành một tuyển tập với nhan đề Việt Nam Quê Hương Tôi. Tuyển tập này, được tái bản năm 1987 tại Bataan, Phi Luật Tân, năm 1990 và 1992 tại Hoa Kỳ, đã đưa người đọc trở về sống lại không khí của trại Galang, và nhớ lại những suy tư, tâm tình, cũng như lời khuyên nhủ chân thành của vị linh mục giàu lòng vị tha và nhân ái.

Với tâm Bồ Tát, cảm nhận được cảnh khổ của người Việt tỵ nạn ở nhiều nơi khác, cha Trí lập nguyện đến các nơi đó để phục vụ. Năm 1985, sau khi rời Galang, ngài đến giúp đỡ thuyền nhân ở trại Bataan, Phi Luật Tân. Nhưng chỉ vài năm sau, nạn bạo hành và kỳ thị dân tỵ nạn ở đó cũng trở nên trầm trọng. Cha Trí mạnh dạn đứng lên bênh vực kẻ yếu thế chống lại cách đối xử tàn nhẫn của chính quyền địa phương. Vì cương quyết bảo vệ dân tỵ nạn đến cùng, ngài bị đe dọa nguy hiểm đến tính mạng, đến lúc đó giáo hội phải đưa ngài ra khỏi trại. Rời Phi Luật Tân, không chút mệt mỏi và nản lòng, cha Trí lại tình nguyện đến phục vụ người Việt trong các trại ở Thái Lan và Hongkong cho đến năm 1990 thì được giao công tác khác. Sau này, nhìn lại những năm sống với dân Việt tỵ nạn, ngài nói: "Tôi có thể khẳng định rằng 13 năm sống trong các trại tỵ nạn là 13 năm hạnh phúc nhất trong đời tôi."

Trong vài năm đầu thập niên 90 phục vụ giới trẻ Việt Nam hải ngoại qua các khóa Linh Thao, cha Trí soạn cuốn sách với tựa đề Đi Tìm Anh Em bằng tiếng Việt, tổng hợp những kinh nghiệm tâm linh. Làm tuyên úy phong trào Đồng Hành của người Việt tại Bắc Mỹ, ngài đặt lại các giá trị gia đình cũng như sứ mệnh của giáo dân trong Thiên niên kỷ mới trong tác phẩm thứ ba của ngài, Family 2000.

Nhưng tiếng gọi hiến dâng cho người dân khốn khó lại thúc đẩy ngài lên đường tìm về những người Việt Nam bần cùng. Lần này, ngài không đến các trại tỵ nạn, phần lớn đã bị đóng cửa, mà trở về sống ngay trong nước. Ngài trở về quê hương Việt Nam lần đầu tiên vào năm 1989, và nhiều lần nữa, trong những chuyến đi công tác giáo dục ngắn ngủi trong suốt 12 năm sau đó, kể cả những năm cuối đời mắc bệnh nan y. Theo gương thánh Phanxicô Khó Nghèo cùng quê, ngài đã sống hòa mình để giúp đỡ người dân bần hàn, chất phác.

Năm 1996, cha Trí được gọi về Rôma để phục vụ trong nhà tĩnh tâm Galloro của Dòng được 2 năm thì bị phát hiện có bệnh ung thư. Từ năm 1998, ngài phấn đấu chống căn bệnh hiểm nghèo qua giải phẫu và chemotherapy. Tuy bị đau đớn, ngài luôn luôn hiền hòa, kiên nhẫn và vui vẻ. Ngài bình thản chấp nhận: "Có bệnh thì phải chữa, khỏi thì làm việc tiếp, chết thì về với Chúa". Thoạt tiên, bệnh có vẻ được chế ngự, nhưng sau đó lại phát triển mạnh hơn. Đầu năm 2003, bộ phận gan ngưng hoạt động, và ngài từ trần lúc 12:30 sáng ngày 3 tháng 3 năm 2003. Theo đúng ý nguyện, ngài được tẩm liệm mặc áo lễ và tay cầm tràng hạt mân côi, gợi lại hình ảnh quen thuộc của ngài trong nhiều năm phục vụ thuyền nhân Việt Nam khắp vùng Đông Nam Á. Thánh lễ an táng tại Rôma do người bạn học cùng lớp với ngài, giám mục Antonelli cai quản địa phận Florence, nước Ý, làm chủ tế cùng với hơn 50 linh mục. 20 linh mục Việt Nam tại Rôma đã tham dự thánh lễ này. Tại Nam California, Hoa Kỳ, không kể nhiều thánh lễ do cá nhân xin riêng, hai thánh lễ trọng thể cầu nguyện cho linh hồn cha Trí trong hai tuần kế tiếp đã được đông đảo cựu thuyền nhân cũng như thành viên của các phong trào Linh Thao và Đồng Hành tham dự.

Hình ảnh vui tươi giản dị, nụ cười hiền hòa, cởi mở và cách phát âm tiếng Việt đúng giọng của vị linh mục người Ý mang tên Việt Nam Đỗ Minh Trí khó phai mờ trong tâm trí những ai đã từng gặp gỡ ngài. Riêng đối với những người đã có nhiều dịp gần gũi, thì ngài quả là một vị chân tu đầy lòng bao dung, nhân ái, sống hòa mình với người nghèo khó, mang đến họ tình yêu thương và niềm vui sống. Với lòng yêu thương người Việt Nam vô hạn, ngài nhập cuộc với thuyền nhân, mang tấm lòng Bồ Tát đi từ trại tỵ nạn này đến trại tỵ nạn khác, hiến dâng tất cả để bảo vệ, an ủi, giúp đỡ kẻ khốn cùng cô thế. Ngài còn có một ý chí sắt đá của người quân tử Đông phương, quyết tâm xả thân cho việc nghĩa, cúc cung tận tụy cho đến hơi thở cuối cùng.

Ghi chú:

■ *Những người rèn luyện được sự chịu đựng kiên nhẫn, là những người kêu được tất cả thế giới này bằng anh em.*

QUÊ NHÀ, NƠI ẤY

HƯỚNG DƯƠNG

Thiệt tình mà nói thì tuy rằng tôi sinh ra ở Mỹ Tho nhưng đã theo cha mẹ tôi lên sống ở Saìgòn từ lúc mới 1 tuổi nên phải nói cho đúng tôi là dân Saìgòn chứ đâu phải là người Mỹ Tho. Ấy vậy mà tôi cứ phải khai sinh quán và quê quán của mình là . . . Mỹ Tho! Mỗi lần nhắc tới Mỹ Tho, tôi chỉ nhớ rõ nhất là . . . nhà ngoại tôi, sau đó là khu nhà lồng chợ với mấy cái quán ăn cất dọc theo mé sông. Chỉ vậy thôi; tôi chẳng biết mà cũng chẳng nhớ được gì hơn. Vậy mà sống xa xứ lâu ngày, tự dưng tôi lại thấy nhớ Saìgòn và nhớ Mỹ Tho dễ sợ! Hễ nhắc tới quê nhà là tôi lại nhớ tới hai nơi ấy . . .

Hình ảnh "quê nhà" Mỹ Tho trong tôi là một căn nhà ba gian hai chái xinh xắn của ngoại tôi nằm trên một nền gò cao ẩn khuất giữa một khoảng sân vườn rợp mát, cây trái xanh tươi. Phía trước là một cái sân vuông lát gạch tàu màu đỏ, có cái bàn thiên với lư hương nhỏ, xung quanh là đám rau và mấy bụi vạn thọ, dâm bụt và ngan ngát mùi thơm của bông dạ lý hương. Phía bên hông là hai cây cau với mấy dây trầu bà quấn quít và một cái lu đựng nước mưa uống sao mát lạnh. Bước lên ba bậc tam cấp, trước khi vào cửa là hàng hiên mà ngoại tôi thường gọi là "hàng ba" - nơi mà ngoại tôi thường nằm trên ghế bố hóng mát vào trưa hè oi ả, cũng là nơi mà ngoại thường cất thóc ban đêm sau một ngày phơi nắng. Nơi ấy, bọn nhóc tì chúng tôi thường chơi giỡn với nhau khi trời mưa, hay ngồi nghe ngoại kể chuyện đời xưa vào những ngày hè nóng bức. Gian giữa là nơi thờ phụng Phật và ông bà. Chính giữa là mấy cây cột tròn đen bóng, nhẵn thín, không đánh véc-ni hay sơn bóng gì hết mà vẫn trơn láng màu gỗ đã nhiều tuổi. Phía trên cột là những hoa văn chạm trổ cầu kỳ vừa để trang trí, vừa đỡ lấy hàng kèo mái. Chân cột là những bầu tròn bằng đá chạm khắc sắc xảo, công phu trên nền gạch tàu. Hai hàng cột này chia không gian nhà giữa thành ba gian đều nhau. Gian giữa là nơi ông ngoại hay cậu tôi tiếp khách. Hai gian bên có 2 bộ đi-văng mà bên trái là nơi ngoại tôi thường dành làm nơi tiếp chuyện mấy người bạn già. Gian phía bên phải là chỗ các dì các cậu học bài hay tiếp đãi bạn bè. Phía sau là 2 căn phòng ngủ rộng lớn mà chính giữa là một bộ ván khác để con cháu từ xa về chơi có thể nghỉ ngơi. Phiá sau cùng là cái bếp và bàn ăn với nhà tắm, cầu tiêu và vựa thóc lúa. Nơi này là chỗ gia đình tụ họp ăn uống, nhất là dịp Tết hay giỗ chạp, hoặc cưới hỏi với con cháu, họ hàng về cùng ăn, cùng làm, cùng hàn huyên thật đông vui, đầm ấm.

Mở cửa ra vườn sau là nơi ngoại tôi nuôi gà, vịt, heo và thỏ. Vườn tược um tùm bao quanh hai bên và phía sau nhà nên mấy cậu, dì tôi thường hay "nhát ma" để tôi khỏi bước ra vườn, leo trèo nguy hiểm, nhất là tránh xa cái giếng nước nhỏ. Cái giếng tròn, trên là một ống trụ tròn quấn dây thừng mà đầu dây bên dưới là một cái thùng sắt sét rỉ để kéo nước từ đáy giếng lên. Mặc dù nhà ngoại đã có nước máy dẫn vào trong nhà nhưng không hiểu tại sao ngoại vẫn muốn giữ cái "giếng cổ" này dù rêu xanh bao quanh bờ giếng. Hình như cái "giếng cổ" này có kỷ niệm gì trong đời ngoại. Thỉnh thoảng ngoại biểu tôi ra giếng để ngoại chỉ tôi cách kéo nước giếng, lấy nước rửa

mặt rồi ngoại cười hỏi tôi: "Nước giếng mát không hả, con?" Có vậy thôi. Rồi ngoại dẫn tôi ra vườn, đến bên mấy gốc cây mận, cây nhãn dọc theo mương mà hái cho tôi ăn chứ tuyệt nhiên không kể gì về chuyện căn nhà của ngoại. Một con mương nhỏ bao quanh ba mặt bên hông và phía vườn sau nhà, giáp ranh với một cái ao cá nhỏ nhìn ra mé sông với mấy cây dừa xiêm xỏa bóng. Ngoại tôi lấy mấy thân dừa bắt thành mấy chiếc cầu nhỏ tạm bợ ngang qua mương hay de ra mé sông một chút mà nhà quê thường gọi là "cầu khỉ". Dừa có lẽ là loại cây phổ biến và hữu dụng nhất ở những miền sông nước như quê tôi. Từ rễ, thân, lá đến bông, trái đều được tận dụng tối đa trong đời sống quê tôi. Dừa thường được trồng ven sông rạch vừa tạo bóng mát, vừa giúp sinh lợi, vừa tạo ra cảnh quan ven sông hết sức quyến rũ, hữu tình.

Con sông cái phía sau nhà ngoại tôi chỉ là một nhánh của sông Mekong nhưng nó là một nguồn sống, là hơi thở, là huyết mạch của biết bao người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long này. Với tôi, nó là một xa lộ êm mát, trữ tình và đầy thú vị. Mỗi khi ra ngồi hóng mát bên sông, nhìn tàu bè qua lại tấp nập, sóng nước nhấp nhô, mấy dề lục bình trôi bồng bềnh với mấy chùm hoa tim tím, phía bên kia là cồn Phụng với bến bắc Rạch Miễu, tôi lại thấy quê tôi đẹp làm sao đó. Có sống ở dưới quê thì mới biết những vui - buồn của người dân quê tôi rồi mới thấy thích làm sao cuộc sống của quê tôi, nơi ấy. Hình như trong vất vả, khốn khó, người ta mới dễ cảm thông, gắn bó với nhau hơn, mới biết thương nhau hơn, biết đùm bọc lẫn nhau hết sức tình nghĩa. Tôi cũng cảm thấy dường như những con sông đã nuôi sống con người, đã làm giàu cho quê tôi và cũng đã gắn liền với con người và quê hương tôi như một hình ảnh không thể thiếu sót. Bởi vậy, có người nói: quê ai cũng có một dòng sông - dòng sông quê hương. Ngày xưa, mỗi dịp nghỉ hè về quê ngoại, tôi thích theo cậu tôi chèo xuồng ba lá ra sông cái chơi trong gió mát, nắng ấm và sóng nước bắn tung toé hai bên lườn. Cậu tôi hát và đàn hay lắm, tôi thích nhất là khi cậu tôi hát bài "Chiều về

trên sông." Có bữa, hai cậu cháu thả lưới giăng câu, hay thả xuồng trôi bồng bềnh theo con nước. Khi về tới nhà ngoại, cậu rủ tôi cởi áo nhảy ùm xuống sông tắm cho mát, thích ơi là thích! Có hôm, cậu rủ tôi tát đìa bắt tép, bắt cá, tuy dơ nhưng vui lắm. Cái ao và con mương nhà ngoại vừa là nơi cung cấp nước để tưới cây, vừa nuôi cá, vừa là một thứ "hàng rào" mà sau này tôi đã "ứng dụng" trong thiết kế cho những ngôi nhà gần hồ, ao, biển. Cây trái hai bên mương và xung quanh ao xanh um, mát mẻ, có mùa trĩu nặng trái, thiệt là mát mắt.

Chính ngôi nhà của ngoại đã là nguồn ý tưởng dồi dào cho tôi, nhất là với kiểu kiến trúc rất đặc thù dân tộc. Có lẽ căn nhà này cũng đã gần trăm tuổi, tường vách đã nứt nẻ nhiều. Mái ngói nhà ngoại cũng đã xanh rêu nhưng ngoại chỉ thay ngói mỗi khi mưa dột thôi chứ ngoại chẳng muốn thay đổi gì ráo trọi; mặc tình mấy cậu mợ, dì dượng năn nỉ, khuyên can, hay hăm he đủ thứ. Ngoại tôi cứ muốn sống êm ả như vậy cho đến khi ngoại mất.

Bây giờ, sau bao năm sống lưu lạc nơi xứ người, khi trở về nhà ngoại, tôi vẫn thấy cậu mợ tôi sống hết sức đạm bạc trong căn nhà cũ kỹ của ngoại. Hình như cậu tôi cứ muốn sống trong kỷ niệm; mặc kệ khu chợ cũ đã xây mới và mấy hàng quán bên mé sông đã hoàn tòan thay đổi. Quê nhà, nơi

ấy thay đổi nhiều lắm, chỉ trừ vài căn nhà như căn nhà của ngoại tôi là vẫn như cũ, thậm chí đã "xuống cấp" nhiều quá và hiếm hoi như . . . thú hiếm (endangered species). Nghe đâu địa phương đã gạ gẫm cậu mợ tôi sang nhượng để đổi lấy một căn nhà khác mới hơn nhưng cậu tôi vẫn cứ khăng khăng sống trong nếp cũ của căn nhà xưa. Mỗi năm Tết đến, cậu chỉ tu sửa chút ít, quét dọn và sơn phết lại cho sạch sẽ, đàng hoàng hơn để trước là cúng ông bà, sau là đón mừng năm mới chứ tuyệt nhiên không thay đổi gì cấu trúc hay tôn tạo cho có vẻ "tân thời", "đổi mới" một chút như bao căn nhà khác ở quê tôi dạo gần đây đã làm. Nhà vốn dĩ đã cũ kỹ, ngày càng sa sút mà con người cậu tôi cũng tàn tạ theo thời gian. Cậu không những già đi nhiều mà còn gàn bướng, lạc hậu và khó tánh hơn trước. Ngoài cái tủ lạnh, tivi, radio, quạt máy và cái nồi cơm điện mới sắm, hầu như cái gì trong nhà cũng đều có thể ký gửi vào viện bảo tàng hay "trung tâm phế liệu - nôm na là "thu mua ve chai, sắt vụn, đồ cũ". Cậu giải thích với tôi là cậu không muốn bị ảnh hưởng và phụ thuộc quá nhiều vào những "thay đổi" không cần thiết, không phù hợp và không mấy "lương thiện" (?). Lạ một điều, cậu vẫn cứ thích sống như vậy dù rằng cậu là cựu học sinh giỏi của trường Nguyễn Đình Chiểu rất nổi tiếng ở Mỹ Tho, rất giỏi tiếng Tây lẫn tiếng Anh trước khi bị động viên. Tuy nhà ngoại tôi cũ kỹ, vậy mà mỗi khi bước về nhà ngoại, tôi lại có cảm giác thoải mái, nhẹ nhàng, thanh thản hơn, giữa không khí tĩnh mịch của làng quê Việt Nam sao mà êm ả, thanh bình so với sự ngột ngạt, ồn ào của đô thị văn minh, hoa lệ. Có lẽ từ mái ngói xưa, nền gạch tàu mát lạnh, trong vườn cây râm mát nơi ấy, hay vì được sống bên cạnh những con người mộc mạc, bình dị, hiền hậu mà tôi cảm thấy bớt đi cái căng thẳng và sự ngột ngạt của đô thị. Có điều là không ít người như cậu tôi đã không thể thích nghi hay chạy theo sự thay đổi của nếp sống đô thị hóa hôm nay nên dễ bất mãn và lạc lỏng giữa sự phát triển chóng mặt của xã hội thời vi tính điện tử hôm nay.

Thiệt tình mà nói, quê tôi cần được tu sửa, cải thiện nhiều lắm chứ không riêng gì căn nhà của Ngoại. Lớp già như cậu tôi rồi cũng sẽ ra đi, nhường lại cho đám trẻ đang lớn lên nhanh như thổi sẽ tiếp tục thay đổi tất yếu ở quê tôi để nơi ấy ngày một sáng sủa, tốt đẹp hơn. Chỉ mong sao những xa hoa, suy đồi, trụy lạc sẽ không làm lớp trẻ quê tôi sa đà, lạc hướng như biết bao thanh thiếu niên Thái Lan, Phi Luật Tân . . . đã phải trả giá quá đắt cho những bài học nhớ đời khi họ muốn "hội nhập" vào lối sống vật chất phương tây. Cái gì cũng có hai mặt và đều có cái giá của nó. Ở đâu cũng vậy thôi, huống hồ quê tôi còn lắm người quê mùa, học ít, nghèo khổ, chân chất, dễ tin nên cũng dễ bị lừa mị lắm.

Nếu như hình ảnh "quê nhà" Mỹ Tho trong tôi chỉ vỏn vẹn là vậy thôi thì Sàigòn trong tôi đậm nét nhất là con hẻm nhỏ dẫn vô khu cư xá Thanh Bình, gần ngã tư Xóm Gà, nằm trên đường Ngô Tùng Châu/ Gia Định đi từ Bà Chiểu về Gò Vấp với đầy ổ gà lầy lội vào mùa mưa, hay với bụi bay mịt mù trong những ngày hè nóng bức, hai bên

con hẻm là hai dãy nhà phố cất giống hệt nhau vì cùng là khu cư xá nhưng mỗi căn nhà lại được trang hoàng, tô điểm bằng những giàn hoa, cái cổng, hàng rào khác nhau, ngay cả màu vôi, nước sơn của cánh cửa, vách tường cũng khác nhau. Nơi ấy, tôi đã có những đứa bạn hàng xóm từng chơi thân với nhau, từng đi học chung với nhau, hay từng đánh lộn với nhau te tua, tơi tả. Nơi ấy, có trường Thiên Ca của mấy bà soeur dòng Phăng-xi-cô mà tôi đã lần đầu tiên đến trường, bập bẹ tập đánh vần và tự khép mình vào một thứ khuôn khổ kỷ luật rất nề nếp. Hình ảnh của trường luôn ghi khắc trong tôi, nhất là hai cây phượng vỹ trong sân trường thường nở đầy hoa đỏ tươi vào mùa hè trong tiếng ve kêu inh ỏi. Khu phố nơi ấy tuy nhỏ hẹp nhưng chất chứa đầy ắp kỷ niệm cả một quãng đời niên thiếu của tôi.

Nơi ấy, tôi nhớ nhất là những tiếng rao: từ tiếng rao lảnh lót của bà bán bún riêu buổi sáng đến tiếng rao "đặc biệt" của chị mua ve chai vào buổi trưa, hay của chị bán chè vào buổi chiều; hoặc với tiếng gỏ lóc cóc vào lúc chiều tối của chú Chệt bên cạnh chiếc xe mì với những tô "xí quách" hấp dẫn . . . Với tôi, những hình ảnh và tiếng rao hàng đó là cả một "nghệ thuật" rất bình dân nhưng đã đi vào tiềm thức của tôi, gieo vào lòng tôi một hình ảnh rất đặc biệt của quê nhà, một âm thanh khó có thể nào quên để thấm dần vào máu thịt, tim óc . . . Lớn lên một chút, Sàigòn của tôi là trường Lê Quý Đôn, là con đường Trần Quý Cáp với hàng me cao rợp mát mà tôi chỉ kịp nhận biết cái đẹp của con đường này khi lần đầu biết . . . yêu và cùng "người yêu" đạp xe về nhà sau khi tan trường; là hồ Con Rùa với những xe bán nước dừa tươi và cũng là nơi hò hẹn của biết bao cặp tình nhân; là sân Hoa Lư với món bò bía và những ly nước mía dâu hấp dẫn sau những trận banh hào hứng của những "cầu thủ tí hon" lớp tôi; là tiệm cơm tấm trên đường Hiền Vương mà ba tôi thường ghé ăn sáng; hay mấy tiệm phở trên đường Pasteur mà gia đình tôi thường ghé ăn khuya. Có những ngôi trường, con đường, quán ăn, chợ hay tiệm . . . đã trở thành những địa danh quen thuộc của Saigon mà người ta không thể nào quên. Chẳng hạn, trường Gia Long, Pétrus Ký, Lê Quý Đôn . . . , hay Dinh Độc Lập, Sở Thú, Bến Bạch Đằng, đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo . . .; chợ Bến Thành, chợ Bà Chiểu, chợ Bình Tây . . . Có những kỷ niệm khó có thể quên ở đập Ông Nhiêu & Bưng Sáu Xã trong những ngày lao động thuỷ lợi, quán cơm sinh viên ở trường Sư Phạm, những ly càphê rang trộn với bắp tẩm chút bơ ở các quán vĩa hè, những cốc bia hơi nhậu với cóc hay ba khía cho quên bớt sầu lo . . . Hình như người Việt Nam rất giàu tình cảm, thích sống với kỷ niệm, thích ăn uống, thích giao du trò chuyện nên biết bao hàng quán, con đường, ngõ phố . . . thân quen đã chất chứa biết bao kỷ niệm trong hồi ức từng người Việt. Xa Sàigòn càng lâu mới thấy càng nhớ và thương hơn từng con đường, ngõ phố, hàng quán, ngôi trường xưa, căn nhà cũ . . . Hễ gặp nhau nơi xứ lạ, quê người là người Việt lại nhắc nhớ nhau về những con đường, ngõ phố, hàng quán, những ngôi trường xưa, những con người cũ . . . Xưa & nay cứ quyện lẫn trong nhau.

Quê nhà của tôi hôm nay không chỉ là căn nhà của ngoại tôi ở Mỹ Tho, hay là đường phố Saigon hoa lệ, tấp nập, ồn ào . . . mà nơi ấy là đất nước Việt Nam bây giờ đã xa nhiều lắm, không chỉ xa về địa lý mà xa cả trong cách nghĩ suy của từng con người Việt Nam hôm nay. Những hình ảnh, âm thanh ngày xưa dường như vẫn còn lẩn quẩn đâu đây. Thực tế cảnh cũ, ngày xưa không còn nữa. Nay thay đổi nhiều rồi. Có cái tốt hơn, có cái tệ hơn, song quy luật tạo hóa bắt buộc mọi thứ phải luôn thay đổi để tồn tại và phát triển; hay phải bị đào thải hoặc huỷ diệt. Khi mới tập tễnh bước vào sân chơi rộng lớn hơn, ai cũng có những

bỡ ngỡ, va vấp, sai lầm. Điều quan trọng là làm sao có thể chơi với người ta mà không bị chèn ép, bắt nạt, ăn hiếp, ăn gian, lừa gạt quá đáng và sự chịu đựng nào cũng không thể quá mức được. Quê nhà, nơi ấy vẫn có biết bao người đang cuốn hút vào trò chơi, có kẻ càng chơi càng khá, có người phân vân lưỡng lự, cũng có không ít "nạn nhân" đã vội bỏ cuộc, vấp ngã hay thậm chí mất mạng để đổi lấy những bài học nhớ đời.

Quê nhà, nơi ấy vẫn có biết bao kẻ tự xưng là Việt Kiều về nước để gạt gẫm, lừa bịp, hưởng thụ trên sự nghèo khổ, nông cạn của người ở lại; cũng có không ít kẻ đã phải "bỏ của chạy lấy thân" trong đau đớn, tức giận, nhục nhã và cũng có những người âm thầm trở về quê nhà chỉ để làm một chút gì cho kẻ khốn cùng ở quê nhà mà không một chút tự tư tự lợi. Ở đâu cũng vậy: có người tốt và kẻ xấu, có thằng gian manh và có người lương thiện; không chỉ nơi ấy, quê nhà mới có những xấu xa, phức tạp, đảo điên không lường. Thời gian rồi cũng sẽ giúp mọi người có thể nhìn ra đâu là sự thật, là lẽ công bằng, là sự lương thiện, ai là người tốt & kẻ xấu, cái cũ nào không tốt cần bỏ đi, cái hay nào phải giữ lại, cái mới nào cần học hỏi và phổ biến rộng rãi vì ai cũng có trái tim & khối óc, có mắt để nhìn, có tai để nghe và sẽ có lúc phải lên tiếng để tranh đấu cho quyền lợi chính mình. Ngày ấy là cái ngày mà quê nhà tôi sẽ đổi mới thật sự để Việt Nam thật sự cất cánh. Kẻ đi xa, người ở lại đều có bổn phận và quyền lợi như nhau trong việc gìn giữ và phát triển đất nước, đều cần có lòng yêu quê hương để chia sẻ trách nhiệm với tiền đồ dân tộc.

thơ

MÙA THU VÀ EM

Lần đầu gặp em vào mùa Thu
Khi xếp hàng dài để cùng ghi danh học
Tôi đã già. Em lại còn quá trẻ
Tôi xa nhà đã lâu. Em lại mới qua Mỹ.
Ta chỉ mới tình cờ gặp nhau
Tưởng chừng như tri kỷ.

Mùa Thu kế tiếp.
Em vẫn ghi danh học mà tôi lại xin nghỉ
Tôi bận kiếm cơm
Em cứ miệt mài chăm chỉ
Thế rồi em và tôi không còn học chung một lớp
Nhưng chúng ta vẫn là bạn tri kỷ.

Mùa Thu sau rồi mùa Thu sau nữa
Thoáng chốc em và tôi đã không còn gặp nhau
Đi qua trường xưa tôi chỉ mong kiếm tìm
bóng hình em như dạo ấy
Có lẽ Em sẽ không còn ở đó vào mùa Thu tới nữa
Chỉ có những chiếc lá vàng khô xào xạc trên sân
Và tôi lại đứng đây một mình ghi danh học tiếp
Đến bao giờ mới có thể đuổi kịp em đây?
Đến mùa Thu nào tôi mới gặp lại tri kỷ ?
Ơi mùa Thu đi
Đến bao giờ mùa Thu trở lại ?

Hướng Dương (5/2003)

Nói nào ngay, xa quê nhà rồi người ta mới thấy nhớ, mới biết thương quê nhà nhiều hơn chứ lúc sống trên quê hương thì đâu mấy ai hiểu được thế nào là yêu quê hương, là nhớ về gia đình còn ở nơi ấy, quê nhà. Khi trở lại nơi ấy thì mới chưng hửng mà bừng tỉnh khi thấy quê nhà hôm nay thay đổi thật nhiều. Người ta cứ muốn sống lại những hình ảnh của một thời nào đó; cho dù cảnh vật và con người ở đâu cũng phải luôn đổi thay từng giờ từng phút, không thể tồn tại bất di bất dịch.

Dân Sàigòn, cảnh Sàigòn, những món ăn, những kỷ niệm vẫn khiến tôi luôn gắn bó với Sàigòn, vẫn khiến tôi luôn trăn trở; dẫu cho quê nhà, nơi ấy đã không còn coi tôi là "người Sàigòn" nữa rồi. Người ta bảo tôi là "Việt Kiều" - một danh xưng mà tôi ghét thậm tệ giống như cái tên gọi "Con Ngụy" khi tôi bị gán ghép vào những năm sau 30/4/1975. Hình như tôi đã là kẻ xa lạ với chính quê hương tôi và đồng bào tôi; cho dù tôi vẫn không hề hợm hĩnh, khoe khoang như bao "Việt Kiều" khác khi về thăm quê tôi. Cứ mỗi lần về thăm quê nhà, tôi lại về thăm đường phố Sàigòn, về lại căn nhà của ngoại tôi như tìm về kỷ niệm của một quá khứ đã qua, tìm lại không khí của ngày nào . . . Dẫu tôi biết chắc chắn là sẽ không bao giờ tìm lại được "ngày xưa Hoàng Thị" nữa nhưng sao lòng tôi vẫn cứ vấn vương, lưu luyến . . . về ngày xưa; vẫn băn khoăn, trăn trở với những điều chưa hay, chưa tốt hôm nay của đồng bào tôi ở quê nhà, nơi ấy hiện nay.

Dù thế nào đi nữa, tôi biết tôi vẫn là một người Việt với một con tim và biết bao suy nghĩ về Quê nhà, nơi ấy - bây giờ ra sao bạn nhỉ?

■ *Những kẻ nào từng trải trong đời, giữa cái sống và sự chết, sẽ đạt tới thành công lớn lao.*

Tin Buồn

Ban Phụ Trách LTAHCC xin thông báo cùng toàn thể AH gia đình Công Chánh những tin buồn nhận được sau đây:

* Nhạc mẫu của AH Nguyễn Viết Cường (Reseda/Cali) là Cụ Bà **Vũ thị Ngọ**, đã tạ thế ngày 24 tháng 9 năm 2002 tại California, hưởng thọ 73 tuổi.
* Thân mẫu của AH Trần đức Thuần (Hayward/Cali) là Cụ bà Trần kim Tinh, khuê danh là **Công Tằng Tôn Nữ Thị Thảo**, đã qui tiên ngày 28 tháng 12 năm 2002 tại California, hưởng thọ 92 tuổi.
* AH **Tạ Huyến** (Fremont/Cali), Pháp danh **Thiện Giác**, đã từ trần ngày 15 tháng Giêng năm 2003 tại California, hưởng thọ 86 tuổi.
* Nhạc phụ của AH Dư Thích (North Potomac/Maryland) là Cụ Ông **Nguyễn văn Tiền**, đã từ trần ngày 23 tháng 2 năm 2003 tại Gia Định, hưởng thọ 84 tuổi.
* AH **Nghiêm Phú Cần** cựu nhân viên Bộ Công Chánh đã mãn phần tại Orange County, hưởng thọ 85 tuổi.
* Thân phụ của AH Bùi Giao Giã (Caltrans District 12) là Cụ **Bùi Vinh**, đã tạ thế tháng 3 năm 2003, hưởng thọ 71 tuổi.
* AH KTS **Hồ Đắc Cáo** đã từ trần ngày 14 tháng 3 năm 2003 tại Pháp, hưởng thọ 95 tuổi.
* Hiền nội AH Nguyễn văn Ngân là bà **Vũ thị Chung**, đã mệnh chung ngày 18 tháng 3 năm 2003 tại Fremont/California, hưởng thọ 83 tuổi.
* AH **Nguyễn văn Định** (Hayward/Cali) đã từ trần ngày 23 tháng 3 năm 2003 tại California, hưởng thọ 69 tuổi.
* Thân mẫu của AH Ngô Anh Tề là Cụ Bà Quả Phụ Ngô Huy Trinh**,** Nhũ danh **Lê thị Bé** đã thất lộc ngày mồng 3 tháng 5 năm 2003 tại Simi Valley/ California, hưởng thọ 79 tuổi.
* Thân mẫu của AH Nguyễn Mạnh Quyên/Toronto là Cụ Bà Nguyễn Tuyên, Nhũ danh **Vũ thị Hội,** pháp danh **Diệu Đăng**, đã tạ thế ngày mồng 1 tháng 4 năm 2003 (tức là 30 tháng 2 năm Quí Mùi) tại Nam California(Hoa Kỳ), hưởng thọ 86 tuổi.
* Thân mẫu của AH Lê Kim Thắng, Lê Kim Lợi và Lê Kim Cúc, Cụ Bà Lê Kim Thái, nhũ danh **Công Tằng Tôn Nữ Thị Nga**, pháp danh **Nguyên Thủy**, đã tạ thế tại Huế, Thừa Thiên, thọ 89 tuổi.
* Thân phụ AH Nguyễn Quang Cách là Cụ **Nguyễn Quang Duyệt,** tạ thế ngày 14-3-2003 tại Thừa Thiên, Huế, hưởng thọ 83 tuổi.
* Thân mẫu AH Trần Hữu Tất và cũng là Nhạc mẫu AH Lê Ngọc Diệp là Cụ Bà **Nguyễn thị Tỵ**, tạ thế ngày 1-11-2002, tại Union City, California, thọ 100 tuổi.
* AH **Nguyễn Danh Vang**, KSCC khóa 1957, chú ruột của AH Nguyễn Trần Đạt Caltrans Dist. 7, đã mãn phần tại Dallas, Texas, thọ 66 tuổi.
* Hiền Nội AH Lê văn Lắm, nhũ danh **Đỗ thị Quyền**, tên Thánh **Martha**, đã từ trần ngày 13 tháng 6 năm 2003 tại Pháp Quốc, hưởng thọ 77 tuổi.

BPTLT/AHCC cùng toàn thể AHCC khắp năm châu xin chia buồn cùng quý tang quyến có người thân qua đời, và thành kính cầu nguyện hương hồn các vị quá cố được về cõi an lành.

KHÓC BẠN NGUYỄN VĂN ĐỊNH

Kính thưa gia quyến anh chị Nguyễn Văn Định
Kính thưa quan khách
Kính thưa các bạn

Hôm nay tôi xin đại diện một số bạn bè để nói vài lời chia buồn cùng gia đình anh chị Nguyễn văn Định và vài lời vĩnh biệt người bạn rất thân thiết của chúng tôi đã ra đi.

Định ơi, Đinh ra đi, Thiều và một số bạn thân đã khóc. Nhưng đã có nhiều lần chúng ta ngồi cùng nhau bàn Triết Lý cuộc sống, và chúng ta đã đồng ý là giả từ cuộc đời này cũng chỉ là sự cởi bỏ hành trang khi nó không còn thích hợp nữa. Định đã áp dụng điều đó và ra đi thoải mái, nhẹ nhàng dù căn bệnh có là gì đi nữa.

Hành trang Định rất nhiều, sự nghiệp Định đầy vơi, gia đình Định tốt đẹp, nhưng Thiều không nhắc đến nữa vì Định đã quyết như vậy, đã quyết từ bỏ hành trang của cuộc đời này, Thiều chỉ còn nhớ Định có nói thích bốn câu thơ của Thiều đăng trên Lá Thư Ái Hữu Công Chánh, thì đây Thiều nối tiếp mấy vần thơ đó thành bài thơ Thiều đọc ngày hôm nay để tiễn đưa hương hồn bạn về miền cực lạc.

Sau đây là bài thơ:

Trải mấy độ hoàng hôn nhường nguyệt lạnh
Đã bao lần trăng giải buốt ngàn khơi
Với bao nhiêu xác lá rụng lưng đồi
Và dòng nước đã bao triều lên xuống

Bao cuộc hưng vong, chuyện đời thay đổi
Bạn vẫn còn sống mãi giữa lòng ta
Dẫu rong chơi tiên cảnh dưới trăng ngà
Ôm kỷ niệm đầy vơi miền cố quận

Quê anh đó, sông Hương buồn quanh quẩn
Cồn Dã Viên, bờ Kẽ Vạn chợ chiều
Chuyến đò ngang, bến Thừa Phủ phiêu diêu
Trường Quốc Học với hành trang trĩu nặng

Bạn về Nam, miền Cửu Long trải nắng
Luá An-Giang thơm ngát bến Ninh Kiều
Dừa Bến Tre thấm ngọt giữa niềm yêu
Ngày tháng đẹp chẳng bao giờ xa cách

Bụi trần thế không học nhờ trang sách
Đến rồi đi đâu phải chuyện u sầu
Nước mắt rơi sao gạt hết thương đau
Vì cuộc sống chỉ nằm trong bể khổ

Trút bỏ hành trang, ta cùng vũ trụ
Nhịp cung đàn rung cảm nỗi bao la
Bạn cũng như ta thở mối chan hoà
Và vẫn sống trong lòng người thương mến.

TÔN THẤT THIỀU
(22/3/2003)

DANH SÁCH
ÁI HỮU CÔNG CHÁNH VÀ THÂN HỮU

cập nhật đến ngày 1 tháng 7 năm 2003

do AH Lê Hữu Khâm phụ trách